

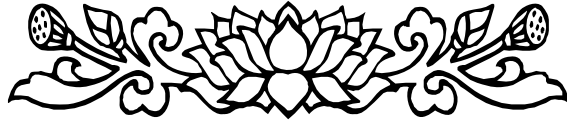


TRÍ TÌNH TOÀN TẬP

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Hán dịch: Pháp sư Cưu-ma-la-thập

Việt dịch: HT. Thích Trí Tịnh



KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

TRỌN BỘ 3 QUYỂN - QUYỂN 1



NHÀ XUẤT BẢN THỜI ĐẠI

BAN CHỨNG MINH

Hòa thượng Thích Từ Nhơn

Hòa thượng Thích Thanh Từ

Hòa thượng Thích Tác An

Hòa thượng Thích Hiền Tu

Hòa thượng Thích Viên Giác

Hòa thượng Thích Trí Quảng

Hòa thượng Thích Như Niệm

Hòa thượng Thích Tịnh Hạnh

Hòa thượng Thích Giác Toàn

Hòa thượng Thích Nhật Quang (*Chùa Ân Quang - Q. 10*).

BAN CỐ VẤN

Hòa thượng Thích Chơn Lạc

Hòa thượng Thích Thiện Nhơn

Hòa thượng Thích Nhật Quang (*TV. Thường Chiếu*)

Hòa thượng Thích Minh Cảnh

Hòa thượng Thích Minh Thông

Hòa thượng Thích Thiện Pháp

Hòa thượng Thích Hoàng Đức

Hòa thượng Thích Tấn Lãnh

Hòa thượng Thích Hoàng Thông

Hòa thượng Thích Minh Tùy

Thượng tọa Thích Chân Tính

Thượng tọa Thích Đồng Bản

Thượng tọa Thích Minh Duyên

Thượng tọa Thích Hoàng Kiên.

BAN BIÊN TẬP

Trưởng ban: Thượng tọa Thích Hoằng Tri

Phó ban: Thượng tọa Thích Hoằng Chí

Phó ban: Đại đức Thích Hoằng Thạnh.

BAN THỰC HIỆN

Đại đức Thích Pháp Đăng (*Trưởng ban*)

Thượng tọa Thích Thiện Xuân

Thượng tọa Thích Hoằng Vi

Đại đức Thích Hoằng Tín

Đại đức Thích Hoằng Đạt

Đại đức Thích Hoằng Xung

Đại đức Thích Hoằng Thường

Đại đức Thích Minh Thành

Đại đức Thích Hoằng Hiên

Đại đức Thích Hoằng Nhiệm

Đại đức Thích Hoằng Phước

Đại đức Thích Hoằng Lập

Sa-di Thích Tâm Chánh

Phật tử Hoằng Ân

Phật tử Hoằng Tôn

Phật tử Thanh Tiên

Phật tử Thanh Tựu

Phật tử Diệu Tịnh.

TÁN DƯƠNG CÔNG ĐỨC

Hôm nay, chúng ta có phúc duyên chiêm ngưỡng bộ *Trí Tịnh Toàn Tập*, một tuyển tập kinh, luật, luận trong Tam Tạng giáo điển của Phật giáo, được HT. Thích Trí Tịnh gia tâm nghiên cứu và diễn dịch ra chữ Việt để cho tăng, ni, Phật tử dễ dàng trong việc tu học và đọc tụng.

Lần đầu tiên, chúng ta có được một toàn tập kinh, luật, luận lớn lao và quan trọng của Phật giáo Việt Nam. *Trí Tịnh Toàn Tập* là sự diễn dịch chuẩn mực với thâm tâm và ngòi bút linh hoạt, Hòa thượng Trí Tịnh đem đến cho chúng ta một sự hiểu biết sâu rộng đối với Phật pháp, mà *Trí Tịnh Toàn Tập* là sự hướng dẫn quan trọng cho tứ chúng trên bước đường tu hành.

Kinh giáo là kim chỉ nam cho người con Phật, nên sự diễn dịch giáo điển phải là bậc cao tăng thạc học thì mới đem lại sự kính ngưỡng tiếp nhận, và càng được thêm lợi ích với công đức và đạo hạnh của dịch giả, nên *Trí Tịnh Toàn Tập* là phúc duyên của Phật giáo Việt Nam và cho tăng, ni, Phật tử.

Sự hiện diện của *Trí Tịnh Toàn Tập* là sắc đẹp và hương thơm trong vườn hoa đạo, làm cho giáo lý của Phật pháp càng thêm rực rỡ và ngào ngạt, khiến cho tăng, ni và Phật tử tha thiết muốn phổ biến rộng rãi các kinh, luật, luận của Hòa thượng đã diễn dịch, nên câu hội và đề xuất *Trí Tịnh Toàn Tập* để huân triêm lợi lạc cho đại chúng hiện tại và lâu mãi về sau, nên bộ *Trí Tịnh Toàn Tập* xuất hiện.

Tôi trân trọng tán dương công đức *Trí Tịnh Toàn Tập* với tứ chúng và mong tăng, ni, Phật tử được ân triêm lợi lạc rộng lớn trên bước đường tu hành.

*Việt Nam Quốc Tự
HT. Thích Từ Nhơn*

LỜI KHẢI BẠCH

Kính bạch chư tôn Hòa thượng, chư Thượng tọa, Đại đức Tăng Ni!

Kính thưa Phật tử trong và ngoài nước!

Suốt cuộc đời hành đạo của Hòa thượng Tôn Sư là một sự nghiệp vĩ đại: dịch kinh, giảng kinh và tụng kinh. Kinh của Ngài dịch là những bộ kinh lớn quan trọng của Phật giáo Đại thừa, cương yếu lập tông của các Tông phái. Về giảng kinh thì phần đông chư tôn Hòa thượng, Thượng tọa, Ni trưởng, Ni sư qua các trường lớp Phật học ngày trước đều thọ nhận sự giáo dưỡng của Ngài. Về tụng kinh thì Ngài dạy phải thuộc lòng kinh thì mới gọi là tụng kinh. Khi mới vào chùa, Ngài rất siêng năng tụng niệm. Ngoài các thời khóa quy định, Ngài còn tụng thêm ở thất riêng. Thích kinh nào là học thuộc lòng kinh đó và tụng niệm thường xuyên. Khi về Trường Phật Học Liên Hải, mỗi sáng sớm Ngài đều trì kinh *Pháp Hoa* trọn bộ, trì xong mới dùng sáng. Về sau, Ngài giữ thời khóa nhất định: mỗi ngày đều tụng kinh *Phổ Hiền*, bài kệ phẩm *Phương Tiện* trong kinh *Pháp Hoa*, kinh *Kim Cang*, kinh *Phổ Môn*, kinh *A-di-đà* và cuối cùng là niệm Phật hồi hướng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc. Bây giờ, sức yếu, Ngài chỉ tụng thầm. Tụng thầm mà vẫn thuộc thì sự nhiếp tâm rất cao.

Trước tấm gương vĩ đại đó, chúng con thật lấy làm hổ thẹn. Về ba phương diện trên, chúng con chưa có phần nào tương ứng. Nay Hòa thượng Tôn Sư tuổi hạc đã cao, sức khỏe mỗi ngày một yếu, thế mà chúng con chưa làm được gì để gọi là “tri ân báo ân” đối với sự nghiệp của Ngài.

Chúng con từng nghe:

*Nhạn bay ngang trời
Bóng chìm đầm lạnh
Nhạn không có ý để lại dấu tích
Nước không có ý lưu giữ bóng hình.*

Dù biết phù sinh hư ảo, vạn vật vô thường, song trước ân đức vô bờ của Hòa thượng Tôn Sư, chúng con cũng muốn lưu lại chút dư âm trong một đời tu học và hành đạo của Ngài, nhằm lợi lạc quần sanh. Thế nên, chúng con bèn họp đại chúng, cùng nhau thỉnh chư Tôn túc chỉ dạy để chúng con thực hiện bộ *Trí Tịnh Toàn Tập*, hầu ghi lại dấu ấn vàng son trong một đời hoằng hóa của Ngài. Tuy muộn màng nhưng vẫn còn kịp lúc. Trí huệ của Ngài vẫn còn sáng suốt để giải đáp những điều thắc mắc trong khi chúng con thực hiện công trình này. Mong rằng, bộ *Toàn Tập* này sẽ đem lại lợi ích lớn cho Phật giáo Việt Nam, cũng như cho Tăng Ni, Phật tử trong và ngoài nước.

Nguyện cầu Tam Bảo gia hộ cho Hòa thượng Tôn Sư trụ thế dài lâu để chúng con còn nhờ ân giáo dưỡng và cũng mong ân Tam Bảo gia hộ cho chúng con được đầy đủ thắng duyên thực hiện hoàn mãn bộ *Toàn Tập* này, để tỏ lòng tri ân báo ân Hòa thượng Tôn Sư trước khi Ngài về Phật.

Chúng con xin tri ân chư Tôn túc Hòa thượng, Thượng tọa đã sách tấn, động viên, cố vấn, hướng dẫn chúng con trong quá trình thực hiện.

Chúng tôi cũng xin tri ân đến tất cả huynh đệ Tăng Ni, Phật tử trong Ban Biên tập đã dốc lòng, dốc sức làm việc để sớm hoàn chỉnh từng bộ, đưa vào in ấn.

Chúng tôi cũng không quên ghi nhận công đức của chư Tôn đức Tăng Ni, Phật tử đã cúng dường tịnh tài để chúng tôi đầy đủ phương tiện thực hiện công trình.

Xin nhất tâm tùy hỉ trước mọi tấm lòng hướng về việc làm đầy ý nghĩa này. Trong lúc thực hiện không tránh khỏi những sơ sót, kính mong chư Tôn đức khắp mười phương niệm tình chỉ dạy cho.

Chùa Vạn Đức, ngày 19/02 Tân Mão (28/03/2011)

TM. Ban Biên tập

Tỳ-kheo Thích Hoằng Tri

*

TIỂU SỬ HÒA THƯỢNG THÍCH TRÍ TỊNH

Hòa thượng pháp danh Thiện Chánh, tự Trí Tịnh, pháp hiệu Hân Tịnh, húy Nhựt Bình, thuộc dòng Lâm Tế Gia Phổ đời thứ 41. Là đệ tử của Hòa thượng: *thượng* Thiện *hạ* Quang, khai sơn chùa Vạn Linh ở núi Cẩm, Châu Đốc. Hòa thượng thế danh Nguyễn Văn Bình, sanh ngày 17 tháng 10 năm 1917 (02/09 Đinh Ty), tại xã Mỹ An Hưng (Cái Tàu Thượng), huyện Châu Thành, tỉnh Sa Đéc (Đồng Tháp), là con út trong gia đình có sáu anh chị em.

Thân phụ Ngài là ông Nguyễn Văn Cân, một nông dân chon chất. Cụ ông qua đời lúc Hòa thượng mới lên ba tuổi. Thân mẫu là bà Nguyễn Thị Truyện, mất lúc Hòa thượng vừa được bảy tuổi. Vì mồ côi cả cha lẫn mẹ quá sớm, nên Hòa thượng ở với người anh thứ ba là ông Nguyễn Văn Đăng (nay đã qua đời). Hòa thượng có ba chị gái: thứ hai, thứ năm và thứ sáu. Người thứ tư thì mất sớm.

Đến năm 10 tuổi, Hòa thượng mới vào học lớp năm (thời đó, lớp năm là lớp thấp nhất). Hòa thượng rất thông minh, vừa học vừa dạy lại các cháu. Ban đêm còn đọc truyện Tàu cho mọi người nghe. Một ngày nọ, nhân thấy người hàng xóm bắt chim dòng dọc đem về nhổ lông rồi nướng ăn. Nhìn sự đau đớn của con vật trước khi chết, trong lòng Hòa thượng xót thương vô cùng, từ đó bèn phát tâm ăn chay trường. Trong nhà có người hỏi thì chỉ trả lời là không ăn mặn được. Lúc chơi đùa với lũ trẻ cùng trang lứa trong xóm, thấy các bạn lấy dàn ná bắn chim thì Hòa thượng đuổi cho nó bay đi, dù cho chúng bạn có chê cười, trách mắng, cũng không bận lòng.

Năm 15 tuổi, Hòa thượng học đến lớp đệ thất, rồi sang học chữ Nho với người chú và học thuốc Bắc với người anh họ.

Hòa thượng thấy cảnh lục đục của gia đình anh chị nên có ý xuất ly thế tục. Từ đây, Hòa thượng bắt đầu tìm hiểu đến các tôn giáo như Cao Đài, Thông Thiên Học v.v... và đặc biệt quan tâm đến Phật giáo, vì chủ thuyết của các tôn giáo kia có nhiều điểm Hòa thượng không thỏa mãn. Nhân duyên đọc được quyển *Tây Phương Trục Chi*, từ đó, Hòa thượng âm thầm tập niệm Phật, trì chú vãng sanh, gởi lòng mình về cõi Tây Phương Tịnh Độ. Mỗi ngày, Hòa thượng lấy quyển sách thuộc Bắc của người anh cầm trên tay, xem như đang đọc sách nhưng Hòa thượng đang âm thầm niệm Phật: hễ niệm đủ 100 câu Phật hiệu thì lật qua một trang. Ngài đến các chùa, đa số thấy quý thầy chú trọng về việc làm đồ mã, cúng bái, đi đám; trên bàn thờ thì tối om, thờ nhiều tượng, tượng nào cũng đội khăn đỏ trông phát sợ nên không có cảm tình lắm. Hòa thượng cho rằng, các vị cao tăng có lẽ ẩn dật nơi non cao núi thẳm, nên có ý hoài vọng các chùa trên núi.

Năm 18 tuổi, Hòa thượng thấy có một ông lão, bảo rằng: “Con có căn tu, phải cần tìm thầy học đạo thì sẽ được như trong sách ước”. Ông còn bảo thêm: “Chùng nào cạp chết, rắn mới về non”. (Hòa thượng tuổi Ty).

Năm 1937, lúc Hòa thượng 21 tuổi, cùng người bạn lên Sài Gòn lập nghiệp, ở chung nhà trọ. Nhà ấy có một người đi chơi ở Tây Ninh về mua được một con cạp con, đem về nuôi được chín, mười ngày thì nó chết. Ứng điềm chiêm bao, Hòa thượng liền thu xếp tìm đường xuất gia. Trước đó, tuy đã có ý định xuất thế cho sớm nhưng còn người chị thứ sáu chưa lập gia đình, nên không nỡ bỏ đi. Nay bà chị đã yên bề gia thất, Hòa thượng yên tâm ra đi, để lại cho các anh chị mỗi người một lá thư và một tấm hình.

Hòa thượng đi thẳng lên núi Cấm, vì trước đã nghe có nhiều vị chân tu trên núi ấy. Vừa đến chân núi, vì quá vui mừng nên quăng cả giày dép. Hòa thượng nhảy từ tảng đá này

qua tảng đá khác và nguyện ghé lại ngôi chùa nào trước thì sẽ xuất gia ở đó, dù chưa biết chùa đó tên gì, trụ trì là ai. Và rồi nhân duyên đưa Ngài đến ngôi chùa Vạn Linh, là một ngôi chùa ở xa và cao nhất. Hòa thượng vào chùa xin xuất gia. Lúc đó, Hòa thượng Trụ trì không có ở trong chùa mà ở thất riêng ngoài bìa rừng, chỉ khi nào có việc thì sau giờ Tịnh độ mới vào dạy bảo tăng chúng ít lời. Hôm ấy là tối 14 tháng 02 Đinh Sửu, ngày sám hối giữa tháng. Sau giờ sám hối, chúng ra thưa, Hòa thượng Trụ trì vào. Hòa thượng Trụ trì nhìn sững Hòa thượng hồi lâu rồi mới nói rồi mới nói với đại chúng: “Bay đừng khinh thường tăng này. Đời trước nó đã làm Hòa thượng, đời nay nó cũng làm Hòa thượng, nhưng vì có tội hay nhìn con gái nên đời này bị bệnh mất suốt đời”. Thế là hôm sau, Hòa thượng được thể phát vào ngày vía Phật nhập Niết-bàn.

Sau khi xuất gia, Hòa thượng lãnh việc viết sớ điệp. Hòa thượng Trụ trì cho Ngài ở cái thất nhỏ trong vườn chùa. Ngoài các việc và thời khóa trong chùa, Hòa thượng còn ra thất tụng kinh và làm bốn phận hết sức cần mẫn. Ngài hành khổ hạnh như nhịn ăn, ít ngủ, đến đời Hòa thượng Trụ trì phải cảnh cáo.

Nhân đọc được tạp chí *Từ Bi Âm*, Hòa thượng phát khởi ý nguyện học rộng Phật pháp. Cuối năm 1939, Hòa thượng xin phép Hòa thượng Trụ trì xuống núi về Sài Gòn để tìm học kinh luật.

Về đến Sài Gòn, Hòa thượng cùng thầy Thiện Phước ra núi Thị Vải tìm chỗ thích hợp để cất thất. Sau cùng, tìm được một điểm tương đối tốt gần chùa Tổ (nay là Linh Sơn Bửu Thiên). Trong chùa có cho mượn dụng cụ đốn cây và dẫn nước về. Thời gian đó chưa có ai ở nhiều, nên sơn lam chướng khí rất nặng. Vì thế, chẳng mấy hôm, Hòa thượng và thầy Thiện Phước đều bị bệnh sốt rét, lên cữ từng cơn. Thấy không kham nổi nên hai người đồng xuống chân núi. Thầy Thiện Phước thì tá túc nơi am của bà Năm, Hòa thượng thì tá túc nơi

hang đá của bà Bảy. Vài hôm sau, thầy Thiện Phước tịch. Hòa thượng bèn về Sài Gòn tá túc ở chùa Tịnh Độ, Gò Vấp. Chùa này do ông Tư Lành làm xếp ga xây dựng lên. Nhà ông ở phía trước, chùa xây phía sau, có thỉnh quý thầy để trụ trì. Hòa thượng đến bệnh viện Sài Gòn để điều trị, nhưng cũng chẳng thuyên giảm. Thấy vậy, Ngài tự nguyện với lòng: “Có chết như huynh Thiện Phước cũng chẳng sao”. Thế nên, không quan tâm đến việc trị bệnh nữa mà phát tâm biên chép kinh *Pháp Hoa*. Có một Phật tử biết tâm nguyện của Hòa thượng, giúp tìm mua giấy mực. Đến ngày 14 tháng 10 là biên chép xong. Đúng hôm ấy, trong khi gởi để đóng lại thành quyển, chưa đem về thì có ông Mười là bổn đạo trong chùa đến nói với Hòa thượng: “Tôi biết có ông thầy kia trị bệnh sốt rét hay lắm, để tôi đưa huynh đến đó xem sao!”.

Ông bèn lấy xe đạp chở Hòa thượng đến đó. Ông thầy thuốc không có nhà riêng, ở đậu nhà người ta mà làm thuốc. Sau khi hỏi bệnh trạng và giờ lên cũ, ông nói bệnh nặng lắm vì lên cũ khuya. Ông vào nhà sau, một lúc đem ra cục thuốc để trên miếng giấy, quan sát thì Hòa thượng biết có ốt và tối đậm chung. Ông bảo trước khi lên cũ nửa tiếng, lấy tay mặt với ra sau lưng, từ trên cổ lằn xuống hết ngón tay giữa chấm chỗ nào thì đó là huyết cao quan, lấy cục thuốc ịn vào đó (cục thuốc được để trên miếng giấy mỏng chừng 3 ngón tay), rồi cứ ngồi ngay ngắn chờ. Hòa thượng về làm y như vậy. Nửa tiếng sau khi ịn cục thuốc, cơn sốt rét bắt đầu kéo đến. Như mọi lần, nó bắt đầu từ xương khu quặt lên như con rắn bò, đến cục thuốc nó dừng lại và quặt vòng quanh đó dữ lắm rồi lại ngưng, làm như vậy ba lần rồi ngưng luôn. Từ đó căn bệnh sốt rét dứt hẳn.

Sau khi hết bệnh, Hòa thượng ở lại chùa đó một thời gian ngắn. Về sau, có người em gái họ đã xuất gia ghé thăm, pháp danh là Diệu Trí. Cô ấy có khoe với Hòa thượng là được học kinh này kinh nọ và khuyên Hòa thượng nên tìm học. Lúc bấy

giờ, chỉ có trường An Nam Phật Học mở ở chùa Báo Quốc tại Huế, trong tâm Hòa thượng khởi ý đi Huế từ đó.

Đầu năm 1940, Hòa thượng về lại Cái Tàu để xin giấy ra Huế học, nhưng chính quyền không cho, bảo Hòa thượng phải ở lại năm bảy tháng mới cấp giấy. Hòa thượng không chờ được nên lên Sài Gòn tìm cơ hội để đi, được một thí chủ là ba Ba Hộ (chủ đất chùa Vạn Đức) cúng dường 15 đồng làm lộ phí. Thật ra, đi tàu suốt đến Huế thì khỏe hơn, nhưng bấy giờ, Huế thuộc vùng bảo hộ của Pháp, còn miền Nam là thuộc địa, nên ra đó phải có giấy như xin Passport ra nước ngoài vậy. Vì thế, Hòa thượng phải đi từng chặng. Hòa thượng lên tàu đi Phan Thiết, đến nơi thì đã trưa, Hòa thượng kêu xe kéo đến chùa nào gần cũng được, vì thật sự cũng không biết chùa nào mà đến. Xe kéo Hòa thượng đến chùa Bình Quang, Hòa thượng vào chùa xin cơm. Chùa dọn cơm xong, lúc sắp ăn thì vị Ni trụ trì nói: “Huynh à! Chư tăng ở đây đi đường hay ăn cơm là phải mặc áo dài, sao huynh không mặc?”. Hòa thượng làm thinh, trong bụng thầm nghĩ: “Cũng muốn mặc lắm nhưng có đâu mà mặc”. Sau này vị Ni đó vẫn còn nhớ chuyện cũ, trong tâm tiếc rằng phải chi lúc ấy cúng dường cho Hòa thượng một hai cái áo dài nào có khó gì, lại còn gieo được phước lành cúng dường bước đầu cho một vị cao tăng sau này.

Sau khi ăn cơm xong, Hòa thượng lại tiếp tục ra bến xe để đi Bình Định, vì trước khi đi, Hòa thượng có đến tòa soạn báo *Từ Bi Âm*, gặp Hòa thượng Trụ trì chùa Liên Tôn ở Bình Định, lúc đó là Phó chủ bút, còn Hòa thượng Bích Liên làm chủ bút. Ra đến Bình Định, Hòa thượng tìm lại chùa Liên Tôn. Hôm đó, Hòa thượng Trụ trì còn ở Thành phố chưa về. Trong chùa, chỉ có một vị thầy trông coi gọi là thầy Khố. Ít hôm sau, Hòa thượng Trụ trì về, có cả cô Diệu Trí và có thị giả. Hòa thượng bèn xin tạm ở đây tu học. Hòa thượng Trụ trì nhờ Hòa thượng viết lại *Bát-nhã Tâm Kinh* mà Hòa thượng đã giảng và

in từng kỳ trong báo *Từ Bi Âm*, ghép lại thành tập để in ra phổ biến. Thời gian đó, Hòa thượng Trụ trì có giảng *Cảnh Sách Cứ Thích Ký*, chủ yếu là dạy cho cô thị giả, Hòa thượng và cô Diệu Trí cũng theo học. Cô Diệu Trí có nhờ ngoài Bắc thỉnh một số kinh chữ Hán, giúp đỡ cho Hòa thượng có tài liệu để học. Cô Diệu Trí đề nghị Hòa thượng nên ra Huế vào trường học tốt hơn. Thế nên, Hòa thượng ở đó được ba tháng thì tiếp tục lên đường ra Huế, còn cô Diệu Trí thì về lại Sài Gòn. Lúc đó là tháng 08 năm 1940.

Ra đến Huế, Hòa thượng cũng không biết đến chùa nào, mới nhờ mấy người kéo xe. Họ nói ở chùa Tây Thiên có quý thầy ở miền Nam ra. Hòa thượng nhờ họ kéo đến đó. Chùa Tây Thiên là chùa của Hòa thượng Giác Nhiên, vị tăng Thống thứ hai của GHPGVNTN. Ở đó, Hòa thượng gặp Hòa thượng Thiện Hòa, Thiện Hoa. Hòa thượng Giác Tâm chùa Duyên Giác ở Bến Tre thì đã ra trường trước. Ở đây cũng có dạy kinh *Lãng-nghiêm*. Sau buổi học, thầy Giác Tâm bảo Hòa thượng đọc lại phần đã học. Hòa thượng đọc lại, giảng nghĩa rành rẽ. Thầy Giác Tâm thấy thế mới đề nghị Hòa thượng nên đến trường lớp, vấn đề liên hệ thầy Giác Tâm sẽ lo cho.

Hòa thượng được nhận vào học và được cấp học bổng, vì một thân một mình không ai bảo trợ. Khi Hòa thượng vào học thì lớp đó là năm thứ sáu của Tiểu học (Sơ cấp) còn vài tháng nữa là thi lên Trung học (Trung cấp). Các môn khác thì Hòa thượng học không khó lắm, chỉ có môn Duy Thức là mù tịt không biết gì. Lúc đó đang dạy *Duy Thức Dị Giản* sắp hết, Hòa thượng mới mượn tập xem lại từ đầu và dần dần hiểu ra. Sau khi hết quyển, cho làm bài kiểm tra với chủ đề là *Bát Thức Đồng Dị*. Bài đó, Hòa thượng được chấm chín điểm rưỡi, cao nhất lớp. Việc này đã làm xao động trong chúng. Hòa thượng được Hòa thượng Đốc Giáo để ý. Đến cuối năm, khi thi lên Trung cấp, học chúng lo ngại nếu Hòa thượng đứng

đầu thì mất thể diện những người học lâu. Sau khi thi viết, đến phần khảo hạch miệng. Bác sĩ Lê Đình Thám phụ trách môn này. Cách thi là lật quyển sách nhằm trang nào thì giải thích trang đó. Vì lật nhầm trang chưa học nên Hòa thượng giải thích chưa được trúng lắm. Giáo sư Lê Đình Thám cười và nói: “Chú này đến sau, mà sau này sẽ hữu dụng!”. Chung cuộc, Hòa thượng cũng được đứng hạng bảy.

Đầu năm 1941, Hòa thượng thọ giới Sa-di tại Huế với Đại lão Hòa thượng Thích Trí Độ chùa Quốc Ân - Huế, được ban pháp tự là Trí Tịnh.

Sau đó, Hòa thượng tiếp tục học lên Trung đẳng và tốt nghiệp vào cuối năm 1942. Đến năm 1945 thì tốt nghiệp Cao đẳng. Cũng năm này, trường An Nam Phật Học dời vào Tông Lâm Kim Sơn, Hòa thượng được Hội và Ban giám đốc cử làm Giám viện Quản đốc trường. Kế đó, vì nạn đói ở Huế cũng như cả miền Bắc, nhà trường quyết định chuyển học tăng Sơ đẳng và Trung đẳng khoảng 40 vị vào Nam và giao toàn chúng cho Hòa thượng quản lý. Hòa thượng Thiện Hoa và Hòa thượng Chí Quang lo chỗ nơi, mục tiêu hướng đến là Lương Xuyên Phật Học. Vào đến Nam, đoàn học tăng tạm ở lại chùa Vĩnh Tràng, Mỹ Tho do thầy Trí Long trụ trì. Thầy Trí Long cũng là một học tăng trong đoàn. Hòa thượng Thiện Hoa và Hòa thượng Chí Quang trở về Lương Xuyên lo sắp xếp, còn Hòa thượng về chùa Kim Huê, Sa Đéc tạm ở và lo nhập thất. Ngày 19 tháng 06 năm 1945, Hòa thượng được thọ Đại giới tại Đại giới đàn tổ chức tại chùa Long An, Sa Đéc, do Đại lão Hòa thượng chùa Kim Huê làm Hòa thượng đàn đầu.

Cách mạng tháng Tám năm 1945 phát động, Lương Xuyên Phật Học bị phân tán. Hòa thượng Thiện Hoa về chùa Phật Quang ở Trà Ôn, Cần Thơ do Hòa thượng Thiện Tâm là anh ruột làm trụ trì, xây dựng tạm mái trường. Hòa thượng từ Sa Đéc về Phật Quang, cùng Hòa thượng Thiện Hoa tập hợp các

học tăng lập thành trường Phật Học Phật Quang, khai giảng vào cuối năm. Học tăng trường Phật Quang phần đông là học viên mới, còn nhóm cũ phần đông tự phân tán vì quốc biến.

Cuối năm 1946, tình hình địa phương không được ổn định. Hòa thượng dời một số học tăng về tạm ở chùa Vạn Phước, Phú Lâm, Chợ Lớn. Sau đó, Hòa thượng cùng thầy Huyền Dung xây dựng thành trường Liên Hải Phật Học, quy tụ số học tăng khoảng 70 vị từ khắp các nơi về. Trong đó có Hòa thượng Đạt Từ ở chùa Thiên Tôn (Thủ Đức) đến giúp và giữ chức Giám trường, Hòa thượng Quảng Liên và Hòa thượng Quảng Huệ cũng về hợp tác. Tại đây, Hòa thượng đã tổ chức được một Đại giới đàn. Hòa thượng Quảng Liên cũng như Hòa thượng Bửu Huệ được thọ Đại giới tại đây.

Đến năm 1950, Hòa thượng có bệnh phải đi dưỡng bệnh ở Linh Sơn Cổ Tự (Vũng Tàu), nên giao toàn trường cho Hòa thượng Thiện Hòa vừa ở Bắc về quản lý. Năm 1951, Hội chùa Linh Sơn thỉnh Hòa thượng làm trụ trì và giao toàn quyền quản lý.

Năm 1952, Giáo Hội Tăng Già Nam Việt được thành lập ở Sài Gòn, Hòa thượng được mời giữ chức Trưởng Ban Giáo Dục và Trưởng Ban Giám Luật. Kế đó, Giáo Hội Tăng Già toàn quốc được thành lập, Hòa thượng được cử vào các chức vụ: Trưởng Ban Giáo Dục, Ủy viên Phiên dịch Tam tạng và Phó Trị Sự Trưởng. Vì có nhiều trọng trách trong Giáo hội nên tháng 04 năm 1954, Hòa thượng trao quyền trụ trì chùa Linh Sơn cho Thượng tọa Tịnh Viên, cho đến năm 1995 thì Thượng tọa Tịnh Viên viên tịch.

Với hoài bão truyền đăng tục diệm, hoằng dương chánh pháp, kiến tạo già lam, Hòa thượng được Phật tử cung thỉnh về ngôi nhà xưa không người thừa kế trên một vùng đất hoang vu vắng vẻ ít người đi lại, tọa lạc tại ấp Bình Đức, xã Tâm Bình, quận Thủ Đức, phường Tam Phú, quận Thủ Đức, TP.

HCM. Nơi đây, Hòa thượng khai sơn tạo dựng già lam, lấy tên là Vạn Đức. Lần lần, do uy tín và đạo đức của Hòa thượng, tăng ni quy tụ về cất chùa am chung quanh, biến nơi này thành một đạo tràng lớn mà hiện nay, nói đến đạo tràng Vạn Đức ai ai cũng đều biết.

Năm 1955, với chí nguyện hoằng dương Tịnh độ, hướng dẫn chúng sanh đời mạt pháp, Hòa thượng thành lập Cục Lạc Liên Hữu, khuyến tấn người niệm Phật, cầu vãng sanh Tịnh Độ. Trong đó, Hòa thượng làm Liên trưởng, Hòa thượng Huệ Hưng làm Liên phó, thầy Tịnh Đức làm Thư ký. Cục Lạc Liên Hữu được Hòa thượng khai hóa đã khơi dậy phong trào tu tập, khuyến tấn hành giả tín hướng chỉ quy Tịnh Độ. Hòa thượng là vị Tổ Sư đương thời chấn hưng Tịnh tông trong tòa nhà Phật Giáo Việt Nam. Hòa thượng từng chỉ dạy: *“Sự nghiệp của người xuất gia chính là thiện căn công đức, tự mình giác ngộ và giác ngộ cho mọi người. Pháp môn niệm Phật rất đơn giản, dễ thực hành. Một câu A-di-đà Phật, mọi tầng lớp trong xã hội đều có thể niệm, không trở ngại mọi ngành nghề, ai nấy đều có thể tu được, chỉ cần nhất tâm tinh tấn, Tín-Nguyện-Hạnh vững bền thì chắc chắn thành công”*.

Hòa thượng rất quán triệt Thánh điển, tinh tường y dược Đông phương, tăng ni, Phật tử Việt Nam thấm nhuần được kinh điển Đại thừa, phần lớn do công trình dịch thuật của Hòa thượng.

Dịch phẩm của Hòa thượng rất có giá trị. Hòa thượng quý chuộng điều căn bản là dịch đúng nghĩa, chính xác, rõ ràng, chơn chất, không bóng bẩy, âm vận êm xuôi, để người đọc tụng lưu thông, thâm nhận được nghĩa thú rất rõ ràng, dễ nắm bắt được ý chỉ của kinh.

Năm 1947, Hòa thượng dịch kinh *Pháp Hoa* ở trường Liên Hải Phật Học. Sau đó là kinh *Tam Bảo*, *Địa Tạng*, phẩm *Phổ Hiền*.

Năm 1951, do yêu cầu của Giáo Hội Tăng Già Nam Việt, Hòa thượng chuyển dịch kinh *Phạm Võng* để tụng trong ngày Bồ-tát.

Năm 1952, trước tác bộ *Đường Về Cực Lạc* tại chùa Linh Sơn, Vũng Tàu.

Năm 1964, dịch kinh *Hoa Nghiêm* ở chùa Vạn Đức, rồi tiếp tục kinh *Đại Bát Niết-bàn*, *Đại Bát-nhã*.

Năm 1972, dịch *Đại Bửu Tích*, Hán bộ từ 01-120.

Năm 1978, được phép in nên dịch thêm hai tập, Hán bộ từ 121-150.

Rồi dịch *Văn-thù Văn Bát-nhã*, Hán bộ từ 151-155; *Vô Tận Ý Bồ-tát*, Hán bộ từ 156-159; *Thập Lục Quán Kinh*, Hán bộ 160.

Tất cả ghép chung vào *Đại Bảo Tích* để tiện việc xin phép.

Năm 1962, Hòa thượng được bổ nhiệm làm Phó Viện Trưởng Phật Học Viện Trung Phần.

Năm 1964, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất thành lập, Hòa thượng làm Trưởng đoàn Giáo Hội Phật Giáo Tăng Già Việt Nam, được suy cử làm Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Tăng Sự.

Năm 1973, làm Phó Viện Trưởng Viện Hóa Đạo.

Năm 1978, Hòa thượng được Hòa thượng Tăng Thống tấn phong giáo phẩm cùng ba vị: Hòa thượng Trí Nghiêm ở Nha Trang, Hòa thượng Giác Tánh ở chùa Nguyên Thiều, Bình Định và Hòa thượng Minh Tâm ở Phan Rang.

Huy hiệu bánh xe pháp luân 12 căm của GHPGVNTN là ý kiến của Hòa thượng (Tam chuyển pháp luân Tứ đế).

Năm 1981, GNPGVN thành lập, Hòa thượng được suy cử làm Phó Chủ Tịch Thường Trực.

Năm 1982, kiêm thêm Trưởng Ban Trị Sự Thành Hội PG TP. HCM.

Năm 1984, Hòa thượng chính thức được suy cử làm Chủ Tịch Hội Đồng Trị Sự Trung Ương Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam.

Năm 1987, kiêm thêm Trưởng Ban Tăng Sự, giao Trưởng Ban Trị Sự Thành Hội cho Hòa thượng Thiện Hào.

Năm 1992, kiêm thêm Đệ Nhất Phó Pháp Chủ, kiêm Giám Luật đến bây giờ.

Hòa thượng cả đời tận tụy vì Phật pháp, luôn lấy việc học kinh, tụng kinh, niệm Phật, giảng dạy và phiên dịch kinh điển từ Hán tạng ra Việt văn làm chánh hạnh của đời mình. Hiện nay, tuy tuổi đã 95 (2011), nhưng tinh thần Hòa thượng vẫn sáng suốt, càng thêm dốc sức tu Tịnh nghiệp. Mỗi ngày, Hòa thượng thâm tụng thuộc lòng kinh *Phổ Hiền Hạnh Nguyên*, kinh *Kim Cang*, bài kệ phẩm *Phương Tiện* trong kinh *Pháp Hoa*, kinh *Phổ Môn*, kinh *A-di-đà* và sau đó niệm Phật cầu sanh Cực Lạc, lấy đó làm thường khóa, chưa từng bỏ sót. Hòa thượng luôn nhắc nhở tăng ni, Phật tử phải nhớ vô thường để tiến tu, lấy sự ăn chay, phóng sanh làm nền tảng dưỡng tâm từ bi, siêng làm việc lành lợi ích rộng khắp cho mọi người, và nhất là luôn luôn niệm Phật, đọc tụng kinh điển Đại thừa để an định tâm mình, chế phục phiền não, lấy thế giới Cực Lạc làm chỗ trở về, bảo đảm thành tựu quả vị Phật. Vì sự lợi tha, cứ vào nửa tháng, Hòa thượng lại truyền giới Bát quan trai cho hàng Phật tử tại gia đến tu học tại chùa Vạn Đức.

Hòa thượng thật là một tấm gương sáng, một bậc chân tu sáng ngời đạo hạnh trong lòng tăng ni, Phật tử Việt Nam, là bậc thầy mẫu mực của Tịnh tông để các liên hữu cùng noi bước.



HT. Thích Trí Tịnh

*Giới, Định, Huệ thoát Ta-bà
Tín, Nguyện, Hạnh sanh Cực Lạc*



KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

PHẨM TỰ
THỨ NHỨT

* Tôi nghe như vậy: Một thuở nọ đức Phật ở trong núi Kỳ Xà Quật tại thành Vương Xá cùng với đại Tỳ kheo Tăng trên năm ngàn người, đều là những bậc A la hán đã hết hữu lậu dứt phiền não, tâm được giải thoát, huệ được giải thoát, tâm ý điều nhu; là bậc đại long tượng, chỗ làm đã xong, lợi mình đã được, sạch hết kiết sử, bỏ gánh hoặc nghiệp, kham gánh chánh pháp, do chánh trí mà được giải thoát. Riêng ngài A Nan là còn ở bậc Hữu học, chứng quả Tu đà hoàn.

* Hán bộ quyển thứ 1.

Lại có năm trăm Tỳ kheo ni, Ưu bà tác, Ưu bà di thấy được Thánh đế.

Lại có hàng đại Bồ tát đều được những môn đà là ni và những môn tam muội, thực hành không, vô tướng, vô tác; đã được đăng nhận và vô ngại tổng trì. Đây đều là bậc ngũ thân thông không còn giải đãi, đã rời bỏ danh lợi, thuyết pháp không cầu báo, lời nói ra tất được mọi người kính tin, chứng thâm pháp nhãn, được sức vô úy, giải thoát tất cả ma hạnh nghiệp chướng, khéo tuyên nói pháp như duyên. Từ vô số kiếp đến nay, các Ngài phát thệ nguyện lớn, nhan sắc hòa vui thường thưa hỏi trước, lời nói dịu dàng, ở giữa đại chúng tự tại không sợ. Trong vô số ức kiếp từng khéo thuyết pháp, biết rõ các pháp như ảo, như diệm, như bóng trăng trong nước, như hư không, như vang, như bóng, như mộng, như thành Càn thất bà, như tượng trong gương, như biến hóa, đã được vô ngại vô úy. Biết rõ tâm hành của chúng sanh dùng trí huệ vi diệu mà cứu độ chúng. Các Ngài đã thành tựu đại nhẫn vô ngại như thiết, nguyện lãnh thọ vô lượng thế giới của chư Phật; tưởng niệm đến vô lượng thế giới, chánh định của chư Phật thường hiện tiền, có thể thỉnh vô lượng chư Phật. Có thể dứt những kiến chấp và các phiền não, tự tại xuất sanh trăm ngàn môn tam

muội. Hàng đại Bồ tát đây thành tựu vô lượng công đức như vậy. Danh hiệu của các Ngài là: Bạt Đà Bà La Bồ tát, Kế Na Na Đà La Bồ tát, Đạo Sư Bồ tát, Na La Đạt Bồ tát, Tinh Đắc Bồ tát, Thủy Thiên Bồ tát, Chủ Thiên Bồ tát, Đại Ý Bồ tát, Ích Ý Bồ tát, Tăng Ý Bồ tát, Bất Hư Kiến Bồ tát, Thiện Tấn Bồ tát, Thế Thắng Bồ tát, Thường Càn Bồ tát, Bất Xả Tinh Tấn Bồ tát, Nhứt Tạng Bồ tát, Bất Khuyết Ý Bồ tát, Quán Thế Âm Bồ tát, Văn Thù Sư Lợi Bồ tát, Chấp Bửu Ấn Bồ tát, Thường Cử Thủ Bồ tát, Từ Thị Bồ tát, có trăm ngàn muôn ức na do tha đại Bồ tát như vậy. Hàng đại Bồ tát này đều là bậc Nhứt sanh bất tử nói ngôi Phật.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn tự trải tòa sư tử rồi ngồi kiết già ngay thẳng nhiếp niệm nhập tất cả môn vương tam muội. Sau đó đức Phật an tướng xuất định dùng Thiên nhãn nhìn xem thế giới, động thân mỉm cười, từ tướng thiên bức luân dưới lòng bàn chân phóng ra sáu trăm muôn ức quang minh. Từ mười ngón chân, hai mắt cá, hai bắp chân, hai gối, hai vế, eo, lưng, rún, bụng, hông, ngực, chữ vạn, vai, cánh tay, mười ngón tay, cổ, miệng, bốn mươi răng, mũi, mắt, tai, bạch hào, nhục kế, mỗi chỗ trên thân Phật phóng ra sáu trăm muôn ức quang minh. Từ những quang minh này phát ra quang minh lớn chiếu

khắp Đại thiên thế giới, rồi chiếu đến hằng sa thế giới của chư Phật ở mười phương, từ đây quang minh lại chiếu vượt qua hằng sa thế giới khắp mười phương. Nếu chúng sanh nào gặp được quang minh này thì quyết định được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tất cả lỗ lông khắp thân của Phật cũng đều mỉm cười phóng quang minh chiếu khắp cõi Đại thiên suốt đến hằng sa thế giới ở mười phương. Nếu chúng sanh nào gặp được quang minh này thì quyết định được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đức Thế Tôn lại phóng quang minh thường chiếu khắp cõi Đại thiên suốt đến hằng sa thế giới ở mười phương. Nếu chúng sanh nào gặp được quang minh này thì quyết định được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đức Thế Tôn mỉm cười vui vẻ hiện tướng lưỡi rộng dài trùm khắp Đại thiên thế giới, phóng ra vô lượng ngàn muôn ức quang minh. Mỗi quang minh này hóa thành hoa báu ngàn cánh màu hoàng kim. Trên hoa báu đều có Hóa Phật ngồi kiết già tuyên nói sáu phép ba la mật. Chúng sanh nào nghe được thì quyết định được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Quang minh này cũng

chiếu đến hằng sa thế giới ở mười phương và cũng hiện hoa báu Hóa Phật thuyết pháp như vậy.

Bấy giờ đức Phật vẫn ngồi trên tòa sư tử mà nhập Sư tử du hý tam muội. Do thần lực của Phật, cả Đại thiên thế giới đều chấn động sáu cách, làm cho mọi loài đều hòa vui.

Trong cõi Đại thiên này, hàng địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh và bát nạn liền được sanh lên cõi trời Tứ Vương đến trời Tha Hóa Tự Tại. Các vị Thiên tử này tự biết túc mạng đều rất vui mừng đồng đến chỗ đức Phật ngự, đánh lễ chân Phật rồi ngồi qua một phía. Hằng sa thế giới ở mười phương cũng chấn động sáu cách, các loài địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh và bát nạn đều được sanh lên sáu cõi trời Dục giới.

Bấy giờ chúng sanh ở trong cõi Đại thiên này, kẻ mù được thấy, kẻ điếc được nghe, kẻ câm nói được, kẻ điên được tỉnh, kẻ loạn được định, kẻ bệnh được lành, kẻ tàn tật được hết tật nguyên, kẻ rách được mặc, kẻ đói khát được ăn uống.

Tất cả mọi loài đều phát thiện tâm xem nhau như cha mẹ, anh em, chị em ruột thịt, đồng thực hành mười nghiệp đạo lành, tịnh tu phạm hạnh không phạm lỗi lầm, lòng họ điềm nhiên khoái lạc như Tỳ kheo nhập đệ tam thiên. Họ đều được

trí huệ tốt, giữ mình theo giới luật không làm tổn não kẻ khác.

Đức Thế Tôn ngự trên tòa sư tử, quang minh sắc tướng oai đức nguy nguy tôn nghiêm bực nhứt, hơn cả Đại thiên cùng hằng sa thế giới ở mười phương, như núi Tu Di cao sáng hơn tất cả núi non.

Lúc đức Thế Tôn đem thân thường hiển thị cho chúng sanh trong cõi Đại thiên, như chúng cùng hàng phi như và chư Thiên ở Dục giới, Sắc giới đem những Thiên hoa, Thiên hương, Thiên anh lạc đến rải trên đức Phật. Những hoa hương báu này dừng ở hư không hóa thành đài báu lớn thòng những chuỗi ngọc cùng lọng báu nhiều màu giăng trùm Đại thiên thế giới, do đây nên toàn cõi Đại thiên thành màu hoàng kim, đến hằng sa thế giới ở mười phương cũng như vậy.

Chúng sanh ở cõi này và chúng sanh ở thế giới mười phương đều tự cho là đức Phật chỉ riêng thuyết pháp cho mình.

Đức Thế Tôn vui vẻ mỉm cười, miệng Phật phóng quang minh chiếu khắp Đại thiên thế giới. Do quang minh này mà chúng sanh đồng thấy chư Phật và Tăng chúng trong hằng sa thế giới ở mười phương. Chúng sanh ở hằng sa thế giới ở mười

phương kia cũng thấy Phật Thích Ca Mâu Ni và đại chúng ở cõi Đại thiên này.

Phương Đông qua khỏi hằng sa thế giới có cõi Đa Bửu của Phật Bửu Tích. Đức Phật đây hiện đương giảng Bát nhã ba la mật cho chư đại Bồ tát. Nơi đó có Bồ tát hiệu Phổ Minh thấy quang minh, thấy chân động lại thấy thân Phật Thích Ca Mâu Ni, Ngài liền đến bạch hỏi duyên do với Phật Bửu Tích. Đức Phật Bửu Tích bảo đó là thần lực của Phật Thích Ca Mâu Ni ở cõi Ta Bà cách đây hằng sa thế giới về phương tây. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni sắp vì chúng đại Bồ tát mà tuyên nói Bát nhã ba la mật. Phổ Minh Bồ tát bạch đức Phật Bửu Tích rằng: “Nay tôi muốn đến lễ bái cúng dường Phật Thích Ca Mâu Ni và gặp gỡ các vị đại Bồ tát”. Phật Bửu Tích thuận cho và trao hoa sen ngàn cánh màu hoàng kim cho Phổ Minh Bồ tát mà dặn rằng ông đem hoa này cúng dường Phật Thích Ca Mâu Ni. Ông nên nhứt tâm trân trọng đến cõi Ta Bà. Các vị Bồ tát sanh vào cõi đó thiệt là khó bằng khó hơn.

Phổ Minh Bồ tát lãnh hoa sen ngàn cánh màu hoàng kim từ tạ Phật Bửu Tích rồi cùng vô số đại chúng đem những hoa hương phan lọng đến chỗ Phật Thích Ca Mâu Ni đánh lễ bạch rằng:

“Đức Phật Bửu Tích gửi lời thăm và dâng hoa sen cúng dường”.

Phật Thích Ca Mâu Ni nhận hoa sen ngàn cánh màu hoàng kim rồi rải vạt qua phương Đông cúng dường hằng sa chư Phật. Hoa sen ấy hóa thành hằng sa đóa hoa khắp cả hằng sa thế giới ở phương Đông. Trên mỗi đóa hoa sen đều có hóa Bồ tát ngồi kiết già nói sáu pháp ba la mật, ai nghe được tiếng pháp này thời quyết định đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đại chúng theo Phổ Minh Bồ tát cũng đem hoa hương phan lọng của mình dâng cúng Phật Thích Ca Mâu Ni.

Phương Nam qua khỏi hằng sa thế giới có cõi Ly Nhứt Thiết Ưu của Phật Vô Ưu Đức. Nơi đó có Bồ tát hiệu Ly Ưu.

Phương Tây qua khỏi hằng sa thế giới có cõi Diệt Ác của Phật Bửu Sơn. Nơi đó có Bồ tát hiệu Nghi Ý.

Phương Bắc qua khỏi hằng sa thế giới có cõi Thắng Quốc của đức Phật Thắng Vương. Nơi đó có Bồ tát hiệu Đức Thắng.

Hạ phương qua khỏi hằng sa thế giới có cõi Thiện Quốc của đức Phật Thiện Đức. Nơi đó có Bồ tát hiệu Hoa Thượng.

Thượng phương qua khỏi häng sa thế giới có cõi Hỷ Quốc của đức Phật Hỷ Đức. Nơi đó có Bồ tát hiệu Đức Hỷ.

Chư Bồ tát trên đây ở cõi mình thấy quang minh thấy chân động, v.v... liền cùng đại chúng cảm hoa hương phan lộng đến Ta Bà thế giới kính lễ cúng dường Phật Thích Ca Mâu Ni đồng như Phổ Minh Bồ tát ở phương Đông.

Lúc bấy giờ Đại thiên thế giới thành trang nghiêm vi diệu như Hoa Tích thế giới cùng Phổ Hoa thế giới; Diệu Đức Bồ tát, Thiện Trụ Ý Bồ tát và chư Bồ tát đại oai thần ở nơi đó.

Đức Như Lai biết hàng đại Bồ tát cùng chư Nhơn, Thiên, Bát bộ ở häng sa thế giới đều đã vân tập bèn gọi ngài Xá Lợi Phất mà dạy rằng:

Đại Bồ tát muốn dùng Nhứt thiết chủng trí để biết tất cả pháp, thì phải tu tập Bát nhã ba la mật.

Ngài Xá Lợi Phất thưa:

Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ tát muốn dùng Nhứt thiết chủng trí để biết tất cả pháp, thì phải tu tập Bát nhã ba la mật như thế nào?

Phật dạy:

Này Xá Lợi Phất! Đại Bồ tát dùng phương pháp chẳng an trụ mà an trụ trong Bát nhã ba la mật.

Bởi không có pháp để xả bỏ nên được đầy đủ Đàn na ba la mật, vì người cho, kẻ nhận và tài vật đều bất khả đắc. Vì tội và không tội đều bất khả đắc nên đầy đủ Thi la ba la mật. Vì tâm chẳng động nên đầy đủ Sằn đề ba la mật. Vì thân tâm tinh tấn chẳng giải đãi nên đầy đủ Tỳ lê gia ba la mật. Vì chẳng tán loạn, chẳng say mê nên đầy đủ Thiên na ba la mật. Vì chẳng chấp trước tất cả pháp nên đầy đủ Bát nhã ba la mật.

Đại Bồ tát dùng phương pháp chẳng an trụ mà an trụ trong Bát nhã ba la mật. Vì bất sanh nên đầy đủ bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác phần, tám Thánh đạo phần, Không tam muội, Vô tướng tam muội, Vô tác tam muội, bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, tám bội xả, tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười nhứt thiết xứ.

Cũng đầy đủ chín pháp tướng thân chết: Tướng sinh, tướng nứt, tướng máu chảy, tướng thúi rã, tướng bầm xanh, tướng dòi trùng ăn, tướng nát, tướng xương trắng, tướng cháy tan.

Cũng đầy đủ tám chánh niệm: Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm thí xả, niệm Thiên, niệm hơi thở ra vào, niệm chết.

Cũng đầy đủ mười pháp quán: Quán vô thường, quán khổ, quán vô ngã, quán món ăn như

nhớ, quán thế gian tất cả đều không đáng vui ưa, quán chết, quán bất tịnh, quán đoạn trừ, quán ly dục, quán diệt tận.

Cũng đầy đủ mười một trí: Pháp trí, tử trí, tha tâm trí, thế trí, khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí, tận trí, vô sanh trí, như thiết trí.

Cũng đầy đủ ba môn tam muội: Tam muội có giác có quán, tam muội không giác có quán, tam muội không giác không quán.

Cũng đầy đủ ba căn: Căn chưa biết sắp biết, căn biết, căn đã biết.

Này Xá Lợi Phất! Đại Bồ tát muốn biết khắp cả công đức của Phật như mười trí lực, bốn vô sở úy, bốn trí vô ngại, mười tám pháp bất cộng, đại từ, đại bi, thì phải tu tập Bát nhã ba la mật.

Đại Bồ tát muốn đầy đủ đạo huệ, muốn dùng đạo huệ để đầy đủ đạo chủng huệ, muốn dùng đạo chủng huệ để đầy đủ Nhứt thiết trí, muốn dùng Nhứt thiết trí để đầy đủ Nhứt thiết chủng trí, muốn dùng Nhứt thiết chủng trí để dứt tập khí phiền não, đều phải tu tập Bát nhã ba la mật.

Đại Bồ tát phải học tập Bát nhã ba la mật như vậy.

Này Xá Lợi Phất! Đại Bồ tát muốn lên địa vị Bồ tát, muốn hơn bực Thanh văn, Duyên giác,

muốn trụ bực Bất thối chuyển, muốn có lực thần thông, muốn biết chí hướng của tất cả chúng sanh, muốn có trí huệ hơn trí huệ của tất cả Thanh văn, Bích chi Phật, muốn được những môn đà la ni, những môn tam muội, đều phải học Bát nhã ba la mật.

Đại Bồ tát muốn dùng tâm tùy hỷ để hơn trên những sự bố thí, trì giới, tam muội thiên định, trí huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, giải thoát tam muội của tất cả những người cầu Thanh văn, Bích chi Phật, thì phải học Bát nhã ba la mật.

Đại Bồ tát thực hành phần ít bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiên định, trí huệ, mà muốn do sức phương tiện hồi hướng để được vô lượng vô biên công đức, thì phải học Bát nhã ba la mật.

Đại Bồ tát muốn thực hành Đàn na ba la mật, Thi la ba la mật, Sằn đề ba la mật, Tỳ lê gia ba la mật, Thiên na ba la mật, thì phải học Bát nhã ba la mật.

Đại Bồ tát muốn đời đời thân thể giống như thân Phật đủ ba mươi hai tướng đại nhơn, tám mươi tùy hình hảo, thì phải học Bát nhã ba la mật.

Muốn sanh nhà Bồ tát, muốn được bực đồng chơn, muốn chẳng rời Phật, thì phải học Bát nhã ba la mật.

Muốn đem những thiện căn cúng dường chư Phật và cung kính tôn trọng tán thán tùy ý thành tựu, thì phải học Bát nhã ba la mật.

Muốn làm cho chúng sanh thỏa nguyện về những thứ uống, ăn, y phục, giường nệm, đèn đuốc, phòng nhà, xe cộ, thuốc men, thì phải học Bát nhã ba la mật.

Này Xá Lợi Phất! Đại Bồ tát muốn làm cho chúng sanh ở hằng sa thế giới đứng vững nơi sáu môn ba la mật, thì phải học Bát nhã ba la mật.

Muốn gieo một thiện căn ở trong phước điền của Phật còn mãi đến khi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác vẫn không hết, thì phải học Bát nhã ba la mật.

Muốn chư Phật ở mười phương ca ngợi danh hiệu của mình, thì phải học Bát nhã ba la mật.

Muốn vừa phát ý thì thân liền đến hằng sa thế giới ở mười phương, muốn vừa phát âm thì tiếng vang đến hằng sa thế giới ở mười phương, đều phải học Bát nhã ba la mật.

Muốn thế giới của chư Phật chẳng dứt diệt, thì phải học Bát nhã ba la mật.

Đại Bồ tát muốn an trụ nơi nội không, ngoại không, nội ngoại không, không không, đại

không, đệ nhưt nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cánh không, vô thủ không, tán không, tánh không, tự tướng không, chư pháp không, vô sở đắc không, vô pháp không, hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không, thì phải học Bát nhã ba la mật.

Muốn biết nhưn duyên, thứ đệ duyên, duyên duyên và tăng thượng duyên của các pháp, thì phải học Bát nhã ba la mật.

Muốn biết pháp như, pháp tánh và thiết tế của các pháp, thì phải học Bát nhã ba la mật.

Đại Bồ tát phải như vậy mà an trụ trong Bát nhã ba la mật.

Này Xá Lợi Phất! Đại Bồ tát muốn đếm biết số vi trần của những hòn núi, của những quả đất trong Đại thiên thế giới, muốn phân tích một sợi lông làm trăm phần rồi lấy một phần lông chấm hết nước của những suối ao, sông ngòi, biển cả trong Đại thiên thế giới mà không kinh động đến loài thủy tộc, muốn thổi một cái liềm tắt ngọn lửa cháy khắp Đại thiên thế giới như hỏa tai lúc kiếp tận, muốn lấy một ngón tay ngăn dừng những cơn gió lớn có thể làm tan nát Đại thiên thế giới đến tất cả những núi Tu Di như thổi tan đồng cỏ mục, thì phải học Bát nhã ba la mật.

Muốn một lần ngồi kiết già có thể làm cho thân thể khắp tất cả không gian trong Đại thiên thế giới, thì phải học Bát nhã ba la mật.

Muốn lấy một sợi lông vít những núi Tu Di trong Đại thiên thế giới ném qua khỏi vô số thế giới phương khác mà không kinh động đến chúng sanh trong đó, thì phải học Bát nhã ba la mật.

Muốn đem một suất ăn, một bộ y phục, một nén hương, một cành hoa, một cây đèn, một tràng phan, một bảo cái mà có thể cúng dường đầy đủ khắp chư Phật cùng chư Tăng trong hằng sa thế giới ở mười phương, thì phải học Bát nhã ba la mật.

Này Xá Lợi Phất! Đại Bồ tát muốn làm cho chúng sanh trong hằng sa thế giới ở mười phương đều đủ giới hạnh, tam muội, trí huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, cùng làm cho được quả Tu đà hoàn, quả Tư đà hàm, quả A na hàm, quả A la hán, nhân đến được vô dư Niết bàn, thì phải học Bát nhã ba la mật.

Đại Bồ tát thực hành Bát nhã ba la mật lúc bố thí nên biết rõ rằng: Bố thí như vậy được quả báo rất lớn, bố thí như vậy được sanh vào giòng quý hiền, bố thí như vậy được sanh lên trời Tứ Vương, trời Đao Lợi, trời Dạ Ma, trời Đâu Suất,

trời Hóa Lạc, trời Tha Hóa, bố thí như vậy được nhập Sơ thiên, Nhị thiên, Tam thiên, Tứ thiên, Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi hữu tướng phi vô tướng xứ, như bố thí này được bát Thánh đạo phần, như bố thí này được quả Tu đà hoàn nhân đến quả Phật, nên phải học Bát nhã ba la mật.

Này Xá Lợi Phất! Đại Bồ tát thực hành Bát nhã ba la mật, lúc bố thí, do nơi sức huệ phương tiện nên có thể đầy đủ Đàn na ba la mật, Thi la ba la mật, Sằn đề ba la mật, Tỳ lê gia ba la mật, Thiên na ba la mật và Bát nhã ba la mật.

Ngài Xá Lợi Phất thưa:

Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là đại Bồ tát lúc bố thí, do nơi sức huệ phương tiện nên đầy đủ sáu ba la mật?

Đức Phật nói:

Này Xá Lợi Phất! Do vì người bố thí, kẻ thọ và tài vật đều bất khả đắc nên có thể đầy đủ Đàn na ba la mật. Vì có tội cùng chẳng tội đều chẳng dính mắc nên đầy đủ Thi la ba la mật. Vì tâm bất động nên đầy đủ Sằn đề ba la mật. Vì thân tâm tinh tấn nên đầy đủ Tỳ lê gia ba la mật. Vì chẳng tán loạn chẳng say đắm nên đầy đủ Thiên na ba la mật. Vì biết tất cả pháp đều bất khả đắc nên đầy

đủ Bát nhã ba la mật.

Này Xá Lợi Phất! Đại Bồ tát muốn được công đức của chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai, thì phải học Bát nhã ba la mật. Muốn đến bờ kia của pháp hữu vi và pháp vô vi, thì phải học Bát nhã ba la mật. Muốn biết pháp như, pháp tướng và biên tế vô sanh của các pháp quá khứ, hiện tại, vị lai, thì phải học Bát nhã ba la mật.

Này Xá Lợi Phất! Đại Bồ tát muốn đứng trước tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác, muốn hầu hạ chư Phật, muốn làm nội quyến của chư Phật, muốn được quyến thuộc lớn, muốn được quyến thuộc Bồ tát, muốn thanh tịnh báo đại thí, thì phải học Bát nhã ba la mật.

Này Xá Lợi Phất! Đại Bồ tát muốn những tâm san lãn, phá giới, sân hận, giải đãi, tán loạn, ngu si đều chẳng phát khởi, thì phải học Bát nhã ba la mật.

Này Xá Lợi Phất! Đại Bồ tát muốn làm cho tất cả chúng sanh đứng vững nơi phước bố thí, nơi phước trì giới, nơi phước tu tập thiền định, nơi phước khuyến đạo, nơi tài phước và pháp phước, thì phải học Bát nhã ba la mật.

Này Xá Lợi Phất! Đại Bồ tát muốn được ngũ nhãn thì phải học Bát nhã ba la mật. Đây là ngũ

nhãn: nhục nhãn, Thiên nhãn, huệ nhãn, pháp nhãn và Phật nhãn.

Đại Bồ tát muốn dùng Thiên nhãn thấy chư Phật trong hằng sa thế giới, muốn dùng Thiên nhĩ nghe pháp của chư Phật ở mười phương tuyên nói, muốn hiểu biết tâm của Phật, thì phải học Bát nhã ba la mật.

Muốn nghe được pháp của chư Phật ở mười phương tuyên nói, nghe xong nhớ mãi đến khi thành Vô thượng Bồ đề vẫn không quên, thì phải học Bát nhã ba la mật.

Muốn thấy thế giới của chư Phật quá khứ, thấy thế giới của chư Phật vị lai và thế giới ở mười phương của chư Phật hiện tại, thì phải học Bát nhã ba la mật.

Muốn nghe mười hai bộ kinh, từ Khế kinh Trường hàng đến Luận nghị kinh mà hàng Thanh văn nghe cùng chẳng nghe, nghe xong đều muốn đọc tụng, thọ trì trọn vẹn, thì phải học Bát nhã ba la mật.

Chánh pháp của chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai trong hằng sa thế giới đã tuyên nói, hiện nay nói và sẽ nói, được nghe xong đều muốn tin lãnh thọ trì, thực hành và giảng nói lại cho người khác, thì phải học Bát nhã ba la mật.

Muốn đem quang minh chiếu khắp những chỗ mà mặt nhật mặt nguyệt chẳng chiếu đến trong hằng sa thế giới ở mười phương, thì phải học Bát nhã ba la mật.

Muốn làm cho tất cả chúng sanh trong hằng sa thế giới ở mười phương, những nơi không có danh hiệu Phật, Pháp, Tăng, đều được chánh kiến nghe danh hiệu Tam Bảo, thì phải học Bát nhã ba la mật.

Muốn làm cho chúng sanh trong hằng sa thế giới ở mười phương, do năng lực của Ta mà kẻ mù được thấy, kẻ điếc được nghe, kẻ cuồng được tỉnh, kẻ rách được lành, kẻ đói khát được no đủ, thì phải học Bát nhã ba la mật.

Này Xá Lợi Phất! Đại Bồ tát muốn làm cho chúng sanh trong hằng sa thế giới ở mười phương, do năng lực của ta mà những loài trong ba ác đạo đều được thân người, thì phải học Bát nhã ba la mật.

Muốn làm cho chúng sanh trong hằng sa thế giới ở mười phương, do năng lực của ta mà được đứng vững nơi giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, được quả Tu đà hoàn nhẫn đến quả Vô thượng Bồ đề, thì phải học Bát nhã ba la mật.

Đại Bồ tát muốn học oai nghi của chư Phật, muốn nhìn ngó như tượng vương, thì phải học Bát nhã ba la mật.

Đại Bồ tát nguyện rằng: Khiến cho tôi lúc đi, chân tôi cách đất bốn ngón tay không đập trên đất, tôi sẽ được vô lượng chư Thiên cõi Dục, cõi Sắc, từ Tứ Thiên Vương đến Sắc Cứu Cánh Thiên cung kính vây quanh cùng đi đến dưới cội Bồ đề. Tôi sẽ ngồi dưới cội Bồ đề và chư Thiên sẽ trải tòa cho tôi. Muốn được như vậy, thì phải học Bát nhã ba la mật.

Lại nguyện lúc tôi thành Phật, chỗ tôi đi đứng ngồi nằm đều sẽ là kim cang. Muốn được vậy, thì phải học Bát nhã ba la mật.

Này Xá Lợi Phất! Đại Bồ tát nếu muốn ngày xuất gia liền thành đạo Vô thượng Bồ đề, liền chuyển pháp luân, lúc chuyển pháp luân có vô lượng vô số chúng sanh xa lìa trần cấu ở trong các pháp được pháp nhãn thanh tịnh, có vô lượng vô số chúng sanh vì chẳng thọ tất cả pháp nên được vô lậu giải thoát, có vô lượng vô số chúng sanh được bất thối chuyển Vô thượng Bồ đề, thì phải học Bát nhã ba la mật.

Đại Bồ tát muốn lúc thành Phật sẽ dùng vô lượng vô số Thanh văn làm Tăng, lúc nói một

thời pháp, tất cả chư Tăng này liền được quả A la hán, thì phải học Bát nhã ba la mật.

Đại Bồ tát muốn lúc thành Phật, sẽ dùng vô lượng vô số Bồ tát làm Tăng, lúc nói một thời pháp, tất cả chư Tăng này đều được bất thối chuyển, được vô lượng thọ mạng đầy đủ quang minh, thì phải học Bát nhã ba la mật.

Đại Bồ tát muốn lúc thành Phật, trong thế giới không có dâm dục, sân khuể, ngu si, cũng không có danh từ tam độc, tất cả chúng sanh đều thành tựu chánh trí huệ, thiện thí, thiện giới, thiện định, thiện phạm hạnh, thiện từ bi, thì phải học Bát nhã ba la mật.

Đại Bồ tát muốn lúc thành Phật, sau khi nhập Niết bàn, chánh pháp không diệt tận, cũng không có danh từ diệt tận, thì phải học Bát nhã ba la mật.

Đại Bồ tát muốn lúc thành Phật, chúng sanh trong hằng sa thế giới ở mười phương nghe danh hiệu của ta quyết định sẽ được Vô thượng Bồ đề, thì phải học Bát nhã ba la mật.

Này Xá Lợi Phất! Đại Bồ tát muốn được những công đức như vậy, thì phải học Bát nhã ba la mật.



KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

PHẨM PHỤNG BÁT
THỨ HAI

Đức Phật bảo Ngài Xá Lợi Phất:

Nếu đại Bồ tát thực hành Bát nhã ba la mật có thể làm những công đức ấy thì bốn vị Thiên Vương đều rất vui mừng mà nghĩ rằng: Chúng ta phải đem bốn cái bát dâng lên Bồ tát như những bát mà chư Thiên Vương thưở trước đã dâng cho Phật thưở trước.

Lúc đó trời Đao Lợi nhả đến trời Tha Hóa Tự Tại cũng rất hoan hỷ mà nghĩ rằng: Chúng ta phải hầu hạ cúng dường Bồ tát để hàng Thiên chúng được thêm đông và giảm bớt hàng A tu la.

Chư Thiên trong cõi Đại thiên, từ cõi Tứ Vương đến cõi Sắc Cứu Cánh đều rất vui mừng mà nghĩ rằng: Chúng ta phải cẩn thận Bồ tát chuyển pháp luân.

Này Xá Lợi Phất! Lúc vị đại Bồ tát này thực hành Bát nhã ba la mật, tăng ích sáu ba la mật, các thiện nam tử và thiện nữ nơn đều vui mừng mà tự nghĩ rằng: Chúng ta phải làm cha mẹ, vợ con, thân tộc, họ hàng cho người này.

Lúc đó trời Tứ Vương nhĩn đến trời Sắc Cứu Cánh đều rất vui mừng mà tự nghĩ rằng: Chúng ta phải tìm cách làm cho Bồ tát này xa lìa dâm dục, từ sơ phát tâm luôn là đồng chơn, chớ để vị này hội hiệp với sắc dục, nếu hưởng thọ ngũ dục thì sẽ chướng ngại sanh về Phạm Thiên hưởng là quả Vô thượng Bồ đề.

Này Xá Lợi Phất! Đại Bồ tát cần phải là người đoạn dục xuất gia mới đáng được Vô thượng Bồ đề, chẳng phải là người không đoạn dục mà được.

Ngài Xá Lợi Phất thưa:

Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ tát cần phải có cha mẹ, vợ con, thân tộc, họ hàng chẳng?

Đức Phật nói:

- Này Xá Lợi Phất! Hoặc có Bồ tát có cha mẹ, vợ con, thân tộc. Hoặc có Bồ tát từ khi sơ phát

tâm đoạn dục tu hạnh đồng chơn mãi đến thành Vô thượng Bồ đề chẳng phạm sắc dục. Hoặc có Bồ tát dùng phương tiện lực hưởng thọ ngũ dục xong mới xuất gia thành Vô thượng Bồ đề. Ví như nhà ảo thuật giỏi khéo dùng phương ảo thuật hóa ra cảnh ngũ dục rồi vui đùa trong đó. Ý ông nghĩ thế nào, nhà ảo thuật có thiệt hưởng thọ cảnh ngũ dục ấy chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Không ạ.

- Nay Xá Lợi Phất! Cũng vậy đại Bồ tát dùng phương tiện lực hóa ra cảnh ngũ dục rồi ở trong đó hưởng thọ để độ chúng sanh. Đại Bồ tát này chẳng nhiễm ngũ dục, lại dùng nhiều cách quở trách ngũ dục: Ngũ dục là lửa cháy, ngũ dục là như nhớp xấu xa, ngũ dục là thứ phá hoại, ngũ dục như oán thù. Do đây nên biết rằng vì độ chúng sanh mà Bồ tát hưởng thọ ngũ dục.

- Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ tát phải thực hành Bát nhã ba la mật thế nào?

- Nay Xá Lợi Phất! Lúc thực hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ tát chẳng thấy Bồ tát, chẳng thấy danh tự Bồ tát, chẳng thấy Bát nhã ba la mật, cũng chẳng thấy là mình có thực hành Bát nhã ba la mật cùng không thực hành Bát nhã ba la mật. Tại sao vậy? Vì Bồ tát và danh tự Bồ tát, tánh vốn

rỗng không. Trong tánh không chẳng có sắc, thọ, tưởng, hành, thức, rời lìa sắc, thọ, tưởng, hành, thức, cũng chẳng có tánh không. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức tức là tánh không, tánh không tức là sắc, thọ, tưởng, hành, thức.

Tại sao vậy? Vì chỉ có danh tự gọi là Bồ đề, chỉ có danh tự gọi là Bồ tát, chỉ có danh tự gọi là tánh không.

Tại sao vậy? Vì thiệt tánh của các pháp vốn là không sanh, không diệt, không cấu, không tịnh.

Đại Bồ tát thực hành Bát nhã ba la mật như vậy cũng chẳng thấy sanh, chẳng thấy diệt, cũng chẳng thấy cấu, chẳng thấy tịnh.

Tại sao vậy? Vì danh tự là những pháp do nhơn duyên hòa hiệp làm thành, chỉ do nhớ tưởng phân biệt giả danh mà nói thôi.

Vì thế nên đại Bồ tát lúc thực hành Bát nhã ba la mật chẳng thấy tất cả danh tự. Vì chẳng thấy nên chẳng chấp trước.

*



KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

PHẨM TU TẬP ĐÚNG THỨ BA

Đức Phật bảo Ngài Xá Lợi Phất:

Lúc thực hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ tát phải suy nghĩ như thế này: Bồ tát chỉ có danh tự, Phật cũng chỉ có danh tự, Bát nhã ba la mật cũng chỉ có danh tự, sắc thọ tưởng hành thức cũng chỉ có danh tự

Này Xá Lợi Phất! Như ngã, chúng sanh, thọ giả, mạng giả, sanh giả, dưỡng dục giả, tác giả, sử tác giả, khởi giả, sử khởi giả, thọ giả, sử thọ giả, tri giả, kiến giả đều là bất khả đắc tất cả. Vì là bất khả đắc nên rỗng không. Vì rỗng không nên chỉ dùng danh tự để tuyên nói.

Đại Bồ tát cũng thực hành Bát nhã ba la mật như vậy: Chẳng thấy ngã, chẳng thấy chúng sanh, nhãn đến chẳng thấy tri giả, kiến giả. Những danh tự tuyên nói đó cũng chẳng thấy.

Đại Bồ tát thực hành Bát nhã ba la mật như vậy thì hơn trên tất cả hàng Thanh văn, Bích chi Phật, trù trí huệ của Phật, do vì tánh không, tác dụng bất khả đắc. Tại sao vậy? Vì đại Bồ tát này đối với những pháp danh tự cùng chỗ mà danh tự dính đến, tất cả đều bất khả đắc.

Này Xá Lợi Phất! Đại Bồ tát có thể thực hành như vậy đó là thực hành Bát nhã ba la mật.

Ví như số Tỳ kheo nhiều bằng số tre, lau, mía, mè, lúa, đậu, lùm rừng đầy cả cõi Diêm Phù Đề, tất cả đều có trí huệ như Xá Lợi Phất, Đại Mục Kiền Liên, đem tất cả trí huệ ấy muốn so sánh với trí huệ của Bồ tát thực hành Bát nhã ba la mật, thì không bằng một phần trăm, không bằng một phần ngàn, không bằng một phần trăm ngàn ức, nhãn đến không bằng một phần ví dụ. Tại sao vậy? Vì dùng trí huệ này mà Bồ tát độ thoát tất cả chúng sanh.

Này Xá Lợi Phất! Không nói đến như Xá Lợi Phất và Đại Mục Kiền Liên đầy cõi Diêm Phù Đề, mà ví như đầy cả cõi Đại Thiên, hoặc nhãn

đến đầy cả hằng sa thế giới ở mười phương, đem tất cả trí huệ ấy muốn so sánh với trí huệ của Bồ tát thực hành Bát nhã ba la mật cũng không bằng một phần trăm, nhân đến không bằng một phần ví dụ.

Này Xá Lợi Phất! Đại Bồ tát thực hành Bát nhã ba la mật, một ngày tu tập trí huệ hơn trên tất cả hàng Thanh văn, Bích chi Phật.

Ngài Xá Lợi Phất thưa:

Bạch đức Thế Tôn! Trí huệ của hàng Thanh văn Tu đà hoàn Tư đà hàm A na hàm A la hán, trí huệ của hàng Bích chi Phật, trí huệ của Phật, những trí huệ này không sai biệt, không chống trái nhau, đều là vô sanh tánh không. Nếu đã là pháp vô sanh tánh không, chẳng trái nhau thì là không sai khác nhau. Có sao đức Thế Tôn lại dạy rằng Bồ tát thực hành Bát nhã ba la mật một ngày tu tập trí huệ hơn trên tất cả hàng Thanh văn, Bích chi Phật?

Phật nói:

- Đại Bồ tát thực hành Bát nhã ba la mật một ngày tu tập trí huệ, tâm niệm rằng: Ta hành đạo trí huệ lợi ích tất cả chúng sanh, ta sẽ dùng Nhứt thiết chủng trí biết rõ tất cả pháp, độ thoát tất cả chúng sanh. Này Xá Lợi Phất! Ý của ông nghĩ thế

nào, trí huệ của hàng Thanh văn, Bích chi Phật có những sự như vậy không?

- Bạch đức Thế Tôn! Không ạ.

- Nay Xá Lợi Phất! Hàng Thanh văn, Bích chi Phật có quan niệm rằng: Ta sẽ thành Vô thượng Bồ đề độ thoát tất cả chúng sanh, làm cho họ đều được vô dư y Niết bàn, như chư đại Bồ tát không?

- Bạch đức Thế Tôn! Không ạ.

- Nay Xá Lợi Phất! Do những cố trên đây nên biết rằng trí huệ của hàng Thanh văn, Bích chi Phật sánh với trí huệ của đại Bồ tát không bằng một phần trăm, nhân đến không bằng một phần thí dụ.

Nay Xá Lợi Phất! Hàng Thanh văn, Bích chi Phật có quan niệm rằng: Ta thực hành sáu ba la mật, thành tựu chúng sanh, trang nghiêm Phật độ, đầy đủ mười trí lực, bốn vô sở úy, bốn vô ngại trí, mười tám pháp bất cộng, độ thoát vô lượng vô số chúng sanh đến quả Niết bàn như chư đại Bồ tát không?

- Bạch đức Thế Tôn! Không ạ.

- Nay Xá Lợi Phất! Ví như loài đom đóm kia chẳng bao giờ nghĩ rằng: Mình như mặt nhật mọc lên phóng ánh sáng chiếu khắp Diêm Phù Đề.

Cũng vậy, hàng Thanh văn, Bích chi Phật chẳng có quan niệm như đại Bồ tát: Ta thực hành sáu ba la mật nhân đến mười tám pháp bất cộng đợc Vô thượng Bồ đề, độ vô lượng vô số chúng sanh đến quả Niết bàn.

Ngài Xá Lợi Phất thưa:

Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là đại Bồ tát hơn bực Thanh văn, Bích chi Phật mà đến bực Bất thối chuyển thanh tịnh Phật đạo?

Đức Phật nói:

- Nay Xá Lợi Phất! Đại Bồ tát từ lúc sơ phát tâm thực hành sáu ba la mật, an trụ nơi pháp không, vô tướng, vô tác, có thể vượt hơn bực Thanh văn, Bích chi Phật mà đến bực Bất thối chuyển thanh tịnh Phật đạo.

- Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ tát an trụ bực nào mà có thể làm phước điền cho hàng Thanh văn, Bích chi Phật?

- Nay Xá Lợi Phất! Từ lúc sơ phát tâm thực hành sáu ba la mật nhân đến lúc ngồi đạo tràng thành Vô thượng Bồ đề, trong khoảng thời gian ấy, luôn thường làm phước điền cho hàng Thanh văn, Bích chi Phật. Tại sao vậy? Vì do có ơn duyên của đại Bồ tát nên những thiện pháp của thế gian phát sanh. Như những pháp thập thiện,

ngũ giới, bát quan trai, tứ thiên, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, tứ niệm xứ, tứ chánh cần, tứ như ý túc, ngũ căn, ngũ lực, thất giác phần, bát Thánh đạo phần, lục ba la mật, thập bát không, thập lục, tứ vô úy, tứ vô ngại trí, thập bát bất cộng, đại từ đại bi, Nhứt thiết chủng trí... do nhơn duyên của Bồ tát mà những pháp này hiện ra trên thế gian. Cũng do nhơn duyên của Bồ tát mà những đại tộc Sát đế lợi, Bà la môn, cư sĩ, Tứ Thiên Vương nhĩn đến Phi Phi Tướng Thiên, Tu đà hoàn, Tư đà hàm, A na hàm, A la hán, Bích chi Phật và Phật Đà đều xuất hiện trên thế gian.

- Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ tát có thanh tịnh xong phước bố thí chăng?

- Nay Xá Lợi Phất! Không có. Vì bôn lai đã thanh tịnh xong. Nay Xá Lợi Phất! Đại Bồ tát là vị đại thí chủ bố thí những thiện pháp như: thập thiện, ngũ giới nhĩn đến Nhứt thiết chủng trí.

Ngài Xá Lợi Phất thưa:

Bạch đức Thế Tôn! Thế nào đại Bồ tát tu tập đúng Bát nhĩ ba la mật tương ứng với Bát nhĩ ba la mật?

Đức Phật nói:

Nay Xá Lợi Phất! Đại Bồ tát tu tập đúng sắc

không, tu tập đúng thọ, tưởng, hành, thức không, đây gọi là tương ứng với Bát nhã ba la mật.

Lại này Xá Lợi Phất! Đại Bồ tát tu tập đúng nhãn không, tu tập đúng nhĩ, tỷ, thiệt, thân, tâm không, đây gọi là tương ứng với Bát nhã ba la mật.

Đại Bồ tát tu tập đúng sắc không, tu tập đúng thanh hương vị xúc pháp không, đây gọi là tương ứng với Bát nhã ba la mật.

Đại Bồ tát tu tập đúng nhãn giới không, đúng sắc giới không, nhãn thức giới không, nhãn đến tu tập đúng ý thức giới không, đây gọi là tương ứng với Bát nhã ba la mật.

Đại Bồ tát tu tập đúng khổ không, tu tập đúng tập, diệt, đạo không, đây gọi là tương ứng với Bát nhã ba la mật.

Đại Bồ tát tu tập đúng vô minh không, tu tập đúng hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão tử không, đây gọi là tương ứng với Bát nhã ba la mật.

Đại Bồ tát tu tập đúng tất cả pháp không, hoặc hữu vi hoặc vô vi, đây gọi là tương ứng với Bát nhã ba la mật.

Lại này Xá Lợi Phất! Đại Bồ tát tu tập đúng tánh không, tự tướng không, chư pháp không, vô

sở đắc không, vô pháp không, hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không bảy môn không, đây gọi là tương ứng với Bát nhã ba la mật.

Này Xá Lợi Phất! Lúc tu tập bảy môn không, đại Bồ tát chẳng thấy sắc hoặc tương ứng hay không tương ứng, chẳng thấy thọ, tưởng, hành, thức, hoặc tương ứng hay không tương ứng; chẳng thấy sắc hoặc sanh tướng hay diệt tướng, chẳng thấy thọ, tưởng, hành, thức, hoặc sanh tướng hay diệt tướng; chẳng thấy sắc hoặc cấu tướng hay tịnh tướng, chẳng thấy thọ tướng hành thức hoặc cấu tướng hay tịnh tướng; chẳng thấy sắc hiệp với thọ, chẳng thấy thọ hiệp với tưởng, chẳng thấy tưởng hiệp với hành, chẳng thấy hành hiệp với thức. Tại sao vậy? Vì tánh của các pháp vốn rỗng không nên không có pháp nào hiệp với pháp nào.

Này Xá Lợi Phất! Trong sắc không chẳng có sắc; trong thọ không, tưởng không, hành không, thức không chẳng có thọ tướng hành thức.

Này Xá Lợi Phất! Vì sắc rỗng không nên không có tướng nào hoại, vì thọ rỗng không nên không có tướng thọ, vì tưởng rỗng không nên không có tướng biết, vì hành rỗng không nên không có tướng tác giả, vì thức rỗng không nên

không có tướng tri giác. Tại sao vậy? Vì chẳng phải sắc khác với Không, cũng chẳng phải Không khác với sắc, mà sắc chính là Không và Không chính là sắc; thọ tướng hành thức chính là Không và Không chính là thọ tướng hành thức.

Này Xá Lợi Phất! Tướng rỗng không của các pháp vốn chẳng sanh chẳng diệt, chẳng cấu chẳng tịnh, chẳng tăng chẳng giảm; chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại. Vì thế nên trong Không pháp ấy không có sắc thọ tướng hành thức, không có nhãn nhĩ tỷ thiệt thân ý; không có sắc thanh hương vị xúc pháp; không có nhãn giới, nhãn đến không có ý thức giới; không có vô minh cũng không có vô minh tận, nhãn đến không có lão tử, cũng không có lão tử tận; không có Khổ Tập Diệt Đạo; không có trí cũng không có đắc; không có Tu đà hoàn và quả Tu đà hoàn; không có Tư đà hàm, A na hàm, A la hán và Phật, cũng không có quả Tư đà hàm, quả A na hàm, quả A la hán, quả Bích chi Phật và quả Phật.

Đại Bồ tát tu tập đúng như vậy gọi là tương ứng với Bát nhã ba la mật.

Này Xá Lợi Phất! Lúc thực hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ tát chẳng thấy Bát nhã ba la mật hoặc tương ứng hay chẳng tương ứng; cũng chẳng thấy

Đàn na ba la mật, Thi la ba la mật, Sần đề ba la mật, Tỳ lê gia ba la mật và Thiên na ba la mật hoặc tương ứng hay chẳng tương ứng. Đại Bồ tát cũng chẳng thấy sắc thọ tướng hành thức, chẳng thấy nhãn nhĩ tỷ thiệt thân ý; chẳng thấy sắc thanh hương vị xúc pháp; chẳng thấy nhãn giới nhãn đến ý thức giới hoặc tương ứng hay chẳng tương ứng. Đại Bồ tát cũng chẳng thấy tứ niệm xứ đến Bát Thánh đạo phần, nhãn đến Nhứt thiết chủng trí hoặc tương ứng hay chẳng tương ứng.

Như trên đây, này Xá Lợi Phất! Phải biết đó là đại Bồ tát tương ứng với Bát nhã ba la mật.

Lại này Xá Lợi Phất! Lúc đại Bồ tát thực hành Bát nhã ba la mật, Không chẳng hiệp với Không, vô tướng chẳng hiệp với vô tướng, vô tác chẳng hiệp với vô tác. Tại sao vậy? Vì Không, vô tướng, vô tác chẳng có hiệp với chẳng hiệp. Đại Bồ tát tu tập đúng như vậy gọi là tương ứng với Bát nhã ba la mật.

Lại này Xá Lợi Phất! Lúc thực hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ tát nhập vào tự tướng Không của các pháp; nhập xong, nơi sắc thọ tướng hành thức Bồ tát chẳng cho là hiệp, chẳng cho là chẳng hiệp; sắc thọ tướng hành thức chẳng hiệp với tiền tế cũng chẳng hiệp với hậu tế, chẳng hiệp với

hiện tại. Tại sao vậy? Vì Bồ tát chẳng thấy tiền tế, chẳng thấy hậu tế cũng chẳng thấy hiện tại.

Này Xá Lợi Phất! Đại Bồ tát lúc thực hành Bát nhã ba la mật, vì tam tế là danh từ rỗng không, nên tiền tế chẳng hiệp với hậu tế, hậu tế chẳng hiệp với tiền tế, hiện tại chẳng hiệp với tiền tế, hậu tế, tiền tế với hậu tế cũng chẳng hiệp với hiện tại. Như đây gọi là tương ứng với Bát nhã ba la mật.

Này Xá Lợi Phất! Đại Bồ tát thực hành Bát nhã ba la mật, Nhứt thiết trí chẳng hiệp với đời quá khứ, đời vị lai, đời hiện tại. Tại sao vậy? Vì đời quá khứ, đời vị lai, đời hiện tại đều còn chẳng thể thấy huống là có hiệp. Như đây gọi là tương ứng với Bát nhã ba la mật.

Này Xá Lợi Phất! Đại Bồ tát thực hành Bát nhã ba la mật, vì sắc thọ tướng hành thức chẳng thể thấy, vì nhãn đến ý chẳng thể thấy, vì sắc nhãn đến pháp chẳng thể thấy, vì nhãn thức nhãn đến ý thức chẳng thể thấy nên sắc, thọ đến ý thức đều chẳng hiệp với Nhứt thiết trí. Như đây gọi là tương ứng với Bát nhã ba la mật.

Này Xá Lợi Phất! Đại Bồ tát thực hành Bát nhã ba la mật, vì Đàn na ba la mật nhãn đến Bát nhã ba la mật đều chẳng thể thấy nên Đàn na ba la

mật nhãn đến Bát nhã ba la mật chẳng hiệp với Nhứt thiết trí. Vì tứ niệm xứ đến bát Thánh đạo phần, nhãn đến thập lục, thập bát bất cộng pháp đều chẳng thể thấy nên tất cả đều chẳng hiệp với Nhứt thiết trí. Như đây gọi là tương ứng với Bát nhã ba la mật.

Này Xá Lợi Phất! Đại Bồ tát thực hành Bát nhã ba la mật, Phật và Bồ đề chẳng hiệp với Nhứt thiết trí. Tại sao vậy? Vì Phật chánh là Nhứt thiết trí, Bồ đề cũng chánh là Nhứt thiết trí; Nhứt thiết trí chánh là Phật, cũng chánh là Bồ đề. Như đây gọi là tương ứng với Bát nhã ba la mật.

Này Xá Lợi Phất! Lúc thực hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ tát chẳng tu tập sắc là hữu hay là vô, chẳng tu tập sắc là hữu thường hay là vô thường, chẳng tu tập sắc là khổ hay là lạc, chẳng tu tập sắc là ngã hay là phi ngã, chẳng tu tập sắc là tịch diệt hay là chẳng phải tịch diệt, chẳng tu tập sắc là rộng không hay là chẳng phải rộng không, chẳng tu tập sắc là hữu tướng hay là vô tướng, chẳng tu tập sắc là hữu tác hay vô tác; thọ tướng hành thức cũng như vậy. Như đây gọi là tương ứng với Bát nhã ba la mật.

Lúc thực hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ tát chẳng có quan niệm là ta thực hành hay chẳng

thực hành Bát nhã ba la mật; cũng chẳng có quan niệm chẳng phải thực hành cùng chẳng phải chẳng thực hành. Như đây gọi là tương ứng với Bát nhã ba la mật.

Lại này Xá Lợi Phất! Chẳng vì Bát nhã ba la mật mà đại Bồ tát thực hành Bát nhã ba la mật. Cũng chẳng vì Đàn na, Thi la, Sằn đề, Tỳ lê gia, Thiên na ba la mật; cũng chẳng vì bực Bất thối chuyển thành tựu chúng sanh thanh tịnh Phật độ; cũng chẳng vì thập lực, tứ vô úy, tứ vô ngại trí, thập bát bất cộng pháp mà đại Bồ tát thực hành Bát nhã ba la mật. Cũng chẳng vì nội Không, ngoại Không, nội ngoại Không, Không Không, đại Không, đệ nhứt nghĩa Không, hữu vi Không, vô vi Không, tất cánh Không, vô thủ Không, tán Không, tánh Không, chư pháp Không, tự tướng Không, bất khả đắc Không, vô pháp Không, hữu pháp Không, vô pháp hữu pháp Không, cũng chẳng vì như pháp tánh thiết tế mà đại Bồ tát thực hành Bát nhã ba la mật. Tại sao vậy? Vì lúc thực hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ tát chẳng phá hoại tướng của các pháp. Tu tập đúng như đây thì gọi là tương ứng với Bát nhã ba la mật.

Lại này Xá Lợi Phất! Chẳng vì Thiên nhãn, Thiên nhĩ, tha tâm, túc mạng, thần túc, lậu tận sáu môn thần thông mà đại Bồ tát thực hành Bát nhã

ba la mật. Tại sao vậy? Vì lúc thực hành, đại Bồ tát còn chẳng thấy Bát nhã ba la mật huống là thấy Bồ tát thần thông. Như đây gọi là tương ứng với Bát nhã ba la mật.

Này Xá Lợi Phất! Lúc thực hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ tát chẳng quan niệm rằng ta dùng như ý thần thông bay đến phương Đông cùng bay đến khắp mười phương để cúng dường hằng sa chư Phật. Cũng chẳng quan niệm rằng ta dùng Thiên nhĩ nghe hằng sa chư Phật mười phương thuyết pháp, dùng tha tâm trí biết tâm niệm của hằng sa chúng sanh mười phương, dùng túc mạng trí biết việc làm của vô lượng đời của hằng sa chúng sanh ở mười phương. Cũng chẳng nghĩ rằng ta dùng Thiên nhãn thấy hằng sa chúng sanh chết đây sanh về nơi kia. Như đây gọi là đại Bồ tát thực hành Bát nhã ba la mật tương ứng với Bát nhã ba la mật và cũng có thể độ thoát vô lượng vô số chúng sanh.

Này Xá Lợi Phất! Đại Bồ tát có thể thực hành Bát nhã ba la mật như vậy thì ác ma không hại được, tất cả sự việc thế gian đều tùy ý muốn, hằng sa chư Phật mười phương đều ủng hộ cho Bồ tát này chẳng sa vào hàng Thanh văn, Bích chi Phật. Chư Thiên từ Tứ Vương đến Sắc Cứu Cánh Thiên cũng đều ủng hộ Bồ tát giúp thêm tự tại.

Nếu Bồ tát này đã có trọng tội thì hiện đời bị báo nhẹ. Tại sao vậy? Vì Bồ tát này dùng lòng từ bình đẳng lợi ích chúng sanh. Như đây gọi là tương ứng với Bát nhã ba la mật.

Này Xá Lợi Phất! Lúc thực hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ tát mau được các môn đà la ni và các môn tam muội, sanh về đâu cũng thường gặp chư Phật mãi đến khi chứng quả Vô thượng Bồ đề không bao giờ rời chư Phật. Đây gọi là tương ứng với Bát nhã ba la mật.

Này Xá Lợi Phất! Lúc thực hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ tát chẳng nghĩ rằng: Có pháp này với pháp này hoặc hiệp hay chẳng hiệp nhau, hoặc bằng hay chẳng bằng nhau. Tại sao vậy? Vì đại Bồ tát chẳng thấy có pháp này cùng những pháp khác hoặc hiệp hoặc bằng hay chẳng hiệp chẳng bằng. Đây gọi là tương ứng với Bát nhã ba la mật.

Này Xá Lợi Phất! Lúc thực hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ tát chẳng nghĩ rằng: Ta sẽ chóng được pháp tánh hoặc chẳng được. Tại sao vậy? Vì pháp tánh chẳng phải là tướng được. Đây gọi là tu tập tương ứng với Bát nhã ba la mật.

Lại này Xá Lợi Phất! Lúc thực hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ tát chẳng thấy có pháp nào ra ngoài pháp tánh. Cũng chẳng nghĩ rằng pháp tánh

khác với các pháp. Cũng chẳng nghĩ rằng pháp này có thể được pháp tánh hay chẳng được. Tại sao vậy? Vì đại Bồ tát chẳng thấy dùng pháp này có thể được pháp tánh hay chẳng được pháp tánh. Đại Bồ tát tu tập đúng như đây thì gọi là tương ứng với Bát nhã ba la mật.

Này Xá Lợi Phất! Lúc đại Bồ tát thực hành Bát nhã ba la mật, pháp tánh chẳng hiệp với Không, Không cũng chẳng hiệp với pháp tánh. Đây gọi là tương ứng với Bát nhã ba la mật.

Này Xá Lợi Phất! Lúc đại Bồ tát thực hành Bát nhã ba la mật, nhãn giới chẳng hiệp với Không, Không cũng chẳng hiệp với nhãn giới; sắc giới chẳng hiệp với Không, Không cũng chẳng hiệp với sắc giới; nhãn thức giới chẳng hiệp với Không, Không cũng chẳng hiệp với nhãn thức giới; nhãn đến ý giới, pháp giới và ý thức giới chẳng hiệp với Không, Không cũng chẳng hiệp với ý giới, pháp giới và ý thức giới. Tương ứng Không như vậy gọi là tương ứng đệ nhất.

Này Xá Lợi Phất! Bồ tát thực hành pháp Không chẳng sa vào hàng Thanh văn, Bích chi Phật, có thể thanh tịnh Phật độ, thành tựu chúng sanh, chóng được Vô thượng Bồ đề.

Này Xá Lợi Phất! Trong các môn tương ứng, thì tương ứng với Bát nhã ba la mật là tối đệ nhất,

là tối tôn, tối thắng, tối diệu không có gì trên. Tại sao vậy? Vì đại Bồ tát này thực hành tương ứng với Bát nhã ba la mật, chính đó là Không, vô tướng, vô tác. Phải biết rằng Bồ tát này như đã được thọ ký hoặc đã gần được thọ ký.

Này Xá Lợi Phất! Đại Bồ tát tương ứng như vậy có thể làm lợi ích cho vô lượng vô số chúng sanh. Đại Bồ tát này cũng chẳng nghĩ rằng ta tương ứng với Bát nhã ba la mật, chư Phật sẽ thọ ký cho ta, ta sẽ gần được thọ ký, ta sẽ thanh tịnh Phật độ, sẽ thành Phật chuyển pháp luân. Tại sao vậy? Vì đại Bồ tát này chẳng thấy có pháp nào ra ngoài pháp tánh, cũng chẳng thấy có pháp nào thực hành Bát nhã ba la mật, chẳng thấy có pháp nào được Phật thọ ký, chẳng thấy có pháp nào thành Phật chuyển pháp luân. Tại sao vậy? Vì lúc thực hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ tát chẳng sanh tướng ngã, tướng chúng sanh nhãn đến chẳng sanh tướng tri giả, tướng kiến giả. Tại sao vậy? Vì chúng sanh rốt ráo bất sanh bất diệt, chúng sanh không có sanh, không có diệt. Nếu các pháp đã không có tướng sanh diệt thì làm sao lại có pháp thực hành Bát nhã ba la mật.

Này Xá Lợi Phất! Thế nên vì đại Bồ tát chẳng thấy chúng sanh đó chính là thực hành Bát nhã ba la mật. Tại sao vậy? Vì chúng sanh là bất thọ, là

Không, là bất khả đắc, là ly, chính đây là thực hành Bát nhã ba la mật.

Này Xá Lợi Phất! Trong các môn tương ứng của đại Bồ tát, tương ứng với Không là tối đệ nhất. Tương ứng với Không đây hơn tất cả các môn tương ứng.

Đại Bồ tát tu tập pháp Không như vậy có thể phát sanh đại từ, đại bi, chẳng sanh những tâm san lẫn, phạm giới, sân hận, giải đãi, tán loạn, vô trí.

*



KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

PHẨM VÃNG SANH
THỨ TƯ

* Ngài Xá Lợi Phất thưa:

Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ tát thực hành Bát
nhã ba la mật có thể tu tập tương ứng như vậy,
những vị ấy từ cõi nào chết rồi sanh đến cõi này,
từ cõi này chết rồi sẽ sanh về đâu?

Đức Phật nói:

Này Xá Lợi Phất! Những đại Bồ tát ấy hoặc từ
cõi khác sanh đến cõi này, hoặc từ cung trời Đâu
Suất sanh xuống đây, hoặc có vị vẫn từ nhơn gian
sanh trở lại nhơn gian đây.

* Hán bộ quyển thứ 2.

Này Xá Lợi Phất! Những Bồ tát từ cõi khác sanh đến đây mau tương ứng với Bát nhã ba la mật. Vì tương ứng với Bát nhã ba la mật nên khi sanh đến cõi này, những pháp thâm diệu đều hiện ra lại tương ứng với Bát nhã ba la mật. Bồ tát này sanh đến đâu cũng thường gặp được chư Phật.

Này Xá Lợi Phất! Có bực Bồ tát Nhứt sanh bồ xứ từ cung trời Đâu Suất sanh đến đây. Bồ tát này chẳng mất sáu môn ba la mật, tùy sanh đến chỗ nào, tất cả môn đà la ni, tất cả môn tam muội mau hiện ra.

Này Xá Lợi Phất! Có bực Bồ tát từ nhơn gian sanh trở lại nhơn gian, Bồ tát này căn tánh chậm lụt, trừ bực Bất thối chuyển, chẳng thể mau chóng tương ứng với Bát nhã ba la mật, các môn đà la ni, các môn tam muội chẳng thể mau hiện ra.

Này Xá Lợi Phất! Như lời ông hỏi, đại Bồ tát tương ứng với Bát nhã ba la mật, từ cõi này chết sẽ sanh về đâu? Ông nên biết rằng những đại Bồ tát này từ một Phật độ chết sẽ sanh đến một Phật độ khác, luôn luôn chẳng xa rời chư Phật.

Này Xá Lợi Phất! Có đại Bồ tát chẳng dùng phương tiện mà nhập Sơ thiên, Nhị thiên, Tam thiên, Tứ thiên và cũng thực hành sáu ba la mật. Vì đặc thiên nên đại Bồ tát này sanh lên Trường

Thọ Thiên. Rồi từ cung trời ấy sanh xuống như gian gặp chur Phật. Hàng Bồ tát này căn tánh không được lanh lẹ.

Này Xá Lợi Phất! Có bậc đại Bồ tát nhập Sơ thiên đến Tứ thiên và cũng thực hành Bát nhã ba la mật, vì chẳng dùng phương tiện nên xả thiên sanh xuống Dục giới. Hàng Bồ tát này căn tánh cũng chậm lụt.

Này Xá Lợi Phất! Có bậc đại Bồ tát nhập Sơ thiên đến Tứ thiên, nhập từ tâm đến xả tâm, nhập Hư không xứ định đến Phi phi tướng xứ định, tu tập tứ niệm xứ đến bát Thánh đạo, thực hành thập lực, đại từ, đại bi. Hàng đại Bồ tát này dùng sức phương tiện chẳng sanh theo Sắc thiên, chẳng sanh theo vô lượng tâm, chẳng sanh theo Vô Sắc định, mà sanh nơi nào có Phật xuất thế, thường chẳng rời hạnh Bát nhã ba la mật. Bồ tát này sẽ thành Phật trong Hiền kiếp.

Này Xá Lợi Phất! Có đại Bồ tát nhập Sơ thiên đến Tứ thiên, nhập từ tâm đến xả tâm, nhập Hư không xứ định đến Phi phi tướng xứ định. Vì dùng sức phương tiện nên chẳng sanh theo thiên mà sanh trở lại Dục giới để thành tựu chúng sanh.

Này Xá Lợi Phất! Có đại Bồ tát nhập Sơ thiên đến Tứ thiên, nhập từ tâm đến xả tâm, nhập Hư

không xứ định đến Phi phi tướng xứ định. Vì dùng sức phương tiện nên chẳng sanh theo thiên mà sanh vào các cõi trời Dục giới, như cõi Tứ Vương hoặc cõi Đao Lợi, Dạ Ma, Đâu Suất, Hóa Lạc, Tha Hóa để thành tựu chúng sanh trong các cõi này và cũng để thanh tịnh Phật độ, gần gũi chư Phật.

Này Xá Lợi Phất! Có đại Bồ tát thực hành Bát nhã ba la mật, dùng sức phương tiện nhập Sơ thiên, ở cõi này mạng chung sanh trời Phạm Thiên làm Đại Phạm Vương, rồi đến các Phật độ, nơi nào có Phật mới thành Vô thượng Chánh giác mà chưa chuyên pháp luân thì khuyến thỉnh chuyển pháp luân.

Này Xá Lợi Phất! Có đại Bồ tát bực Nhứt sanh bồ xứ thực hành Bát nhã ba la mật, dùng sức phương tiện nhập Sơ thiên đến Tứ thiên, nhập từ tâm đến xả tâm, nhập Hư không xứ định đến Phi phi tướng xứ định, tu tứ niệm xứ đến bát Thánh đạo, nhập Không tam muội, Vô tướng tam muội, Vô tác tam muội, chẳng sanh theo thiên mà sanh nơi có Phật xuất thế, tu Phạm hạnh, hoặc sanh cung trời Đâu Suất, lúc mạng chung chẳng mất chánh niệm, đủ thiện căn, cùng vô số trăm ngàn ức vạn chư Thiên cung kính vây quanh đến sanh nơi đây mà được thành Vô thượng Bồ đề.

Này Xá Lợi Phất! Có đại Bồ tát được lục thần thông chẳng sanh Dục giới, Sắc giới và Vô Sắc giới, mà từ một Phật độ đến một Phật độ, cung kính cúng dường tôn trọng tán thán chư Phật.

Này Xá Lợi Phất! Có đại Bồ tát du hí thần thông từ một Phật độ đến một Phật độ. Nơi nào mà Bồ tát này đến thì không có Thanh văn và Bích chi Phật thừa, cũng không có danh từ Nhị thừa.

Này Xá Lợi Phất! Có đại Bồ tát du hí thần thông từ một Phật độ đến một Phật độ, chỗ nào mà Bồ tát này đến thì cõi đó thọ mạng vô lượng.

Này Xá Lợi Phất! Có đại Bồ tát du hí thần thông từ một Phật độ đến một Phật độ, nơi không có Tam Bảo Phật, Pháp và Tăng thì tán thán công đức của Phật, Pháp và Tăng. Chúng sanh nơi đó vì được nghe danh của Phật, của Pháp và của Tăng, nên sau khi mạng chung sanh trước chỗ chư Phật.

Này Xá Lợi Phất! Có đại Bồ tát lúc sơ phát tâm được Sơ thiên đến Tứ thiên, được tứ vô lượng tâm, được tứ Vô sắc định, tu tứ niệm xứ đến bát Thánh đạo nhãn đến mười tám pháp bất cộng. Bồ tát này không sanh trong tam giới mà thường sanh nơi chúng sanh có lợi ích.

Này Xá Lợi Phất! Có đại Bồ tát lúc sơ phát tâm thực hành sáu ba la mật lên ngôi Bồ tát được bực Bất thối chuyển.

Này Xá Lợi Phất! Có đại Bồ tát lúc sơ phát tâm bèn được Vô thượng Bồ đề chuyên pháp luân, sau khi đem sự lợi ích cho chúng sanh xong liền nhập Niết bàn, chánh pháp trụ thế hoặc một kiếp hoặc dưới một kiếp.

Này Xá Lợi Phất! Có đại Bồ tát lúc sơ phát tâm liền tương ứng với Bát nhã ba la mật, cùng vô số trăm ngàn ức Bồ tát từ một Phật độ đến một Phật độ để thanh tịnh Phật độ.

Này Xá Lợi Phất! Có đại Bồ tát lúc thực hành Bát nhã ba la mật được Tứ thiên, tứ vô lượng tâm, tứ Vô sắc định, rồi du hý trong đó: nhập Sơ thiên, xuất Sơ thiên, nhập Diệt tận định, xuất Diệt tận định, nhập Nhị thiên nhẫn đến Tứ thiên, xuất Tứ thiên, nhập Diệt tận định, xuất Diệt tận định, nhập Hư không xứ định nhẫn đến Phi phi tướng xứ định, xuất Phi phi tướng xứ định, nhập Diệt tận định. Đó là đại Bồ tát dùng sức phương tiện, lúc thực hành Bát nhã ba la mật, nhập siêu việt định.

Này Xá Lợi Phất! Có đại Bồ tát lúc thực hành Bát nhã ba la mật, tu tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng mà chẳng trụ lấy những quả Tu đà

hoàn, Tu đà hàm, A na hàm, A la hán, Bích chi Phật. Bồ tát này dùng sức phương tiện để độ chúng sanh nên phát khởi bát Thánh đạo phần, đem bát Thánh đạo phần này làm cho chúng sanh được quả Tu đà hoàn đến quả Bích chi Phật.

Này Xá Lợi Phất! Tất cả những quả A la hán, Bích chi Phật và trí của các bậc này đều là Vô sanh pháp nhẫn của đại Bồ tát đây.

Này Xá Lợi Phất! Phải biết rằng đại Bồ tát như đây thực hành Bát nhã ba la mật như vậy, an trụ trong bậc Bất thối chuyển như vậy.

Này Xá Lợi Phất! Có đại Bồ tát an trụ sáu ba la mật mà trang nghiêm cung trời Đâu Suất. Nên biết đây là Bồ tát trong Hiền kiếp.

Này Xá Lợi Phất! Có đại Bồ tát tu tứ thiên đến mười tám pháp bát cộng mà chưa chứng tứ đế. Nên biết đây là bậc Bồ tát nhứt sanh bổ xứ.

Này Xá Lợi Phất! Có đại Bồ tát tu hành đạo Vô thượng Bồ đề trong vô lượng a tăng kỳ kiếp.

Có đại Bồ tát an trụ sáu ba la mật thường siêng tinh tấn lợi ích chúng sanh, chẳng nói bàn đến sự vô ích.

Có đại Bồ tát an trụ sáu ba la mật thường siêng tinh tấn lợi ích chúng sanh, từ một Phật độ đến một Phật độ để dứt diệt ba ác đạo của chúng sanh.

Có đại Bồ tát an trụ sáu ba la mật lấy Đàn na làm đầu để đem sự an lạc cho tất cả chúng sanh, ban cho họ những thứ ăn uống, y phục, giường phòng, hương hoa, đèn đuốc, châu ngọc, tùy theo chỗ đáng cần dùng mà cung cấp cho chúng sanh.

Có đại Bồ tát lúc thực hành Bát nhã ba la mật biến thân hình như Phật để vì chúng sanh trong địa ngục, trong súc sanh, trong ngạ quỷ mà thuyết pháp.

Có đại Bồ tát lúc thực hành sáu ba la mật biến thân hình như Phật đến khắp mười phương hằng sa thế giới để thuyết pháp cho chúng sanh, cũng để cúng dường chư Phật và nghe Phật pháp, cũng để xem xét lựa lấy những tướng dạng thanh tịnh tốt đẹp của các cõi nước hầu phát khởi quốc độ của mình cho được siêu thắng, hàng đại Bồ tát trong đây đều là bậc Nhứt sanh bất tử.

Có đại Bồ tát lúc thực hành sáu ba la mật thành tựu ba mươi hai tướng tốt, sáu căn tịnh lợi. Vì sáu căn của Bồ tát đây tịnh lợi nên được chúng sanh mến kính. Do chúng sanh đã mến kính, Bồ tát này bèn lần lần đem pháp tam thừa cứu độ họ.

Này Xá Lợi Phất! Vì có trên đây, lúc thực hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ tát phải học thân thanh tịnh và khẩu thanh tịnh.

Có đại Bồ tát lúc thực hành sáu ba la mật được các căn thanh tịnh vẫn không tự cao cũng chẳng khinh người.

Có đại Bồ tát từ lúc sơ phát tâm an trụ Đàn na ba la mật nhẫn đến bực bất thối chuyển trọn chẳng sa vào ba ác đạo.

Có đại Bồ tát từ lúc sơ phát tâm nhẫn đến bực Bất thối chuyển thường chẳng bỏ rời hạnh thập thiện.

Có đại Bồ tát an trụ trong Đàn na và Thi la ba la mật mà làm Chuyển Luân Thánh Vương, đặt chúng sanh nơi thập thiện đạo và cũng đem tài vật bố thí cho chúng sanh.

Có đại Bồ tát an trụ trong Đàn na và Thi la ba la mật, trong vô lượng ngàn muôn đời làm Chuyển Luân Thánh Vương, gặp vô lượng trăm ngàn đức Phật và đều cung kính cúng dường tôn trọng tán thán tất cả.

Có đại Bồ tát thường đem chánh pháp để soi sáng cho chúng sanh cũng được lợi ích tự soi sáng, nhẫn đến lúc thành Vô thượng Bồ đề trọn chẳng rời sự soi sáng đó.

Này Xá Lợi Phất! Đại Bồ tát như vậy đã được tôn trọng ở trong Phật pháp. Thế nên đại Bồ tát

lúc thực hành Bát nhã ba la mật, thân, khẩu và ý đều thanh tịnh chẳng để vọng khởi.

Ngài Xá Lợi Phất thưa:

Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là Bồ tát thân nghiệp bất tịnh, khẩu nghiệp bất tịnh, ý nghiệp bất tịnh?

Đức Phật nói:

Này Xá Lợi Phất! Nếu đại Bồ tát nghĩ rằng đây là thân, là khẩu, là ý. Thấy có tướng dạng tác dụng như vậy thì gọi là thân, khẩu, ý, bất tịnh.

Này Xá Lợi Phất! Lúc thực hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ tát chẳng thấy có thân, chẳng thấy có khẩu, chẳng thấy có ý. Nếu thấy có thân khẩu ý thì do vì thấy có, nên thân khẩu ý có thể sanh những tâm niệm xan tham, phạm giới, sân khúê, giải đãi, tán loạn, ngu si. Phải biết Bồ tát như đây, lúc thực hành Bát nhã ba la mật, chẳng có thể trừ được thô nghiệp của thân, khẩu và ý.

Ngài Xá Lợi Phất thưa:

Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là đại Bồ tát dứt trừ thô nghiệp của thân, khẩu và ý?

Đức Phật nói:

Nếu chẳng thấy có thân, khẩu và ý, đại Bồ tát này có thể dứt trừ thô nghiệp của thân, khẩu và ý.

Này Xá Lợi Phất! Nếu đại Bồ tát từ lúc sơ phát tâm thực hành thập thiện đạo, chẳng móng tâm Thanh văn, chẳng móng tâm Bích chi Phật, thì có thể dứt trừ được thô nghiệp của thân, khẩu và ý.

Có đại Bồ tát lúc thực hành Bát nhã ba la mật thanh tịnh Phật đạo, mà thực hành Đàn na, Thi la, Sằn đề, Tỳ lê gia và Thiên na ba la mật, Bồ tát này trừ được thô nghiệp của thân, khẩu và ý.

Ngài Xá Lợi Phất thưa:

Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là Phật đạo của đại Bồ tát?

Đức Phật nói:

Này Xá Lợi Phất! Nếu chẳng thấy có thân, khẩu và ý, chẳng thấy có Đàn na, Thi la, Sằn đề, Tỳ lê gia, Thiên na và Bát nhã ba la mật, chẳng thấy có Thanh văn, Bích chi Phật, Bồ tát và Phật, đây gọi là Phật đạo của đại Bồ tát. Chính đó có nghĩa là vì tất cả pháp đều bất khả đắc.

Này Xá Lợi Phất! Có đại Bồ tát lúc thực hành sáu ba la mật không ai có thể phá hoại được.

Ngài Xá Lợi Phất thưa:

Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là đại Bồ tát lúc thực hành sáu ba la mật không ai phá hoại được?

Đức Phật nói:

Này Xá Lợi Phất! Nếu lúc thực hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ tát chẳng nghĩ rằng có sắc, thọ, tưởng, hành và thức; chẳng nghĩ rằng có nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý; chẳng nghĩ rằng có sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp; chẳng nghĩ rằng có nhãn giới, nhĩ giới, tỷ giới, thiệt giới, thân giới, ý giới, sắc giới, thanh giới, hương giới, vị giới, xúc giới, pháp giới, nhãn thức giới, nhĩ thức giới, tỷ thức giới, thiệt thức giới, thân thức giới và ý thức giới; chẳng nghĩ rằng có tứ niệm xứ, tứ chánh cần, tứ như ý túc, ngũ căn, ngũ lực, thất Bồ đề phần, bát Thánh đạo phần; chẳng nghĩ rằng có Đàn na ba la mật, Thi la ba la mật, Sằn đề ba la mật, Tỳ lê gia ba la mật, Thiên na ba la mật, Bát nhã ba la mật; chẳng nghĩ rằng có thập lực, tứ vô úy, tứ vô ngại trí, thập bát bất cộng pháp; chẳng nghĩ rằng có những quả Tu đà hoàn nhẫn đến quả Vô thượng Bồ đề, thực hành tăng ích sáu ba la mật như vậy thì không ai phá hoại được.

Này Xá Lợi Phất! Có đại Bồ tát an trụ trong Bát nhã ba la mật đầy đủ trí huệ, nhờ trí huệ này mà không sa vào ác đạo, cũng chẳng sanh vào trong loài người tệ ác, nghèo cùng. Thân thể của Bồ tát này cảm thọ chẳng bị hàng Thiên nhơn và A tu la chê ghét.

Ngài Xá Lợi Phất thưa: Bạch đức Thế Tôn! Những gì là trí huệ của đại Bồ tát?

Đức Phật nói:

Nhờ trí huệ ấy mà đại Bồ tát thấy hằng sa chư Phật ở mười phương và cũng nghe Phật thuyết pháp cùng thấy Tăng chúng và thấy Phật độ nghiêm tịnh. Do trí huệ ấy mà đại Bồ tát chẳng có cảm tưởng Phật, Bồ tát, Bích chi Phật, Thanh văn, cũng chẳng có cảm tưởng ngã và quốc độ. Nhờ trí huệ ấy mà đại Bồ tát thực hành Đàn na đến Bát nhã ba la mật mà chẳng thấy có Đàn na đến Bát nhã ba la mật, thực hành tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng mà chẳng thấy có tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng.

Trên đây gọi là trí huệ của đại Bồ tát. Nhờ trí huệ ấy mà đại Bồ tát có thể đầy đủ tất cả pháp mà vẫn không thấy có tất cả pháp.

Này Xá Lợi Phất! Có đại Bồ tát lúc thực hành Bát nhã ba la mật thanh tịnh được nhục nhãn, Thiên nhãn, huệ nhãn, pháp nhãn và Phật nhãn. Đây cũng gọi là ngũ nhãn thanh tịnh.

Ngài Xá Lợi Phất thưa:

Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là nhục nhãn thanh tịnh của đại Bồ tát?

Đức Phật nói:

Này Xá Lợi Phất! Có đại Bồ tát nhục nhãn thấy xa trăm do tuần, có vị thấy hai trăm do tuần, có vị thấy toàn cõi Diêm Phù Đề, có vị thấy hai thiên hạ hoặc ba bốn thiên hạ, có vị thấy khắp Tiểu thiên thế giới, hoặc thấy Trung thiên thế giới, có Bồ tát nhục nhãn thấy suốt Đại thiên thế giới. Đây là nhục nhãn thanh tịnh của đại Bồ tát.

- Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là Thiên nhãn thanh tịnh của đại Bồ tát?

- Này Xá Lợi Phất! Có đại Bồ tát Thiên nhãn thấy như Tứ Thiên Vương đã thấy, hoặc như Đạo Lợi Thiên, như Dạ Ma Thiên, như Đâu Suất Thiên, như Hóa Lạc Thiên, như Tha Hóa Thiên, như Phạm Thiên Vương nhãn đến như Sắc Cứu Cánh Thiên đã thấy.

Thiên nhãn của đại Bồ tát lại thấy chúng sanh trong hằng sa thế giới chết nơi đây sanh nơi kia. Chỗ thấy này chư Thiên từ Tứ Vương đến Sắc Cứu Cánh Thiên chẳng biết, chẳng thấy được và cũng chính là Thiên nhãn thanh tịnh của đại Bồ tát.

- Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là huệ nhãn thanh tịnh của đại Bồ tát?

- Nay Xá Lợi Phát! Huệ nhãn của Bồ tát chẳng nghĩ rằng có những pháp là hữu vi, là vô vi, là thế gian, là xuất thế gian, là hữu lậu, là vô lậu, mà không pháp nào chẳng thấy, không pháp nào chẳng nghe, không pháp nào chẳng hay, không pháp nào chẳng biết. Đây là huệ nhãn thanh tịnh của đại Bồ tát.

- Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là pháp nhãn thanh tịnh của đại Bồ tát?

- Nay Xá Lợi Phát! Do nơi pháp nhãn, đại Bồ tát biết người này là tùy tín hành, người này là tùy pháp hành, người này là vô tướng hành, cũng biết người này tu môn Không giải thoát, người này tu môn Vô tướng giải thoát, người này tu môn Vô tác giải thoát, người này được ngũ căn, do được ngũ căn mà được Vô gián tam muội. Do được Vô gián tam muội mà được trí giải thoát, do được trí giải thoát mà dứt trừ tam kiết, là thấy có ngã, nghi ngờ và giới thủ, người này gọi là được quả Tu đà hoàn. Bồ tát cũng biết người này được tư duy đạo làm mỏng bớt tham sân si, được quả Tư đà hàm; người này tăng tấn tư duy đạo dứt tham sân si Dục giới, được quả A na hàm; người này tăng tấn tư duy đạo dứt tham sân si mạn Sắc giới và Vô sắc giới, được quả A la hán. Bồ tát cũng biết người này tu môn giải thoát Không, vô tướng, vô

tác được ngũ căn, được Vô gián tam muội, do Vô gián tam muội mà được trí giải thoát, do trí giải thoát rõ biết bao nhiêu phiền não nghiệp như tích tập đều là pháp tịch diệt, được quả Bích chi Phật. Pháp nhãn thanh tịnh của Bồ tát thấy biết như vậy.

Này Xá Lợi Phất! Do nơi pháp nhãn, đại Bồ tát biết người này sơ phát tâm Bồ đề thực hành sáu ba la mật thành tựu tín căn và tinh tấn căn, người này thiện căn thuần hậu, vì dùng sức phương tiện mà thọ thân để lợi ích chúng sanh: hoặc sanh dòng Sát đế lợi, hoặc sanh dòng Bà la môn, hoặc sanh dòng cư sĩ, hoặc sanh cõi trời Tứ Vương, trời Đao Lợi, trời Dạ Ma, trời Đâu Suất, trời Hóa Lạc, trời Tha Hóa, luôn giáo hóa thành tựu chúng sanh và cấp thí cho họ đủ mọi thứ cần dùng, đồng thời thanh tịnh Phật độ, cung kính cúng dường chư Phật mãi đến đạo Vô thượng Bồ đề chẳng sa vào bụi Thanh văn, Bích chi Phật. Pháp nhãn thanh tịnh của Bồ tát thấy biết như vậy.

Này Xá Lợi Phất! Do nơi pháp nhãn, đại Bồ tát biết vị Bồ tát này thôi chuyển nơi đạo Vô thượng Bồ đề, vị Bồ tát này không thôi chuyển; vị Bồ tát này đã được thọ ký làm Phật, vị Bồ tát này chưa được thọ ký; vị Bồ tát này đã đến bậc Bất thôi chuyển, vị Bồ tát này chưa đến bậc Bất thôi

chuyên; cũng biết vị Bồ tát này đã đầy đủ thần thông, vị này chưa đầy đủ thần thông; cũng biết vị này đầy đủ thần thông bay đến mười phương hằng sa thế giới, cung kính cúng dường chư Phật; cũng biết vị này chưa được thần thông rồi sẽ được thần thông; cũng biết vị này thanh tịnh Phật độ, vị này chưa thanh tịnh Phật độ; vị này thành tựu chúng sanh, vị này chưa thành tựu chúng sanh; vị này được chư Phật khen ngợi, vị này chưa được chư Phật khen ngợi; vị này hầu gần chư Phật, vị này không hầu gần chư Phật; vị này thọ mạng vô lượng, vị này thọ mạng hữu lượng; vị Bồ tát này lúc thành Phật chúng Tỳ kheo hữu lượng, vị này chúng Tỳ kheo vô lượng; vị này lúc thành Phật dùng Bồ tát làm Tăng, vị này không dùng Bồ tát làm Tăng; vị này tu khổ hạnh khó làm, vị này không tu khổ hạnh khó làm; vị này là Nhứt sanh bổ xứ, vị này chưa Nhứt sanh bổ xứ; vị này thọ thân tối hậu, vị này chưa thọ thân tối hậu; vị này có thể ngồi đạo tràng, vị này không thể ngồi đạo tràng; vị này có phá ma, vị này không có phá ma. Những sự thấy biết này là pháp nhãn thanh tịnh của đại Bồ tát.

Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là Phật nhãn thanh tịnh của đại Bồ tát?

Này Xá Lợi Phất! Có đại Bồ tát từ nơi tâm cầu Phật đạo tuân tự nhập Kim cang tam muội được Nhứt thiết chủng trí, bảy giờ thành tựu thập lực, tứ vô sở úy, tứ vô ngại trí, thập bát bất cộng pháp, đại từ, đại bi. Dùng Nhứt thiết chủng trí, trong tất cả pháp, không pháp nào chẳng thấy, chẳng nghe, chẳng hay, chẳng biết. Nên biết đây là Phật nhãn thanh tịnh lúc đại Bồ tát được Vô thượng Bồ đề.

Này Xá Lợi Phất! Muốn được ngũ nhãn thì phải học sáu ba la mật.

Tại sao vậy? Vì trong sáu ba la mật nhiếp tất cả thiện pháp, những là Thanh văn pháp, Bích chi Phật pháp, Bồ tát pháp và Phật pháp.

Này Xá Lợi Phất! Nếu có thiết ngữ có thể nhiếp tất cả thiện pháp, thì chính đó là Bát nhã ba la mật.

Này Xá Lợi Phất! Bát nhã ba la mật hay phát sanh ngũ nhãn. Bồ tát học ngũ nhãn thì được Vô thượng Bồ đề.

Này Xá Lợi Phất! Có đại Bồ tát lúc thực hành Bát nhã ba la mật tu thần thông ba la mật, do đây được những sự như ý. Như là chân động đại địa, biến một thân làm vô số thân, vô số thân hoàn lại một thân, hoặc ẩn hoặc hiện đều tự tại, đi qua núi vách cây đá không chướng ngại như đi trong hư

không, đi trên mặt nước như đi trên đất bằng, đi trong không gian như chim bay, vào ra trong đất đá như trời hụp trong nước; trong thân tuôn lửa, tuôn nước như đồng lửa to, như nguồn suối trên núi tuyết; có thể lấy tay sờ mặt nhật, mặt nguyệt, có thể sờ đến Phạm Thiên, thân thể luôn được tự tại. Dầu hiện những thần thông như ý mà đại Bồ tát này chẳng thấy có thần thông, chẳng thấy có sự thần thông, cũng chẳng thấy có thân, tất cả đều bất khả đắc. Vì là tự tánh Không, tự tánh ly, tự tánh vô sanh. Thế nên đại Bồ tát này chẳng nghĩ rằng ta được như ý thần thông, trừ khi vì tâm Nhứt thiết trí.

Lúc thực hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ tát được như ý thần thông trí chứng như vậy.

Này Xá Lợi Phất! Vì Thiên nhĩ thanh tịnh hơn non nhĩ, Bồ tát này nghe hai thứ tiếng: tiếng của cõi trời và tiếng của loài người. Dầu như vậy nhưng Bồ tát này cũng chẳng thấy có Thiên nhĩ thần thông. Thiên nhĩ cùng âm thanh và thân mình đều bất khả đắc. Vì là tự tánh Không, tự tánh ly, tự tánh vô sanh nên Bồ tát này chẳng nghĩ rằng ta có Thiên nhĩ, trừ khi vì tâm Nhứt thiết trí.

Lúc thực hành Bát nhã ba la mật, Bồ tát này được Thiên nhĩ thần thông trí chứng như vậy.

Này Xá Lợi Phát! Đại Bồ tát này biết đúng như thiết tâm của những chúng sanh khác. Nếu là dục tâm, sân tâm, si tâm, khát ái tâm, thọ tâm, tán tâm, loạn tâm, tiểu tâm, bất giải thoát tâm, hữu thượng tâm, thì Bồ tát này biết đúng là dục tâm nhân đến biết đúng là hữu thượng tâm. Nếu là ly dục tâm, ly sân tâm, ly si tâm, vô khát ái tâm, vô thọ tâm, nhiếp tâm, định tâm, đại tâm, giải thoát tâm, vô thượng tâm, thì Bồ tát này biết đúng là tâm ly dục nhân đến biết đúng là tâm vô thượng. Dầu biết đúng như thiết nhưng Bồ tát này chẳng thấy có những tâm ấy. Tại sao vậy? Vì tâm ấy chẳng phải có thiết tâm tướng, vốn là chẳng thể nghĩ bàn. Vì là tự tánh Không, tự tánh ly, tự tánh vô sanh nên Bồ tát này chẳng nghĩ rằng ta được tha tâm trí chúng, trừ khi vì tâm Nhứt thiết trí.

Lúc thực hành Bát nhã ba la mật, Bồ tát này được tha tâm thần thông trí chúng như vậy.

Này Xá Lợi Phát! Đại Bồ tát dùng túc mạng trí chúng thần thông nhớ một ngày, một tháng, một năm, một kiếp nhân đến nhớ vô số trăm ngàn muôn ức kiếp ta ở chỗ đó, tên họ đó, sanh hoạt ăn uống như vậy, sống bao lâu, bị khổ hưởng vui như vậy, từ chỗ đó chết sanh đến chỗ kia, từ chỗ kia chết sanh đến chỗ đó, có tướng dạng, có nhơn duyên như vậy. Dầu nhớ rõ như vậy nhưng Bồ tát

này chẳng thấy có túc mạng thần thông, chẳng thấy có sự túc mạng thần thông và thân mình, tất cả đều bất khả đắc. Vì là tự tánh Không, tự tánh ly, tự tánh vô sanh nên Bồ tát này chẳng nghĩ rằng ta có túc mạng thần thông, trừ lúc vì tâm Nhứt thiết trí.

Lúc thực hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ tát này được túc mạng thần thông trí chứng như vậy.

Này Xá Lợi Phất! Đại Bồ tát này dùng Thiên nhãn thấy những chúng sanh lúc sanh, lúc tử thân đẹp hay xấu, chỗ ở tốt hay xấu, hoặc thân lớn hoặc thân nhỏ. Cũng thấy chúng sanh theo nhơn duyên của nghiệp: Có những chúng sanh vì thân khẩu ý ác nghiệp thành tựu nên hủy báng Hiền Thánh, do nhơn duyên tà kiến mà khi chết phải đọa ác đạo sanh trong địa ngục. Có những chúng sanh thân khẩu ý thiện nghiệp thành tựu mà kính tin Hiền Thánh, do nhơn duyên chánh kiến mà khi chết được vào thiện đạo sanh lên các cõi trời. Dầu thấy biết như vậy mà Bồ tát này chẳng thấy có Thiên nhãn thần thông cùng sự Thiên nhãn thần thông và thân mình, tất cả đều bất khả đắc. Vì là tự tánh Không, tự tánh ly, tự tánh vô sanh nên Bồ tát này chẳng nghĩ rằng ta có Thiên nhãn thần thông, trừ lúc vì tâm Nhứt thiết trí.

Lúc thực hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ tát này được Thiên nhân thần thông trí chứng như vậy.

Bồ tát này cũng thấy rõ chúng sanh trong hằng sa thế giới ở mười phương chết đây sanh kia nhân đến sanh lên các cõi trời, tất cả bốn thân thông đều có công năng thấu suốt như vậy. Đây là lậu tận thần thông của Bồ tát. Dầu được lậu tận thần thông mà Bồ tát này chẳng sa vào hàng Thanh văn, Bích chi Phật, mãi đến quả Vô thượng Bồ đề vẫn chẳng y cứ pháp nào khác ngoài Bát nhã ba la mật. Bồ tát này cũng chẳng thấy có lậu tận thần thông cùng sự lậu tận thần thông và thân mình, tất cả đều bất khả đắc. Vì là tự tánh Không, tự tánh ly, tự tánh vô sanh nên Bồ tát này chẳng nghĩ rằng ta được lậu tận thần thông, trừ lúc vì Nhứt thiết trí.

Lúc thực hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ tát được lậu tận thần thông trí chứng như vậy.

Này Xá Lợi Phất! Lúc thực hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ tát đầy đủ thần thông ba la mật, do đây mà quả Vô thượng Bồ đề được tăng ích.

Này Xá Lợi Phất! Có đại Bồ tát lúc thực hành Bát nhã ba la mật an trụ trong Đàn na ba la mật để thanh tịnh Nhứt thiết chủng trí, vì rốt ráo rộng không, chẳng sanh tâm xan lẫn vậy.

Này Xá Lợi Phát! Có đại Bồ tát lúc thực hành Bát nhã ba la mật an trụ trong Thi la ba la mật để thanh tịnh Nhứt thiết chủng trí, vì rất ráo rỗng không, chẳng dính mắc nơi có tội cùng chẳng tội vậy.

Này Xá Lợi Phát! Có đại Bồ tát lúc thực hành Bát nhã ba la mật an trụ trong Sằn đề ba la mật để thanh tịnh Nhứt thiết chủng trí, vì rất ráo rỗng không, chẳng sân hận vậy.

Này Xá Lợi Phát! Có đại Bồ tát lúc thực hành Bát nhã ba la mật an trụ trong Tỳ lê gia ba la mật để thanh tịnh Nhứt thiết chủng trí, vì rất ráo rỗng không, thân tâm luôn tinh tấn, chẳng trễ lười thôi nghỉ vậy.

Này Xá Lợi Phát! Có đại Bồ tát lúc thực hành Bát nhã ba la mật an trụ trong Thiên na ba la mật để thanh tịnh Nhứt thiết chủng trí, vì rất ráo rỗng không, chẳng loạn động, chẳng say sưa thiên vị vậy.

Này Xá Lợi Phát! Có đại Bồ tát lúc thực hành Bát nhã ba la mật an trụ trong Bát nhã ba la mật để thanh tịnh Nhứt thiết chủng trí, vì rất ráo rỗng không, chẳng sanh tâm ngu si vậy.

Này Xá Lợi Phát! Đại Bồ tát lúc thực hành Bát nhã ba la mật an trụ trong sáu ba la mật như

vậy để thanh tịnh Nhứt thiết chủng trí, vì rốt ráo rỗng không, vì chẳng đến chẳng đi, vì chẳng thí chẳng thọ, vì chẳng phải giới cấm, chẳng phải phạm tội, vì chẳng phải nhân chẳng phải thân, vì chẳng phải siêng chẳng phải lười, vì chẳng định chẳng loạn, vì chẳng trí chẳng ngu vậy. Bảy giờ đại Bồ tát chẳng phân biệt bố thí cùng chẳng bố thí, chẳng phân biệt trì giới cùng phạm giới, chẳng phân biệt nhân nhục cùng thân khuê, chẳng phân biệt tinh tấn cùng giải đãi, chẳng phân biệt định tâm cùng loạn tâm, chẳng phân biệt trí huệ cùng ngu si, chẳng phân biệt hủy hại khinh mạn cùng cung kính tôn trọng.

Tại sao vậy? Vì trong pháp vô sanh chẳng có ai lãnh thọ sự hủy hại, không có ai lãnh thọ sự khinh mạn hay cung kính.

Này Xá Lợi Phất! Thực hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ tát được những công đức như vậy. Hàng Thanh văn và Bích chi Phật không có được những công đức này. Do đây đại Bồ tát đầy đủ thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, được Nhứt thiết chủng trí.

Này Xá Lợi Phất! Lúc thực hành Bát nhã ba la mật, ở trong tất cả chúng sanh đại Bồ tát sanh tâm bình đẳng. Đã sanh tâm bình đẳng đối với tất cả

chúng sanh, Bồ tát được tất cả pháp bình đẳng. Đã được tất cả pháp bình đẳng, Bồ tát đặt để tất cả chúng sanh trong pháp bình đẳng đó.

Đại Bồ tát này hiện đời được chư Phật mười phương yêu mến, cũng được tất cả Bồ tát, Bích chi Phật, Thanh văn kính mến. Bất luận thọ sanh ở chỗ nào, đại Bồ tát này, trong nhãn căn chẳng thấy có sắc cũng chẳng ái sắc, nhãn đến trong ý căn chẳng biết có pháp cũng chẳng ái pháp.

Này Xá Lợi Phất! Đại Bồ tát thực hành Bát nhã ba la mật như vậy chẳng tổn giảm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lúc đức Phật giảng thuyết phẩm Bát nhã ba la mật, trong pháp hội có ba trăm Tỷ kheo đứng dậy dâng y cúng dường đức Phật và phát tâm Vô thượng Bồ đề.

Đức Phật mỉm cười, từ miệng Phật chiếu ra những ánh sáng nhiều màu. Ngài A Nan liền đứng dậy sửa y phục quỳ gối chấp tay bạch đức Phật hỏi duyên có mà đức Phật mỉm cười.

Đức Phật nói:

Này A Nan! Sáu mươi một kiếp sau, ba trăm Tỷ kheo này sẽ thành Phật hiệu là Đại Tướng. Sau khi bỏ thân này, ba trăm Tỷ kheo đây sẽ sanh về cõi nước của đức Phật A Sóc, cùng với sáu vạn

Thiên tử Dục giới đồng phát tâm Vô thượng Bồ đề, sẽ xuất gia tu hành Phật đạo trong chánh pháp của đức Phật Di Lặc.

Bấy giờ do oai thần của Phật mà hàng tứ chúng trong pháp hội thấy ngàn đức Phật ở mỗi phương trong mười phương, quốc độ trong mười phương ấy đều nghiêm tịnh hơn cõi Ta Bà này. Có mười ngàn người phát nguyện tu tịnh hạnh để sanh về thế giới của chư Phật đó.

Đức Phật biết tâm nguyện của chúng thiện nam tử này nên lại mỉm cười, từ miệng Phật phóng ra những ánh sáng.

Ngài A Nan bạch đức Phật hỏi duyên cớ. Đức Phật nói mười ngàn người ấy sẽ sanh về các thế giới mười phương, mãi không rời chư Phật. Sau đây sẽ đều thành Phật, đồng hiệu là Trang Nghiêm Vương Như Lai.

*



KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

PHẨM TÁN THÁN BA-LA-MẬT
THỨ NĂM

Bấy giờ các ngài Xá Lợi Phất, Đại Mục Kiền Liên, Tu Bồ Đề, Ma Ha Ca Diếp cùng chúng đại Tỳ kheo, chúng đại Bồ tát, chúng Ưu bà tắc, chúng Ưu bà di đứng dậy quỳ gối chấp tay thưa rằng:

Bạch đức Thế Tôn! Ma ha ba la mật là Bát nhã ba la mật của đại Bồ tát. Tôn ba la mật, đệ nhứt ba la mật, thắng ba la mật, diệu ba la mật, vô thượng ba la mật, vô đẳng ba la mật, vô đẳng

đẳng ba la mật, như hư không ba la mật đều là Bát nhã ba la mật của đại Bồ tát.

Bạch đức Thế Tôn! Tự tướng Không ba la mật, tự tánh Không ba la mật, chư pháp Không ba la mật, vô pháp hữu pháp Không ba la mật, khai nhứt thiết công đức ba la mật, thành tựu nhứt thiết công đức ba la mật, bất khả hoại ba la mật đều là Bát nhã ba la mật của đại Bồ tát

Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ tát thực hành Bát nhã ba la mật này làm vô đẳng đẳng bồ thí, đầy đủ vô đẳng đẳng Đàn na ba la mật, được vô đẳng đẳng thân và vô đẳng đẳng pháp, đây chính là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Như Đàn na ba la mật, năm ba la mật kia cũng vậy.

Đức Thế Tôn cũng vốn đã thực hành Bát nhã ba la mật này mà đầy đủ sáu ba la mật, được vô đẳng đẳng pháp, được vô đẳng đẳng sắc thọ tướng hành thức, thành Phật chuyển vô đẳng đẳng pháp luân.

Quá khứ chư Phật cũng thực hành Bát nhã ba la mật này mà đầy đủ vô đẳng đẳng bồ thí nhân đến chuyển vô đẳng đẳng pháp luân.

Vị lai chư Phật cũng thực hành Bát nhã ba la mật này sẽ đầy đủ vô đẳng đẳng bồ thí nhân đến sẽ chuyển vô đẳng đẳng pháp luân.

Vì thế nên chư đại Bồ tát muốn vượt đến tất cả pháp bỉ ngạn phải thực hành Bát nhã ba la mật.

Bạch đức Thế Tôn! Tất cả thế gian, hàng Trời, Người và A tu la đều phải lễ kính cúng dường đại Bồ tát thực hành Bát nhã ba la mật.

Đức Phật nói:

Đúng như vậy! Đúng như vậy! Nay các thiện nam tử! Tất cả thế gian hàng Trời, Người và A tu la đều phải lễ kính cúng dường người thực hành Bát nhã ba la mật. Tại sao vậy? Vì nhơn nơi Bồ tát này qua lại mà thế gian xuất sanh các thiện đạo như loài Người, loài Trời từ Tứ Thiên Vương đến Sắc Cứu Cánh Thiên, cũng xuất sanh Tu đà hoàn, Tư đà hàm, A na hàm, A la hán, Bích chi Phật và chư Phật. Nhơn nơi Bồ tát này qua lại mà thế gian xuất sanh những thứ cần dùng như đồ uống ăn, y phục, đèn đuốc, phòng nhà, châu báu.

Này Xá Lợi Phất! Tất cả những thứ vui thích của thế gian hoặc là dục lạc hay ly dục lạc trong nhơn gian hay trên các cõi trời đều là do Bồ tát này mà có. Tại sao vậy? Vì lúc thực hành Bồ tát đạo, đại Bồ tát này an trụ nơi sáu ba la mật, tự làm bố thí cũng đem sự bố thí để thành tựu chúng sanh, nhẫn đến tự làm Bát nhã ba la mật và cũng đem Bát nhã ba la mật để thành tựu chúng sanh.

Này Xá Lợi Phất! Thế nên vì an lạc tất cả chúng sanh mà đại Bồ tát xuất hiện thế gian vậy.

*



KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

PHẨM TƯỚNG LƯỖI
THỨ SÁU

Bấy giờ đức Thế Tôn hiện tướng lưỡì rộng dài trùm khắp Đại thiên thế giới. Từ nơi tướng lưỡì phóng ra vô số ánh sáng, vô lượng màu chiếu suốt hằng sa thế giới ở mười phương.

Đông phương, trong hằng sa thế giới có vô lượng vô số Bồ tát thấy ánh sáng này đều bạch hỏi đức Phật của mình về ánh sáng ấy. Chư Phật bảo đó là từ tướng lưỡì của đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai ở Ta Bà thế giới phương Tây phóng ra ánh sáng ấy để vì chư đại Bồ tát mà thuyết Bát nhã ba la mật.

Như phương Đông, chín phương kia chư Bồ tát bạch hỏi và chư Phật giải đáp cũng vậy.

Chư Bồ tát ở mười phương đều bạch cùng đức Phật của mình cầu được đến Ta Bà để kính lễ Thích Ca Mâu Ni Phật cùng gặp gỡ chư đại Bồ tát và nghe Bát nhã ba la mật. Chư Phật đều bằng lòng.

Chư Bồ tát ở mười phương đem theo những hoa báu, hương báu, tràng phan, bửu cái, vàng bạc, châu ngọc đến Ta Bà thế giới. Chư Thiên ở cõi Tứ Vương đến Sắc Cứu Cánh Thiên cũng đem những hoa trời, hương trời, cây trời, lá trời cùng nhiều loại hoa sen cõi trời, đồng đến chỗ Thích Ca Mâu Ni Phật.

Những hoa của chư đại Bồ tát và của chư Thiên rải cúng dường đều dừng ở không gian hóa thành đài báu có bốn trụ nhiều màu sắc rất trang nghiêm.

Trong chúng hội của Thích Ca Mâu Ni Phật có mười vạn ức người đều đứng dậy chấp tay thưa:

Bạch đức Thế Tôn! Đời vị lai, chúng tôi cũng sẽ được những pháp như vậy. Như chúng hội, đệ tử, thị tùng và thuyết pháp của đức Phật Thích Ca Mâu Ni ngày nay vậy.

Vì biết đại chúng này chí tâm nơi pháp bất sanh, bất diệt, bất xuất, bất tác đã được pháp nhẫn nên đức Phật mỉm cười, từ miệng đức Phật phóng ra những ánh sáng nhiều màu.

Ngài A Nan bạch Phật hỏi duyên có.

Đức Phật nói:

Này A Nan! Mười vạn ức người này đã được Vô sanh nhẫn, sáu mươi tám ức kiếp sau sẽ được thành Phật nơi kiếp Hoa Tích, đồng hiệu là Giác Hoa Như Lai.

*



KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

PHẨM TAM GIẢ
THỨ BẢY

Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề:

Ông nên dạy chư đại Bồ tát về Bát nhã ba la mật đúng như chư đại Bồ tát đáng phải thành tựu.

Liền đó toàn thể chúng hội Bồ tát, Thanh văn, chư Nhơn, Thiên đều nghĩ rằng: Ngài Tu Bồ Đề sẽ tự dùng trí huệ của Ngài hay là nương thần lực của đức Phật mà giảng thuyết Bát nhã ba la mật cho chư đại Bồ tát?

Biết quan niệm của chúng hội, ngài Tu Bồ Đề nói với ngài Xá Lợi Phất:

Phàm hàng Thanh văn đệ tử có thuyết pháp, có giáo thọ đều là nương thân lực của đức Phật cả. Lời của Phật giảng dạy chẳng trái với pháp tướng, như ngọn đèn sáng. Các thiện nam tử tu học theo pháp ấy được chứng pháp ấy. Hàng Thanh văn và Bích chi Phật thiết không có khả năng giảng thuyết Bát nhã ba la mật cho chư đại Bồ tát.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật:

Bạch đức Thế Tôn! Chư Bồ tát đã nói đó, pháp gì gọi là Bồ tát? Chúng con chẳng thấy pháp chính xác nào gọi là Bồ tát, thì thế nào dạy Bồ tát về Bát nhã ba la mật?

Đức Phật nói:

Này Tu Bồ Đề! Thật ra cũng chỉ có danh tự gọi là Bát nhã ba la mật. Bồ tát cùng tên Bồ tát cũng chỉ có danh tự mà thôi. Danh tự này chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở trung gian.

Này Tu Bồ Đề! Ví như nói ngã, chúng sanh, thọ giả, mạng giả, sanh giả, tri giả, kiến giả, tác giả, khởi giả, đều là những pháp do hòa hiệp mà có. Những tên gọi đây vốn là bất sanh, bất diệt, chỉ dùng danh tự thế gian để nói.

Cũng vậy, Bát nhã ba la mật cùng Bồ tát và tên Bồ tát đều do hòa hiệp mà có, cũng vốn là bất sanh, bất diệt, chỉ dùng danh tự thế gian để nói.

Ví như thân thể do hòa hiệp mà có, sắc thọ tướng hành thức cũng do hòa hiệp mà có, đều là bất sanh bất diệt, chỉ dùng danh tự thế gian để nói. Bát nhã ba la mật cùng Bồ tát và tên Bồ tát cũng như vậy.

Này Tu Bồ Đề! Ví như nhãn nhĩ tử thiệt thân ý, sắc thanh hương vị xúc pháp, nhãn giới nhĩ giới nhãn đến ý thức giới, tất cả thập nhị xứ cùng thập bát giới ấy, đều do hòa hiệp mà có, vốn là bất sanh, bất diệt, chỉ dùng danh tự thế gian để nói. Những thứ ấy chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở trung gian.

Cũng vậy, Bát nhã ba la mật cùng Bồ tát và tên Bồ tát đều do hòa hiệp mà có, vốn là bất sanh, bất diệt, chỉ dùng danh tự thế gian để nói, chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở trung gian,

Này Tu Bồ Đề! Ví như nội thân gọi là đầu, cổ, vai, cánh, lưng, hông, vế, chân; ngoại vật gọi là cỏ, cây, nhánh, lá, cọng, lông mắt... đều do hòa hiệp mà có, vốn là bất sanh, bất diệt, chỉ dùng danh tự thế gian để nói, cũng chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở trung gian.

Bát nhã ba la mật cùng Bồ tát và tên Bồ tát cũng như vậy, đều do hòa hiệp mà có, vốn là bất sanh, bất diệt, chỉ dùng danh tự thế gian để nói, chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở trung gian.

Này Tu Bồ Đề! Ví như danh hiệu của chư Phật quá khứ do hòa hiệp mà có, cũng là bất sanh, bất diệt, chỉ dùng danh tự để nói, chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở trung gian. Bát nhã ba la mật cùng Bồ tát và tên Bồ tát cũng như vậy.

Ví như bóng vang, mộng ảo, diệm hóa đều do hòa hiệp mà có, chỉ dùng danh tự để nói, những thứ ấy cùng danh tự vốn là bất sanh, bất diệt, chẳng phải trong, chẳng phải ngoài, chẳng phải trung gian. Bát nhã ba la mật cùng Bồ tát và tên Bồ tát cũng như vậy, đều do hòa hiệp mà có, là bất sanh bất diệt, chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở trung gian.

Này Tu Bồ Đề! Phải học tập như vậy: Đại Bồ tát thực hành Bát nhã ba la mật, danh tự của Bát nhã ba la mật cùng sự nhận thọ Bát nhã ba la mật và chính pháp Bát nhã ba la mật đều là giả thi thiết cả.

Lúc thực hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ tát chẳng thấy sắc danh tự cùng thọ tướng hành thức danh tự là thường là vô thường, là khổ là lạc, là ngã là vô ngã, là cấu là tịnh; cũng chẳng thấy danh tự năm uẩn này là Không, là vô tướng, là vô tác, là tịch diệt; là sanh, là diệt; là ở trong, ở ngoài, ở trung gian.

Như năm uẩn, nhãn căn, sắc trần, nhãn thức, nhãn xúc cùng nhơn duyên của nhãn xúc sanh ra những cảm thọ; nhãn đến ý căn, pháp trần, ý thức, ý xúc cùng nhơn duyên của ý xúc sanh ra những cảm thọ cũng vậy. Đại Bồ tát đều chẳng thấy là thường, là vô thường nhãn đến chẳng thấy ở trung gian.

Tại sao vậy? Vì lúc thực hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ tát ở trong tánh hữu vi, trong tánh vô vi đều không thấy Bát nhã ba la mật cùng Bồ tát và tên Bồ tát. Đối với những pháp này, đại Bồ tát chẳng móng niệm phân biệt.

Thực hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ tát này an trụ trong bất hoại pháp, lúc tu tứ niệm xứ cho đến lúc tu mười tám pháp bất cộng, chẳng thấy Bát nhã ba la mật cùng danh tự của Bát nhã ba la mật chẳng thấy Bồ tát cùng danh tự của Bồ tát. Lúc thực hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ tát chỉ biết thiết tướng của các pháp. Thiết tướng này là chẳng cấu chẳng tịnh.

Lúc thực hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ tát phải biết danh tự là giả thi thiết. Đã biết danh tự là giả thi thiết rồi thì chẳng chấp trước nơi sắc thọ tướng hành thức, chẳng chấp trước nơi nhãn nhĩ tỷ thiết thân ý, sắc thanh hương vị xúc pháp,

chẳng chấp trước nơi nhãn giới đến ý thức giới; chẳng chấp trước nơi nhãn xúc cùng như duyên của nhãn xúc đến ý xúc cùng như duyên của ý xúc sanh ra sự cảm thọ hoặc khổ, hoặc lạc, hoặc bất khổ, bất lạc; chẳng chấp trước tánh hữu vi, tánh vô vi; chẳng chấp trước Đàn na, Thi la, Sần đề, Tỳ lê gia, Thiên na và Bát nhã ba la mật; chẳng chấp trước ba mươi hai tướng, chẳng chấp trước thân Bồ tát; chẳng chấp trước nhục nhãn, Thiên nhãn, huệ nhãn, pháp nhãn, Phật nhãn; chẳng chấp trước trí ba la mật, thần thông ba la mật; chẳng chấp trước nội Không nhãn đến vô pháp hữu pháp Không; chẳng chấp trước thành tựu chúng sanh, chẳng chấp trước thanh tịnh Phật độ, chẳng chấp trước pháp phương tiện.

Tại sao vậy? Vì những pháp này đều là rỗng không nên chẳng có người chấp trước, chẳng có pháp bị chấp trước, chẳng có chỗ chấp trước.

Lúc thực hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ tát chẳng chấp trước tất cả pháp bèn tăng ích sáu ba la mật lên bậc Bồ tát bất thối chuyển, đủ đại thần thông, đến Phật độ này đến Phật độ kia để cúng dường chư Phật, độ thoát chúng sanh, thanh tịnh Phật quốc, cũng để nghe chư Phật thuyết pháp. Nghe xong nhớ mãi đến lúc thành Vô thượng Bồ

đề vẫn chẳng quên, được những môn đà la ni cùng những môn tam muội.

Thế nên đại Bồ tát lúc thực hành Bát nhã ba la mật phải biết rõ các pháp danh tự là giả thi thiết.

- Này Tu Bồ Đề! Sắc, thọ, tưởng, hành, thức, có phải là Bồ tát chăng?

- Không phải. Bạch đức Thế Tôn!

- Này Tu Bồ Đề! Nhãn nhĩ tỷ thiệt thân ý, sắc thanh hương vị xúc pháp, nhãn thức nhĩ thức tỷ thức thiệt thức thân thức ý thức có phải là Bồ tát chăng?

- Không phải. Bạch đức Thế Tôn!

- Này Tu Bồ Đề! Địa chủng, thủy chủng, hỏa chủng, phong chủng, không chủng, thức chủng có phải là Bồ tát chăng?

- Không phải. Bạch đức Thế Tôn!

- Này Tu Bồ Đề! Vô minh, hành thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão, tử có phải là Bồ tát chăng?

- Không phải. Bạch đức Thế Tôn!

- Này Tu Bồ Đề! Rời ngoài ngũ uẩn, thập nhị xứ, thập bát giới; rời ngoài lục đại chủng, thập nhị như duyên có phải là Bồ tát chăng?

- Không phải. Bạch đức Thế Tôn.

- Này Tu Bồ Đề! Như như tướng của ngũ uẩn nhãn đến như như tướng của thập nhị nhơn duyên có phải là Bồ tát chăng?

- Không phải. Bạch đức Thế Tôn!

- Này Tu Bồ Đề! Rời ngoài như như tướng ấy có phải là Bồ tát chăng?

- Không phải. Bạch đức Thế Tôn!

- Này Tu Bồ Đề! Ông thấy nghĩa gì mà cho rằng tất cả những pháp kể trên và ly những pháp ấy không phải là Bồ tát như vậy?

- Bạch đức Thế Tôn! Chúng sanh còn rất ráo bất khả đắc huống lại là Bồ tát. Sắc còn bất khả đắc huống là sắc hay rời sắc là Bồ tát, huống là như như tướng của sắc hay rời như như tướng của sắc là Bồ tát. Nhãn đến thập nhị nhơn duyên còn bất khả đắc, huống là thập nhị nhơn duyên hay rời thập nhị nhơn duyên là Bồ tát, huống là như như tướng hay rời như như tướng của thập nhị nhơn duyên là Bồ tát.

- Lành thay, lành thay! Đúng như vậy. Này Tu Bồ Đề! Vì đại Bồ tát và chúng sanh bất khả đắc nên Bát nhã ba la mật cũng bất khả đắc. Cần phải học như vậy.

- Này Tu Bồ Đề! Sắc thọ tướng hành thức có phải là nghĩa của Bồ tát chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Không phải.

- Này Tu Bồ Đề! Sắc thọ tướng hành thức thường, vô thường; lạc, khổ; ngã, vô ngã có phải là nghĩa của Bồ tát chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Không phải.

- Này Tu Bồ Đề! Sắc thọ tướng hành thức, không, phi không; tướng, vô tướng; tác, vô tác có phải là nghĩa của Bồ tát chăng? Nhẫn đến lão, tử cũng như vậy.

- Bạch đức Thế Tôn! Không phải.

- Này Tu Bồ Đề! Ông thấy những nghĩa gì mà cho rằng ngũ uẩn đến thập nhị nhơn duyên không phải nghĩa của Bồ tát; ngũ uẩn đến thập nhị nhơn duyên thường, vô thường nhẫn đến tác, vô tác đều không phải nghĩa của Bồ tát?

- Bạch đức Thế Tôn! Ngũ uẩn đến thập nhị nhơn duyên còn rốt ráo bất khả đắc huống lại là nghĩa của Bồ tát. Ngũ uẩn đến thập nhị nhơn duyên, thường đến vô tác còn rốt ráo bất khả đắc huống lại là nghĩa của Bồ tát.

- Lành thay, lành thay! Đúng như vậy. Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ tát thực hành Bát nhã ba la mật,

nghĩa của sắc thọ tướng hành thức, nhãn đến nghĩa vô tác đều bất khả đắc. Phải học Bát nhã ba la mật như vậy.

Này Tu Bồ Đề! Ông nói rằng: “Ông không thấy có pháp chính xác nào gọi là Bồ tát”. Phải biết rằng các pháp chẳng thấy các pháp. Các pháp chẳng thấy pháp tánh. Pháp tánh cũng chẳng thấy các pháp. Pháp tánh chẳng thấy địa chủng, địa chủng chẳng thấy pháp tánh, nhãn đến thức chủng cũng như vậy. Pháp tánh chẳng thấy nhãn và sắc cùng nhãn thức tánh nhãn đến ý thức tánh, nhãn sắc, nhãn thức tánh nhãn đến ý thức tánh cũng chẳng thấy pháp tánh.

Này Tu Bồ Đề! Hữu vi tánh chẳng thấy vô vi tánh, vô vi tánh cũng chẳng thấy hữu vi tánh. Tại sao vậy? Vì rời hữu vi chẳng thể nói vô vi, rời vô vi chẳng thể nói hữu vi.

Đúng như vậy. Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ tát thực hành Bát nhã ba la mật đối với các pháp đều không chỗ thấy. Bây giờ Bồ tát không kinh sợ, chẳng hối tiếc, tâm cũng chẳng trầm một.

Tại sao vậy? Vì đại Bồ tát này chẳng thấy ngũ uẩn, thập nhị xứ, thập bát giới nhãn đến chẳng thấy thập nhị nhơn duyên, chẳng thấy ngã chúng sanh nhãn đến tri giả, kiến giả, chẳng thấy Dục

giới, Sắc giới, Vô Sắc giới, chẳng thấy Thanh văn, Bích chi Phật, chẳng thấy Bồ tát và pháp của Bồ tát, chẳng thấy Phật, Phật pháp và Phật đạo.

Vì tất cả pháp đều chẳng thấy nên Bồ tát chẳng kinh sợ, chẳng hối tiếc, chẳng trầm một.

- Bạch đức Thế Tôn! Do có gì mà tâm của Bồ tát này chẳng hối tiếc, chẳng trầm một?

- Nay Tu Bồ Đề! Tất cả tâm và tâm sở của đại Bồ tát đều bất khả đắc và chẳng thể thấy. Vì thế nên tâm của Bồ tát chẳng trầm một, chẳng hối tiếc.

- Bạch đức Thế Tôn! Do có gì mà tâm của Bồ tát chẳng kinh sợ?

- Nay Tu Bồ Đề! Ý và ý thức của Bồ tát này đều bất khả đắc và chẳng thể thấy. Vì thế nên Bồ tát chẳng kinh, chẳng sợ.

Đúng như vậy. Nay Tu Bồ Đề! Vì tất cả pháp bất khả đắc nên đại Bồ tát phải thực hành Bát nhã ba la mật.

Nay Tu Bồ Đề! Tất cả nơi chỗ, đại Bồ tát chẳng thấy Bát nhã ba la mật, chẳng thấy Bồ tát, chẳng thấy danh dự Bồ tát, cũng chẳng thấy tâm Bồ tát. Đây chính là dạy hàng đại Bồ tát.



KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

PHẨM KHUYẾN HỌC
THỨ TÁM

* Ngài Tu Bồ Đề thưa:

Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ tát muốn đầy đủ Đàn na ba la mật thì phải học Bát nhã ba la mật, muốn đầy đủ Thi la ba la mật, Sằn đề ba la mật, Tỳ lê gia ba la mật, Thiên na ba la mật và Bát nhã ba la mật thì phải học Bát nhã ba la mật.

Đại Bồ tát muốn biết ngũ uẩn, thập nhị xứ, thập bát giới, muốn biết nhãn xúc cùng nhãn xúc làm như duyên sanh ra thọ, nhãn đến ý xúc làm

* Hán bộ quyển thứ 3.

nhơn duyên sanh ra thọ, thì phải học Bát nhã ba la mật.

Đại Bồ tát muốn dứt tham, sân, si, mạn, nghi, thân kiến, giới thủ, các thứ tâm sở phiền não, thì phải học Bát nhã ba la mật. Muốn dứt tứ phược, tứ kết, tứ điên đảo, thì phải học Bát nhã ba la mật.

Đại Bồ tát muốn biết thập thiện, tứ thiên, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, tứ niệm xứ nhĩn đến mười tám pháp bất cộng, đều phải học Bát nhã ba la mật.

Đại Bồ tát muốn nhập Giác ý tam muội, muốn nhập lục thần thông, muốn nhập cửu thứ đệ định, muốn nhập Siêu việt tam muội, đều phải học Bát nhã ba la mật.

Đại Bồ tát muốn được Sư tử du hý tam muội, Sư tử phân tán tam muội, muốn được tất cả môn đà la ni, muốn được Thủ lăng nghiêm tam muội, Bửu ấn tam muội, Diệu nguyệt tam muội, Nguyệt tràng tướng tam muội, Nhứt thiết pháp ấn tam muội, Quán ấn tam muội, Tất pháp tánh tam muội, Tất trụ tướng tam muội, Như kim cương tam muội, Nhập nhứt thiết pháp môn tam muội, Tam muội vương tam muội, Vương ấn tam muội, Tịnh lực tam muội, Cao xuất tam muội, Tất nhập nhứt thiết biện tài tam muội, Nhập chư pháp danh tam

muội, Quán thập phương tam muội, Chư đà la ni môn ấn tam muội, Nhứt thiết pháp bát vong tam muội, Nhiếp nhứt thiết pháp tụ ấn tam muội, Hư không trụ tam muội, Tam phần thanh tịnh tam muội, Bất thối thân thông tam muội, Xuất bát tam muội, Chư tam muội tràng tướng tam muội, đều phải học Bát nhã ba la mật.

Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ tát muốn thỏa mãn nguyện vọng của tất cả chúng sanh thì phải học Bát nhã ba la mật. Muốn được đầy đủ những thiện căn sau đây: thường chẳng đọa vào ác đạo, chẳng sanh nhà ty tiện, chẳng ở trong hàng Thanh văn, Bích chi Phật, chẳng sa vào Bồ tát đánh, thì phải học Bát nhã ba la mật.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi:

Thế nào là sa vào Bồ tát đánh?

Ngài Tu Bồ Đề nói:

Nếu đại Bồ tát chẳng dùng pháp phương tiện mà thực hành sáu ba la mật nhập Không, vô tướng, vô tác tam muội, chẳng sa vào hàng Thanh văn, Bích chi Phật, cũng chẳng nhập Bồ tát vị, đây gọi là đại Bồ tát pháp ái sanh, vì thế nên sa vào Bồ tát đánh.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: “Thế nào gọi là Bồ tát sanh”.

Ngài Tu Bồ Đề nói: “Sanh gọi là pháp ái”.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: “Những gì là pháp ái?”

Ngài Tu Bồ Đề nói:

Đại Bồ tát thực hành Bát nhã ba la mật, sắc thọ tướng hành thức là Không, là vô tướng, là vô tác, là tịch diệt, là vô thường, là khổ, là vô ngã, Bồ tát nhận thọ ghi nhớ nắm giữ nơi đây, thì gọi là thuận đạo pháp ái sanh.

Đây là Khổ phải biết, đây là Tập phải dứt, đây là Diệt phải chứng, đây là Đạo phải tu; pháp này cầu, pháp này tịnh; nên gần pháp này, chẳng nên gần pháp này; chỗ này nên làm, chỗ này chẳng nên làm; đây là Bồ tát đạo, đây chẳng phải Bồ tát đạo; đây là chỗ học của Bồ tát, đây chẳng phải chỗ học của Bồ tát; đây là Đàn na ba la mật nhận đến Bát nhã ba la mật của Bồ tát, đây chẳng phải sáu ba la mật của Bồ tát; đây là phương tiện của Bồ tát, đây chẳng phải phương tiện của Bồ tát; đây là chỗ thành thực của Bồ tát, đây chẳng phải chỗ của Bồ tát thành thực. Lúc thực hành Bát nhã ba la mật, nếu đại Bồ tát nhận thọ ghi nhớ nắm giữ những pháp trên đây thì gọi là thuận đạo pháp ái sanh.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: “Thế nào là Bồ tát bất sanh?”.

Ngài Tu Bồ Đề nói:

Đại Bồ tát lúc thực hành Bát nhã ba la mật, trong nội Không chẳng thấy ngoại Không, trong ngoại Không chẳng thấy nội Không, trong ngoại Không chẳng thấy nội ngoại Không, trong nội ngoại Không chẳng thấy ngoại Không, trong nội ngoại Không chẳng thấy Không Không, trong Không Không chẳng thấy nội ngoại Không, trong đại Không chẳng thấy Không Không, trong đại Không chẳng thấy đệ nhất nghĩa Không, trong đệ nhất nghĩa Không chẳng thấy đại Không, trong đệ nhất nghĩa Không chẳng thấy hữu vi Không, trong hữu vi Không chẳng thấy đệ nhất nghĩa Không, trong hữu vi Không chẳng thấy vô vi Không, trong vô vi Không chẳng thấy hữu vi Không, trong vô vi Không chẳng thấy tất cánh Không, trong tất cánh Không chẳng thấy vô vi Không, trong tất cánh Không chẳng thấy vô thí Không, trong vô thí Không chẳng thấy tất cánh Không, trong vô thí Không chẳng thấy tán Không, trong tán Không chẳng thấy vô thí Không, trong tán Không chẳng thấy tánh Không, trong tánh Không chẳng thấy tán Không, trong tánh Không chẳng thấy chư pháp Không, trong chư pháp Không chẳng thấy tánh Không, trong chư pháp Không chẳng thấy tự tướng Không,

trong tự tướng Không chẳng thấy chư pháp Không, trong tự tướng Không chẳng thấy vô sở đắc Không, trong vô sở đắc Không chẳng thấy tự tướng Không, trong vô sở đắc Không chẳng thấy vô pháp Không, trong vô pháp Không chẳng thấy vô sở đắc Không, trong vô pháp Không chẳng thấy hữu pháp Không, trong hữu pháp Không chẳng thấy vô pháp Không, trong hữu pháp Không chẳng thấy vô pháp hữu pháp Không, trong vô pháp hữu pháp Không chẳng thấy hữu pháp Không.

Như trên đây là Bồ tát bất sanh, là được nhập Bồ tát vị.

Này ngài Xá Lợi Phất! Đại Bồ tát muốn học Bát nhã ba la mật phải học thế này: Chẳng nghĩ nhớ ngũ uẩn, thập nhị xứ, thập bát giới; chẳng nghĩ nhớ sáu ba la mật nhân đến mười tám pháp bất cộng.

Lúc được những tâm này, tâm vô đẳng đẳng, đại tâm, đại Bồ tát thực hành Bát nhã ba la mật chẳng nên nghĩ nhớ, chẳng nên tự đắc. Tại sao vậy? Vì tâm này chẳng phải tâm, vì tâm tướng vốn là thường tịnh vậy.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: “Thế nào là tâm tướng thường thanh tịnh?”.

Ngài Tu Bồ Đề nói:

Bồ tát biết rõ tâm tướng cùng với tham sân si, tất cả kiết sử, phiền não vốn chẳng hiệp, chẳng ly nhau; với tâm Thanh văn, tâm Bích chi Phật vốn chẳng hiệp, chẳng ly nhau. Đây gọi là Bồ tát tâm tướng thường thanh tịnh.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: “Có cái tâm không tâm tướng này chăng?”.

Ngài Tu Bồ Đề nói:

Trong tâm không tướng này có thể được những tướng hữu tâm cùng tướng vô tâm chăng?

Ngài Xá Lợi Phất nói: “Chẳng thể được”.

Ngài Tu Bồ Đề nói:

Nếu là chẳng thể được thì chẳng nên hỏi: “Có cái tâm không tâm tướng chăng?”.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: “Những gì là không tâm tướng?”.

Ngài Tu Bồ Đề nói: “Với các pháp, chẳng hư hoại, chẳng phân biệt, đây gọi là không tâm tướng”.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: “Chỉ có tâm này chẳng hư hoại, chẳng phân biệt, còn sắc nhãn đến Phật đạo có là cũng chẳng hư hoại, chẳng phân biệt chăng?”.

Ngài Tu Bồ Đề nói: “Nếu có thể biết tâm tướng chẳng hư hoại, chẳng phân biệt, thì cũng có thể biết sắc nhãn đến Phật đạo cũng chẳng hư hoại, chẳng phân biệt”.

Ngài Xá Lợi Phất tán thán:

Lành thay, lành thay! Tu Bồ Đề là chơn Phật tử, từ miệng Phật mà sanh, từ thấy pháp mà sanh, từ pháp hóa sanh, lấy được pháp phần, chẳng lấy tài phần. Trong chánh pháp tự tin thân được chứng. Đúng như lời đức Phật từng khen ông là bậc nhứt trong những người được Vô tránh tam muội.

Đại Bồ tát phải học Bát nhã ba la mật như vậy. Trong đây cũng phải biết rõ Bồ tát đúng như lời ông đã nói mà thực hành, thì chẳng rời Bát nhã ba la mật.

Những thiện nam tử, thiện nữ nơn muốn học bậc Thanh văn cũng phải nghe Bát nhã ba la mật để thọ trì, đọc tụng, ghi nhớ, thực hành. Người muốn học bậc Bích chi Phật cũng phải nghe Bát nhã ba la mật để thọ trì, đọc tụng, ghi nhớ, thực hành. Người muốn học bậc Bồ tát cũng phải nghe Bát nhã ba la mật để thọ trì, đọc tụng, ghi nhớ, thực hành.

Tại sao vậy? Vì trong Bát nhã ba la mật nói rộng về tam thừa, nên Bồ tát, Thanh văn, Bích chi Phật đều phải học.

*



KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

PHẨM TẬP TÁN
THỨ CHÍN

Ngài Tu Bồ Đề bạch đức Phật:

Bạch đức Thế Tôn! Con chẳng cảm thấy cũng chẳng được gì là Bồ tát thực hành Bát nhã ba la mật thì sẽ vì ai mà giảng thuyết Bát nhã ba la mật?

Bạch đức Thế Tôn! Con chẳng thấy được tất cả các pháp tập hợp tan, nếu con vì Bồ tát mà gọi tên là Bồ tát có thể con sẽ phải hối hận.

Bạch đức Thế Tôn! Tên gọi ấy chẳng an trụ cũng chẳng phải chẳng an trụ. Tại sao vậy? Vì tên

gọi vốn vô sở hữu. Vì thế tên gọi ấy chẳng trụ cũng chẳng phải chẳng trụ.

Bạch đức Thế Tôn! Con chẳng thấy được sắc nhãn đến thức, nhãn nhãn đến ý, sắc nhãn đến pháp, nhãn thức nhãn đến ý thức, nhãn xúc nhãn đến ý xúc, nhãn xúc như duyên sanh thọ nhãn đến ý xúc như duyên sanh thọ, con cũng chẳng thấy được vô minh nhãn đến lão tử hợp tan, vô minh diệt nhãn đến lão tử diệt hợp tan. Nếu đã là chẳng thấy được thì thế nào lại đặt tên. Thế nên tên gọi chẳng trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ. Tại sao vậy? Vì tên gọi vô sở hữu vậy.

Bạch đức Thế Tôn! Con chẳng thấy được tham sân si, các phiền não, kiết sử hợp tan, chẳng thấy được sáu ba la mật đến mười tám pháp bất cộng tập hợp, rời tan, thì thế nào sẽ đặt tên gọi là Bồ tát. Tên gọi này chẳng an trụ, chẳng phải chẳng an trụ. Tại sao vậy? Vì tên gọi vô sở hữu vậy.

Bạch đức Thế Tôn! Con chẳng thấy được ngũ âm hợp tan như mộng, như bóng, như vang, như dương diệm, như biến hóa.

Con chẳng được rời hợp tan cùng tịch diệt bất sanh bất diệt, bất cấu bất tịnh hợp tan. Con chẳng được pháp tánh, thiết tế, pháp tướng, pháp vị hợp

tan. Con chẳng được những pháp thiện, pháp bất thiện hợp tan. Con chẳng được những pháp hữu vi, vô vi; hữu lậu, vô lậu hợp tan. Con chẳng được những pháp quá khứ, vị lai, hiện tại hợp tan. Con chẳng được những pháp chẳng quá khứ, chẳng vị lai, chẳng hiện tại hợp tan.

Những gì là pháp chẳng quá khứ, chẳng vị lai, chẳng hiện tại? Chính là pháp vô vi vậy.

Bạch đức Thế Tôn! Con chẳng thấy được pháp vô vi hợp tan. Chẳng thấy được Phật hợp tan, cũng chẳng thấy được hàng sa Phật quốc, chư Phật và Bồ tát cùng Thanh văn, Bích chi Phật hợp tan. Vì đều vô sở hữu nên chẳng trụ, chẳng phải chẳng trụ.

Như thế thì thế nào sẽ có thể giáo Bồ tát về Bát nhã ba la mật.

Bạch đức Thế Tôn! Danh tự Bồ tát đây chẳng an trụ, cũng chẳng phải chẳng an trụ. Tại sao vậy? Vì danh tự này vô sở hữu vậy, thế nên chẳng trụ, cũng chẳng phải chẳng an trụ.

Bạch đức Thế Tôn! Con chẳng thấy được chư pháp thiết tướng hợp tan thì thế nào đặt tên cho Bồ tát mà gọi là Bồ tát. Danh tự thiết tướng của các pháp chẳng trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ. Vì

danh tự này vô sở hữu. Thế nên danh tự chẳng trụ, cũng chẳng phải chẳng an trụ.

Bạch đức Thế Tôn! Các pháp do như duyên hòa hiệp mà có giả danh thi thiết. Danh tự Bồ tát trong ngũ âm, thập nhị xứ, thập bát giới nhân đến trong mười tám pháp bất cộng đều bất khả thuyết, ở trong pháp hòa hiệp cũng là bất khả thuyết.

Ví như mộng, ảnh, hương, diệm, hóa trong các pháp, đều bất khả thuyết.

Ví như danh tự hư không, địa, thủy, hỏa, phong cũng chỉ có thể nói trong không có pháp.

Danh tự của giới, tam muội, trí huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, danh tự của Tu đà hoàn, Tư đà hàm, A na hàm, A la hán, Bích chi Phật cũng chỉ có thể nói trong không có pháp.

Danh tự của Phật, của Pháp cũng chỉ có thể nói trong không có pháp. Những pháp là thiện bất thiện, thường vô thường, khổ lạc, ngã vô ngã, tịch diệt ly, hữu vô.

Bạch đức Thế Tôn! Vì thế nên lòng con sẽ hối hận nếu con đạt danh tự Bồ tát mà gọi là Bồ tát, vì tướng hợp tan của tất cả pháp đều bất khả đắc. Danh tự ấy chẳng trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ, vì là vô sở hữu vậy.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu đại Bồ tát nghe nói tướng và nghĩa của Bát nhã ba la mật như vậy mà tâm chẳng trầm một, chẳng hồi tiếc, chẳng kinh, chẳng sợ, thì phải biết Bồ tát này quyết định an trụ trong tánh bất thối chuyển, vì chẳng an trụ nơi các pháp vậy.

Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ tát muốn thực hành Bát nhã ba la mật, chẳng nên an trụ trong ngũ uẩn, thập nhị xứ, thập bát giới; chẳng nên an trụ trong sáu đại chủng, thập nhị nhơn duyên.

Tại sao vậy? Vì sắc và sắc tướng là Không nhãn đến lão tử và tướng lão tử là Không.

Sắc Không nhãn đến lão tử Không chẳng gọi là sắc nhãn đến chẳng gọi là lão tử. Rời ngoài Không cũng không có sắc, nhãn đến rời ngoài Không cũng không có lão tử. Sắc tức là Không, Không tức là sắc. Nhãn đến lão tử tức là Không, Không tức là lão tử.

Vì lẽ trên đây nên lúc muốn thực hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ tát chẳng nên an trụ trong sắc, nhãn đến chẳng nên an trụ trong lão tử. Chẳng nên an trụ trong tứ niệm xứ nhãn đến chẳng nên an trụ trong mười tám pháp bất cộng. Tại sao vậy? Vì tứ niệm xứ và tướng của tứ niệm xứ là Không. Tứ niệm xứ Không chẳng gọi là tứ niệm xứ, rời ngoài

Không cũng không có tứ niệm xứ. Tứ niệm xứ tức là Không, Không tức là tứ niệm xứ. Nhẫn đến mười tám pháp bất cộng cũng như vậy.

Bạch đức Thế Tôn! Lúc muốn thực hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ tát chẳng nên an trụ trong sáu ba la mật. Tại sao vậy? Vì sáu ba la mật và tướng của sáu ba la mật là Không. Sáu ba la mật Không chẳng gọi là sáu ba la mật. Rời ngoài Không cũng chẳng có sáu ba la mật. Sáu ba la mật tức là Không, Không tức là sáu ba la mật.

Bạch đức Thế Tôn! Lúc muốn thực hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ tát chẳng nên an trụ trong nhứt tự môn, nhị tự môn nhẫn đến vô lượng tự môn. Vì ý nghĩa cũng như trên đã nói.

Bạch đức Thế Tôn! Lúc muốn thực hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ tát chẳng nên an trụ trong các môn thần thông. Vì ý nghĩa cũng như trên đã nói.

Bạch đức Thế Tôn! Lúc muốn thực hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ tát chẳng nên an trụ trong sắc là vô thường, sắc là khổ, sắc là vô ngã, sắc là Không, sắc là tịch diệt, là ly. Tại sao vậy? Vì vô thường và tướng vô thường là Không. Vô thường Không chẳng gọi là vô thường, rời ngoài Không cũng chẳng có vô thường. Vô thường tức là

Không, Không tức là vô thường. Khổ, vô ngã, Không, tịch diệt và ly cũng như vậy. Nhân đến thọ tướng hành thức là ly, đại Bồ tát chẳng nên an trụ cũng như vậy.

Bạch đức Thế Tôn! Lúc muốn thực hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ tát chẳng nên an trụ trong Như Như. Tại sao vậy? Vì Như tướng là Không nên chẳng gọi Như Như, rời ngoài Không cũng chẳng có Như Như. Như tức là Không, Không tức là Như.

Bạch đức Thế Tôn! Muốn thực hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ tát chẳng nên an trụ trong pháp tánh, pháp tướng, pháp vị, thiết tế. Tại sao vậy? Vì thiết tế và thiết tế tướng là Không. Thiết tế Không chẳng gọi là thiết tế, rời ngoài Không cũng chẳng có thiết tế. Thiết tế tức là Không, Không tức là thiết tế.

Bạch đức Thế Tôn! Muốn thực hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ tát chẳng nên an trụ trong tất cả môn đà la ni, môn tam muội. Tại sao vậy? Vì tướng của đà la ni và tam muội là Không. Đã là Không thì chẳng gọi là môn đà la ni, môn tam muội. Rời ngoài Không cũng chẳng có môn đà la ni, môn tam muội. Môn đà la ni và môn tam muội tức là Không, Không tức là môn đà la ni và môn tam muội.

Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ tát muốn thực hành Bát nhã ba la mật, vì không phương tiện nên an trụ trong sắc thọ tướng hành thức, vì có tâm chấp ngã nên Bồ tát này sanh khởi sắc hành đến thức hành. Nếu đã sanh khởi hành thì chẳng nhận thọ Bát nhã ba la mật và cũng chẳng đầy đủ Bát nhã ba la mật. Vì chẳng đầy đủ Bát nhã ba la mật nên chẳng thành tựu được Nhứt thiết chủng trí.

Như ngũ uẩn, thập nhị xứ đến tam muội môn cũng như vậy. Do tâm ngô ngã mà Bồ tát sanh khởi tam muội môn hành. Vì có hành nên chẳng nhận thọ và chẳng đầy đủ Bát nhã ba la mật, do đây nên chẳng thành tựu được Nhứt thiết chủng trí.

Tại sao vậy? Vì sắc đến tam muội môn vốn chẳng thọ nhận. Vì chẳng thọ nhận nên sắc chẳng phải sắc, đến tam muội môn, chẳng phải tam muội môn, vì là tánh Không. Bát nhã ba la mật cũng chẳng thọ nhận, thế nên chẳng phải Bát nhã ba la mật, vì là tánh Không.

Vì thế nên muốn thực hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ tát phải quán các pháp tánh Không, quán tâm không hành xứ. Đây gọi là đại Bồ tát chẳng thọ nhận, công dụng tam muội quảng đại này chẳng cùng chung với hàng Thanh văn, Bích chi Phật.

Nhứt thiết chủng trí đây cũng chẳng thọ nhận, vì là nội Không, vì là ngoại Không, nội ngoại Không, Không Không, đại Không, đệ nhứt nghĩa Không, hữu vi Không, vô vi Không, tất cánh Không, vô thủ Không, tán Không, tánh Không, tự tướng Không, chư pháp Không, bất khả đắc Không, vô pháp Không, hữu pháp Không, vô pháp hữu pháp Không.

Tại sao vậy? Vì Nhứt thiết chủng trí chẳng thể dùng tướng và hành mà có thể được tướng hành. Vì tướng hành là cấu tướng.

Những gì là cấu tướng? Sắc tướng đến tam muội môn tướng gọi là tướng cấu uế.

Nếu nhãn thọ, nếu tu tập cấu tướng này mà có thể được Nhứt thiết chủng trí thì Phạm chí Tiên Ni tất chẳng phát tín tâm.

Tin thế nào? Tin Bát nhã ba la mật. Suy gẫm, phân biệt, rõ biết chẳng do pháp hữu tướng, chẳng do pháp vô tướng. Như thế, Phạm chí Tiên Ni chẳng chấp lấy tướng mà an trụ trong tín hành. Phạm chí Tiên Ni dùng tánh không trí vào trong các pháp tướng, chẳng nhãn thọ sắc thọ tướng hành thức, vì các pháp vốn tự tướng Không nên chẳng thể nhãn thọ.

Phạm chí Tiên Ni này do chẳng phải nội quán, ngoại quán và nội ngoại quán mà được trí huệ này. Cũng do chẳng phải là không trí huệ quán nên được trí huệ này.

Tại sao vậy? Phạm chí này chẳng thấy có pháp, vì người trí biết pháp biết xứ vậy. Chẳng phải ở trong sắc thọ tướng hành thức, cũng chẳng phải ở ngoài sắc thọ tướng hành thức mà Phạm chí này được trí huệ, cũng chẳng phải ở trong nội ngoại sắc thọ tướng hành thức mà được trí huệ này, cũng chẳng phải rời ngoài sắc thọ tướng hành thức mà được trí huệ này, vì nội ngoại Không vậy.

Ở trong đây Phạm chí Tiên Ni tâm được tín giải nơi Nhứt thiết trí. Thế nên Phạm chí tin thiết tướng của các pháp, vì tất cả pháp bất khả đắc. Tín giải như vậy rồi thì không có pháp để có thể nhận thọ, vì các pháp không tướng, không ức niệm.

Nơi các pháp, Phạm chí Tiên Ni cũng vô sở đắc, không thủ không xả, vì thủ xả đều bất khả đắc vậy. Phạm chí Tiên Ni cũng chẳng niệm trí huệ, vì các pháp tướng vốn vô niệm vậy.

Đây gọi là Bát nhã ba la mật của đại Bồ tát vì Bát nhã ba la mật chẳng phải Bát nhã ba la mật vậy.

Đại Bồ tát chẳng nhận thọ sắc thọ tướng hành thức vì tất cả pháp chẳng nhận thọ vậy. Nhận đến chẳng thọ tam muội môn, vì tất cả pháp chẳng thọ vậy.

Ở trong đây, Bồ tát này cũng chẳng lấy Niết bàn, vì chưa đầy đủ tứ niệm xứ nhận đến chưa đầy đủ mười tám pháp bất cộng. Bởi vì sao? Vì tứ niệm xứ này chẳng phải tứ niệm xứ, nhận đến mười tám pháp bất cộng chẳng phải pháp bất cộng. Những pháp này chẳng phải pháp, cũng không chẳng phải pháp.

Đây gọi là Bát nhã ba la mật của đại Bồ tát chẳng thọ sắc, nhận đến chẳng thọ pháp bất cộng.

Bạch đức Thế Tôn! Muốn thực hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ tát phải tư duy như vậy: Gì là Bát nhã ba la mật? Tại sao gọi là Bát nhã ba la mật? Bát nhã ba la mật của ai?

Nếu thực hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ tát nên nghĩ nhớ rằng: “Nếu các pháp vô sở hữu bất khả đắc thì là Bát nhã ba la mật”.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: “Những pháp gì vô sở hữu bất khả đắc?”.

Ngài Tu Bồ Đề nói:

Bát nhã ba la mật là pháp vô sở hữu bất khả đắc, Thiên na, Tỳ lê gia, Sần đề, Thi la, Đàn na ba

la mật là pháp vô sở hữu bất khả đắc. Tại sao vậy? Vì là nội Không, ngoại Không, nội ngoại Không, Không Không, đại Không, đệ nhất nghĩa Không, hữu vi Không, vô vi Không, tất cánh Không, vô tướng Không, tán Không, tánh Không, tự tướng Không, chư pháp Không, bất khả đắc Không, vô pháp Không, hữu pháp Không, vô pháp hữu pháp Không vậy.

Này ngài Xá Lợi Phất! Sắc thọ tưởng hành thức là pháp vô sở hữu bất khả đắc, nhãn đến vô pháp hữu pháp Không là pháp vô sở hữu bất khả đắc. Tứ niệm xứ đến bát cộng pháp là pháp vô sở hữu bất khả đắc. Các môn thần thông cùng Như Như, pháp tánh, pháp tướng, pháp vị, pháp trụ và thiết tế đều là pháp vô sở hữu bất khả đắc.

Này ngài Xá Lợi Phất! Phật cùng Như thiết trí, Như thiết chủng trí là pháp vô sở hữu bất khả đắc. Vì là nội Không nhãn đến vô pháp hữu pháp Không vậy.

Này ngài Xá Lợi Phất! Nếu lúc tư duy như vậy, quán sát như vậy, đại Bồ tát tâm chẳng trầm một, chẳng hối tiếc, chẳng kinh, chẳng sợ. Phải biết đại Bồ tát này chẳng rời hạnh Bát nhã ba la mật.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: “Do nhơn duyên gì mà biết Bồ tát chẳng rời hạnh Bát nhã ba la mật?”.

Ngài Tu Bồ Đề nói: “Sắc rời sắc tánh, nhãn đến thức rời thức tánh. Sáu ba la mật rời sáu ba la mật tánh, nhãn đến thiết tế rời thiết tế tánh”.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: “Thế nào là sắc tánh đến thiết tế tánh?”.

Ngài Tu Bồ Đề nói:

Vô sở hữu là sắc tánh, nhãn đến vô sở hữu là thiết tế tánh. Vì duyên có này nên biết rằng sắc rời sắc tánh nhãn đến thiết tế rời thiết tế tánh.

Này ngài Xá Lợi Phất! Sắc cũng rời sắc tướng, nhãn đến thiết tế cũng rời thiết tế tướng. Tướng cũng rời tướng, tánh cũng rời tánh.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: “Nếu học như vậy, đại Bồ tát được thành tựu Nhứt thiết chủng trí chăng?”.

Ngài Tu Bồ Đề nói: “Đúng như vậy. Nếu đại Bồ tát học như vậy thì thành tựu Nhứt thiết chủng trí. Tại sao vậy? Vì các pháp chẳng sanh khởi, chẳng thành tựu vậy”.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: “Duyên có gì các pháp chẳng sanh, chẳng thành?”.

Ngài Tu Bồ Đề nói:

Vì sắc tức là sắc Không, nhãn đến vì thiết tế là thiết tế Không nên sắc sanh thành bất khả đắc, nhãn đến thiết tế sanh thành bất khả đắc.

Này Ngài Xá Lợi Phất! Học như vậy, đại Bồ tát lần lần gần Nhứt thiết chủng trí, lần lần được thân thanh tịnh, tâm thanh tịnh và tướng thanh tịnh. Vì được thân và tâm cùng tướng thanh tịnh nên đại Bồ tát này chẳng phát sanh những tâm phiền não, tham, sân, si, mạn, xan, tà kiến. Vì chẳng phát sanh tâm phiền não nên Bồ tát này chẳng sanh từ bụng người mẹ mà thường hóa sanh từ một Phật quốc đến một Phật quốc để thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, mãi đến khi thành Vô thượng Bồ đề trọn chẳng lúc nào rời chư Phật.

Đại Bồ tát phải học và hành Bát nhã ba la mật như vậy.

*



KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

PHẨM HÀNH TƯỚNG THỨ MƯỜI

Ngài Tu Bồ Đề bạch đức Phật:

Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ tát nếu không phương tiện mà muốn thực hành Bát nhã ba la mật, nếu duyên nơi sắc, nếu duyên nơi thọ tướng hành thức, thì là hành tướng, nếu duyên nơi sắc thọ tướng hành thức, hoặc thường hay vô thường, hoặc lạc hay khổ, hoặc hữu hay không, hoặc ngã hay vô ngã, hoặc ly hoặc tịch diệt, đây đều là hành tướng cả.

Nếu đại Bồ tát không phương tiện mà duyên nơi tứ niệm xứ, nhân đến duyên nơi mười tám pháp bất cộng, đây là hành tướng.

Nếu lúc thực hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ tát nghĩ rằng: Tôi có thực hành Bát nhã ba la mật, đây là hành tướng. Hoặc lại nghĩ rằng có thể thực hành như vậy thì là tu hành Bát nhã ba la mật, đây cũng là hành tướng. Nên biết đại Bồ tát này không có phương tiện mà thực hành Bát nhã ba la mật.

Ngài Tu Bồ Đề lại nói với ngài Xá Lợi Phất:

Lúc thực hành Bát nhã ba la mật, nếu đại Bồ tát phân biệt duyên nơi sắc, vì vấn đề sắc mà khởi hạnh. Nếu vì vấn đề sắc mà khởi hạnh, thì chẳng thể thoát ly sanh, lão, bệnh, tử, ưu bi, khổ não và khổ quả đời sau. Như sắc, với thọ tướng hành thức cũng vậy.

Như ngũ ấm với lục căn, lục trần, thập bát giới với tứ niệm xứ, nhãn đến mười tám pháp bất cộng cũng vậy. Nếu đại Bồ tát phân biệt duyên nơi pháp bất cộng, vì vấn đề pháp bất cộng mà khởi hạnh. Nếu vì vấn đề pháp bất cộng mà khởi hạnh thì chẳng thể thoát ly sanh, lão, bệnh, tử, ưu bi, khổ não và quả khổ đời sau.

Bồ tát như đây còn chẳng thể chứng bực Thanh văn, Bích chi Phật hướng là có thể được Vô thượng Bồ đề. Nên biết Bồ tát như vậy là không phương tiện mà thực hành Bát nhã ba la mật”.

Ngài Xá Lợi Phát hỏi: “Thế nào biết rằng đại Bồ tát thực hành Bát nhã ba la mật mà có phương tiện?”.

Ngài Tu Bồ Đề nói:

Lúc muốn thực hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ tát chẳng duyên nơi sắc, chẳng duyên nơi thọ, tướng, hành, thức; chẳng duyên nơi tướng của sắc, chẳng duyên nơi tướng của thọ tướng hành thức; cũng chẳng duyên nơi sắc thọ tướng hành thức là thường là vô thường, là lạc là khổ, là ngã là vô ngã, là Không, là vô tướng, là vô tác, là ly, là tịch diệt. Với tất cả, đại Bồ tát đều chẳng duyên.

Tại sao vậy?

Này ngài Xá Lợi Phát! Sắc Không đây thì chẳng phải sắc, rời ngoài Không cũng chẳng có sắc, rời ngoài sắc cũng chẳng có Không, sắc tức là Không, Không tức là sắc. Thọ tướng hành thức cũng như vậy.

Nhẫn đến mười tám pháp bất cộng, pháp bất cộng Không thì là chẳng phải pháp bất cộng, rời Không chẳng có pháp bất cộng, rời pháp bất cộng cũng chẳng có Không, pháp bất cộng tức là Không, Không tức là pháp bất cộng.

Nên biết đây là đại Bồ tát thực hành Bát nhã ba la mật có phương tiện vậy. Thực hành Bát nhã ba la mật mà có phương tiện như vậy, đại Bồ tát này có thể được Vô thượng Bồ đề.

Lúc thực hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ tát này chẳng nhận lấy thực hành, chẳng nhận lấy chẳng thực hành, chẳng nhận lấy thực hành chẳng thực hành, cũng chẳng nhận lấy chẳng phải thực hành chẳng phải chẳng thực hành. Chẳng nhận lấy, cũng chẳng nhận lấy.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: “Duyên có gì mà đại Bồ tát chẳng nhận lấy?”.

Ngài Tu Bồ Đề nói:

Vì tự tánh bất khả đắc nên chẳng nhận lấy.

Tại sao vậy? Vì không có tánh, chính đó là Bát nhã ba la mật. Thế nên đại Bồ tát với tất cả đều chẳng nhận lấy. Với chẳng nhận lấy, cũng chẳng nhận lấy.

Tại sao vậy? Vì pháp tánh là vô sở hữu nên chẳng duyên nơi pháp, cũng chẳng nhận lấy các pháp tướng.

Đây gọi là tác dụng quảng đại của chư pháp vô sở thọ tam muội của đại Bồ tát. Tam muội này chẳng cùng chung với hàng Thanh văn, Bích chi

Phật. Đại Bồ tát thường thực hành tam muội này mà chẳng rời thì mau được Vô thượng Bồ đề.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: “Chỉ chẳng rời tam muội này mà đại Bồ tát mau được Vô thượng Bồ đề, hay là còn những tam muội khác?”.

Ngài Tu Bồ Đề nói:

Những tam muội sau đây cũng làm cho đại Bồ tát mau được Vô thượng Bồ đề. Như là Thủ lăng nghiêm tam muội, Bửu ấn tam muội, Sư tử du hý tam muội, Diệu nguyệt tam muội, Nguyệt tràng tướng tam muội, Xuất chư pháp ấn tam muội, Quán đánh tam muội, Tát pháp tánh tam muội, Tát tràng tướng tam muội, Kim cang tam muội, Nhập pháp ấn tam muội, Tam muội vương an lập tam muội, Vương ấn tam muội, Phóng quang tam muội, Lực tán tam muội, Xuất sanh tam muội, Tát nhập biện tài tam muội, Nhập danh tự tam muội, Quán phương tam muội, Đà la ni ấn tam muội, Bất vong tam muội, Nhiếp chư pháp hải ấn tam muội, Biên phú hư không tam muội, Kim cang luân tam muội, Bửu đoạn tam muội, Năng chiếu diệu tam muội, Bất cầu tam muội, Vô xứ trụ tam muội, Vô tâm tam muội, Tịnh đấng tam muội, Vô biên minh tam muội, Năng tác minh tam muội, Phổ biến minh tam muội, Kiên tịnh chư tam muội

tam muội, Vô cầu minh tam muội, Tác nhạc tam
 muội, Diễm quang tam muội, Vô tịnh tam muội,
 Oai đức tam muội, Ly tận tam muội, Bất động
 tam muội, Trang nghiêm tam muội, Nhứt quang
 tam muội, Nguyệt tịnh tam muội, Tịnh minh tam
 muội, Năng tác minh tam muội, Tác hành tam
 muội, Tri tướng tam muội, Như kim cang tam
 muội, Tâm trụ tam muội, Biến chiếu tam muội,
 An lập tam muội, Bửu đảnh tam muội, Diệu pháp
 ấn tam muội, Pháp đẳng tam muội, Sanh hỷ tam
 muội, Đáo pháp đảnh tam muội, Năng tán tam
 muội, Hoại chư pháp xứ tam muội, Tự đẳng
 tướng tam muội, Ly tự tam muội, Đoạn duyên
 tam muội, Bất hoại tam muội, Vô chủng tướng
 tam muội, Vô xứ hành tam muội, Ly ám tam
 muội, Vô khứ tam muội, Bất động tam muội, Độ
 duyên tam muội, Tập chư đức tam muội, Trụ vô
 tâm tam muội, Diệu Tịnh hoa tam muội, Giác ý
 tam muội, Vô lượng biện tam muội, Vô đẳng
 đẳng tam muội, Độ chư pháp tam muội, Phân biệt
 chư pháp tam muội, Tán nghi tam muội, Vô trụ
 xứ tam muội, Nhứt tướng tam muội, Sanh hạnh
 tam muội, Nhứt hạnh tam muội, Bất nhứt hạnh
 tam muội, Diệu hạnh tam muội, Đạt nhứt thiết
 hữu đề tán tam muội, Nhập ngôn ngữ tam muội,
 Ly âm thanh tự ngữ tam muội, Nhiên cự tam

muội, Tịnh tướng tam muội, Phá tướng tam muội, Nhứt thiết chủng diệu túc tam muội, Bất hỷ khô lạc tam muội, Bất tận hành tam muội, Đa đà la ni tam muội, Thủ chư tà chánh tướng tam muội, Diệt tạng ái tam muội, Nghịch thuận tam muội, Tịnh quang tam muội, Kiên cố tam muội, Mãn nguyệt tịnh quang tam muội, Đại trang nghiêm tam muội, Năng chiếu nhứt thiết thể tam muội, Đẳng tam muội, Vô tránh hạnh tam muội, Vô trụ xứ lạc tam muội, Như trụ định tam muội, Hoại thân tam muội, Hoại ngữ như hư không tam muội, Ly trước như hư không bất nhiễm tam muội.

Này Xá Lợi Phất! Đại Bồ tát thực hành các môn tam muội trên đây cùng vô lượng vô số môn tam muội môn đà la ni đều có thể mau được Vô thượng Bồ đề.

Thuận theo ý của đức Phật, ngài Tu Bồ Đề nói:

Nên biết rằng chư đại Bồ tát thực hành các môn tam muội này, thì đã được chư Phật quá khứ thọ ký. Chư Phật hiện tại ở mười phương cũng thọ ký cho đại Bồ tát này.

Chư đại Bồ tát này chẳng thấy, chẳng nhớ những tam muội ấy, cũng chẳng nghĩ rằng tôi sẽ

nhập, đương nhập, hay đã nhập những tam muội ấy. Chư đại Bồ tát này hoàn toàn không có quan niệm phân biệt.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi:

Đại Bồ tát an trụ nơi những tam muội này, có phải đã được thọ ký từ chư Phật quá khứ chăng?

Ngài Tu Bồ Đề nói:

Không phải. Tại sao vậy? Đây ngài Xá Lợi Phất! Bát nhã ba la mật chẳng khác những tam muội. Những tam muội chẳng khác Bát nhã ba la mật. Bồ tát chẳng khác Bát nhã ba la mật và tam muội. Bát nhã ba la mật và tam muội chẳng khác Bồ tát. Bát nhã ba la mật tức là tam muội. Tam muội tức là Bát nhã ba la mật. Bồ tát tức là Bát nhã ba la mật và tam muội. Bát nhã ba la mật và tam muội tức là Bồ tát.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi:

Nếu tam muội chẳng khác Bồ tát, Bồ tát chẳng khác tam muội, tam muội tức là Bồ tát, Bồ tát tức là tam muội, thì Bồ tát thế nào biết tất cả pháp là tam muội?

Ngài Tu Bồ Đề nói:

Lúc Bồ tát nhập tam muội này chẳng nghĩ rằng tôi dùng pháp này để nhập tam muội này. Do

duyên có đây nên đối với các tam muội, Bồ tát chẳng biết, chẳng nhớ.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: “Tại sao chẳng biết, chẳng nhớ?”.

Ngài Tu Bồ Đề nói: “Vì các tam muội vô sở hữu nên Bồ tát chẳng biết, chẳng nhớ”.

Đức Phật khen:

Lành thay, lành thay! Này Tu Bồ Đề! Đúng như lời của Phật từng nói, ông là người thực hành Vô tránh tam muội đệ nhất được tương ứng với nghĩa này. Đại Bồ tát phải y theo nghĩa này mà học sáu ba la mật, tứ niệm xứ nhẫn đến mười tám pháp bất cộng.

Ngài Xá Lợi Phất thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ tát học như vậy có phải là học Bát nhã ba la mật chăng?”.

Đức Phật nói:

Đại Bồ tát học như vậy chính là học Bát nhã ba la mật vì pháp ấy là bất khả đắc. Cũng chính là học năm ba la mật kia cùng tứ niệm xứ nhẫn đến mười tám pháp bất cộng, vì pháp ấy là bất khả đắc vậy.

Ngài Xá Lợi Phất thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ tát học Bát nhã ba la mật như vậy, có phải pháp ấy là bất khả đắc chăng?”.

Đức Phật nói: “Đại Bồ tát học Bát nhã ba la mật như vậy, pháp ấy là bất khả đắc”.

Ngài Xá Lợi Phất thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Những pháp gì là bất khả đắc?”.

Đức Phật nói:

Ngã là bất khả đắc, nhân đến tri giả, kiến giả là bất khả đắc, vì rốt ráo thanh tịnh vậy. Ngũ âm, thập nhị xứ, thập bát giới là bất khả đắc, vì rốt ráo thanh tịnh vậy. Tứ đế, thập nhị nhơn duyên là bất khả đắc, vì rốt ráo thanh tịnh vậy. Dục giới, Sắc giới, Vô Sắc giới là bất khả đắc, vì rốt ráo thanh tịnh vậy. Tứ niệm xứ nhân đến mười tám pháp bất cộng là vô sở đắc, vì rốt ráo thanh tịnh vậy. Sáu ba la mật là vô sở đắc, vì rốt ráo thanh tịnh vậy. Tu đà hoàn, Tư đà hàm, A na hàm, A la hán, Bích chi Phật, Bồ tát, Phật là vô sở đắc, vì rốt ráo thanh tịnh vậy.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: “Bạch đức Thế Tôn! Những gì là rốt ráo thanh tịnh?”.

Đức Phật nói:

Chẳng xuất, chẳng sanh; không được, không làm; đây gọi là rốt ráo thanh tịnh.

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu đại Bồ tát học như vậy, đó là học những pháp gì?

- Này Xá Lợi Phất! Đại Bồ tát học như vậy, với các pháp là vô sở học. Tại sao vậy? Này Xá Lợi Phất! Các pháp tướng chẳng phải như chỗ chấp trước của kẻ phàm phu.

- Bạch đức Thế Tôn! Các pháp thiết tướng thế nào có?

- Này Xá Lợi Phất! Các pháp vô sở hữu. Hữu như vậy, vô sở hữu như vậy, nơi sự này mà chẳng biết thì gọi là vô minh.

- Bạch đức Thế Tôn! Những gì là vô sở hữu, nơi sự này chẳng biết nên gọi là vô minh?

- Này Xá Lợi Phất! Ngũ ấm đến thập bát giới là vô sở hữu, tứ niệm xứ đến pháp bất cộng là vô sở hữu. Tại sao vậy? Vì là nội Không, nhãn đến vô pháp hữu pháp Không vậy.

Ở trong đây, vì sức vô minh làm cho khát ái nên kẻ phàm phu vọng thấy phân biệt. Đây gọi là vô minh. Kẻ phàm phu này bị nhị biên trói buộc nên chẳng biết, chẳng thấy các pháp vô sở hữu. Do đây mà nhớ tưởng phân biệt chấp trước nơi sắc, nhãn đến pháp bất cộng.

Nơi pháp vô sở hữu, vì chấp trước nên người này sanh ra sự phân biệt biết và thấy. Đây là kẻ phàm phu chẳng biết, chẳng thấy. Chẳng thấy, chẳng biết những gì? Chẳng thấy chẳng biết sắc,

nhãn đến chẳng thấy chẳng biết pháp bất cộng. Do có nầy mà sa vào hàng phàm phu như trẻ nít.

Người nầy chẳng ra khỏi. Chẳng ra khỏi chỗ nào? Chẳng ra khỏi Dục giới, Sắc giới, Vô Sắc giới, chẳng ra khỏi trong pháp của Thanh văn, Bích chi Phật.

Người nầy cũng chẳng tin. Chẳng tin những gì? Chẳng tin sắc Không, nhãn đến chẳng tin pháp bất cộng Không.

Người nầy cũng chẳng an trụ. Chẳng an trụ nơi đâu? Chẳng an trụ nơi lục ba la mật, chẳng an trụ bậc Bất thối chuyển, nhãn đến chẳng an trụ pháp bất cộng.

Do duyên có nầy mà gọi là phàm phu như trẻ nít. Cũng gọi là kẻ chấp trước. Chấp trước những gì? Chấp trước sắc, nhãn đến ý thức giới; chấp trước tham, nhãn đến tà kiến; chấp trước tứ niệm xứ, nhãn đến Phật đạo.

- Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ tát học như vậy, có phải cũng là chẳng học Bát nhã ba la mật, chẳng được Nhứt thiết chủng trí chẳng?

- Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ tát học như vậy cũng là chẳng học Bát nhã ba la mật, chẳng được Nhứt thiết chủng trí. Tại sao vậy? Vì đại Bồ tát nầy không phương tiện nên nghĩ tưởng phân biệt

chấp trước Bát Nhã, Thiên na, Tỳ lê gia, Sần đề, Thi la và Đản na ba la mật, nhấn đến nghĩ tưởng, phân biệt, chấp trước pháp bất cộng và Nhứt thiết chủng trí. Vì duyên có này nên đại Bồ tát học như vậy cũng là chẳng học Bát nhã ba la mật, chẳng được Nhứt thiết chủng trí.

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu như vậy thì đại Bồ tát phải học Bát nhã ba la mật như thế mới là học Bát nhã ba la mật được Nhứt thiết chủng trí?

- Này Xá Lợi Phất! Lúc học Bát nhã ba la mật, nếu đại Bồ tát chẳng thấy Bát nhã ba la mật thì là học Bát nhã ba la mật được Nhứt thiết chủng trí, vì bất khả đắc vậy.

- Bạch đức Thế Tôn! Tại sao gọi là bất khả đắc?

- Này Xá Lợi Phất! Vì tất cả pháp nội Không nhấn đến vô pháp hữu pháp Không vậy.

*



KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

PHẨM ẢO HỌC
THỨ MƯỜI MỘT

* Ngài Tu Bồ Đề thưa:

Bạch đức Thế Tôn! Nếu sẽ có người hỏi rằng: “Ảo nhơn học Bát nhã ba la mật nhĩ đến Đản na ba la mật, ảo nhơn học tứ niệm xứ nhĩ đến mười tám pháp bất cộng có được Nhứt thiết chủng trí chăng?”. Thì con sẽ phải giải đáp thế nào?

Đức Phật nói:

- Này Tu Bồ Đề! Phật hỏi lại ông, tùy ý ông đáp lời Phật.

* Hán bộ quyển thứ 4.

- Này Tu Bồ Đề! Sắc với ảo có khác nhau chăng? Thọ tướng hành thức với ảo có khác nhau chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Không khác.

- Này Tu Bồ Đề! Nhãn đến ý, sắc đến pháp, nhãn giới đến ý thức giới cùng với ảo có khác nhau chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Không khác.

- Này Tu Bồ Đề! Sáu ba la mật, tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng với ảo có khác nhau chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Không khác nhau.

- Này Tu Bồ Đề! Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác với ảo có khác nhau chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Không khác. Tại sao vậy? Vì sắc chẳng khác ảo, ảo chẳng khác sắc, sắc tức là ảo, ảo tức là sắc. Nhãn đến vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chẳng khác ảo, ảo chẳng khác Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác tức là ảo, ảo tức là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

- Này Tu Bồ Đề! Ảo có cấu, có tịnh chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Không vậy.

- Này Tu Bồ Đề! Ảo có sanh, có diệt chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Không vậy.

- Nay Tu Bồ Đề! Nếu ảo chẳng sanh, chẳng diệt, ảo này có thể học Bát nhã ba la mật sẽ được Nhứt thiết chủng trí chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Không vậy.

- Nay Tu Bồ Đề! Ngũ âm giả danh có phải là Bồ tát chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Phải.

- Nay Tu Bồ Đề! Ngũ âm giả danh có sanh diệt cấu tịnh chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Không vậy.

- Nay Tu Bồ Đề! Nếu những pháp chỉ có danh tự; chẳng phải thân, ngữ, ý; chẳng phải thân nghiệp, ngữ nghiệp, ý nghiệp; chẳng sanh, chẳng diệt; chẳng cấu, chẳng tịnh; thì có thể học Bát nhã ba la mật được Nhứt thiết chủng trí chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Không vậy.

- Nay Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ tát có thể học Bát nhã ba la mật như vậy thì sẽ được Nhứt thiết chủng trí. Tại sao vậy? Vì vô sở đắc vậy.

- Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ tát phải như vậy mà học Bát nhã ba la mật được Vô thượng Bồ đề như ảo như học. Tại sao vậy? Nên biết rằng ngũ âm tức là ảo như, ảo như tức là ngũ âm.

- Này Tu Bồ Đề! Ngũ âm ấy học Bát nhã ba la mật được Nhứt thiết chủng trí chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Không vậy. Vì ngũ âm này tánh vô sở hữu. Tánh vô sở hữu cũng là bất khả đắc.

- Này Tu Bồ Đề! Ngũ âm như mộng, như ảnh, như hường, như dương diệm, như biến hoá, học Bát nhã ba la mật sẽ được Nhứt thiết chủng trí chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Không vậy. Vì mộng tánh dẫn đến biến hóa tánh vô sở hữu. Tánh vô sở hữu cũng là bất khả đắc. Lục tình cũng như vậy. Ngũ âm tức là lục tình, lục tình tức là ngũ âm. Vì những pháp ấy đều là nội Không, dẫn đến vô pháp hữu pháp Không nên bất khả đắc. Bạch đức Thế Tôn! Bồ tát mới phát tâm nghe nói Bát nhã ba la mật có kinh sợ rụt rè chăng?

- Này Tu Bồ Đề! Bồ tát mới phát tâm đối với Bát nhã ba la mật, nếu không phương tiện cũng chẳng gặp được bậc thiện tri thức, hoặc có kinh sợ, hoặc rụt rè.

- Bạch đức Thế Tôn! Gì là phương tiện mà Bồ tát thực hành theo đó được chẳng kinh sợ, rụt rè đối với Bát nhã ba la mật?

- Nay Tu Bồ Đề! Có Bồ tát thực hành Bát nhã ba la mật đúng với tâm Nhứt thiết chủng trí, quán tướng vô thường của ngũ uẩn cũng bất khả đắc. Đây gọi là có phương tiện.

Quán tướng khổ, tướng vô ngã của ngũ uẩn cũng bất khả đắc. Đây gọi là có phương tiện.

Quán tướng Không, tướng vô tướng, tướng vô tác của ngũ uẩn cũng bất khả đắc. Đây gọi là có phương tiện.

Quán tướng ly, tướng tịch diệt của ngũ uẩn cũng bất khả đắc. Đây gọi là đại Bồ tát thực hành Bát nhã ba la mật có phương tiện.

Nay Tu Bồ Đề! Đại Bồ tát thực hành Bát nhã ba la mật quán tướng vô thường của ngũ uẩn cũng là bất khả đắc, quán tướng khổ, tướng vô ngã, tướng vô tướng, tướng vô tác, tướng ly, tướng tịch diệt của ngũ uẩn cũng là bất khả đắc. Bấy giờ đại Bồ tát nghĩ rằng: Tôi nên vì tất cả chúng sanh mà giảng thuyết tướng vô thường cũng là bất khả đắc, tướng khổ, tướng vô ngã nhân đến tướng tịch diệt cũng là bất khả đắc. Đây gọi là đại Bồ tát Đản na ba la mật.

Lại nữa, nay Tu Bồ Đề! Đại Bồ tát chẳng dùng tâm Thanh văn, Bích chi Phật để quán ngũ uẩn, vô thường cũng bất khả đắc, nhân đến chẳng

dùng tâm Thanh văn, Bích chi Phật để quán ngũ uẩn, tịch diệt cũng bất khả đắc. Đây gọi là đại Bồ tát Thi la ba la mật.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Đại Bồ tát thực hành Bát nhã ba la mật nhân thọ ưa thích nơi tướng vô thường, nhân đến tướng tịch diệt của các pháp cũng là bất khả đắc. Đây gọi là đại Bồ tát Sằn đề ba la mật.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Đại Bồ tát thực hành Bát nhã ba la mật đúng với tâm Nhứt thiết chủng trí, quán tướng vô thường nhân đến tướng tịch diệt của ngũ uẩn cũng bất khả đắc, chẳng rời bỏ, chẳng thôi nghỉ. Đây gọi là đại Bồ tát Tỳ lê gia ba la mật.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Đại Bồ tát thực hành Bát nhã ba la mật chẳng móng khởi tâm Thanh văn, Bích chi Phật cùng những tâm bất thiện khác. Đây gọi là đại Bồ tát Thiên na ba la mật.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Đại Bồ tát thực hành Bát nhã ba la mật suy nghĩ như vậy: Chẳng do Không sắc nên sắc là Không, mà sắc tức là Không, Không tức là sắc. Thọ tướng hành thức nhân đến ý thức giới cũng như vậy, chẳng phải do Không ý thức giới nên ý thức giới là Không, mà ý thức giới tức là Không, Không tức là ý thức giới.

Tứ niệm xứ nhãn đến mười tám pháp bất cộng cũng như vậy, chẳng phải do Không pháp bất cộng nên pháp bất cộng là Không, mà pháp bất cộng tức là Không, Không tức là pháp bất cộng. Đại Bồ tát thực hành Bát nhã ba la mật như vậy không có kinh sợ, rụt rè.

Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là đại Bồ tát được bậc thiện tri thức hộ trì nên chẳng kinh sợ rụt rè?”.

Đức Phật nói:

Này Tu Bồ Đề! Có thiện tri thức giảng thuyết sắc nhãn đến ý thức giới, vô thường, khổ, vô ngã nhãn đến tịch diệt cũng đều bất khả đắc, gìn giữ thiện căn này chẳng hướng về Thanh văn, Bích chi Phật đạo mà chỉ hướng về Nhất thiết chủng trí, đây gọi là bậc thiện tri thức của đại Bồ tát.

Này Tu Bồ Đề! Có thiện tri thức giảng thuyết tu tứ niệm xứ nhãn đến tu mười tám pháp bất cộng cũng là bất khả đắc, gìn giữ thiện căn này chẳng hướng về Thanh văn, Bích chi Phật đạo, chỉ hướng về Nhất thiết chủng trí, đây gọi là bậc thiện tri thức của đại Bồ tát.

Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là Bồ tát vì không phương tiện và theo ác

tri thức nên kinh sợ, rụt rè khi nghe nói Bát nhã ba la mật này?”.

Đức Phật nói:

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát rời tâm Nhứt thiết trí mà tu Bát nhã ba la mật nên được và nhớ Bát nhã ba la mật này, cũng được và nhớ Thiên na ba la mật, Tỳ lê gia ba la mật, Sần đề ba la mật, Thi la ba la mật, Đàn na ba la mật.

Bồ tát rời tâm Nhứt thiết trí mà quán các pháp ngũ uẩn, thập nhị xứ, thập bát giới, nội Không nhãn đến vô pháp hữu pháp Không, nơi pháp Không đây có nhớ, có được.

Bồ tát rời tâm Nhứt thiết trí mà tu tứ niệm xứ nhãn đến tu mười tám pháp bất cộng, cũng nhớ, cũng được.

Như trên đây là vì không phương tiện nên có kinh sợ, rụt rè khi nghe Bát nhã ba la mật này.

Tu Bồ đề bạch Phật rằng: “Bạch Thế tôn! Thế nào là đại Bồ tát tùy theo ác tri thức nghe Bát nhã ba la mật mà kinh sợ?”.

Đức Phật nói:

Này Tu Bồ Đề! Có ác tri thức bảo Bồ tát xa rời sáu ba la mật, hoặc chẳng giảng nói ma sự, chẳng giảng nói ma tội, chẳng nói rằng: “Ác ma

hiện hình Phật đến bảo Bồ tát xa rời sáu ba la mật.”, mà nói rằng: “Này thiện nam tử, cần gì tu sáu ba la mật làm chi!”. Này Tu Bồ Đề! Phải biết đây là ác tri thức của Bồ tát.

Lại có ác ma hiện hình Phật đến chỗ Bồ tát mà giảng thuyết kinh pháp Thanh văn, hoặc Trường hàng nhãn đến Luận nghị như vậy. Chẳng vì Bồ tát mà nói ma sự ma tội, phải biết đây là ác tri thức của Bồ tát.

Cũng chẳng vì Bồ tát mà nói ma sự ma tội như vậy: Ác ma hiện hình Phật đến bảo Bồ tát: “Này thiện nam tử! Người không có tâm thiệt Bồ tát, người chẳng phải bậc Bất thối chuyển, người cũng chẳng thể được Vô thượng Bồ đề”. Này Tu Bồ Đề! Phải biết đây là ác tri thức của Bồ tát.

Cũng chẳng giảng chẳng dạy ma sự, ma tội như vậy: Ác ma hiện hình Phật đến bảo Bồ tát rằng: “Sắc Không nhãn đến pháp bất cộng Không, Bất nhĩ ba la mật Không nhãn đến Đàn na ba la mật không, vậy người cầu Vô thượng Bồ đề để làm gì!”. Này Tu Bồ Đề! Phải biết đây là ác tri thức của Bồ tát.

Cũng chẳng giảng, chẳng dạy ma sự ma tội như vậy: Ác ma hiện hình Bích chi Phật đến bảo Bồ tát rằng: “Mười phương đều rỗng không, trong

đó chẳng có Phật, Bồ tát và Thanh văn”. Này Tu Bồ Đề! Phải biết đây là ác tri thức của Bồ tát.

Cũng chẳng giảng dạy ma sự, ma tội như vậy: Ác ma hiện hình Hòa thượng, A xà lê đến bảo Bồ tát bỏ Nhứt thiết chủng trí, bỏ Bồ tát đạo; bảo Bồ tát bỏ tứ niệm xứ nhãn đến mười tám pháp bất cộng; bảo Bồ tát nhập Không, vô tướng, vô tác để chứng quả Thanh văn, cần gì Vô thượng Bồ đề. Này Xá Lợi Phất! Phải biết đây là ác tri thức của Bồ tát.

Cũng chẳng giảng dạy ma sự, ma tội như vậy: Ác ma hiện hình cha mẹ đến bảo Bồ tát tinh tấn cầu chứng quả Tu đà hoàn nhãn đến quả A la hán, cần gì phải cầu Vô thượng Bồ đề. Nếu cầu Vô thượng Bồ đề sẽ phải thọ sanh tử trong vô lượng vô số kiếp, phải bị chặt tay, chặt chân đau khổ. Này Xá Lợi Phất! Phải biết đây là ác tri thức của Bồ tát.

Có tri thức chẳng giảng, chẳng dạy ma sự ma tội như vậy: Ác ma hiện hình Tỳ kheo đến bảo Bồ tát các pháp nhãn sắc nhãn đến ý vô thường, khổ, vô ngã, Không, vô tướng, vô tác, ly, tịch diệt đều là pháp khả đắc. Cũng dùng pháp khả đắc để nói tứ niệm xứ nhãn đến pháp bất cộng. Này Tu Bồ Đề! Phải biết đây là ác tri thức của Bồ tát. Đã biết rồi thì phải lánh xa hạng ác tri thức này”.



KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

PHẨM CÚ NGHĨA THỨ MƯỜI HAI

Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là Bồ tát cú nghĩa?”.

Đức Phật nói:

Này Tu Bồ Đề! Không cú nghĩa là Bồ tát cú nghĩa.

Tại sao vậy? Vì Vô thượng Bồ đề không có nghĩa xứ cũng không có ngã, thế nên không cú nghĩa là Bồ tát cú nghĩa.

Ví như chim bay trong hư không chẳng có dấu tích, Bồ tát cú nghĩa không chỗ có cũng vậy.

Ví như những sự thấy trong giấc mộng không chỗ có, Bồ tát cú nghĩa không chỗ có cũng vậy

Ví như ảo thuật, dương diệm, ảnh hưởng, biến hóa đều không có thiệt nghĩa, Bồ tát cú nghĩa không chỗ có cũng vậy.

Ví như pháp Như, pháp tánh, pháp tướng, pháp vị và thiệt tế không có nghĩa, Bồ tát cú nghĩa không chỗ có cũng vậy.

Ví như sắc thọ tướng hành thức của ảo nhơn không có nghĩa, đại Bồ tát lúc thực hành Bát nhã ba la mật, Bồ tát cú nghĩa không chỗ có cũng vậy.

Ví như lục căn, lục trần, lục thức của ảo nhơn không có nghĩa; ví như nhãn xúc nhơn duyên sanh thọ, nhãn đến ý xúc nhơn duyên sanh thọ của ảo nhơn không có nghĩa, Bồ tát cú nghĩa không chỗ có cũng vậy.

Như lúc ảo nhơn thực hành nội Không nhãn đến vô pháp hữu pháp Không chẳng có nghĩa, Bồ tát cú nghĩa không chỗ có cũng vậy.

Như lúc ảo nhơn thực hành tứ niệm xứ nhãn đến pháp bất cộng không có nghĩa, Bồ tát cú nghĩa không chỗ có cũng vậy.

Như sắc thọ tướng hành thức đối Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác không có

nghĩa vì ngũ uẩn đây không có vậy, Bồ tát cú nghĩa không chỗ có cũng vậy.

Như nhãn đến ý, sắc đến pháp, nhãn xúc đến ý xúc như duyên sanh thọ đối với đức Phật đều không xứ sở, đại Bồ tát lúc thực hành Bát nhã ba la mật, Bồ tát cú nghĩa không chỗ có cũng vậy.

Như nội không đến vô pháp hữu pháp không, tứ niệm xứ đến pháp bất cộng đối với đức Phật đều không xứ sở, Bồ tát cú nghĩa không chỗ có cũng vậy.

Như trong tánh hữu vi, không có tánh nghĩa vô vi, trong tánh vô vi không có tánh nghĩa hữu vi, đại Bồ tát lúc thực hành Bát nhã ba la mật, Bồ tát cú nghĩa không chỗ có cũng vậy.

Như bất sanh, bất diệt không xứ sở; như bất tác, bất xuất, bất đắc, bất cầu, bất tịnh đều không xứ sở, Bồ tát cú nghĩa không chỗ có cũng vậy.

Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Vì pháp gì bất sanh, bất diệt nên không xứ sở? Vì pháp gì bất tác, bất xuất, bất đắc, bất cầu, bất tịnh nên không xứ sở?”.

Đức Phật nói:

Này Tu Bồ Đề! Vì ngũ uẩn, thập nhị xứ, thập bát giới đều bất sanh, bất diệt nhãn đến bất cầu,

bất tịnh nên không xứ sở. Vì tứ niệm xứ đến pháp bất cộng đều bất sanh, bất diệt nhãn đến bất cấu, bất tịnh nên không xứ sở.

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ tát lúc thực hành Bát nhã ba la mật, Bồ tát cú nghĩa không chỗ có cũng vậy.

Này Tu Bồ Đề! Như nơi tứ niệm xứ đến pháp bất cộng, tịnh nghĩa rốt ráo bất khả đắc, đại Bồ tát lúc thực hành Bát nhã ba la mật, Bồ tát cú nghĩa không chỗ có cũng vậy.

Như trong tịnh, ngã nhãn đến tri giả, kiến giả đều bất khả đắc, vì ngã đến kiến giả đều không chỗ có vậy. Bồ tát cú nghĩa không chỗ có cũng vậy.

Này Tu Bồ Đề! Ví như lúc mặt nhật mọc lên thì không có tối tăm. Đại Bồ tát lúc thực hành Bát nhã ba la mật, Bồ tát cú nghĩa không chỗ có cũng vậy.

Như thời kỳ kiếp thiêu không có tất cả vật. Đại Bồ tát lúc thực hành Bát nhã ba la mật, Bồ tát cú nghĩa không chỗ có cũng vậy.

Như trong Phật giới không có phá giới. Đại Bồ tát lúc thực hành Bát nhã ba la mật, Bồ tát cú nghĩa không chỗ có cũng vậy.

Như trong Phật định không có loạn tâm, trong Phật huệ không có ngu si, trong Phật giải thoát không có chẳng giải thoát, trong Phật giải thoát tri kiến không có chẳng giải thoát tri kiến. Đại Bồ tát lúc thực hành Bát nhã ba la mật, Bồ tát cú nghĩa không chỗ có cũng vậy.

Như trong Phật quang thì nguyệt quang, như nguyệt quang không hiện, như trong Phật quang thì quang minh của chư Thiên cõi Dục, cõi Sắc đều không hiện. Đại Bồ tát lúc thực hành Bát nhã ba la mật, Bồ tát cú nghĩa không chỗ có cũng vậy.

Tại sao vậy? Vì Vô thượng Bồ đề cùng Bồ tát và Bồ tát cú nghĩa, tất cả pháp đây đều chẳng hiệp, chẳng tan, không sắc, không hình, không đối là nhưt tướng, chính là vô tướng.

Này Tu Bồ Đề! Vô ngại tướng trong tất cả pháp đây, đại Bồ tát phải nên học, cũng phải nên biết.

Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Những gì là tất cả pháp? Thế nào là vô ngại tướng trong tất cả pháp mà phải học, phải biết?”.

Đức Phật nói:

Này Tu Bồ Đề! Tất cả pháp là pháp thiện, pháp bất thiện, pháp hữu ký, pháp vô ký, pháp thế gian, pháp xuất thế gian, pháp hữu lậu, pháp vô

lậu, pháp hữu vi, pháp vô vi, pháp cộng, pháp bất cộng. Đây gọi là tất cả pháp, trong tất cả pháp vô ngại tướng đây, đại Bồ tát phải học, phải biết.

Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Những gì là pháp thiện thế gian nhân đến những gì là pháp bất cộng”.

Đức Phật nói:

Này Tu Bồ Đề! Pháp thiện thế gian là hiếu thuận với cha mẹ, cúng dường Sa Môn, Bà la môn, kính thờ bực tôn trưởng, chỗ phước bố thí, chỗ phước trì giới, chỗ phước tu thiện định, chỗ phước khuyến đạo, phương tiện sanh phước đức, thập thiện đạo thế gian, quán tướng chín tướng bất tịnh: tướng xanh, tướng sinh, tướng máu, tướng nứt, tướng nhũn bầy, tướng bị ăn, tướng tan rã, tướng xương, tướng thiêu; tứ thiên, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm xả, niệm Thiên, niệm thiện, niệm hơi thở, niệm thân thể, niệm chết. Đây gọi là pháp thiện thế gian.

Này Tu Bồ Đề! Những gì là pháp bất thiện? Sát sanh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, ỷ ngữ, tham lẫn, não hại, tà kiến; thập bất thiện đạo này gọi là pháp bất thiện.

Này Tu Bồ Đề! Những gì là pháp hữu ký? Pháp thiện hoặc pháp bất thiện gọi là pháp hữu ký?

Này Tu Bồ Đề! Những gì là pháp vô ký? Vô ký thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp; vô ký tứ đại; vô ký ngũ âm, thập nhị nhập, thập bát giới; vô ký báo, đây gọi là pháp vô ký.

Này Tu Bồ Đề! Những gì là pháp thế gian? Ngũ âm, thập nhị nhập, thập bát giới, thập thiện đạo, tứ thiên, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, đây gọi là pháp thế gian.

Này Tu Bồ Đề! Những gì là pháp xuất thế gian? Tứ niệm xứ, tứ chánh cần, tứ như ý túc, ngũ căn, ngũ lực, thất giác phần, bát Thánh đạo phần; Không giải thoát môn, Vô tướng giải thoát môn, Vô tác giải thoát môn; ba vô lậu căn là: vị tri dục tri căn, tri căn, dĩ tri căn; ba môn tam muội là: hữu giác hữu quán tam muội, vô giác hữu quán tam muội, vô giác vô quán tam muội; bát bội xả, nội Không đến vô pháp hữu pháp Không, thập lực, tứ vô sở úy, tứ vô ngại trí, mười tám pháp bất cộng, Nhứt thiết trí, đây gọi là pháp xuất thế gian.

Này Tu Bồ Đề! Những gì là pháp hữu lậu? Ngũ âm, thập nhị nhập, thập bát giới, lục chủng, lục xúc, lục thọ, tứ thiên, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, đây gọi là pháp hữu lậu.

Này Tu Bồ Đề! Những gì là pháp vô lậu? Tứ niệm xứ nhãn đến bất cộng pháp và Nhứt thiết trí, đây gọi là pháp vô lậu.

Này Tu Bồ Đề! Những gì là pháp hữu vi? Nếu là pháp có sanh, có trụ, có diệt, Dục giới, Sắc giới, Vô Sắc giới, ngũ ấm nhãn đến ý xúc, nhơn duyên, sanh thọ, tứ niệm xứ nhãn đến pháp bất cộng và Nhứt thiết trí, đây gọi là pháp hữu vi.

Này Tu Bồ Đề! Những gì là pháp vô vi? Nếu là pháp bất sanh, bất trụ, bất diệt; sạch tham sân si; pháp Như, pháp tánh, pháp tướng, pháp vị, thiết tế, đây gọi là pháp vô vi.

Này Tu Bồ Đề! Những gì là cộng pháp? Tứ thiên, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, đây gọi là cộng pháp.

Này Tu Bồ Đề! Những gì là bất cộng pháp? Tứ niệm xứ nhãn đến mười tám pháp bất cộng, đây gọi là bất cộng pháp.

Này Tu Bồ Đề! Ở trong những pháp tự tướng Không đây, Đại Bồ tát chẳng nên chấp trước, vì bất động vậy. Đại Bồ tát cũng phải biết tất cả pháp chẳng có hai tướng, vì bất động vậy.

Đây gọi là Bồ tát nghĩa.



KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

PHẨM KIM CANG
THỨ MƯỜI BA

Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Do có gì mà Bồ tát được gọi là đại Bồ tát?”

Đức Phật nói:

Này Tu Bồ Đề! Ở trong quyết định chúng, Bồ tát này là bậc thượng thủ nên gọi là đại Bồ tát.

Đây là quyết định chúng: tánh địa nhơn, bát nhơn, Tu đà hoàn, Tư đà hàm, A na hàm, A la hán, Bích chi Phật, sơ phát tâm Bồ tát nhẫn đến Bát thối chuyển địa Bồ tát.

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ tát phát đại tâm chẳng

hư hoại như kim cương, thì sẽ là bực thượng thủ trong quyết định chúng.

Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ tát phát tâm thế nào mà gọi là phát đại tâm như kim cương chẳng hư hoại?”.

Đức Phật nói:

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ tát phát sanh tâm như vậy: “Ồ trong vô lượng đời sanh tử, tôi sẽ đại thế trang nghiêm, tôi sẽ bỏ tất cả sở hữu, tôi sẽ đối với tất cả chúng sanh bằng tâm bình đẳng, tôi sẽ phải đem tam thừa độ thoát tất cả chúng sanh, làm cho họ nhập vô dư Niết bàn, tôi độ tất cả chúng sanh xong rồi hẳn đến không có một người nhập Niết bàn, tôi sẽ phải hiểu rõ tướng bất sanh của tất cả pháp, tôi sẽ thuần dùng tâm Như thị thiết chủng trí để thực hành sáu ba la mật, tôi sẽ phải học trí huệ tỏ thấu tất cả pháp, tôi sẽ phải tỏ thấu chư pháp như thị tướng trí môn, tôi sẽ phải tỏ thấu hẳn đến chư pháp vô lượng tướng trí môn”.

Đây gọi là đại Bồ tát phát sanh đại tâm chẳng hư hoại như kim cương. An trụ trong đại tâm này, đại Bồ tát là bực thượng thủ trong quyết định chúng. Vì pháp dụng đây vô sở đắc vậy.

Lại này Tu Bồ Đề! Đại Bồ tát phát tâm như vậy: “Tôi sẽ thay thế cho tất cả chúng sanh trong

mười phương mà chịu những sự đau khổ, hoặc chúng sanh địa ngục, hoặc chúng sanh các loài súc sanh, hoặc chúng sanh ngạ quỷ, nhân đến thay thế chịu khổ nhọc cho mỗi một chúng sanh trong vô lượng trăm ngàn ức kiếp đến khi nào chúng sanh ấy đã được nhập vô dư Niết bàn, sau đó tôi tự vun trồng thiện căn trong vô lượng trăm ngàn ức vô số kiếp sẽ được Vô thượng Bồ đề”.

Đây là đại tâm như kim cang chẳng hư hoại. An trụ trong đại tâm này, đại Bồ tát là bậc thượng thủ trong quyết định chúng.

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ tát lại phát sanh đại khoái tâm. Từ lúc sơ phát tâm nhân đến khi thành Vô thượng Bồ đề, đại Bồ tát chẳng sanh tâm tham nhiễm, sân khuê, ngu si, kiêu mạn, cũng chẳng sanh tâm Thanh văn, tâm Bích chi Phật.

Đây là đại khoái tâm. An trụ trong đại khoái tâm này, đại Bồ tát là bậc thượng thủ trong quyết định chúng. Đại Bồ tát cũng chẳng nghĩ nhớ có đại khoái tâm này.

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ tát lại phải phát sanh bất động tâm, chính là tâm thường nghĩ nhớ Nhứt thiết chủng trí, cũng chẳng nghĩ nhớ là mình có tâm bất động này.

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ tát lại phải phát sanh tâm lợi ích an lạc cho tất cả chúng sanh, chính là cứu tế tất cả chúng sanh và chẳng rời bỏ tất cả chúng sanh, cũng chẳng nghĩ nhớ có tâm lợi ích an lạc này.

Do đây nên đại Bồ tát thực hành Bát nhã ba la mật là bậc thượng thủ trong quyết định chúng.

Lại này Tu Bồ Đề! Đại Bồ tát phải phát sanh tâm dục pháp, hỷ pháp, lạc pháp.

Gì là pháp? Chính là thiệt tướng của các pháp. Nơi pháp này mà tin chịu và lãnh thọ thì gọi là dục pháp và hỷ pháp. Còn thường tu hành pháp này thì gọi là lạc pháp.

Do đây nên đại Bồ tát thực hành Bát nhã ba la mật có thể làm bậc thượng thủ trong quyết định chúng. Vì pháp dụng đây vô sở đắc vậy.

Này Tu Bồ Đề! Lúc thực hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ tát an trụ nội Không nhẫn đến vô pháp hữu pháp Không, thì có thể làm thượng thủ trong quyết định chúng. Vì pháp dụng đây vô sở đắc vậy.

Lại này Tu Bồ Đề! Lúc thực hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ tát an trụ trong tứ niệm xứ nhẫn đến trong mười tám pháp bất cộng, thì có thể làm

thượng thủ trong quyết định chúng. Vì pháp dụng đây vô sở đắc vậy.

Lại này Tu Bồ Đề! Lúc thực hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ tát an trụ trong Như kim cang tam muội nhận đến an trụ trong Ly chấp trước như hư không bất nhiễm tam muội, thì là bậc thượng thủ trong quyết định chúng. Vì pháp dụng đây vô sở đắc vậy.

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ tát an trụ trong các pháp như vậy thì có thể làm thượng thủ trong quyết định chúng. Do duyên có này mà Bồ tát được gọi là đại Bồ tát.

*



KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

PHẨM ĐOẠN CHƯ KIẾN THỨ MƯỜI BỐN

Ngài Xá Lợi Phất thưa: “Bạch đức Thế Tôn!
Con cũng muốn nói sở dĩ Bồ tát được gọi là đại
Bồ tát”.

Đức Phật bảo Ngài Xá Lợi Phất: “Ông cứ nói”.

Ngài Xá Lợi Phất nói:

Ngã kiến, thọ kiến, mạng kiến, chúng sanh
kiến, sanh kiến, dưỡng dục kiến, chúng số kiến,
nhơn kiến, tác kiến, sử tác kiến, khởi kiến, sử
khởi kiến, thọ kiến, sử thọ kiến, tri giả kiến, kiến
giả kiến, đoạn kiến, thường kiến, hữu kiến, vô
kiến, ám kiến, nhập kiến, giới kiến, đế kiến, nhơn

duyên kiến, niệm xứ kiến, nhãn đến bất cộng pháp kiến, Phật đạo kiến, thành tựu chúng sanh kiến, tịnh Phật quốc độ kiến, Phật kiến, chuyên pháp luân kiến.

Vì dứt trừ những kiến chấp trên đây mà vì mọi người thuyết pháp nên Bồ tát được gọi là đại Bồ tát.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: “Duyên có gì mà sắc kiến là vọng kiến? Duyên có gì thọ, tưởng, hành, thức, kiến, nhãn đến chuyên pháp luân kiến là vọng kiến?”.

Ngài Xá Lợi Phất nói:

Lúc thực hành Bát nhã ba la mật, vì không phương tiện nên Bồ tát ở nơi sắc sanh kiến chấp, ở nơi thọ tưởng hành thức nhãn đến chuyên pháp luân sanh kiến chấp, vì pháp dụng hữu sở đắc vậy. Nơi đây đại Bồ tát thực hành Bát nhã ba la mật dùng sức phương tiện mà vì họ thuyết pháp để dứt trừ những vọng kiến, vì pháp dụng vô sở đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch đức Phật: “Bạch đức Thế Tôn! Con cũng muốn nói sở dĩ mà Bồ tát được gọi là đại Bồ tát”.

Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: “Ông cứ nói”.

Ngài Tu Bồ Đề nói: “Tâm Vô thượng Bồ đề, tâm vô đẳng đẳng đây chẳng cùng chung với tâm Thanh văn, Bích chi Phật. Tại sao vậy? Vì đây là tâm Nhứt thiết trí vô lậu chẳng hệ phược. Cũng chẳng chấp trước trong tâm Nhứt thiết trí vô lậu chẳng hệ phược đây. Do duyên có này mà Bồ tát được gọi là đại Bồ tát”.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: “Những gì là tâm vô đẳng đẳng của đại Bồ tát chẳng cùng chung với tâm Thanh văn, Bích chi Phật?”.

Ngài Tu Bồ Đề nói: “Đại Bồ tát từ lúc sơ phát tâm trở đi trọn không thấy một pháp nào có sanh, có diệt, có cấu, có tịnh, có tăng, có giảm. Nếu đã là pháp chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng cấu, chẳng tịnh, chẳng tăng, chẳng giảm, thì trong đó không tâm Thanh văn, không tâm Bích chi Phật, không tâm Vô thượng Bồ đề, không Phật tâm. Đây gọi là tâm vô đẳng đẳng của đại Bồ tát chẳng cùng chung với tâm Thanh văn, Bích chi Phật”.

Ngài Xá Lợi Phất nói: “Như lời Ngài Tu Bồ Đề nói, trong tâm Nhứt thiết trí vô lậu chẳng hệ phược đây cũng chẳng chấp trước. Nay Ngài Tu Bồ Đề! Sắc cũng chẳng chấp trước, thọ tướng hành thức cũng chẳng chấp trước, tứ niệm xứ nhãn đến bất cộng pháp cũng chẳng chấp trước. Sao Ngài chỉ nói tâm đây chẳng chấp trước?”.

Ngài Tu Bồ Đề nói: “Phải lắm! Sắc nhãn đến pháp bất cộng cũng chẳng chấp trước”.

Ngài Xá Lợi Phất nói: “Tâm phàm phu cũng là vô lậu chẳng hệ phược, vì tánh rỗng không vậy. Tâm Thanh văn, tâm Bích chi Phật, tâm chư Phật cũng là vô lậu chẳng hệ phược, vì tánh rỗng không vậy”.

Ngài Tu Bồ Đề nói: “Phải lắm!”.

Ngài Xá Lợi Phất nói: “Sắc cũng là vô lậu chẳng hệ phược, vì tánh Không vậy. Thọ tướng hành thức nhãn đến ý xúc như duyên sanh thọ cũng là vô lậu chẳng hệ phược, vì tánh Không vậy. Tứ niệm xứ nhãn đến mười tám pháp bất cộng cũng là vô lậu chẳng hệ phược, vì tánh Không vậy”.

Ngài Tu Bồ Đề nói: “Vâng ! Như lời ngài Xá Lợi Phất đã nói, tâm phàm phu nhãn đến pháp bất cộng cũng là vô lậu chẳng hệ phược, vì tánh Không vậy”.

Ngài Xá Lợi Phất nói:

Như lời ngài Tu Bồ Đề đã nói, vì tâm là không nên chẳng chấp trước tâm.

Này ngài Tu Bồ Đề! Vì sắc là không nên chẳng chấp trước sắc. Vì thọ tướng hành thức

nhẫn đến ý xúc sanh thọ là không nên chẳng chấp trước thọ tướng hành thức, nhẫn đến chẳng chấp trước ý xúc sanh thọ. Vì tứ niệm xứ là không nhẫn đến bất cộng pháp là không nên chẳng chấp trước tứ niệm xứ, nhẫn đến chẳng chấp trước bất cộng pháp.

Ngài Tu Bồ Đề nói:

Vâng, vì sắc là không nên trong sắc chẳng chấp trước. Nhẫn đến vì bất cộng pháp là không nên trong bất cộng pháp chẳng chấp trước.

Đại Bồ tát lúc thực hành Bát nhã ba la mật dùng tâm Vô thượng Bồ đề, tâm vô đẳng đẳng chẳng cùng chung với tâm Thanh văn, Bích chi Phật; cũng chẳng nghĩ nhớ có tâm vô đẳng đẳng này, cũng chẳng chấp trước tâm vô đẳng đẳng này, vì pháp dụng vô sở hữu vậy. Do duyên có này mà Bồ tát được gọi là đại Bồ tát.

*



KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

PHẨM PHÚ-LÂU-NA
THỨ MƯỜI LĂM

Ngài Phú Lô Na Di Đa La Ni Tử bạch đức Phật: “Bạch đức Thế Tôn! Con cũng thích nói sớ dĩ mà Bồ tát được gọi là đại Bồ tát”.

Đức Phật bảo Ngài Phú Lô Na: “Ông cứ nói”.

Ngài Phú Lô Na nói: “Bồ tát này đại thế trang nghiêm, Bồ tát này phát xu Đại thừa, Bồ tát này ngồi nơi Đại thừa, nên Bồ tát này được gọi là đại Bồ tát”.

Ngài Xá Lợi Phát hỏi: “Thế nào gọi là đại thế trang nghiêm?”.

Ngài Phú Lô Na nói:

Đại Bồ tát chẳng phân biệt là vì bao nhiêu người mà an trụ Đàn na ba la mật và thực hành Đàn na ba la mật. Mà chính là vì tất cả chúng sanh mà đại Bồ tát an trụ Đàn na ba la mật và thực hành Đàn na ba la mật.

Như Đàn na ba la mật, về Thi la, Sằn đề, Tỳ lê gia, Thiên na và Bát nhã ba la mật cũng vậy. Chẳng phải vì bao nhiêu người, mà chính là vì tất cả chúng sanh mà đại Bồ tát an trụ Bát nhã ba la mật và thực hành Bát nhã ba la mật.

Đại Bồ tát đại thế trang nghiêm, chẳng hạn cuộc trong một số chúng sanh. Chẳng nghĩ rằng: Tôi sẽ cứu độ những người này mà chẳng độ các người kia. Cũng chẳng nói rằng: “Tôi sẽ làm cho những người này đến Vô thượng Bồ đề còn những người kia thì không”. Đại Bồ tát vì tất cả chúng sanh mà đại thế trang nghiêm.

Đại Bồ tát lại nghĩ rằng: Tôi sẽ tự đầy đủ Đàn na ba la mật hẳn đến tự đầy đủ Bát nhã ba la mật, cũng làm cho tất cả chúng sanh thực hành sáu ba la mật.

Lại này Ngài Xá Lợi Phất! Lúc thực hành Đàn na ba la mật, đại Bồ tát có bố thí bao nhiêu đều đúng với tâm Nhứt thiết trí, cùng chung với tất cả

chúng sanh hướng về Vô thượng Bồ đề. Đây là Đản na ba la mật đại thế trang nghiêm lúc đại Bồ tát thực hành Đản na ba la mật.

Lúc thực hành Đản na ba la mật, đại Bồ tát đúng với tâm Nhứt thiết trí mà bố thí, chẳng hướng đến quả Thanh văn, Bích chi Phật. Đây gọi là Thi la ba la mật đại thế trang nghiêm lúc thực hành Đản na ba la mật.

Lúc thực hành Đản na ba la mật, đại Bồ tát đúng với tâm Nhứt thiết trí mà bố thí. Tin chịu ưa thích nơi pháp bố thí này. Đây gọi là Sằn đề ba la mật đại thế trang nghiêm lúc thực hành Đản na ba la mật.

Lúc thực hành Đản na ba la mật, đại Bồ tát đúng với tâm Nhứt thiết trí mà bố thí. Luôn siêng năng bố thí như vậy không thôi nghỉ. Đây gọi là Tỳ lê gia ba la mật đại thế trang nghiêm lúc thực hành Đản na ba la mật.

Lúc thực hành Đản na ba la mật, đại Bồ tát đúng với tâm Nhứt thiết trí mà bố thí. Thường nhiếp tâm chẳng để móng tâm Thanh văn, Bích chi Phật. Đây gọi là Thiên na ba la mật đại thế trang nghiêm lúc thực hành Đản na ba la mật.

Lúc thực hành Đản na ba la mật, đại Bồ tát đúng với tâm Nhứt thiết trí mà bố thí. Quán các

pháp như ảo. Chẳng thấy có người thí, chẳng thấy có vật cho, chẳng thấy có người thọ. Đây gọi là Bát nhã ba la mật đại thế trang nghiêm lúc đại Bồ tát thực hành Đàn na ba la mật.

Đại Bồ tát đúng với tâm Nhứt thiết trí, chẳng lấy, chẳng được những tướng của các ba la mật, phải biết đó là đại Bồ tát đại thế trang nghiêm.

Lại này Ngài Xá Lợi Phất! Lúc thực hành Thi la ba la mật, đại Bồ tát đúng với tâm Nhứt thiết trí mà bố thí, cùng chung với tất cả chúng sanh hướng về Vô thượng Bồ đề. Đây gọi là đại Bồ tát Đàn na ba la mật đại thế trang nghiêm lúc thực hành Thi la ba la mật.

Lúc thực hành Thi la ba la mật, đối với các pháp này, đại Bồ tát tin chịu ưa thích. Đây gọi là Sằn đề ba la mật đại thế trang nghiêm lúc thực hành Thi la ba la mật.

Lúc thực hành Thi la ba la mật, đại Bồ tát siêng tu chẳng nghỉ. Đây gọi là Tỳ lê gia ba la mật đại thế trang nghiêm lúc thực hành Thi la ba la mật.

Lúc thực hành Thi la ba la mật, đại Bồ tát chẳng nhiếp thọ tâm Thanh văn, Bích chi Phật. Đây gọi là Thiên na ba la mật đại thế trang nghiêm lúc thực hành Thi la ba la mật.

Lúc thực hành Thi la ba la mật, đại Bồ tát quán tất cả pháp như ảo, cũng chẳng nghĩ nhớ có giới luật này, vì pháp dụng vô sở đắc vậy. Đây gọi là Bát nhã ba la mật đại thế trang nghiêm lúc thực hành thi la ba la mật.

Đại Bồ tát lúc thực hành Thi la ba la mật, nhiếp cả năm ba la mật kia nên gọi là đại thế trang nghiêm.

Lại này Ngài Xá Lợi Phất! Lúc thực hành Sằn đề ba la mật, đại Bồ tát cùng chung với tất cả chúng sanh hướng về Vô thượng Bồ đề. Đây gọi là Đàn na ba la mật lúc thực hành Sằn đề ba la mật.

Lúc thực hành Sằn đề ba la mật, đại Bồ tát chỉ thọ tâm Nhứt thiết trí mà chẳng thọ tâm Thanh văn, Bích chi Phật. Đây gọi là Thi la ba la mật lúc thực hành Sằn đề ba la mật.

Lúc thực hành Sằn đề ba la mật, đại Bồ tát thân tâm tinh tấn chẳng thôi nghỉ đúng với tâm Nhứt thiết trí. Đây gọi là Tỳ lê gia ba la mật lúc thực hành Sằn đề ba la mật.

Lúc thực hành Sằn đề ba la mật, đại Bồ tát nhiếp tâm một chỗ, dầu có bị đau khổ cũng chẳng tán loạn. Đây gọi là Thiên na ba la mật lúc thực hành Sằn đề ba la mật.

Lúc thực hành Sằn đề ba la mật, đại Bồ tát đúng với tâm Nhứt thiết trí, quán các pháp rỗng không, chẳng có tác giả, chẳng có thọ giả, dầu bị người mắng nhiếc, chém đâm, tâm Bồ tát như ảo, như mộng. Đây gọi là Bát nhã ba la mật lúc thực hành Sằn đề ba la mật.

Đại Bồ tát lúc thực hành Sằn đề ba la mật nhiếp cả các môn ba la mật kia nên gọi là đại thế trang nghiêm.

Lại này Ngài Xá Lợi Phất! Lúc thực hành Tỳ lê gia ba la mật, đại Bồ tát đúng với tâm Nhứt thiết trí mà bố thí, chẳng để thân tâm giải đãi. Đây gọi là Đàn na ba la mật lúc thực hành Tỳ lê gia ba la mật.

Lúc thực hành Tỳ lê gia ba la mật, đại Bồ tát thỉ chung vẫn trì giới thanh tịnh đầy đủ. Đây gọi là Thi la ba la mật lúc thực hành Tỳ lê gia ba la mật.

Lúc thực hành Tỳ lê gia ba la mật, đại Bồ tát đúng với tâm Nhứt thiết trí mà tu hành nhẫn nhục. Đây gọi là Sằn đề ba la mật lúc thực hành Tỳ lê gia ba la mật.

Lúc thực hành Tỳ lê gia ba la mật, đại Bồ tát đúng với tâm Nhứt thiết trí mà nhiếp tâm ly dục nhập các môn thiền định. Đây gọi là Thiên na ba la mật lúc thực hành Tỳ lê gia ba la mật.

Lúc thực hành Tỳ lê gia ba la mật, đại Bồ tát đúng với tâm Nhứt thiết trí, chẳng chấp lấy tướng của các pháp, nơi tướng chẳng chấp lấy này cũng chẳng chấp trước. Đây gọi là Bát nhã ba la mật lúc thực hành Tỳ lê gia ba la mật.

Đại Bồ tát lúc thực hành Tỳ lê gia ba la mật nhiếp cả các môn ba la mật kia nên gọi là đại thế trang nghiêm.

Lại này ngài Xá Lợi Phất! Lúc thực hành Thiên na ba la mật, đại Bồ tát đúng với tâm Nhứt thiết trí mà bố thí, tâm vẫn ở trong định không xao động. Đây gọi là Đàn na ba la mật lúc thực hành Thiên na ba la mật.

Lúc thực hành Thiên na ba la mật, đại Bồ tát đúng với tâm Nhứt thiết trí mà trì giới, do sức thiền định nên các pháp phá giới không xen vào được. Đây gọi là Thi la ba la mật lúc thực hành Thiên na ba la mật.

Lúc thực hành Thiên na ba la mật, đại Bồ tát đúng với tâm Nhứt thiết trí, vì sức từ bi tam muội nên nhẫn chịu tất cả khổ hại. Đây gọi là Sằn đề ba la mật lúc thực hành Thiên na ba la mật.

Lúc thực hành Thiên na ba la mật, đại Bồ tát đúng với tâm Nhứt thiết trí, nơi thiền định chẳng ham, chẳng chấp, thường cầu tăng tiến từ một

thiền đến một thiền. Đây gọi là Tỳ lê gia ba la mật lúc thực hành Thiền na ba la mật.

Lúc thực hành Thiền na ba la mật, đại Bồ tát đúng với tâm Nhứt thiết trí, không y chỉ nơi tất cả pháp, cũng chẳng thọ sanh theo thiền. Đây gọi là Bát nhã ba la mật lúc thực hành Thiền na ba la mật.

Đại Bồ tát lúc thực hành Thiền na ba la mật, nhiếp cả các môn ba la mật kia nên gọi là đại thế trang nghiêm.

Lại này Ngài Xá Lợi Phất! Lúc thực hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ tát đúng với tâm Nhứt thiết trí mà bố thí, không lẫn tiếc những sở hữu trong thân, ngoài thân; chẳng thấy người cho, kẻ thọ và tài vật. Đây gọi là Đàn na ba la mật lúc thực hành Bát nhã ba la mật.

Lúc thực hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ tát đúng với tâm Nhứt thiết trí nên không thấy có hai sự trì giới và phá giới. Đây gọi là Thi la ba la mật lúc thực hành Bát nhã ba la mật.

Lúc thực hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ tát đúng với tâm Nhứt thiết trí, chẳng thấy kẻ mắng nhiếc, kẻ đánh đập, kẻ giết hại, cũng chẳng thấy dùng pháp không này để nhân nhục. Đây gọi là Sằn đề ba la mật lúc thực hành Bát nhã ba la mật.

Lúc thực hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ tát đúng với tâm Nhứt thiết trí, quán các pháp rốt ráo Không, do tâm đại bi mà tinh cần thực hành các pháp lành. Đây gọi là Tỳ lê gia ba la mật lúc thực hành Bát nhã ba la mật.

Lúc thực hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ tát đúng với tâm Nhứt thiết trí mà nhập thiên định, quán các thiên định ly tướng, tướng Không, tướng vô tướng, tướng vô tác. Đây gọi là Thiên na ba la mật lúc thực hành Bát nhã ba la mật.

Đại Bồ tát lúc thực hành Bát nhã ba la mật, nhiếp cả năm môn ba la mật kia nên gọi là đại thế trang nghiêm.

Bồ tát đại thế trang nghiêm này được chư Phật mười phương hoan hỷ xưng danh giữa đại chúng để ca ngợi rằng cõi nước đó có đại Bồ tát đó đại thế trang nghiêm, thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật quốc.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: “Thế nào là đại Bồ tát phát xu đại thừa?”.

Ngài Phú Lô Na Di Đa La Ni Tử nói:

Lúc thực hành sáu ba la mật, đại Bồ tát xa lìa ái dục cùng những pháp ác bất thiện, ly sanh hỷ lạc hữu giác hữu quán nhập Sơ thiên, nhẫn đến xả niệm thanh tịnh nhập Tứ thiên, dùng tâm từ bi hỷ

xả quảng đại vô nhị vô lượng khắp cùng một phương nhẫn đến mười phương tất cả thế gian. Lúc nhập thiền, xuất thiền, Bồ tát này đem các thiền, các vô lượng tâm cùng chung với tất cả chúng sanh hướng đến Nhất thiết trí. Đây gọi là đại Bồ tát Thiên na ba la mật phát xu Đại thừa.

Bồ tát này an trụ trong thiền vô lượng tâm nghĩ rằng: Tôi sẽ được Nhất thiết chủng trí vì dứt sạch phiền não cho tất cả chúng sanh nên sẽ vì họ mà thuyết pháp. Đây gọi là Đản na ba la mật lúc đại Bồ tát thực hành Thiên na ba la mật.

Nếu đại Bồ tát đúng với tâm Nhất thiết trí mà tu tứ thiền và trụ trong tứ thiền chẳng nạp thọ tâm Thanh văn, Bích chi Phật. Đây gọi là Thi la ba la mật lúc đại Bồ tát thực hành Thiên na ba la mật.

Nếu đại Bồ tát đúng với tâm Nhất thiết trí nhập các thiền mà nghĩ rằng: Tôi vì dứt trừ phiền não cho tất cả chúng sanh nên sẽ thuyết pháp, nơi đây nhân thọ ưa thích. Đây gọi là Sần đề ba la mật lúc đại Bồ tát thực hành Thiên na ba la mật.

Nếu đại Bồ tát đúng với tâm Nhất thiết trí nhập các thiền, bao nhiêu thiện căn đều hướng về Nhất thiết trí, siêng tu không thôi nghỉ. Đây gọi là Tỳ lê gia ba la mật lúc đại Bồ tát thực hành Thiên na ba la mật.

Nếu đại Bồ tát đúng với tâm Nhứt thiết trí nhập tứ thiên, quán tướng vô thường, tướng khổ, tướng vô ngã, tướng Không, tướng vô tướng, tướng vô tác, cùng chung với tất cả chúng sanh hướng về Nhứt thiết trí. Đây gọi là Bát nhã ba la mật lúc đại Bồ tát thực hành Thiên na ba la mật.

Đây gọi là đại Bồ tát phát xu Đại thừa vậy.

Lại này Ngài Xá Lợi Phất! Đại Bồ tát phát xu Đại thừa thực hành từ tâm nghĩ rằng: Tôi sẽ làm cho tất cả chúng sanh được an lạc. Nhập bi tâm nghĩ rằng: Tôi sẽ cứu tế tất cả chúng sanh. Nhập hỷ tâm nghĩ rằng: Tôi sẽ độ tất cả chúng sanh. Nhập xả tâm nghĩ rằng: Tôi sẽ làm cho tất cả chúng sanh được lậu tận. Đây gọi là Đàn na ba la mật lúc đại Bồ tát thực hành tứ vô lượng tâm.

Đại Bồ tát thực hành tứ vô lượng tâm tam muội này chỉ hướng về Nhứt thiết trí mà chẳng hướng đến Thanh văn, Bích chi Phật. Đây gọi là Thi la ba la mật lúc đại Bồ tát thực hành tứ vô lượng tâm.

Đại Bồ tát thực hành tứ vô lượng tâm chẳng tham quả Thanh văn, Bích chi Phật, chỉ nhận thọ ưa thích Nhứt thiết trí. Đây gọi là Sằn đề ba la mật lúc đại Bồ tát thực hành tứ vô lượng tâm.

Đại Bồ tát đúng với tâm Nhứt thiết trí mà thực

hành tứ vô lượng tâm chỉ thực hiện hạnh thanh tịnh. Đây gọi là Tỳ lê gia ba la mật lúc đại Bồ tát thực hành tứ vô lượng tâm.

Đại Bồ tát đúng với tâm Nhứt thiết trí nhập vô lượng tâm tam muội, cũng chẳng thọ sanh theo thiên vô lượng tâm. Đây gọi là phương tiện Bát nhã ba la mật lúc đại Bồ tát thực hành tứ vô lượng tâm. Đây gọi là đại Bồ tát phát xu Đại thừa vậy.

Lại này ngài Xá Lợi Phất! Đại Bồ tát đúng với tâm Nhứt thiết trí mà tu tứ niệm xứ đến bát Thánh đạo phần; đúng với tâm Nhứt thiết trí mà tu ba môn giải thoát đến mười tám pháp bất cộng. Đây gọi là đại Bồ tát phát xu Đại thừa.

Lại này ngài Xá Lợi Phất! Vì pháp dụng trí huệ trong nội Không của bồ tát vô sở đắc vậy. Nhân đến vì pháp dụng trí huệ trong vô pháp hữu pháp Không vô sở đắc vậy. Đây gọi là đại Bồ tát phát xu Đại Thừa.

Lại này Ngài Xá Lợi Phất! trong tất cả pháp, đại Bồ tát trí huệ chẳng loạn, chẳng định. Đây gọi là đại Bồ tát phát xu Đại thừa.

Lại này Ngài Xá Lợi Phất! Đại Bồ tát trí huệ chẳng phải thường, chẳng phải vô thường; trí huệ chẳng phải lạc, chẳng phải khổ; chẳng phải thiệt, chẳng phải không hư; chẳng phải ngã, chẳng phải

vô ngã. Đây gọi là đại Bồ tát phát xu Đại thừa, vì pháp dụng vô sở đắc vậy.

Lại này Ngài Xá Lợi Phất! Đại Bồ tát trí huệ chẳng đi trong ba thời gian quá khứ, hiện tại, vị lai; cũng chẳng phải là chẳng biết rõ ba thời gian. Đây gọi là đại Bồ tát phát xu Đại thừa, vì pháp dụng vô sở đắc vậy.

Lại này Ngài Xá Lợi Phất! Đại Bồ tát trí huệ chẳng đi trong ba cõi Dục giới, Sắc giới, Vô Sắc giới, cũng chẳng phải là chẳng biết rõ ba cõi, vì pháp dụng vô sở đắc vậy. Đây gọi là đại Bồ tát phát xu Đại thừa.

Lại này Ngài Xá Lợi Phất! Đại Bồ tát trí huệ chẳng đi trong pháp thế gian, pháp xuất thế gian; pháp hữu vi, pháp vô vi; pháp hữu lậu, pháp vô lậu; cũng chẳng phải là chẳng biết rõ tất cả pháp, vì pháp dụng vô sở đắc vậy. Đây gọi là đại Bồ tát phát xu Đại thừa.

*



KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

PHẨM THỪA ĐẠI THỪA THỨ MƯỜI SÁU

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: “Thế nào là đại Bồ tát ngồi Đại thừa?”.

Ngài Phú Lô Na nói:

Lúc thực hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ tát ngồi Đàn na ba la mật nhìn đến ngồi Bát nhã ba la mật, cũng chẳng thấy có Đàn na nhìn đến chẳng thấy có Bát nhã, cũng chẳng thấy có Bồ tát, vì pháp dụng vô sở đắc vậy. Đây là đại Bồ tát ngồi sáu ba la mật, cũng gọi là ngồi Đại thừa.

Lại này ngài Xá Lợi Phất! Đại Bồ tát nhưt tâm đúng với Nhưt thiết trí mà tu tứ niệm xứ

nhãn đến tu mười tám pháp bất cộng, vì pháp Không, nên cũng bất khả đắc. Đây gọi là đại Bồ tát ngồi Đại thừa.

Lại này ngài Xá Lợi Phất! Đại Bồ tát nghĩ rằng: Bồ tát chỉ có danh tự vì chúng sanh bất khả đắc vậy. Đây gọi là đại Bồ tát ngồi Đại thừa.

Đại Bồ tát lại nghĩ rằng: Sắc đến thức, nhãn đến ý, sắc đến pháp, nhãn giới đến ý thức giới đều chỉ có danh tự, vì đều bất khả đắc vậy. Lại nghĩ rằng: Tứ niệm xứ đến bát Thánh đạo phần, nội Không đến vô pháp hữu pháp Không, đến mười tám pháp bất cộng đều chỉ có danh tự vì đều bất khả đắc vậy. Lại nghĩ rằng: Pháp Như, pháp tướng, pháp tánh, pháp vị, thiết tế đều chỉ có danh tự vì đều bất khả đắc vậy. Lại nghĩ rằng: Vô thượng Bồ đề và Phật chỉ có danh tự vì bất khả đắc vậy. Đây gọi là đại Bồ tát ngồi Đại thừa.

Lại này ngài Xá Lợi Phất! Từ khi sơ phát tâm, đại Bồ tát đầy đủ thần thông thành tựu chúng sanh, từ một quốc độ đến một quốc độ, đại Bồ tát cúng dường kính trọng tán thán chư Phật, nghe chư Phật dạy pháp Đại thừa. Đây gọi là đại Bồ tát ngồi Đại thừa.

Đại Bồ tát từ một Phật quốc đến một Phật quốc để thanh tịnh quốc độ, thành tựu chúng

sanh, trọn không có cảm tưởng Phật quốc, cũng không có cảm tưởng chúng sanh. Bồ tát này an trụ trong pháp bất nhị, vì chúng sanh mà thọ thân, tùy chỗ đáng được độ mà tự hiện thân hình để thuyết pháp giáo hóa chúng sanh. Như vậy mãi đến Nhất thiết chủng trí vẫn không rời Đại thừa. Đây gọi là đại Bồ tát ngồi đại thừa.

Ngôi Đại thừa này, đại Bồ tát được Nhất thiết chủng trí chuyên pháp luân mà Thanh văn, Bích chi Phật và Thiên, Long, Bát bộ đến tất cả người thế gian không thể chuyển được. Bảy giờ chư Phật mười phương đều hoan hỷ xưng danh hiệu để ca ngợi rằng phương đó, quốc độ đó có đại Bồ tát ngồi Đại thừa được Nhất thiết chủng trí chuyên pháp luân.

Đây gọi là đại Bồ tát ngồi Đại thừa.

*



KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

PHẨM TRANG NGHIÊM
THỨ MƯỜI BẢY

* Bảy giờ ngài Tu Bồ Đề bạch đức Phật: “Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ tát đại trang nghiêm, những gì là đại trang nghiêm? Bực Bồ tát nào có thể đại trang nghiêm?”.

Đức Phật nói:

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ tát Đại thừa đại trang nghiêm. Chính là Đản na ba la mật đến Bát nhã ba la mật trang nghiêm. Tứ niệm xứ đến bát Thánh đạo phần trang nghiêm. Nội Không đến vô pháp hữu Không trang nghiêm. Thập lực đến

* Hán bộ quyển thứ 5.

pháp bất cộng và Nhứt thiết chủng trí trang nghiêm. Biến thân như Phật trang nghiêm, quang minh chiếu khắp tam thiên Đại thiên quốc độ, cũng chiếu khắp mười phương, mỗi phương đều hằng sa quốc độ. Làm chấn động Đại thiên quốc độ, cũng chấn động hằng sa quốc độ trong mười phương.

Bồ tát này an trụ trong Đàn na ba la mật Đại thừa đại trang nghiêm. Đại thiên quốc độ này biến thành cõi Lưu Ly. Bồ tát này hóa thành Chuyển Luân Thánh Vương, chúng sanh cần dùng thứ gì thì đều cung cấp đầy đủ thứ ấy, cần ăn cho ăn, cần uống cho uống, cần mặc cho y phục, cần chỗ ở cho nhà phòng giường nệm, cần ánh sáng cho đèn đuốc, cần lành bệnh cho thuốc men, cần trang điểm cho chuỗi ngọc châu báu cùng các loại hoa hương. Cấp cho xong rồi lại thuyết pháp cho họ tu hành pháp Đại thừa. Chúng sanh nghe xong, trọn chẳng rời sáu ba la mật nhẫn đến Vô thượng Bồ đề.

Đây gọi là đại Bồ tát Đại thừa đại trang nghiêm.

Này Tu Bồ Đề! Ví như nhà ảo thuật giỏi, ở giữa ngã tư đường hóa làm đại chúng, rồi cung cấp đồ ăn uống, nhà phòng, thuốc men, hoa hương cho đại chúng ấy. Tu Bồ Đề nghĩ thế nào?

Đối với nhà ảo thuật này thiệt có đại chúng cùng cấp cho chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Không có thiệt.

- Nay Tu Bồ Đề! Cũng vậy, đại Bồ tát hóa làm Chuyển Luân Thánh Vương cung cấp nhu cầu đầy đủ cho tất cả chúng sanh, mặc dầu có làm mà thiệt thì không chỗ cho. Tại sao vậy? Vì pháp tướng như ảo vậy.

Lại nay Tu Bồ Đề! Đại Bồ tát an trụ Thi la ba la mật hiện sanh vào nhà Chuyển Luân Thánh Vương, đem thập thiện đạo giáo hóa chúng sanh. Có vị đem tứ thiên, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng giáo hóa chúng sanh. Chúng sanh nghe pháp tin hiểu thọ trì mãi đến thành Vô thượng Bồ đề trọn không rời pháp ấy.

Ví như nhà ảo thuật giỏi, ở giữa ngã tư đường hóa làm đại chúng rồi đem pháp thập thiện đạo giáo hóa, cũng đem tứ thiên, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng để giáo hóa khiến thực hành. Tu Bồ Đề nghĩ thế nào? Có chúng sanh thiệt được nhà ảo thuật giáo hóa chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Không có thiệt.

- Cũng vậy, này Tu Bồ Đề! Đại Bồ tát giáo hóa chúng sanh thực hành thập thiện đạo đến mười tám pháp bất cộng, nhưng thiết không có chúng sanh thực hành thập thiện đạo đến pháp bất cộng. Tại sao vậy? Vì pháp tướng như ảo vậy. Đây gọi là đại Bồ tát đại trang nghiêm.

Lại này Tu Bồ Đề! Đại Bồ tát an trụ Sằn đề ba la mật, giáo hóa chúng sanh làm cho họ thực hành Sằn đề ba la mật. An trụ và giáo hóa thế nào? Đại Bồ tát từ lúc sơ phát tâm đến nay, dầu bị tất cả chúng sanh mắng nhiếc, đánh đập, chém giết vẫn không móng khởi một niệm động tâm và cũng dạy tất cả chúng sanh thực hành nhẫn nhục này, nhưng thiết không có chúng sanh thọ giáo và thực hành nhẫn nhục. Tại sao vậy? Vì pháp tướng như ảo vậy. Ví như nhà ảo thuật giỏi, hóa hiện đại chúng rồi dạy thực hành nhẫn nhục. Đây gọi là đại Bồ tát đại trang nghiêm.

Lại này Tu Bồ Đề! Đại Bồ tát an trụ Tỳ lê gia ba la mật, giáo hóa tất cả chúng sanh thực hành Tỳ lê gia ba la mật. An trụ và giáo hóa thế nào? Đại Bồ tát đứng với tâm Nhứt thiết trí, thân tâm tinh tấn giáo hóa chúng sanh. Nhưng thiết không có chúng sanh thọ giáo. Tại sao vậy? Vì pháp tướng như ảo vậy. Ví như nhà ảo thuật giỏi. Đây gọi là đại Bồ tát đại trang nghiêm.

Lại này Tu Bồ Đề! Đại Bồ tát an trụ Thiên na ba la mật, giáo hóa tất cả chúng sanh thực hành Thiên na ba la mật. An trụ và giáo hóa thế nào? Đại Bồ tát an trụ trong pháp bất động, chẳng thấy có loạn, chẳng thấy có định, giáo hóa tất cả chúng sanh thực hành Thiên na ba la mật, nhãn đến Vô thượng Bồ đề trọn chẳng rời Thiên na ba la mật. Nhưng thiệt không có chúng sanh thọ giáo thực hành Thiên na ba la mật. Tại sao vậy? Vì pháp tướng như ảo vậy. Ví như nhà ảo thuật giỏi. Đây gọi là đại Bồ tát đại trang nghiêm.

Lại này Tu Bồ Đề! Đại Bồ tát an trụ Bát nhã ba la mật, giáo hóa tất cả chúng sanh thực hành Bát nhã ba la mật. An trụ và giáo hóa thế nào? Đại Bồ tát lúc an trụ trong Bát nhã ba la mật, không có pháp được thử ngạn bỉ ngạn, giáo hóa tất cả chúng sanh thực hành Bát nhã ba la mật, nhãn đến Vô thượng Bồ đề trọn chẳng rời Bát nhã ba la mật. Nhưng thiệt không có chúng sanh thực hành Bát nhã ba la mật. Tại sao vậy? Vì pháp tướng như ảo vậy. Ví như nhà ảo thuật giỏi. Đây gọi là đại Bồ tát đại trang nghiêm.

Lại này Tu Bồ Đề! Tùy theo chỗ đáng được độ của chúng sanh trong hằng sa quốc độ ở mười phương, đại Bồ tát tự biến thân hình an trụ Đàn na ba la mật nhãn đến Bát nhã ba la mật, cũng

giáo hóa chúng sanh thực hành sáu ba la mật. Chúng sanh tuân hành pháp này đến Vô thượng Bồ đề trọn chẳng rời pháp này. Nhưng thiết không có chúng sanh tuân hành. Tại sao vậy? Vì pháp tướng như ảo vậy. Ví như nhà ảo thuật giỏi. Đây gọi là đại Bồ tát đại trang nghiêm.

Lại này Tu Bồ Đề! Đại Bồ tát đại trang nghiêm đúng với tâm Nhứt thiết trí, chẳng nghĩ rằng: Tôi dạy bao nhiêu người này an trụ sáu ba la mật mà chẳng dạy những người kia. Cũng chẳng nghĩ rằng: Tôi dạy bao nhiêu người này an trụ tứ niệm xứ đến bất cộng pháp mà chẳng dạy bao nhiêu người kia. Cũng chẳng nghĩ rằng: Tôi dạy bao nhiêu người này cho họ được quả Tu đà hoàn, Tư đà hàm, A na hàm, A la hán, Bích chi Phật, Nhứt thiết chủng trí mà chẳng dạy bao nhiêu người kia.

Đại Bồ tát đúng với tâm Nhứt thiết trí, nghĩ rằng: tôi sẽ làm cho vô lượng vô biên vô số tất cả chúng sanh an trụ sáu ba la mật. Tôi sẽ đặt tất cả chúng sanh nơi tứ niệm xứ nhẫn đến mười tám pháp bất cộng. Tôi sẽ làm cho tất cả chúng sanh được quả Tu Đà Hoàn đến Nhứt thiết chủng trí. Nhưng thiết không có chúng sanh an trụ sáu ba la mật nhẫn đến được Nhứt thiết chủng trí. Tại sao

vậy? Vì pháp tướng như ảo vậy, vì như nhà ảo thuật giỏi. Đây gọi là đại Bồ tát đại trang nghiêm.

Ngài Tu Bồ Đề thưa:

Bạch đức Thế Tôn! Theo ý nghĩa mà con được nghe nơi đức Phật dạy, thì đại Bồ tát không đại trang nghiêm là đại trang nghiêm. Vì các pháp tự tánh rỗng không vậy.

Nghĩa là sắc tự tướng rỗng không nhãn đến thức tự tướng rỗng không, nhãn tự tướng rỗng không nhãn đến ý tự tướng rỗng không, sắc tự tướng rỗng không nhãn đến pháp tự tướng rỗng không, nhãn thức tự tướng rỗng không nhãn đến ý thức tự tướng rỗng không, nhãn xúc tự tướng rỗng không nhãn đến ý xúc tự tướng rỗng không, nhãn xúc như duyên sanh thọ tự tướng rỗng không nhãn đến ý xúc như duyên sanh thọ tự tướng rỗng không, Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật tự tướng rỗng không, nội Không nhãn đến vô pháp hữu pháp Không tự tướng rỗng không, tứ niệm xứ nhãn đến mười tám pháp bất cộng tự tướng rỗng không, Bồ tát tự tướng rỗng không.

Do duyên có trên đây mà biết rằng đại Bồ tát không đại trang nghiêm là đại trang nghiêm.

Đức Phật nói: Phải lắm, đúng như lời ông nói. Nay Tu Bồ Đề! Nhứt thiết trí chẳng phải là tác pháp, chúng sanh cũng chẳng phải là tác pháp. Đại Bồ tát vì chúng sanh này mà đại trang nghiêm.

Tại sao vậy? Vì tác giả bất khả đắc vậy.

Nay Tu Bồ Đề! Nhứt thiết trí chẳng phải là pháp làm ra, sanh ra; chúng sanh này cũng chẳng phải pháp làm ra, sanh ra.

Tại sao vậy? Vì sắc chẳng phải làm ra chẳng phải chẳng làm ra, thọ tướng hành thức chẳng phải làm ra chẳng phải chẳng làm ra, nhãn đến ý xúc nhơn duyên sanh thọ chẳng phải làm ra chẳng phải chẳng làm ra, ngã nhơn nhãn đến tri giả, kiến giả chẳng phải làm ra chẳng phải chẳng làm ra.

Tại sao vậy? Vì các pháp rốt ráo bất khả đắc vậy.

Nay Tu Bồ Đề! Mộng nhãn đến biến hóa chẳng phải làm ra chẳng phải chẳng làm ra, vì rốt ráo bất khả đắc vậy.

Nay Tu Bồ Đề! Nội Không nhãn đến vô pháp hữu pháp Không chẳng phải làm ra chẳng phải chẳng làm ra, vì rốt ráo bất khả đắc vậy. Tứ niệm xứ nhãn đến mười tám pháp bất cộng chẳng phải làm ra chẳng phải chẳng làm ra, vì rốt ráo bất khả đắc vậy.

Này Tu Bồ Đề! Pháp như, pháp tướng, pháp tánh, pháp trụ, pháp vị, thiết tế chẳng phải làm ra chẳng phải chẳng làm ra, vì rốt ráo bất khả đắc vậy. Bồ tát chẳng phải làm ra chẳng phải chẳng làm ra, vì rốt ráo bất khả đắc vậy. Nhứt thiết trí và Nhứt thiết chủng trí chẳng phải làm ra chẳng phải chẳng làm ra, vì rốt ráo bất khả đắc vậy.

Này Tu Bồ Đề! Do duyên có này nên Nhứt thiết trí chẳng phải pháp làm ra, sanh ra; chúng sanh này cũng chẳng phải pháp làm ra sanh ra. Đại Bồ tát vì chúng sanh này mà đại trang nghiêm.

Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Như con quán sát nghĩa của đức Phật nói thì sắc không phược không thoát; thọ tướng hành thức không phược không thoát”.

Ngài Phú Lô Na hỏi Ngài Tu Bồ Đề: “Những sắc gì không phược không thoát? những thọ tướng hành thức gì không phược không thoát?”.

Ngài Tu Bồ Đề nói:

Sắc như mộng và thọ tướng hành thức như mộng không phược không thoát. Sắc như ảnh, như hưởng, như ảo, như diệm, như hóa và thọ tướng hành thức như ảnh, như hưởng, như ảo, như diệm, như hóa không phược không thoát.

Này ngài Phú Lô Na! Sắc thọ tướng hành, thức quá khứ, không phược không thoát. Sắc thọ tướng hành thức vị lai, không phược không thoát. Sắc thọ tướng hành thức hiện tại, không phược không thoát.

Tại sao không phược không thoát?

Vì sắc thọ tướng hành, thức đây là vô sở hữu nên không phược không thoát.

Vì sắc thọ tướng hành thức đây là ly, là tịch diệt, là bất sanh nên không phược không thoát.

Này Ngài Phú Lô Na! Thiện và bất thiện cùng vô ký, sắc thọ tướng hành thức cũng không phược không thoát.

Thế gian, xuất thế gian và hữu lậu cùng vô lậu, sắc thọ tướng hành thức cũng không phược không thoát.

Tại sao vậy? Vì là vô sở hữu, là ly, là tịch diệt, là bất sanh nên không phược không thoát.

Tất cả pháp cũng không phược không thoát. Tại sao vậy? Vì là vô sở hữu, là ly, là tịch diệt, là bất sanh nên không phược không thoát.

Này ngài Phú Lô Na! Đản na ba la mật đến Bát nhã ba la mật không phược không thoát. Vì là

vô sở hữu, là ly, là tịch diệt, là bất sanh nên không phược không thoát.

Này Ngài Phú Lô Na! Nội Không đến vô pháp hữu pháp Không, tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng, Vô thượng Bồ đề, Nhứt thiết trí, Nhứt thiết chủng trí, Bồ tát và Phật cũng đều không phược không thoát. Vì là vô sở hữu, là ly, là tịch diệt, là bất sanh nên không phược không thoát.

Này Ngài Phú Lô Na! Pháp như, pháp tướng, pháp tánh, pháp trụ, pháp vị, thiết tế, vô vi pháp cũng đều không phược không thoát. Vì là vô sở hữu, là ly, là tịch diệt, là vô sanh nên không phược không thoát.

Này Ngài Phú Lô Na! Đây gọi là đại Bồ tát Đản na ba la mật đến Bát nhã ba la mật không phược không thoát, tứ niệm xứ đến Nhứt thiết chủng trí không phược không thoát.

Đại Bồ tát an trụ trong sáu ba la mật không phược không thoát, nhân đến an trụ Nhứt thiết chủng trí không phược không thoát để thực hiện không phược không thoát thành tựu chúng sanh, không phược không thoát thanh tịnh Phật độ, không phược không thoát cúng dường chư Phật, không phược không thoát nghe chánh pháp,

không phược không thoát trọn chẳng rời chư Phật, không phược không thoát trọn chẳng rời các thần thông, không phược không thoát trọn chẳng rời ngũ nhãn, không phược không thoát trọn chẳng rời các môn đà la ni, không phược không thoát trọn chẳng rời các môn tam muội, không phược không thoát sẽ sanh đạo chủng trí, không phược không thoát sẽ được Nhứt thiết chủng trí, không phược không thoát chuyển pháp luân, không phược không thoát an lập chúng sanh nơi tam thừa.

Này Ngài Phú Lô Na! Đại Bồ tát thực hành không phược không thoát sáu ba la mật, phải biết tất cả pháp đều không phược không thoát, vì là vô sở hữu, là ly, là tịch diệt, là bất sanh nên không phược không thoát.

Đây gọi là đại Bồ tát không phược không thoát đại trang nghiêm.

*



KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

PHẨM VẤN THỪA
THỨ MƯỜI TÁM

Ngài Tu Bồ Đề bạch đức Phật:

Bạch đức Thế Tôn! Những gì là đại Bồ tát Đại thừa? Thế nào sẽ biết là đại Bồ tát phát xu Đại thừa? Thừa ấy phát từ đâu? Thừa ấy đến chỗ nào? Sẽ an trụ chỗ nào? Ai sẽ ngồi nơi thừa ấy để ra?

Đức Phật nói:

Này Tu Bồ Đề! Sáu ba la mật là đại Bồ tát Đại thừa. Đây là sáu ba la mật: Đàn na ba la mật, Thi la ba la mật, Sằn đề ba la mật, Tỳ lê gia ba la mật, Thiên na ba la mật và Bát nhã ba la mật.

Thế nào gọi là Đản na ba la mật?

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ tát dùng tâm đúng với Nhứt thiết trí để bố thí những sở hữu trong thân ngoài thân, cùng chung tất cả chúng sanh hướng về Vô thượng Bồ đề, vì pháp dụng vô sở đắc vậy. Đây gọi là đại Bồ tát Đản na ba la mật.

Thế nào gọi là Thi la ba la mật?

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ tát dùng tâm đúng với Nhứt thiết trí, để tự thực hành thập thiện đạo và cũng dạy người khác thực hành, vì vô sở đắc vậy. Đây gọi là đại Bồ tát Thi la ba la mật.

Thế nào gọi là Sằn đề ba la mật?

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ tát dùng tâm đúng với Nhứt thiết trí, tự đầy đủ nhẫn nhục và cũng dạy người khác thực hành nhẫn nhục, vì vô sở đắc vậy. Đây gọi là đại Bồ tát Sằn đề ba la mật.

Thế nào gọi là Tỳ lê gia ba la mật?

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ tát dùng tâm đúng với Nhứt thiết trí, thực hành năm ba la mật kia, siêng tu không thôi nghỉ, cũng an lập chúng sanh nơi năm ba la mật, vì vô sở đắc vậy. Đây gọi là đại Bồ tát Tỳ lê gia ba la mật.

Thế nào gọi là Thiên na ba la mật?

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ tát dùng tâm đúng với Nhứt thiết trí, tự dùng phương tiện nhập các thiên chẳng thọ sanh theo thiên và cũng dạy người khác nhập các thiên, vì vô sở đắc vậy. Đây gọi là đại Bồ tát Thiên na ba la mật.

Thế nào gọi là Bát nhã ba la mật?

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ tát dùng tâm đúng với Nhứt thiết trí, chẳng chấp trước tất cả pháp và quán pháp tánh vì vô sở đắc vậy. Cũng dạy người khác chẳng chấp trước tất cả pháp và quán pháp tánh vì vô sở đắc vậy. Đây gọi là đại Bồ tát Bát nhã ba la mật.

Này Tu Bồ Đề! Đây là đại Bồ tát Đại thừa.

Đại Bồ tát lại có Đại thừa. Những là nội Không, ngoại Không, nội ngoại Không, Không Không, đại Không, đệ nhứt nghĩa Không, hữu vi Không, vô vi Không, tất cánh Không, vô tướng Không, tán Không, tánh Không, tự tướng Không, chư pháp Không, bất khả đắc Không, vô pháp Không, hữu pháp Không, vô pháp hữu pháp Không.

Những gì là nội Không?

Nội pháp là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý. Xét về nhãn thì nhãn rỗng không, nhãn đến xét về ý thì ý rỗng không, vì chẳng phải thường chẳng

phải diệt. Tại sao vậy? Vì tánh tự như vậy. Đây gọi là nội Không.

Những gì là ngoại Không?

Ngoại pháp là sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp. Xét về sắc thì sắc rỗng không, nhấn đến xét về pháp thì pháp rỗng không, vì chẳng phải thường chẳng phải diệt. Tại sao vậy? Vì tánh tự như vậy. Đây gọi là ngoại Không.

Những gì là nội ngoại Không?

Nội ngoại pháp là thập nhị nhập: nội lục nhập tức là sáu căn và ngoại lục nhập tức là sáu trần. Xét về nội pháp thì nội pháp rỗng không, xét về ngoại pháp thì ngoại pháp rỗng không, vì đều chẳng phải thường chẳng phải diệt. Tại sao vậy? Vì tánh tự như vậy. Đây gọi là nội ngoại Không.

Những gì là Không Không?

Không là tất cả pháp rỗng không. Không này cũng là rỗng không, vì chẳng phải thường chẳng phải diệt. Tại sao vậy? Vì tánh tự như vậy. Đây gọi là Không Không.

Những gì là đại Không?

Đại là nói mười phương. Xét về đông phương thì đông phương rỗng không, nhấn đến hạ phương thì hạ phương rỗng không, vì chẳng phải thường

chẳng phải diệt. Tại sao vậy? Vì tánh tự như vậy. Đây gọi là đại Không.

Những gì là đệ nhất nghĩa Không?

Đệ nhất nghĩa là nói Niết bàn. Xét về Niết bàn thì Niết bàn rỗng không, vì chẳng phải thường chẳng phải diệt. Tại sao vậy? Vì tánh tự như vậy. Đây là đệ nhất nghĩa Không.

Những gì là hữu vi Không?

Hữu vi pháp là nói tam giới: Dục giới, Sắc giới và Vô Sắc giới. Xét về Dục giới thì Dục giới rỗng không, Sắc giới thì Sắc giới rỗng không, Vô Sắc giới thì Vô Sắc giới rỗng không, vì chẳng phải thường chẳng phải diệt. Tại sao vậy? Vì tánh tự như vậy. Đây gọi là hữu vi Không.

Những gì là vô vi Không?

Vô vi pháp là nói không tướng sanh, không tướng trụ, không tướng diệt. Xét về vô vi pháp thì vô vi pháp rỗng không, vì chẳng phải thường chẳng phải diệt. Tại sao vậy? Vì tánh tự như vậy. Đây gọi là vô vi Không.

Những gì là tất cánh Không?

Tất cánh là nói các pháp rốt ráo bất khả đắc, tức là tất cánh rỗng không, vì chẳng phải thường

chẳng phải diệt. Tại sao vậy? Vì tánh tự như vậy. Đây gọi là tất cánh Không.

Những gì là vô thí Không?

Xét về chỗ khởi đầu của các pháp thì bất khả đắc, vì chẳng phải thường chẳng phải diệt. Tại sao vậy? Vì tánh tự như vậy. Đây gọi là vô thí Không.

Những gì là tán Không?

Tán là nói các pháp không diệt. Không diệt này cũng rỗng không, vì chẳng phải thường chẳng phải diệt. Tại sao vậy? Vì tánh tự như vậy. Đây gọi là tán Không.

Những gì là tánh Không?

Hoặc hữu vi pháp tánh, hoặc vô vi pháp tánh, tánh này chẳng phải Thanh văn, Bích chi Phật làm ra; chẳng phải Phật làm ra, cũng chẳng phải người khác làm ra. Xét về tánh này, thì tánh này rỗng không, vì chẳng phải thường chẳng phải diệt. Tại sao vậy? Vì tánh tự như vậy. Đây gọi là tánh Không.

Những gì là tự tướng Không?

Tự tướng là nói sắc thì tướng biến hoại, thọ thì tướng lãnh thọ, tưởng thì tướng lấy tướng dạng, hành thì tướng tạo tác, thức thì tướng rõ biết. Tự tướng của những pháp hữu vi, pháp vô vi

đều rỗng không, vì chẳng phải thường chẳng phải diệt. Tại sao vậy? Vì tánh tự như vậy. Đây gọi là tự tướng không.

Những gì là chư pháp Không?

Chư pháp là nói ngũ âm, thập nhị nhập, thập bát giới. Xét về chư pháp này thì chư pháp này rỗng không, vì chẳng phải thường chẳng phải diệt vậy. Tại sao vậy? Vì tự tánh như vậy. Đây gọi là chư pháp Không.

Những gì là bất khả đắc Không?

Tìm cầu các pháp bất khả đắc đây là bất khả đắc Không, vì chẳng phải thường chẳng phải diệt. Tại sao vậy? Vì tánh tự như vậy. Đây gọi là bất khả đắc Không.

Những gì là vô pháp Không?

Nếu pháp không có thì cũng rỗng không, vì chẳng phải thường chẳng phải diệt. Tại sao vậy? Vì tánh tự như vậy. Đây gọi là vô pháp Không.

Những gì là hữu pháp Không?

Hữu pháp là nói trong các pháp hòa hiệp có tự tánh tướng. Hữu pháp này rỗng không, vì chẳng phải thường chẳng phải diệt. Tại sao vậy? Vì tánh tự như vậy. Đây gọi là hữu pháp Không.

Những gì là vô pháp hữu pháp Không?

Vô pháp trong các pháp và hữu pháp trong các pháp đều rỗng không, vì chẳng phải thường chẳng phải diệt. Tại sao vậy? Vì tánh tự như vậy. Đây gọi là vô pháp hữu pháp Không.

Này Tu Bồ Đề! Lại còn pháp pháp tướng Không, vô pháp vô pháp tướng Không, tự pháp tự pháp tướng Không, tha pháp tha pháp tướng Không.

Những gì gọi là pháp pháp tướng Không?

Pháp nơi đây là nói ngũ âm. Ngũ âm rỗng không. Đây gọi là pháp pháp tướng Không.

Những gì gọi là vô pháp vô pháp tướng Không?

Vô pháp nơi đây là nói vô vi pháp. Đây gọi là vô pháp vô pháp tướng Không.

Những gì là tự pháp tự pháp tướng Không?

Xét về các pháp thì tự pháp rỗng không. Rỗng không này chẳng phải do biết cũng chẳng phải do thấy. Đây gọi là tự pháp tự pháp tướng Không.

Những gì gọi là tha pháp tha pháp tướng Không?

Hoặc Phật xuất thế hoặc Phật chưa xuất thế; pháp trụ, pháp tướng, pháp vị, pháp tánh, như, thiết tế vượt quá những pháp không này. Đây gọi là tha pháp tha pháp tướng không.

Đây gọi là đại Bồ tát Đại thừa.

Này Tu Bồ Đề! Lại có đại Bồ tát Đại thừa. Chánh là Thủ lãng nghiêm tam muội, Bửu ấn tam muội, Sư tử du hý tam muội, Diệu nguyệt tam muội, Nguyệt tràng tướng tam muội, Xuất chư pháp tam muội, Quán đánh tam muội, Tất pháp tánh tam muội, Tất tràng tướng tam muội, Kim cang tam muội, Nhập pháp ấn tam muội, Tam muội vương an lập tam muội, Phóng quang tam muội, Lực tấn tam muội, Cao xuất tam muội, Tất nhập biện tài tam muội, Thích danh tự tam muội, Quán phương tam muội, Đà la ni ấn tam muội, Vô cuống tam muội, Nhiếp chư pháp hải tam muội, Biến phú hư không tam muội, Kim cang luân tam muội, Bửu đoạn tam muội, Năng chiếu tam muội, Bất cầu tam muội, Vô trụ tam muội, Vô tâm tam muội, Tịnh đấng tam muội, Vô biên minh tam muội, Năng tác minh tam muội, Phổ chiếu minh tam muội, kiên tịnh chư tam muội tam muội, Vô cấu minh tam muội, Hoan hỷ tam muội, Điện quang tam muội, Vô tận tam muội, Oai đức tam muội, Ly tận tam muội, Bất động tam muội, Bất thối tam muội, Nhứt đấng tam muội, Nguyệt tịnh tam muội, Tịnh minh tam muội, Năng tác minh tam muội, Tác hành tam muội, Tri tướng tam muội, Như kim cang tam muội, Tâm trụ tam muội, Phổ minh tam muội, An lập tam muội, Bửu

tụ tam muội, Diệu pháp ấn tam muội, Pháp đăng tam muội, Đoạn hỷ tam muội, Đáo pháp đánh tam muội, Năng tán tam muội, Phân biệt chư pháp cú tam muội, Tự đẳng tướng tam muội, Ly tụ tam muội, Đoạn duyên tam muội, Bất hoại tam muội, Vô chủng tướng tam muội, Vô xứ hành tam muội, Ly mộng muội tam muội, Vô khứ tam muội, Bất biến dị tam muội, Độ duyên tam muội, Tập chư công đức tam muội, Trụ vô tâm tam muội, Tịnh diệu hoa tam muội, Giác ý tam muội, Vô lượng biện tam muội, Vô đẳng đẳng tam muội, Độ chư pháp tam muội, Phân biệt chư pháp tam muội, Tán nghi tam muội, Vô xứ tam muội, Nhứt trang nghiêm tam muội, Sanh hành tam muội, Nhứt hành tam muội, Bất nhứt hành tam muội, Diệu hành tam muội, Đạt nhứt thiết hữu để tán tam tam muội, Nhập danh ngữ tam muội, Ly âm thanh tụ ngữ tam muội, Nhiên cự tam muội, Tịnh tướng tam muội, Phá tướng tam muội, Nhứt thiết chủng diệu túc tam muội, Bất hỷ khổ lạc tam muội, Vô tận tướng tam muội, Đà la ni tam muội, Nhiếp chư tà chánh tướng tam muội, Diệt tạng ái tam muội, Nghịch thuận tam muội, Tịnh quang tam muội, Kiên cố tam muội, Mãn nguyệt tịnh quang tam muội, Đại trang nghiêm tam muội, Năng chiếu nhứt thiết thể tam muội, Tam muội đẳng

tam muội, Nhiếp nhứt thiết hữu tránh vô tránh tam muội, Bất lạc nhứt thiết trụ xứ tam muội, Như trụ định tam muội, Hoại thân suy tam muội, Hoại ngữ như hư không tam muội, Ly trước như hư không bất nhiễm tam muội.

Thế nào gọi là Thủ lãng nghiêm tam muội?

Biết chỗ hành xứ của các tam muội, đây gọi là Thủ lãng nghiêm tam muội.

Thế nào gọi là Bửu ấn tam muội?

An trụ trong tam muội này thì có thể ấn các tam muội, đây gọi là Bửu ấn tam muội.

Thế nào gọi là Sư tử du hý tam muội?

An trụ trong tam muội này thì có thể du hý trong các tam muội như sư tử, đây gọi là Sư tử du hý tam muội.

Thế nào gọi là Diệu nguyệt tam muội?

An trụ trong tam muội này thì có thể soi sáng các tam muội như mặt nguyệt sáng, đây gọi là Diệu nguyệt tam muội.

Thế nào gọi là nguyệt tràng tướng tam muội?

An trụ trong tam muội này thì có thể nắm giữ tướng của các tam muội, đây gọi là Nguyệt tràng tướng tam muội.

Thế nào gọi là xuất Chư pháp tam muội?

An trụ trong tam muội này thì có thể xuất sanh các tam muội, đây gọi là xuất Chư pháp tam muội.

Thế nào gọi là Quán đánh tam muội?

An trụ trong tam muội này thì có thể xem thấy tốt đánh của các tam muội, đây gọi là Quán đánh tam muội.

Thế nào gọi là Tất pháp tánh tam muội?

An trụ trong tam muội này thì quyết định biết pháp tánh, đây gọi là Tất pháp tánh tam muội.

Thế nào gọi là Tất tràng tướng tam muội?

An trụ trong tam muội này thì có thể nắm giữ bửu tràng của các tam muội, đây gọi là Tất tràng tướng tam muội.

Thế nào gọi là Kim cang tam muội?

An trụ trong tam muội này thì có thể phá các tam muội, đây gọi là Kim cang tam muội.

Thế nào gọi là Nhập pháp ấn tam muội?

An trụ trong tam muội này thì nhập vào các pháp ấn, đây gọi là Nhập pháp ấn tam muội.

Thế nào gọi là Tam muội vương an lập tam muội?

An trụ trong tam muội này thì an trụ vững vàng trong tất cả tam muội như đế vương, đây gọi là Tam muội vương an lập tam muội.

Thế nào gọi là Phóng quang tam muội?

An trụ trong tam muội này thì có thể phóng quang chiếu các tam muội, đây gọi là Phóng quang tam muội.

Thế nào gọi là Lực tấn tam muội?

An trụ trong tam muội này thì có thể làm thế lực đối với các tam muội, đây gọi là Lực tấn tam muội.

Thế nào gọi là Cao xuất tam muội?

An trụ trong tam muội này thì có thể tăng trưởng các tam muội, đây gọi là Cao xuất tam muội.

Thế nào gọi là Tất nhập biện tài tam muội?

An trụ trong tam muội này thì có thể biện thuyết các tam muội, đây gọi là Tất nhập biện tài tam muội.

Thế nào gọi là Thích danh tự tam muội?

An trụ trong tam muội này thì có thể giải thích danh tự của các tam muội, đây gọi là Thích danh tự tam muội.

Thế nào gọi là Quán phương tam muội?

An trụ trong tam muội này thì có thể quán sát phương hướng các tam muội, đây gọi là Quán phương tam muội.

Thế nào gọi là Đà la ni ấn tam muội?

An trụ trong tam muội này thì có thể nắm giữ các tam muội ấn, đây gọi là Đà la ni ấn tam muội.

Thế nào gọi là Vô cuống tam muội?

An trụ trong tam muội này thì không khi dối đối với các tam muội, đây gọi là Vô cuống tam muội.

Thế nào gọi là Nhiếp chư pháp hải tam muội?

An trụ trong tam muội này thì có thể nhiếp lấy các tam muội như nước đại hải, đây gọi là Nhiếp chư pháp hải tam muội.

Thế nào gọi là Biến phú hư không tam muội?

An trụ trong tam muội này thì che trùm các tam muội như hư không, đây gọi là Biến phú hư không tam muội.

Thế nào gọi là Kim cang luân tam muội?

An trụ trong tam muội này thì có thể nắm giữ các tam muội phần, đây gọi là Kim cang luân tam muội.

Thế nào gọi là Bửu đoạn tam muội?

An trụ trong tam muội này thì có thể dứt trừ phiền não cấu của các tam muội, đây gọi là Bửu đoạn tam muội.

Thế nào gọi là Năng chiếu tam muội?

An trụ trong tam muội này thì có thể dùng quang minh chiếu rõ các tam muội, đây gọi là Năng chiếu tam muội.

Thế nào gọi là Bất cầu tam muội?

An trụ trong tam muội này thì không có pháp để cầu, đây gọi là Bất cầu tam muội.

Thế nào gọi là Vô trụ tam muội?

An trụ trong tam muội này thì chẳng thấy tất cả pháp trụ, đây gọi là Vô trụ tam muội.

Thế nào gọi là Vô tâm tam muội?

An trụ trong tam muội này thì tâm và tâm sở chẳng hiện hành, đây gọi là Vô tâm tam muội.

Thế nào gọi là Tịnh đặng tam muội?

An trụ trong tam muội này thì đối với các tam muội chiếu sáng như đèn sáng, đây gọi là Tịnh đặng tam muội.

Thế nào gọi là Vô biên minh tam muội?

An trụ trong tam muội này thì làm ánh sáng vô biên cho các tam muội đây gọi là Vô biên minh tam muội.

Thế nào gọi là Năng tác minh tam muội?

An trụ trong tam muội này thì liền có thể làm sáng cho các tam muội, đây gọi là Năng tác minh tam muội.

Thế nào gọi là Phổ chiếu minh tam muội?

An trụ trong tam muội này thì có thể chiếu các tam muội môn, đây gọi là Phổ chiếu minh tam muội.

Thế nào gọi là Kiên tịnh chư tam muội tam muội?

An trụ trong tam muội này thì có thể làm cho tướng của các tam muội bền chắc trong sạch, đây gọi là Kiên tịnh chư tam muội tam muội.

Thế nào gọi là Vô cấu minh tam muội?

An trụ trong tam muội này thì có thể trừ cấu nhơ của các tam muội, đây gọi là Vô cấu minh tam muội.

Thế nào gọi là Hoan hỷ tam muội?

An trụ trong tam muội này thì lãnh thọ sự hoan hỷ của các tam muội, đây gọi là Hoan hỷ tam muội.

Thế nào gọi là Điện quang tam muội?

An trụ trong tam muội này thì chiếu suốt các

tam muội như điện quang, đây gọi là Điện quang tam muội.

Thế nào gọi là Vô tận tam muội?

An trụ trong tam muội này thì đối với các tam muội chẳng thấy cùng tận, đây gọi là Vô tận tam muội.

Thế nào gọi là Oai đức tam muội?

An trụ trong tam muội này thì có oai đức chiếu rõ đối với các tam muội, đây gọi là Oai đức tam muội.

Thế nào gọi là Ly tận tam muội?

An trụ trong tam muội này thì chẳng thấy các tam muội cùng tận, đây gọi là Ly tận tam muội.

Thế nào gọi là Bất động tam muội?

An trụ trong tam muội này thì làm cho các tam muội chẳng động, chẳng lay, đây gọi là Bất động tam muội.

Thế nào gọi là Bất thối tam muội?

An trụ trong tam muội này thì có thể chẳng thấy các tam muội thối thất, đây gọi là Bất thối tam muội.

Thế nào gọi là Nhựt đăng tam muội?

An trụ trong tam muội này thì phóng quang

chiếu các tam muội môn, đây gọi là Nhứt đẳng tam muội.

Thế nào gọi là Nguyệt tịnh tam muội?

An trụ trong tam muội này thì có thể trừ sự tối tăm của các tam muội, đây gọi là Nguyệt tịnh tam muội.

Thế nào gọi là Tịnh minh tam muội?

An trụ trong tam muội này nơi các tam muội được tứ vô ngại trí, đây gọi là Tịnh minh tam muội.

Thế nào gọi là Năng tác minh tam muội?

An trụ trong tam muội này thì nơi các tam muội môn có thể làm sáng, đây gọi là Năng tác minh tam muội.

Thế nào gọi là Tác hành tam muội?

An trụ trong tam muội này thì có thể làm cho các tam muội có chỗ tạo tác, đây gọi là Tác hành tam muội.

Thế nào gọi là Tri tướng tam muội?

An trụ trong các tam muội này thì thấy các tam muội liền biết tướng của các tam muội, đây gọi là Tri tướng tam muội.

Thế nào gọi là như Kim cang tam muội?

An trụ trong tam muội này thì có thể quán xuyên thấu suốt các pháp, nhưng cũng chẳng thấy có thấu suốt, đây gọi là như Kim cang tam muội.

Thế nào gọi là Tâm trụ tam muội?

An trụ trong tam muội này thì tâm chẳng động, chẳng chuyển, chẳng nã, cũng chẳng nghĩ nhớ có tâm này, đây gọi là Tâm trụ tam muội.

Thế nào gọi là Phổ minh tam muội?

An trụ trong tam muội này thì thấy khắp quang minh của các tam muội, đây gọi là Phổ minh tam muội.

Thế nào gọi là An lập tam muội?

An trụ ở trong tam muội này thì ở nơi các tam muội an lập chẳng động, đây gọi là An lập tam muội.

Thế nào gọi là Bửu tុ tam muội?

An trụ trong tam muội này thì thấy khắp các tam muội như thấy đồng châu báu, đây gọi là Bửu tុ tam muội.

Thế nào gọi là Diệu pháp ấn tam muội?

An trụ trong tam muội này thì có thể ấn khả các tam muội, vì dùng vô ấn để ấn vậy, đây gọi là Diệu pháp ấn tam muội.

Thế nào gọi là Pháp đẳng tam muội?

An trụ trong tam muội này thì quán sát các pháp bình đẳng, không pháp nào chẳng bình đẳng, đây gọi là Pháp đẳng tam muội.

Thế nào gọi là Đoạn hỷ tam muội?

An trụ trong tam muội này thì dứt sự hỷ trong tất cả pháp, đây gọi là Đoạn hỷ tam muội.

Thế nào gọi là Đáo pháp đánh tam muội?

An trụ trong tam muội này thì diệt các pháp ám, cũng là ở trên các tam muội, đây gọi là Đáo pháp đánh tam muội.

Thế nào gọi là Năng tán tam muội?

An trụ trong tam muội này thì có thể phá tan các pháp, đây gọi là Năng tán tam muội.

Thế nào gọi là Phân biệt chư pháp cú tam muội?

An trụ trong tam muội này thì phân biệt các pháp cú của các tam muội, đây gọi là Phân biệt chư pháp cú tam muội.

Thế nào gọi là Tự đẳng tướng tam muội?

An trụ trong tam muội này thì được tự đẳng của các tam muội, đây gọi là Tự đẳng tướng tam muội.

Thế nào gọi là Ly tự tam muội?

An trụ trong tam muội này thì nơi các tam muội nhãn đến không thấy một chữ, đây gọi là Ly tự tam muội.

Thế nào gọi là Đoạn duyên tam muội?

An trụ trong tam muội này thì dứt duyên của các tam muội, đây gọi là Đoạn duyên tam muội.

Thế nào gọi là Bất hoại tam muội?

An trụ trong tam muội này thì chẳng thấy các pháp biến dị, đây gọi là Bất hoại tam muội.

Thế nào gọi là Vô chủng tướng tam muội?

An trụ trong tam muội này thì chẳng thấy các pháp có nhiều thứ loại, đây gọi là Vô chủng tướng tam muội?

Thế nào gọi là Vô xứ hành tam muội?

An trụ trong tam muội này thì chẳng thấy xứ hành của các tam muội, đây gọi là Vô xứ hành tam muội.

Thế nào gọi là Ly mê tam muội?

An trụ trong tam muội này thì lìa rời sự tối tăm vi tế của các tam muội, đây gọi là Ly mê tam muội.

Thế nào gọi là Vô khứ tam muội?

An trụ trong tam muội này thì chẳng thấy tướng đi của tất cả tam muội, đây gọi là Vô khứ tam muội.

Thế nào gọi là Bất biến dị tam muội?

An trụ trong tam muội này thì chẳng thấy tướng biến dị của các tam muội, đây gọi là Bất biến dị tam muội.

Thế nào gọi là Độ duyên tam muội?

An trụ trong tam muội này thì vượt qua cảnh giới của các tam muội duyên, đây gọi là Độ duyên tam muội.

Thế nào gọi là Tập chư công đức tam muội?

An trụ trong tam muội này thì chứa nhóm công đức của các tam muội, đây gọi là Tập chư công đức tam muội.

Thế nào gọi là Trụ vô tâm tam muội?

An trụ trong tam muội này thì đối với các tam muội tâm vô sở nhập, đây gọi là Trụ vô tâm tam muội.

Thế nào gọi là Tịnh diệu hoa tam muội?

An trụ trong tam muội này thì làm cho các tam muội tịnh diệu như hoa xinh đẹp sạch thơm, đây gọi là Tịnh diệu hoa tam muội.

Thế nào gọi là Giác ý tam muội?

An trụ trong tam muội này thì được thất giác phần ở trong các tam muội, đây gọi là Giác ý tam muội.

Thế nào gọi là Vô lượng biện tam muội?

An trụ trong tam muội này thì ở trong các pháp được vô lượng biện, đây gọi là Vô lượng biện tam muội.

Thế nào gọi là Vô đẳng đẳng tam muội?

An trụ trong tam muội này thì được tướng vô đẳng đẳng nơi các tam muội, đây gọi là Vô đẳng đẳng tam muội.

Thế nào gọi là Độ chư pháp tam muội?

An trụ trong tam muội này thì vượt qua tất cả tam giới, đây gọi là Độ chư pháp tam muội.

Thế nào gọi là Phân biệt chư pháp tam muội?

An trụ trong tam muội này thì phân biệt thấy các tam muội và các pháp, đây gọi là Phân biệt chư pháp tam muội.

Thế nào gọi là Tán nghi tam muội?

An trụ trong tam muội này thì được tiêu tan sự nghi đối với các pháp, đây gọi là Tán nghi tam muội.

Thế nào gọi là Vô trụ xứ tam muội?

An trụ trong tam muội này thì chẳng thấy chỗ trụ xứ của các pháp, đây gọi là Vô trụ xứ tam muội.

Thế nào gọi là Nhứt trang nghiêm tam muội?

An trụ trong tam muội này thì trọn chẳng thấy các pháp có hai tướng, đây gọi là Nhứt trang nghiêm tam muội.

Thế nào gọi là Sanh hành tam muội?

An trụ trong tam muội này thì chẳng thấy các hành sanh khởi, đây gọi là Sanh hành tam muội.

Thế nào gọi là Nhứt hành tam muội?

An trụ trong tam muội này thì chẳng thấy các tam muội thử ngạn, bỉ ngạn, đây gọi là Nhứt hành tam muội.

Thế nào gọi là Bất nhứt hành tam muội?

An trụ trong tam muội này thì chẳng thấy các tam muội một tướng, đây gọi là Bất nhứt hành tam muội.

Thế nào gọi là Diệu hành tam muội?

An trụ trong tam muội này thì chẳng thấy các tam muội hai tướng, đây gọi là Diệu hành tam muội.

Thế nào gọi là Đạt nhứt thiết hữu đê tán tam muội?

An trụ trong tam muội này thì nhập vào tất cả cõi, tất cả tam muội, trí huệ thông đạt cùng không chỗ thông đạt, đây gọi là Đạt nhứt thiết hữu đê tán tam muội.

Thế nào gọi là Nhập danh ngữ tam muội?

An trụ trong tam muội này thì nhập vào danh ngữ của tất cả tam muội, đây gọi là Nhập danh ngữ tam muội.

Thế nào gọi là Ly âm thanh tự ngữ tam muội?

An trụ trong tam muội này thì chẳng thấy âm thanh tự ngữ của các tam muội, đây gọi là Ly âm thanh tự ngữ của các tam muội.

Thế nào gọi là Nhiên cự tam muội?

An trụ trong tam muội này thì oai đức chiếu sáng như ngọn đuốc, đây gọi là Nhiên cự tam muội.

Thế nào gọi là Tịnh tướng tam muội?

An trụ trong tam muội này thì sạch tướng của các tam muội, đây gọi là Tịnh tướng tam muội,

Thế nào gọi là Phá tướng tam muội?

An trụ trong tam muội này thì chẳng thấy tướng của các tam muội, đây gọi là Phá tướng tam muội.

Thế nào gọi là Nhứt thiết chủng diệu túc tam muội?

An trụ trong tam muội này thì tất cả tam muội chủng đều đầy đủ, đây gọi là Nhứt thiết chủng diệu túc tam muội.

Thế nào gọi là Bất hỷ khổ lạc tam muội?

An trụ trong tam muội này thì chẳng thấy các tam muội khổ lạc, đây gọi là Bất hỷ khổ lạc tam muội.

Thế nào gọi là Vô tận tướng tam muội?

An trụ trong tam muội này thì chẳng thấy các tam muội chung tận, đây gọi là Vô tận tướng tam muội.

Thế nào gọi là Đà la ni tam muội?

An trụ trong tam muội này thì có thể chấp trì các tam muội, đây gọi là Đà la ni tam muội.

Thế nào gọi là Nhiếp chư tà chánh tướng tam muội?

An trụ trong tam muội này thì nơi các tam muội chẳng thấy tướng tà chánh, đây gọi là Nhiếp chư tà chánh tướng tam muội.

Thế nào gọi là Diệt tạng ái tam muội?

An trụ trong tam muội này thì không thấy sự ưa ghét của các tam muội, đây gọi là Diệt tăng ái tam muội.

Thế nào gọi là Nghịch thuận tam muội?

An trụ trong tam muội này thì chẳng thấy sự nghịch thuận của các pháp, của các tam muội, đây gọi là Nghịch thuận tam muội.

Thế nào gọi là Tịnh quang tam muội?

An trụ trong tam muội này thì chẳng thấy sự cấu như nơi quang minh của các tam muội, đây gọi là Tịnh quang tam muội.

Thế nào gọi là Kiên cố tam muội?

An trụ trong tam muội này thì chẳng thấy các tam muội chẳng kiên cố, đây gọi là Kiên cố tam muội.

Thế nào gọi là Mãn nguyệt tịnh quang tam muội?

An trụ trong tam muội này thì các tam muội đầy đủ như mặt nguyệt đêm rằm, đây gọi là Mãn nguyệt tịnh quang tam muội.

Thế nào gọi là Đại trang nghiêm tam muội?

An trụ trong tam muội này thì đại trang nghiêm thành tựu các tam muội, đây gọi là Đại trang nghiêm tam muội.

Thế nào gọi là Năng chiếu nhưt thiết thế tam muội?

An trụ trong tam muội này thì có thể chiếu các tam muội và tất cả pháp, đây gọi là Năng chiếu nhưt thiết thế tam muội.

Thế nào gọi là Tam muội đẳng tam muội?

An trụ trong tam muội này thì nơi các tam muội chẳng thấy tướng định, tướng loạn, đây gọi là Tam muội đẳng tam muội.

Thế nào gọi là Nhiếp nhưt thiết hữu tránh vô tránh tam muội?

An trụ trong tam muội này thì có thể làm cho các tam muội chẳng phân biệt có kia đây, không kia đây, đây gọi là Nhiếp nhưt thiết hữu tránh vô tránh tam muội.

Thế nào gọi là Bất lạc nhưt thiết trụ xứ tam muội?

An trụ trong tam muội này thì chẳng thấy chỗ y tựa của các tam muội, đây gọi là Bất lạc nhưt thiết trụ xứ tam muội.

Thế nào gọi là Như trụ định tam muội?

An trụ trong tam muội này thì chẳng vượt quá tướng như của các tam muội, đây gọi là Như trụ định tam muội.

Thế nào gọi là Hoại thân suy tam muội?

An trụ trong tam muội này thì chẳng thấy thân tướng, đây gọi là Hoại thân suy tam muội.

Thế nào gọi là Hoại ngữ như hư không tam muội?

An trụ trong tam muội này thì chẳng thấy ngữ nghiệp của các tam muội như hư không, đây gọi là Hoại ngữ như hư không tam muội.

Thế nào gọi là Ly trước như hư không bất nhiễm tam muội?

An trụ trong tam muội này thì thấy các tam muội như hư không vô ngại, cũng chẳng nhiễm tam muội này, đây gọi là Ly trước như hư không bất nhiễm tam muội.

Này Tu Bồ Đề! Đây gọi là đại Bồ tát Đại thừa.

*



KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

PHẨM QUẢNG THỪA
THỨ MƯỜI CHÍN

* Đức Phật bảo ngài Tu Bồ Đề:

Có đại Bồ tát Đại thừa gọi là Tứ niệm xứ. Thế nào là bốn?

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ tát trong nội thân, theo thân quán sát, cũng không có thân giác, vì bất khả đắc vậy. Trong ngoại thân, theo thân quán sát, cũng không có thân giác, vì bất khả đắc vậy. Trong nội ngoại thân, theo thân quán sát, cũng không có thân giác, vì bất khả đắc vậy.

* Hán bộ quyển thứ 6.

Đại Bồ tát quán thân siêng tinh tấn nhứt tâm trừ sự tham ưu của thế gian.

Nội thọ, nội tâm, nội pháp; ngoại thọ, ngoại tâm, ngoại pháp; nội ngoại thọ, nội ngoại tâm, nội ngoại pháp; đại Bồ tát theo thọ, tâm pháp quán sát; cũng không có thọ giác, tâm giác, pháp giác, vì bất khả đắc vậy, siêng tinh tấn nhứt tâm trừ sự tham ưu của thế gian.

Này Tu Bồ Đề! Thế nào là đại Bồ tát trong nội thân theo thân quán sát?

Lúc đại Bồ tát đi thì biết là đi, lúc đứng thì biết là đứng, lúc ngồi thì biết là ngồi, lúc nằm thì biết là nằm. Thân hành động thế nào thì biết như vậy. Đây là trong nội thân, đại Bồ tát theo thân quán sát, siêng tinh tấn nhứt tâm trừ sự tham ưu của thế gian, vì bất khả đắc vậy.

Đại Bồ tát lúc đến, lúc đi, lúc nhìn ngó, co duỗi, cúi ngửa, lúc đắp y, cầm bát, lúc ăn uống, lúc nằm nghỉ, ngủ, thức, ngồi, đứng, nói, nín, lúc nhập thiền, xuất thiền cũng thường nhứt tâm. Đây là trong nội thân, đại Bồ tát theo thân quán sát lúc thực hành Bát nhã ba la mật, vì bất khả đắc vậy.

Trong nội thân, lúc theo thân quán sát, đại Bồ tát nhứt tâm niệm, lúc thở vào biết là thở vào, lúc thở ra biết là thở ra. Lúc thở vào dài thì biết là thở

vào dài, lúc thở ra dài thì biết là thở ra dài, lúc thở vào ngắn thì biết là thở vào ngắn, lúc thở ra ngắn thì biết là thở ra ngắn. Đây là trong nội thân, đại Bồ tát theo thân quán sát, siêng tinh tấn nhứt tâm trừ sự tham ưu của thế gian, vì bất khả đắc vậy.

Đại Bồ tát quán sát thân tứ đại nghĩ rằng trong thân thể có địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại. Ví như nhà hàng thịt dùng dao bén giết bò chia làm bốn phần rồi, hoặc đứng hoặc ngồi quan sát bốn phần thịt bò này.

Cũng vậy, đại Bồ tát lúc thực hành Bát nhã ba la mật quán sát thân thể gồm bốn đại: địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại. Đây là trong nội thân, đại Bồ tát theo thân quán sát, vì bất khả đắc vậy.

Đại Bồ tát lại quán sát thân thể từ đỉnh đầu đến chân, da mỏng bao bọc, nhiều thứ bất tịnh đầy trong thân. Nghĩ rằng: thân thể có tóc, lông, móng, răng, da mỏng, da dày, gân, thịt, xương, tủy, tim, gan, phổi, tụy, cật, mật, tiểu trường, đại trường, bao tử, bàng quang, phần dãi, mồ hôi, cấu ghét, nước mắt, nước mũi, nước miếng, máu, mủ, đờm, nhớt, não óc.

Ví như trong kho của nhà nông chứa lộn lạo đầy những lúa, nếp, mè, đậu, bắp. Người có đôi mắt sáng mở kho liền thấy rõ là lúa, là nếp, là mè,

là đậu, là bắp. Đại Bồ tát quán sát trong thân từ đầu đến chân thấy rõ từng chi tiết bất tịnh, siêng tinh tấn nhứt tâm trừ sự tham ưu của thế gian, vì bất khả đắc vậy.

Đại Bồ tát nếu thấy thân người chết đã trải qua một ngày, hai ngày đến năm ngày, xanh ú sinh trương mủ nước rỉ chảy, tự nghĩ rằng: Thân thể của ta đây rồi cũng sẽ như vậy, tất chẳng thoát khỏi thế ấy. Đây là đại Bồ tát trong nội thân theo thân quán sát, siêng tinh tấn nhứt tâm trừ sự tham ưu của thế gian, vì bất khả đắc vậy.

Đại Bồ tát nếu thấy thân người chết vất bỏ đã sáu ngày, bảy ngày bị chồn, chó, sài lang, quạ, kên kên xé ăn; tự nghĩ rằng: Thân thể của ta đây rồi cũng sẽ như vậy, tất chẳng thoát khỏi thế ấy. Đây là đại Bồ tát trong nội thân theo thân quán sát, siêng tinh tấn nhứt tâm trừ sự tham ưu của thế gian, vì bất khả đắc vậy.

Đại Bồ tát nếu thấy thân người chết vất bỏ bị cầm thú xé ăn rã rời hôi thúi bất tịnh, tự nghĩ rằng: Thân thể của ta đây rồi cũng sẽ như vậy, tất chẳng thoát khỏi thế ấy. Nếu thấy thân người chết vất bỏ, da thịt đã tan, lộ bày gân xương liên tủa, đại Bồ tát tự nghĩ rằng: Thân thể của ta đây rồi cũng như vậy, tất chẳng thoát khỏi thế ấy. Nếu

thấy thân người chết vất bỏ, xương cốt đã rã rời trên đất, đại Bồ tát tự nghĩ rằng: Thân thể của ta đây rồi cũng như vậy, tất chẳng thoát khỏi thế ấy. Nếu thấy thân người chết vất bỏ, xương cốt rã rời trên đất, xương chân chỗ này, xương đầu chỗ nọ, mỗi lóng, mỗi đốt đều khác chỗ, đại Bồ tát tự nghĩ rằng: Thân thể của ta rồi cũng như vậy, tất chẳng thoát khỏi thế ấy. Nếu thấy xương khô bỏ lâu ngày gió thổi, nắng soi, màu trắng như vỏ ốc, đại Bồ tát tự nghĩ rằng: Thân thể của ta rồi cũng như vậy, tất chẳng thoát khỏi thế ấy. Nếu thấy xương khô bỏ trên đất lâu ngày mục rã nát bấy lộn với đất, đại Bồ tát tự nghĩ rằng: Thân thể của ta rồi cũng như vậy, tất chẳng thoát khỏi thế ấy. Trong nội thân, đại Bồ tát theo thân quán sát, siêng tinh tấn nhứt tâm trừ sự tham ưu của thế gian, vì bất khả đắc vậy.

Như quán sát nội thân, với ngoại thân cùng nội ngoại thân, cũng theo thân quán sát như vậy. Cũng phải theo như trên đây mà giải thuyết rộng về thọ niệm xứ, tâm niệm xứ và pháp niệm xứ. Đây gọi là đại Bồ tát Đại thừa, vì bất khả đắc vậy.

Này Tu Bồ Đề! Lại có đại Bồ tát Đại thừa, chánh là Tứ chánh cần. Những gì là bốn?

Đại Bồ tát đối với những pháp ác bất thiện chưa phát sanh, vì làm cho pháp ác chẳng sanh

nên muốn có tâm siêng tinh tấn mà nhứt tâm hành đạo. Đối với pháp ác bất thiện đã phát sanh, vì dứt trừ nên muốn có tâm siêng tinh tấn mà nhứt tâm hành đạo. Đối với pháp thiện chưa phát sanh, vì phát sanh nên muốn có tâm siêng tinh tấn mà nhiếp tâm hành đạo. Đối với pháp thiện đã phát sanh, vì làm cho còn mãi để tu tập đến được đầy đủ rộng lớn nên muốn có tâm siêng tinh tấn mà nhiếp tâm hành đạo, vì bất khả đắc vậy. Đây gọi là đại Bồ tát Đại thừa.

Này Tu Bồ Đề! Lại có đại Bồ tát Đại thừa, chánh là Tứ như ý phần. Những gì là bốn?

Đại Bồ tát dùng sự mong muốn định hạnh thành tựu mà tu như ý phần, dùng sự tinh tấn định hạnh thành tựu mà tu như ý phần, dùng sự tư duy định hạnh thành tựu mà tu như ý phần, dùng sự nhứt tâm định hạnh thành tựu mà tu như ý phần. Đây là đại Bồ tát Đại thừa, vì bất khả đắc vậy.

Này Tu Bồ Đề! Lại có đại Bồ tát Đại thừa, chánh là Ngũ căn. Những gì là năm? Tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, huệ căn. Đây là đại Bồ tát Đại thừa, vì bất khả đắc vậy.

Lại có đại Bồ tát Đại thừa, chánh là Ngũ lực. Những gì là năm? Tín lực, tinh tấn lực, niệm lực, định lực, huệ lực, đây là đại Bồ tát Đại thừa, vì bất khả đắc vậy.

Lại có đại Bồ tát Đại thừa, chánh là Thất giác phần. Những gì là bảy? Đại Bồ tát tu niệm giác phần, trạch pháp giác phần, tinh tấn giác phần, hỷ giác phần, trừ giác phần, định giác phần và xả giác phần; nương nơi ly, nơi vô nhiễm hướng đến Niết bàn. Đây gọi là đại Bồ tát Đại thừa, vì bất khả đắc vậy.

Lại có Bát thánh đạo phần là đại Bồ tát Đại thừa. Những gì là tám? Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định. Đây gọi là đại Bồ tát Đại thừa vì bất khả đắc vậy.

Lại có ba môn tam muội là đại Bồ tát Đại thừa. Những gì là ba? Không tam muội, Vô tướng tam muội và Vô tác tam muội.

Không tam muội là nói các pháp tự tướng rỗng không. Đây gọi là Không giải thoát môn. Vô tướng tam muội là nói diệt hoại các pháp tướng, không nghĩ, không nhớ. Đây gọi là Vô tướng giải thoát môn. Vô tác tam muội là nói đối với các pháp không mong cầu tạo tác. Đây gọi là Vô tác giải thoát môn. Ba môn này là đại Bồ tát Đại thừa vì bất khả đắc vậy.

Lại có đại Bồ tát Đại thừa gọi là khở trí, tập trí, diệt trí, đạo trí, tận trí, vô sanh trí, pháp trí, tử trí, thể trí, tha tâm trí và như thiệt trí.

Thế nào gọi là khổ trí? Biết khổ chẳng sanh, đây gọi là khổ trí. Thế nào gọi là tập trí? Biết tập phải dứt, đây gọi là tập trí. Thế nào gọi là diệt trí? Biết khổ dứt diệt, đây gọi là diệt trí. Thế nào gọi là đạo trí? Biết Bát thánh đạo phần, đây gọi là đạo trí. Thế nào gọi là tận trí? Biết tham, sân, si diệt tận, đây gọi là tận trí. Thế nào gọi là vô sanh trí? Biết trong các cõi hữu lậu là vô sanh, đây gọi là vô sanh trí. Thế nào gọi là pháp trí? Biết bốn sự của ngũ ấm, đây gọi là pháp trí. Thế nào gọi là tử trí? Biết nhãn vô thường, nhãn đến biết ý xúc như duyên sanh thọ vô thường, đây gọi là tử trí. Thế nào gọi là thế trí? Biết như duyên danh tự, đây gọi là thế trí. Thế nào gọi là tha tâm trí? Biết tâm niệm của những chúng sanh khác, đây gọi là tha tâm trí. Thế nào gọi là như thiết trí? Biết Như thiết chủng trí của chư Phật, đây gọi là như thiết trí. Mười một trí này là đại Bồ tát Đại thừa, vì bất khả đắc vậy.

Lại có Tam căn là đại Bồ tát Đại thừa. Những gì là ba? Vị trí dục tri căn, tri căn và trí giả căn.

Tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn và huệ căn, ngũ căn của hàng Hữu học chưa đắc quả, đây gọi là vị trí dục tri căn. Ngũ căn của hàng Hữu học đã đắc quả, đây gọi là tri căn. Ngũ căn của bậc Vô học, hoặc A la hán, Bích chi Phật,

hoặc chư Phật, đây gọi là trí giả căn. Tam căn này là đại Bồ tát Đại thừa, vì bất khả đắc vậy.

Lại có Tam tam muội là đại Bồ tát Đại thừa. Những gì là ba? Hữu giác hữu quán tam muội, Vô giác hữu quán tam muội và Vô giác vô quán tam muội.

Rời những dục nhiễm và rời những pháp ác bất thiện có giác có quán, rời dục nhiễm phát sanh hỷ lạc nhập Sơ thiên, đây gọi là Hữu giác hữu quán tam muội. Chặng giữa của Sơ thiên và Nhị thiên, đây gọi là Vô giác hữu quán tam muội. Từ Nhị thiên đến Phi hữu tướng phi vô tướng định, đây gọi là Vô giác vô quán tam muội. Tam tam muội này là đại Bồ tát Đại thừa, vì bất khả đắc vậy.

Lại có Thập niệm là đại Bồ tát Đại thừa. Những gì là mười? Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm xả, niệm Thiên, niệm thiện, niệm xuất nhập tức, niệm thân và niệm tử. Mười chánh niệm này là đại Bồ tát Đại thừa, vì bất khả đắc vậy.

Lại có Tứ thiên, Tứ vô lượng tâm, Tứ vô sắc định, Bát bội xả và Cửu thứ đệ định là đại Bồ tát Đại thừa, vì bất khả đắc vậy.

Lại có đại Bồ tát Đại thừa, chánh là Thập lực. Những gì là mười?

Một là Phật biết như thiệt những tướng thị xứ bất thị xứ của tất cả pháp. Hai là Phật biết như thiệt những nghiệp những thọ pháp của chúng sanh khác, biết chỗ tạo nghiệp, biết nhơn duyên, biết báo của chúng sanh khác. Ba là Phật biết như thiệt những tướng cấu tịnh sai khác của các thiên giải thoát, các tam muội và các định. Bốn là Phật biết như thiệt những tướng căn tánh thượng hạ của chúng sanh khác. Năm là Phật như thiệt biết những loại dục giải của chúng sanh khác. Sáu là Phật như thiệt biết vô số tánh loại sai khác của thế gian. Bảy là Phật như thiệt biết chỗ đến của tất cả đạo hạnh. Tám là Phật như thiệt biết túc mạng của mình và của chúng sanh khác từ một đời đến vô lượng đời trong vô lượng kiếp, có tướng như vậy, có nhơn duyên như vậy. Chín là Phật Thiên nhãn thanh tịnh hơn chư Thiên, như thiệt thấy biết chúng sanh chết đây sanh kia, hoặc thiện đạo hoặc ác đạo. Mười là Phật biết như thiệt các lậu tận nên vô lậu tâm giải thoát, vô lậu huệ giải thoát, trong pháp hiện tại tự chứng biết nhập vào pháp ấy, nghĩa là chứng biết như thiệt ta đã hết sanh tử, đã thành Phạm hạnh, từ đời nay chẳng còn lại thấy có đời sau nữa.

Mười trí lực này là đại Bồ tát Đại thừa, vì bất khả đắc vậy.

Lại có đại Bồ tát Đại thừa, chánh là Tứ vô sở úy. Những gì là bốn?

Phật nói lời thành thiết rằng: “Ta là bực Nhứt thiết chánh trí”. Đối với những điều như thiết gạn hỏi về các pháp của tất cả đại chúng, Phật không tự thấy có mảy may e sợ. Vì thế nên Phật được rất an ổn, được vô sở úy, an trụ ngôi Thánh chúa, ở giữa đại chúng như sư tử hồng chuyển pháp luân thanh tịnh mà tất cả hàng Sa môn, Bà la môn, chư Thiên Vương, Phạm Vương, Ma Vương, cùng chúng sanh khác đều không chuyển được. Đây là vô sở úy thứ nhứt.

Phật nói lời thành thiết rằng: “Ta là bực tất cả lậu đã dứt diệt hết sạch”. Đối với chỗ gạn hỏi như thiết về lậu phiền não dứt diệt đây của tất cả đại chúng, Phật không tự thấy có mảy may e sợ. Vì thế nên Phật được rất an ổn, được vô sở úy, an trụ ngôi Thánh chúa, ở giữa đại chúng như sư tử hồng chuyển pháp luân thanh tịnh mà tất cả trời, người cùng chúng sanh khác không chuyển được. Đây là vô sở úy thứ hai.

Phật nói lời thành thiết rằng: “Đây là những pháp chương ngại chánh đạo giải thoát”. Đối với những lời gạn hỏi như thiết về pháp chương ngại đây của tất cả đại chúng, Phật không tự thấy có

mảy may e sợ. Vì thế nên Phật được rất an ổn, được vô sở úy, an trụ bực Thánh chúa, ở giữa đại chúng như sư tử hồng chuyển pháp luân thanh tịnh mà tất cả Nhơn, Thiên cùng chúng sanh khác đều không chuyển được. Đây là vô sở úy thứ ba.

Phật nói lời thành thiết rằng: “Những Thánh đạo mà Ta đã dạy quyết định có thể ra khỏi thế gian, theo đây thực hành thì có thể hết khổ”. Đối với những lời gạn hỏi như thiết về Thánh đạo đây của tất cả đại chúng, Phật không tự thấy có mấy may e sợ. Vì thế nên Phật được rất an ổn, được vô sở úy, an trụ bực Thánh chúa, ở giữa đại chúng như sư tử hồng chuyển pháp luân thanh tịnh mà tất cả Nhơn, Thiên cùng chúng sanh khác đều không chuyển được. Đây là vô sở úy thứ tư.

Tứ vô sở úy này là đại Bồ tát Đại thừa, vì bất khả đắc vậy.

Lại có đại Bồ tát Đại thừa, chánh là Tứ vô ngại trí. Những gì là bốn? Pháp vô ngại trí, Nghĩa vô ngại trí, Từ vô ngại trí và Lạc thuyết vô ngại trí. Đây là đại Bồ tát Đại thừa, vì bất khả đắc vậy.

Lại có đại Bồ tát Đại thừa, chánh là Thập bát bất cộng pháp. Những gì là mười tám?

Một là thân của chư Phật không lỗi. Hai là khẩu của chư Phật không lỗi. Ba là ý niệm của

chư Phật không lỗi. Bốn là chư Phật không có dị tướng. Năm là chư Phật không có tâm bất định. Sáu là chư Phật không có tâm chẳng biết rồi mà xả. Bảy là nguyện dục không diệt. Tám là tinh tấn không diệt. Chín là chánh niệm không diệt. Mười là huệ không diệt. Mười một là giải thoát không diệt. Mười hai là giải thoát tri kiến không diệt. Mười ba là tất cả thân nghiệp của chư Phật đều theo trí huệ mà hiện hành. Mười bốn là tất cả khẩu nghiệp đều theo trí huệ mà hiện hành. Mười lăm là tất cả ý nghiệp đều theo trí huệ mà hiện hành. Mười sáu là trí huệ của chư Phật thấy biết thưở quá khứ không ngại, không chướng. Mười bảy là trí huệ thấy biết thưở vị lai không ngại, không chướng. Mười tám là trí huệ thấy biết thưở hiện tại không ngại, không chướng. Đây là đại Bồ tát Đại thừa, vì bất khả đắc vậy.

Lại có đại Bồ tát Đại thừa, chánh là Tự đẳng Ngữ đẳng chư tự nhập môn.

Những gì là Tự đẳng Ngữ đẳng chư tự nhập môn?

A tự môn, vì tất cả pháp từ đầu vốn là bất sanh vậy.

LA tự môn, vì tất cả pháp ly cấu vậy.

BA tự môn, vì tất cả pháp đệ nhất nghĩa vậy.

GIÁ tự môn, vì tất cả pháp trọn bất khả đắc vậy, vì tất cả pháp bất diệt bất sanh vậy.

NA tự môn, vì tất cả pháp rời danh tánh tướng bất đắc bất thất vậy.

LÃ tự môn, vì tất cả pháp thoát khỏi thể gian vậy, cũng là vì ái chi nhờn duyên dứt diệt vậy.

ĐÀ tự môn, vì tất cả pháp thiện tâm phát sanh, cũng là tướng xả thí vậy.

BÀ tự môn, vì các pháp BÀ tự rời lìa vậy.

ĐỒ tự môn, vì các pháp ĐỒ tự thanh tịnh vậy.

SA tự môn, vì các pháp tự tại tánh thanh tịnh vậy.

HÒA tự môn, vì nhập vào các pháp, dứt bật ngữ ngôn vậy.

ĐA tự môn, vì nhập vào các pháp, như tướng bất động vậy.

DẠ tự môn, vì nhập vào các pháp, như thiệt bất sanh vậy.

TRA tự môn, vì nhập vào các pháp, chiết phục bất khả đắc vậy.

CA tự môn, vì nhập vào các pháp, tác giả bất khả đắc vậy.

TA tự môn, vì nhập vào các pháp, thời gian bất khả đắc vậy, vì các pháp thời gian lay chuyển vậy.

MA tự môn, vì nhập vào các pháp, ngã sở bất khả đắc vậy.

GIÀ tự môn, vì nhập vào các pháp, khứ giả bất khả đắc vậy.

THA tự môn, vì nhập vào các pháp, xứ sở bất khả đắc vậy.

XÀ tự môn, vì nhập vào các pháp, sanh bất khả đắc vậy.

BẢ tự môn, vì nhập vào các pháp, BẢ tự bất khả đắc vậy.

ĐÀ tự môn, vì nhập vào các pháp, tánh bất khả đắc vậy.

XA tự môn, vì nhập vào các pháp, định bất khả đắc vậy.

KHU tự môn, vì nhập vào các pháp, hư không bất khả đắc vậy.

XOA tự môn, vì nhập vào các pháp, diệt tận bất khả đắc vậy.

ĐÁ tự môn, vì nhập vào các pháp, hữu bất khả đắc vậy.

NHÃ tự môn, vì nhập vào các pháp, trí bất khả đắc vậy.

THA tự môn, vì nhập vào các pháp, THA tự bất khả đắc vậy.

BÀ tự môn, vì nhập vào các pháp, phá hoại bất khả đắc vậy.

XA tự môn, vì nhập vào các pháp, dục bất khả đắc vậy, ngũ âm như ảnh cũng bất khả đắc vậy.

MA tự môn, vì nhập vào các pháp, MA tự bất khả đắc vậy.

HỎA tự môn, vì nhập vào các pháp, kêu gọi bất khả đắc vậy.

TA tự môn, vì nhập vào các pháp, TA tự bất khả đắc vậy.

NOA tự môn, vì nhập vào các pháp, chẳng đến, chẳng đi, chẳng đứng, chẳng ngồi, chẳng nằm vậy.

PHẢ tự môn, vì nhập vào các pháp, biên bờ bất khả đắc vậy.

CA tự môn, vì nhập vào các pháp, tụ họp bất khả đắc vậy.

SAI tự môn, vì nhập vào các pháp, SAI tự bất khả đắc vậy.

GIÀ tự môn, vì nhập vào các pháp, hiện hành bất khả đắc vậy.

TRA tự môn, vì nhập vào các pháp, cong vậy bất khả đắc vậy.

ĐỒ tự môn, vì nhập vào các pháp, chỗ tốt biên bờ nên chẳng diệt chẳng sanh vậy.

Quá chữ ĐỒ thì không chữ có thể tuyên thuyết. Tại sao vậy? Vì không còn có chữ vậy. Các chữ vô ngại vô danh, cũng diệt, chẳng nói được, chẳng chỉ được, chẳng thấy được, chẳng biên chép được.

Này Tu Bồ Đề! Phải biết tất cả pháp như hư không. Đây gọi là đà la ni môn, chánh là nghĩa của chữ A. Nếu đại Bồ tát, nơi những tự môn ấn A tự ấn này, hoặc nghe, hoặc thọ, hoặc đọc, hoặc tụng, hoặc trì, hoặc giảng nói cho người khác, thì biết rằng sẽ được hai mươi công đức. Những gì là hai mươi?

Được nhớ biết dai. Được tâm quý. Được tâm kiên cố. Được chỉ thú của kinh. Được trí huệ. Được lạc thuyết vô ngại. Dễ được những môn đà la ni khác. Được tâm không nghi hối. Được nghe lành chẳng mừng, nghe dữ chẳng giận. Được chẳng cao chẳng hạ, an trụ tâm không tăng không giảm. Được thiện xảo biết lời nói của chúng sanh. Được khéo phân biệt ngũ âm, thập nhị nhập, thập bát giới, thập nhị nhơn duyên, tứ duyên và tứ đế. Được khéo phân biệt những căn tánh lợi độn của các chúng sanh. Được khéo biết tâm niệm của kẻ

khác. Được khéo phân biệt ngày, tháng, năm, mùa. Được khéo phân biệt Thiên nhĩ thông, Được khéo phân biệt túc mạng thông. Được khéo phân biệt sanh tử thông. Được có thể khéo tuyên thuyết thị xứ phi xứ. Được khéo biết thân oai nghi, qua, lại, ngồi, đứng.

Những đà la ni môn, tự môn, A tự môn này gọi là đại Bồ tát Đại thừa, vì bất khả đắc vậy.

*



KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

PHẨM PHÁT THỨ THỨ HAI MƯỜI

Đức Phật bảo ngài Tu Bồ Đề:

Ông hỏi: “Thế nào là đại Bồ tát Đại thừa phát thú?”. Nay Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ tát lúc thực hành sáu ba la mật, từ một địa đến một địa, đây gọi là đại Bồ tát Đại thừa phát thú”.

Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là đại Bồ tát từ một địa đến một địa?”.

Đức Phật nói:

Đại Bồ tát biết tất cả pháp không có tướng lai khứ, cũng không có pháp hoặc lai khứ, hoặc đến

chẳng đến, vì các pháp tướng bất diệt vậy. Đại Bồ tát đối với các địa chẳng niệm, chẳng tư duy mà tu tập trị địa nghiệp, cũng chẳng thấy địa. Những gì là trị địa nghiệp?

Lúc an trụ bực Sơ địa, đại Bồ tát thực hành mười việc: Một là thâm tâm kiên cố, vì dụng vô sở đắc vậy. Hai là đối với tất cả chúng sanh tâm bình đẳng, vì chúng sanh bất khả đắc vậy. Ba là bố thí cho người, vì thọ giả bất khả đắc vậy. Bốn là thân cận thiện tri thức, cũng chẳng tự cao vậy. Năm là cầu pháp, vì tất cả pháp bất khả đắc vậy. Sáu là thường xuất gia, vì gia bất khả đắc vậy. Bảy là mến thích Phật thân, vì tướng hảo bất khả đắc vậy. Tám là diễn nói giáo pháp xuất thế, vì các pháp phân biệt bất khả đắc vậy. Chín là phá kiêu mạn, vì pháp sanh huệ bất khả đắc vậy. Mười là thiết ngữ, vì những ngữ ngôn bất khả đắc vậy. Trên đây là mười sự trị địa nghiệp của đại Bồ tát an trụ trong bực Sơ địa tu tập.

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ tát an trụ trong bực Nhị địa thường niệm tám pháp. Những gì là tám?

Một là giới thanh tịnh. Hai là biết ơn và báo ơn. Ba là an trụ nhân nhục lực. Bốn là thọ hoan hỷ. Năm là chẳng rời bỏ tất cả chúng sanh. Sáu là nhập đại bi tâm. Bảy là tin kính và thưa hỏi nơi thầy.

Tám là cần cầu các môn ba la mật. Đây là đại Bồ tát an trụ trong bực Nhị địa đầy đủ tám pháp.

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ tát an trụ trong bực Tam địa thực hành năm pháp. Những gì là năm?

Một là học vấn nhiều không nhàm đủ. Hai là thanh tịnh pháp thí cũng chẳng tự cao. Ba là thanh tịnh Phật độ cũng chẳng tự cao. Bốn là nhận chịu vô lượng sự cần khổ thế gian mà vẫn chẳng nhàm. Năm là an trụ nơi tâm quý. Đây là năm pháp mà đại Bồ tát an trụ trong bực tam địa phải đầy đủ.

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ tát an trụ trong bực Tứ địa phải thọ hành chẳng bỏ mười pháp. Những gì là mười?

Một là chẳng bỏ chỗ ở a lan nhã. Hai là thiếu dục. Ba là tri túc. Bốn là chẳng bỏ công đức đầu đà. Năm là chẳng bỏ giới. Sáu là trách ghét các dục nhiễm. Bảy là nhàm tâm thế gian, thuận tâm Niết bàn. Tám là xả bỏ tất cả sở hữu. Chín là tâm chẳng trầm một. Mười là chẳng tiếc tất cả vật. Đây là mười pháp mà đại Bồ tát an trụ trong bực tứ địa chẳng bỏ.

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ tát an trụ trong bực Ngũ địa xa rời mười hai pháp. Những gì là mười hai?

Một là xa lìa sự thân cận hàng bạch y. Hai là lìa xa hàng Tỳ kheo ni. Ba là xa lìa sự tham tiếc nhà người khác. Bốn là xa lìa sự đàm thuyết vô ích. Năm là xa lìa sự giận hờn. Sáu là xa lìa sự tự tôn đại. Bảy là xa lìa sự khinh miệt người khác. Tám là xa lìa mười nghiệp đạo bất thiện. Chín là xa lìa đại mạn. Mười là xa lìa tự dụng. Mười một là xa lìa điên đảo. Mười hai là xa lìa tham sân si. Đây là mười hai điều mà đại Bồ tát an trụ trong bực ngũ địa xa lìa.

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ tát an trụ trong bực Lục địa nên đầy đủ sáu pháp, chánh là sáu ba la mật.

Bực Lục địa lại có sáu pháp chẳng nên làm. Những gì là sáu? Một là chẳng móng tâm Thanh văn, Bích chi Phật. Hai là chẳng có ý lo ngại khi bố thí. Ba là bị đòi hỏi cầu xin, không có lòng trốn tránh. Bốn là những vật sở hữu đều đem bố thí. Năm là sau khi bố thí xong, không có lòng hối tiếc. Sáu là chẳng nghi ngờ pháp thâm diệu.

Đây là sáu pháp phải đầy đủ và sáu pháp phải xa lìa của đại Bồ tát an trụ trong bực Lục địa.

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ tát an trụ trong bực Thất địa phải xa lìa hai mươi pháp chẳng nên chấp trước. Những gì là hai mươi?

Một là chẳng chấp ngã. Hai là chẳng chấp chúng sanh. Ba là chẳng chấp thọ giả. Bốn là chẳng chấp chúng sanh số nhân đến tri giả kiến giả. Năm là chẳng chấp đoạn kiến. Sáu là chẳng chấp thường kiến. Bảy là chẳng nên khởi tướng dạng. Tám là chẳng nên khởi nhơn duyên kiến. Chín là chẳng chấp danh sắc. Mười là chẳng chấp ngũ âm. Mười một là chẳng chấp thập nhị nhập. Mười hai là chẳng chấp thập bát giới. Mười ba là chẳng chấp tam giới. Mười bốn là chẳng khởi tâm chấp trước. Mười lăm là chẳng khởi chỗ mong cầu. Mười sáu là chẳng khởi chỗ y chỉ. Mười bảy là chẳng chấp trước nơi sự thấy là phải nương nơi Phật. Mười tám là chẳng chấp trước nơi sự thấy là phải nương nơi Pháp. Mười chín là chẳng chấp trước nơi sự thấy là phải nương nơi Tăng. Hai mươi là chẳng chấp trước nơi sự thấy là phải nương nơi giới. Đây là hai mươi điều chẳng nên chấp trước.

Lại có hai mươi pháp mà bực Thất địa phải đầy đủ. Những gì là hai mươi?

Một là đầy đủ Không. Hai là chứng vô tướng. Ba là biết vô tác. Bốn là ba phần thanh tịnh. Năm là ở trong chúng sanh đầy đủ trí từ bi. Sáu là chẳng niệm tướng tất cả chúng sanh. Bảy là bình đẳng xem tất cả pháp, nơi trong đây cũng chẳng

chấp trước. Tám là biết thiết tướng của các pháp, cũng chẳng niệm tướng sự này. Chín là vô sanh pháp nhẫn. Mười là vô sanh trí. Mười một là tuyên thuyết các pháp như tướng. Mười hai là phá tướng phân biệt. Mười ba là chuyển ức tướng. Mười bốn là chuyển kiến. Mười lăm là chuyển phiền não. Mười sáu là đồng huệ đồng đẳng. Mười bảy là điều ý. Mười tám là tâm tịch diệt. Mười chín là vô ngại trí. Hai mươi là chẳng nhiễm ái.

Trên đây là hai mươi điều chẳng nên chấp trước và hai mươi điều phải đầy đủ của bậc Thất địa Đại Bồ tát.

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ tát an trụ trong Bát địa phải đầy đủ năm pháp. Những gì là năm?

Một là thuận nhập vào tâm chúng sanh. Hai là du hí các thần thông. Ba là thấy các Phật quốc. Bốn là tự trang nghiêm quốc độ mình như Phật quốc đã thấy. Năm là quán thân Phật như thiết, tự trang nghiêm Phật thân.

Lại phải đầy đủ năm điều: Một là biết các căn tánh thượng hạ. Hai là thanh tịnh Phật độ. Ba là nhập như huyễn tam muội. Bốn là thường nhập tam muội. Năm là tùy theo thiện căn mà chúng sanh đáng được để thọ thân.

Trên đây là năm pháp và năm điều mà đại Bồ tát Bát địa đầy đủ.

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ tát an trụ trong Cửu địa phải đầy đủ mười hai pháp. Những gì là mười hai?

Một là nhiếp thọ vô biên thế giới mà phân mình hóa độ. Hai là Bồ tát được như chỗ nguyện cầu. Ba là biết tiếng nói của các Thiên, Long, Dạ xoa, Càn thát bà để thuyết pháp cho họ. Bốn là thành tựu thai sanh. Năm là thành tựu gia thế. Sáu là thành tựu chỗ sanh. Bảy là thành tựu dòng họ. Tám là thành tựu quyến thuộc. Chín là thành tựu xuất sanh. Mười là thành tựu xuất gia. Mười một là thành tựu Bồ đề thọ trang nghiêm. Mười hai là thành tựu đầy đủ tất cả những công đức lành. Trên đây là mười hai pháp mà bậc Cửu địa đại Bồ tát phải đầy đủ.

Này Tu Bồ Đề! Phải biết bậc Thập địa đại Bồ tát thì là như đức Phật.

Ngài Tu Bồ Đề thưa:

Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là thâm tâm, nhân đến thế nào là thiết ngữ?

Đức Phật nói:

Nếu đại Bồ tát đúng với tâm Nhứt thiết trí tích tập tất cả thiện căn, đây gọi là thâm tâm trị địa

nghiệp. Nếu sanh khởi tứ vô lượng tâm là từ, bi, hỷ và xả, đây gọi là tâm bình đẳng ở trong tất cả chúng sanh. Nếu bố thí cho tất cả chúng sanh mà không phân biệt, đây gọi là tu bố thí. Nếu thân cận học hỏi cung kính cúng dường các bậc có thể giáo hóa người an trụ trong Như thị thiết trí, đây gọi là thân cận thiện tri thức. Nếu cầu pháp đúng với tâm Như thị thiết trí, không sa vào hàng Thanh văn, Bích chi Phật, đây gọi là cầu pháp. Nếu đời đời chẳng rời tâm xuất gia, luôn xuất gia trong Phật pháp không ai ngăn trở được, đây gọi là thường xuất gia trị địa nghiệp. Nếu thấy thân tướng của Phật, nhẫn đến khi thành Vô thượng Bồ đề trọn chẳng rời niệm Phật, đây gọi là ưa thích Phật thân. Hoặc Phật hiện tại hoặc Phật đã nhập diệt, nếu vì chúng sanh mà thuyết pháp sơ trung hậu đều thiện, diệu nghĩa hảo ngữ trong sạch tinh thuần, hoàn cụ cả mười hai bộ kinh từ Tu đà la đến Luận nghị, đây gọi là diễn nói giáo pháp xuất thế trị địa nghiệp. Vì phá kiêu mạn nên trọn chẳng thọ sanh nhà hạ tiện, đây gọi là pháp kiêu mạn trị địa nghiệp. Đúng như lời mà thực hành, đây gọi là thiết ngữ trị địa nghiệp. Trên đây là mười sự trị địa nghiệp của đại Bồ tát an trụ trong bậc Sơ địa tu hành.

Thế nào là giới thanh tịnh, nhấn đến cần cầu các ba la mật?

Này Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ tát chẳng có tâm niệm xu hướng Thanh văn, Bích chi Phật và những sự phá giới chướng ngại Phật đạo, đây gọi là giới thanh tịnh. Nếu thực hành Bồ tát hạnh, cho đến một chút ơn nhỏ còn chẳng quên huông là nhiều, đây gọi là biết ơn báo ơn. Nếu đối với tất cả chúng sanh không giận hờn không làm não hại, đây gọi là an trụ sức nhẫn nhục. Lấy sự thành tựu chúng sanh làm niềm vui, đây gọi là thọ hoan hỷ. Nghĩ nhớ muốn cứu tất cả chúng sanh, đây gọi là chẳng bỏ tất cả chúng sanh. Nếu nghĩ như vậy: tôi vì mỗi mỗi chúng sanh mà chịu cần khổ trong địa ngục đến hằng sa kiếp chừng nào chúng sanh ấy thành Phật nhập Niết bàn, đây là vì tất cả chúng sanh mười phương mà nhận thọ sự khổ nhọc nên gọi là nhập đại bi tâm. Nếu đối với bậc Sư trưởng xem như Phật, đây gọi là tin tưởng cung kính học hỏi nơi thầy. Nếu dứt tâm siêng cầu các môn ba la mật mà không cầu sự khác, đây gọi là cần cầu các ba la mật. Trên đây gọi là tám pháp đầy đủ của đại Bồ tát an trụ trong bậc Nhị địa.

Thế nào là học vấn nhiều không nhàm đủ, nhấn đến an trụ nơi tâm quý?

Này Tu Bồ Đề! Hoặc trong thế giới này hay ở thế giới mười phương có bao nhiêu chánh pháp của chư Phật tuyên thuyết thì đều muốn được nghe nhớ thọ trì cả, đây gọi là học vấn nhiều không nhàm đủ. Có bao nhiêu pháp thí vẫn không mong cầu, cho đến còn chẳng cầu Vô thượng Bồ đề huông là những sự khác, đây gọi là pháp thí chẳng cầu danh lợi, cũng gọi là thanh tịnh pháp thí. Đem tất cả thiện căn hồi hướng thanh tịnh Phật độ, đây gọi là tịnh Phật quốc độ. Vì đầy đủ thiện căn nên có thể thành tựu chúng sanh cũng trang nghiêm Phật độ cho đến đầy đủ Nhứt thiết trí trọn không mỗi nhàm, đây gọi là chịu lấy vô lượng sự cần khổ mà chẳng nhàm. Hồ thẹn nơi tâm Thanh văn, Bích chi Phật, đây gọi là an trụ nơi tàm quý. Trên đây là đại Bồ tát an trụ bậc Tam địa đầy đủ năm pháp.

Thế nào là chẳng bỏ chỗ ở a lan nhã, nhẫn đến chẳng tiếc tất cả vật?

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát có thể hơn bậc Thanh văn, Bích chi Phật, đây gọi là chẳng bỏ chỗ ở a lan nhã. Còn không có niệm mong muốn Vô thượng Bồ đề huông là những sự mong muốn khác, đây gọi là thiếu dục. Được Nhứt thiết chủng trí, đây gọi là tri túc. Quán sát các thâm pháp nhẫn, đây gọi là chẳng bỏ đầu đà công đức.

Chẳng chấp lấy giới tướng, đây gọi là chẳng bỏ giới. Vì dục tâm chẳng phát sanh, đây gọi là trách ghét các dục nhiễm. Vì biết tất cả pháp chẳng tạo tác, đây gọi là nhàm tâm thế gian mà thuận tâm Niết bàn. Chẳng tiếc tất cả nội pháp ngoại pháp, đây gọi là xả bỏ tất cả sở hữu. Tâm chẳng sanh khởi nơi hai thứ thức xứ, đây gọi là tâm chẳng trầm một. Đối với tất cả vật chẳng chấp trước, chẳng nghĩ nhớ, đây gọi là chẳng tiếc tất cả vật. Trên đây là mười pháp chẳng bỏ của đại Bồ tát an trụ trong bực Tứ địa.

Thế nào là xa lìa gần gũi hàng bạch y, nhẫn đến xa lìa tham, sân, si?

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát sanh nơi đâu cũng đều xuất gia, từ một Phật quốc đến một Phật quốc thường xuất gia cạo đầu mặc cà sa, đây gọi là xa lìa gần gũi bạch y. Chẳng ở chung chỗ với Tỳ kheo ni, nhẫn đến chẳng nghĩ tưởng dầu là khoảng khảy móng tay, đây gọi là xa lìa Tỳ kheo ni. Bồ tát suy nghĩ như vậy: Tôi phải an lạc chúng sanh, nay họ giúp tôi an lạc thì đâu nên sanh lòng tham tiếc, đây gọi là xa lìa sự tham tiếc nhà người khác. Nếu có chỗ nào luận đàm có thể phát sanh tâm Thanh văn, Bích chi Phật thì tôi phải xa lìa, đây gọi là xa lìa chỗ luận đàm vô ích. Chẳng để cho tâm giận hờn tâm náo hại, tâm đấu tranh xen

vào, đây gọi là xa lìa tâm sân. Chẳng thấy có nội pháp, đây gọi là xa lìa sự tự tôn tự đại. Chẳng thấy có ngoại pháp đây gọi là xa lìa sự khi dễ người. Mười nghiệp đạo bất thiện còn là chướng ngại Bát Thánh đạo hướng là Vô thượng Bồ đề, đây gọi là xa lìa mười nghiệp đạo bất thiện. Chẳng thấy có pháp gì có thể làm đại mạn, đây gọi là xa lìa đại mạn. Chẳng thấy có pháp gì có thể tự dùng được, đây gọi là xa lìa tự dụng. Chỗ điên đảo bất khả đắc, đây gọi là xa lìa điên đảo. Chẳng thấy được chỗ tham sân si, đây gọi là xa lìa tham sân si. Trên đây là đại Bồ tát an trụ trong bực Ngũ địa xa lìa mười hai pháp.

Thế nào là đầy đủ sáu pháp? An trụ trong sáu ba la mật có thể vượt đến bờ kia, đây gọi là đầy đủ sáu pháp.

Thế nào là chẳng móng tâm Thanh văn, Bích chi Phật, nhĩ đến chẳng nghi ngờ pháp thâm diệu?

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát nghĩ rằng: Tâm Thanh văn, Bích chi Phật chẳng phải đạo Vô thượng Bồ đề, đây gọi là chẳng móng tâm Thanh văn, Bích chi Phật. Bồ tát nghĩ rằng: Bồ thí có lòng lo ngại thì là chẳng phải đạo Vô thượng Bồ đề, đây gọi là bồ thí chẳng sanh lòng lo sợ. Bồ tát nghĩ rằng: Thấy người cầu xin mà có tâm trốn tránh thì chẳng phải đạo Vô thượng Bồ đề, đây gọi là chẳng có

lòng trốn tránh khi bị cầu xin. Lúc bố thí chẳng nói: “Cái này cho được, cái này chẳng cho được”, đây gọi là những vật sở hữu đều đem bố thí. Vì sức từ bi nên sau khi bố thí chẳng ăn năn. Vì sức tin công đức nên chẳng nghi ngờ pháp thâm diệu. Trên đây là sáu pháp phải đầy đủ và sáu pháp phải xa lìa của đại Bồ tát an trụ bậc Lục địa.

Thế nào là chẳng chấp ngã, nhân đến chẳng chấp nơi sự thấy là phải nương nơi giới?

Này Tu Bồ Đề! Vì rốt ráo vô ngã, vì chúng sanh đến tri giả, kiến giả đều rốt ráo bất khả đắc nên chẳng chấp trước những pháp ấy. Không có pháp đoạn diệt vì các pháp rốt ráo bất sanh nên chẳng chấp đoạn kiến. Nếu pháp đã chẳng sanh thì cũng chẳng thường nên chẳng chấp thường kiến. Vì không các phiền não nên chẳng chấp lấy tướng. Vì chư kiến đều chẳng thể thấy được nên chẳng khởi như duyên kiến. Vì danh sắc, ngũ âm, thập nhị nhập, thập bát giới, tam giới, tâm, nguyện và y chỉ đều là tánh không nên chẳng chấp trước. Vì khởi sự thấy là phải nương nơi Phật thì chẳng thấy Phật nên chẳng khởi sự thấy y chỉ nơi Phật. Vì Pháp chẳng thể thấy nên chẳng khởi sự thấy y chỉ Pháp. Vì Tăng tướng vô vi chẳng thể nương nên chẳng khởi sự thấy y chỉ nơi Tăng. Vì nơi tội cùng vô tội đều không dính mắc

nên chẳng khởi sự thấy y chỉ nơi giới. Trên đây là hai mươi pháp chẳng nên chấp trước của đại Bồ tát an trụ trong bực Thất địa.

Thế nào là đầy đủ Không, nhân đến chẳng nhiễm ái?

Này Tu Bồ Đề! Đầy đủ tự tướng Không của các pháp, đây là đầy đủ Không. Chẳng tướng nhớ các tướng, đây là chứng vô tướng. Chẳng tạo tác trong tam giới, đây là biết vô tác. Đầy đủ mười nghiệp đạo lành, đây là ba phần thanh tịnh. Vì được đại bi nên đầy đủ trí từ bi. Vì đầy đủ thanh tịnh Phật độ nên chẳng niệm tướng tất cả chúng sanh. Vì chẳng tổn ích đối với tất cả pháp nên bình đẳng quán sát tất cả pháp. Vì các pháp thiết tướng là vô tri nên Bồ tát biết thiết tướng của các pháp. Vì các pháp bất sanh bất diệt, bất tác nên Bồ tát được vô sanh pháp nhãn. Vì biết danh sắc bất sanh nên được vô sanh trí. Vì tâm chẳng hiện hành hai tướng nên tuyên nói các pháp nhưt tướng. Vì tất cả pháp chẳng phân biệt nên phá tướng phân biệt. Vì vô lượng tướng niệm lớn nhỏ chuyển nên Bồ tát chuyển nhớ tướng. Vì kiến chấp Thanh văn, Bích chi Phật chuyển nên chuyển kiến. Vì dứt trừ những phiền não nên chuyển phiền não. Vì được Nhưt thiết chủng trí nên định huệ đồng đẳng. Vì bất động đối với tam

giới nên ý được điều phục. Vì chế ngự sáu căn nên tâm tịch diệt. Vì được Phật nhãn nên trí vô ngại. Vì xả bỏ sáu trần nên chẳng nhiễm ái. Trên đây là hai mươi pháp phải đầy đủ của đại Bồ tát an trụ trong bực Thất địa.

Thế nào là đại Bồ tát thuận nhập tâm chúng sanh, nhãn đến tự trang nghiêm Phật thân?

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ tát dùng một tâm biết rõ tâm và tâm sở của tất cả chúng sanh, đây là thuận nhập tâm chúng sanh. Dùng thần thông từ một Phật quốc đến một Phật quốc, cũng không có tướng niệm Phật quốc, đây là các thần thông tự tại. Từ ở cõi mình mà thấy vô lượng Phật quốc, cũng không có tướng Phật quốc, đây là xem thấy các Phật quốc. Trụ ngôi Chuyển Luân Thánh Vương đi khắp Đại thiên thế giới để tự trang nghiêm nước của mình, đây là tự trang nghiêm nước mình như Phật quốc đã được thấy. Vì như thiết quán pháp thân nên là như thiết quán Phật thân. Trên đây là đại Bồ tát an trụ trong bực Bát địa đầy đủ năm pháp.

Thế nào là biết các căn tánh thượng hạ, nhãn đến thế nào là tùy theo thiện căn để thọ thân?

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ tát an trụ trong Phật thập lực biết những căn tánh thượng hạ của tất cả

chúng sanh. Vì tịnh chúng sanh nên Phật độ tịnh. Trụ trong như huyền tam muội thì có thể thành tựu tất cả sự, cũng chẳng phát sanh tâm tướng. Vì được báo sanh tam muội nên thường nhập tam muội. Vì thành tựu chúng sanh nên tùy theo thiện căn mà chúng sanh đáng được để thọ thân hầu giáo hóa họ. Trên đây là năm điều mà Đại Bồ tát trụ bực Bát địa được đầy đủ.

Thế nào là Đại Bồ tát nhiếp thọ vô biên thế giới mà phần mình hóa độ, nhân đến công đức thành tựu đầy đủ?

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ tát hóa độ chúng sanh trong vô biên thế giới đúng như chỗ đáng được độ của Phật pháp mà độ thoát đó, đây là nhiếp thọ vô biên thế giới mà phần mình hóa độ. Được đầy đủ sáu ba la mật, đây là được như chỗ nguyện cầu. Do sức của từ vô ngại biện nên biết tiếng nói của chư Thiên, Long, Càn thát bà. Vì đời đời thường hóa sanh nên thai sanh được thành tựu. Vì thường sanh trong nhà vọng tộc nên gia thế được thành tựu. Vì sanh nơi dòng Sát đế lợi hoặc Bà la môn nên chỗ sanh thành tựu. Như dòng họ của Bồ tát quá khứ sanh mà sanh trong đó nên dòng họ được thành tựu. Vì thuận dùng hàng Đại Bồ tát làm quyến thuộc nên quyến thuộc được thành tựu. Vì lúc sanh ra quang minh của Bồ tát chiếu khắp vô

lượng vô biên thế giới cũng chẳng chấp lấy tướng quang minh nên xuất sanh được thành tựu. Vì khi xuất gia có vô lượng chư Thiên theo hầu hạ và quyết định đưa chúng sanh đến quả Tam thừa nên xuất gia thành tựu. Cây Bồ đề dùng huỳnh kim làm gốc, bảy báu làm thân nhánh lá, chiếu sáng khắp vô lượng vô biên thế giới mười phương, đây là trang nghiêm Phật thọ thành tựu. Chúng sanh được thanh tịnh, Phật độ cũng thanh tịnh, đây là tất cả công đức lành thành tựu đầy đủ. Trên đây là mười hai pháp của bực Cửu địa đại Bồ tát thành tựu đầy đủ.

Thế nào là đại Bồ tát an trụ trong bực Thập địa phải biết như Phật?

Này Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ tát đầy đủ sáu ba la mật, tứ niệm xứ, nhãn đến đầy đủ mười tám pháp bất cộng và Nhứt thiết chủng trí, dứt tất cả phiền não và tập khí, thì gọi là đại Bồ tát an trụ trong bực Thập địa phải biết là bằng như Phật.

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ tát an trụ trong bực Thập địa này dùng sức phương tiện để thực hành sáu ba la mật, tứ niệm xứ nhãn đến thực hành mười tám pháp bất cộng, vượt qua bực Càn huệ địa, bực Tánh địa, bực Bát nhơn địa, bực Kiến địa, bực Bạc địa, bực Ly dục địa, bực Dĩ tác địa, bực Bích chi Phật địa, bực Bồ tát địa. Vượt qua

chín bực trên mà an trụ nơi Phật địa, đây là Bồ tát Thập địa.

Đây gọi là đại Bồ tát Đại thừa phát thú.

*



KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

PHẨM XUẤT ĐÁO THỨ HAI MƯƠI MỘT

Này Tu Bồ Đề! Ông hỏi Đại thừa này từ chỗ nào phát xuất và đến an trụ chỗ nào?

Này Tu Bồ Đề! Đại thừa này phát xuất từ trong tam giới đến an trụ trong Nhưt thiết trí, vì là pháp bất nhị vậy. Tại sao vậy? Đại thừa và Nhưt thiết trí là hai pháp chẳng hiệp chẳng tan không sắc, không hình, không đối là nhưt tướng, chánh là vô tướng.

Nếu có người muốn cho thiết tế phát xuất thì là người muốn cho pháp vô tướng phát xuất. Nếu có người muốn cho pháp Như, pháp tánh, bất tư

nghe tánh phát xuất thì là người muốn cho pháp vô tướng phát xuất. Nếu có người muốn cho sắc Không, thọ tướng hành thức Không phát xuất thì là người muốn cho pháp vô tướng phát xuất. Tại sao vậy?

Này Tu Bồ Đề! Tướng Không của sắc thọ tướng hành thức chẳng ra từ tam giới, cũng chẳng an trụ Nhứt thiết trí, vì sắc sắc tướng rỗng không, thọ tướng hành thức tướng rỗng không vậy.

Nếu có người muốn cho nhãn Không phát xuất thì là người muốn cho pháp vô tướng phát xuất. Nếu có người muốn cho nhĩ tử thiết thân ý Không phát xuất thì là người muốn cho pháp vô tướng phát xuất. Nếu có người muốn cho sắc Không, thanh Không, nhãn đến ý xúc như duyên sanh thọ Không phát xuất thì là người muốn cho pháp vô tướng phát xuất. Tại sao vậy? Này Tu Bồ Đề! Nhãn Không, nhãn đến ý xúc như duyên sanh thọ Không chẳng ra từ tam giới cũng chẳng an trụ Nhứt thiết trí, vì nhãn nhãn tướng rỗng không, nhãn đến ý xúc như duyên sanh thọ tướng rỗng không vậy.

Nếu có người muốn cho mộng, ảo, diệm, hưởng, ảnh và hóa phát xuất thì là người muốn cho pháp vô tướng phát xuất. Tại sao vậy? Này

Tu Bồ Đề! Mộng tướng nhãn đến hóa tướng chẳng ra từ tam giới cũng chẳng an trụ trong Nhứt thiết trí, vì mộng mộng tướng rỗng không nhãn đến hóa hóa tướng rỗng không vậy.

Nếu có người muốn cho Đản na ba la mật phát xuất thì là người muốn cho pháp vô tướng phát xuất. Nếu có người muốn cho Thi la ba la mật, Sằn đề ba la mật, Tỳ lê gia ba la mật, Thiên na ba la mật, Bát nhã ba la mật phát xuất thì là người muốn cho pháp vô tướng phát xuất. Tại sao vậy? Này Tu Bồ Đề! Đản na ba la mật nhãn đến Bát nhã ba la mật chẳng ra từ tam giới cũng chẳng an trụ trong Nhứt thiết trí, vì Đản na Đản na tướng rỗng không nhãn đến Bát nhã Bát nhã tướng rỗng không vậy.

Nếu có người muốn nội Không đến vô pháp hữu pháp Không phát xuất thì là người muốn cho pháp vô tướng phát xuất. Tại sao vậy? Này Tu Bồ Đề! Nội Không tướng đến vô pháp hữu pháp Không tướng chẳng ra từ tam giới cũng chẳng an trụ trong Nhứt thiết trí, vì nội Không nội Không tánh rỗng không, nhãn đến vô pháp hữu pháp Không vô pháp hữu pháp Không tánh rỗng không vậy.

Nếu có người muốn cho tứ niệm xứ đến thập bát bất cộng pháp phát xuất thì là người muốn cho

pháp vô tướng phát xuất. Tại sao vậy? Nay Tu Bồ Đề! Tứ niệm xứ tánh, đến thập bát bất cộng pháp tánh chẳng ra từ tam giới cũng chẳng an trụ trong Nhứt thiết trí, vì tứ niệm xứ tứ niệm xứ tánh rỗng không, nhân đến bất cộng pháp bất cộng pháp tánh rỗng không vậy.

Nếu có người muốn cho A la hán phát xuất thì là người muốn cho pháp vô tướng phát xuất. Nếu có người muốn cho Bích chi Phật phát xuất thời là muốn cho pháp vô tướng phát xuất. Nếu có người muốn cho Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác phát xuất thì là người muốn cho pháp vô tướng phát xuất. Tại sao vậy? Nay Tu Bồ Đề! A la hán tánh, Bích chi Phật tánh và Phật tánh chẳng ra từ tam giới cũng chẳng an trụ trong Nhứt thiết trí, vì A la hán A la hán tánh rỗng không, Bích chi Phật Bích chi Phật tánh rỗng không, Phật Phật tánh rỗng không vậy.

Nay Tu Bồ Đề! Do như duyên trên đây nên Đại thừa này phát xuất từ trong tam giới đến an trụ trong Nhứt thiết trí, vì bất động vậy.

Nay Tu Bồ Đề! Ông hỏi Đại thừa này đến an trụ chỗ nào?

Nay Tu Bồ Đề! Đại thừa này không chỗ an trụ vì tất cả pháp không có tướng an trụ vậy. Đại thừa này nếu có an trụ thì là chẳng phải an trụ.

Này Tu Bò Đề! Ví như pháp tánh bất sanh bất diệt bất cấu bất tịnh, vô khởi vô tác, chẳng phải trụ chẳng phải chẳng trụ, vì pháp tánh pháp tánh tướng rỗng không vậy, nhân đến vì vô tác vô tác tánh rỗng không vậy.

Như pháp tánh, các pháp khác cũng như vậy, chẳng phải trụ chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa này cũng như vậy, chẳng phải trụ chẳng phải chẳng trụ.

Này Tu Bò Đề! Do nhơn duyên như thế nên Đại thừa này không chỗ an trụ, vì là pháp bất trụ, là pháp bất động vậy.

Này Tu Bò Đề! Ông hỏi ai ngồi Đại thừa này để phát xuất?

Này Tu Bò Đề! Không có ai ngồi Đại thừa này để phát xuất. Tại sao vậy? Vì Đại thừa này cùng người phát xuất và pháp bị sử dụng cùng thời gian phát xuất đều vô sở hữu cả. Nếu tất cả pháp là vô sở hữu thì dùng pháp gì để phát xuất. Tại sao vậy?

Ngã bất khả đắc nhãn đến tri giả, kiến giả bất khả đắc, vì rốt ráo thanh tịnh vậy. Bất khả tư nghì tánh bất khả đắc, vì rốt ráo thanh tịnh vậy. Ngũ âm, thập nhị nhập, thập bát giới bất khả đắc, vì rốt ráo thanh tịnh vậy. Đàn na ba la mật đến Bát

nhã ba la mật bất khả đắc, vì rốt ráo thanh tịnh vậy. Nội Không đến vô pháp hữu pháp Không bất khả đắc, vì rốt ráo thanh tịnh vậy. Tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng bất khả đắc, vì rốt ráo thanh tịnh vậy. Tu đà hoàn đến Bồ tát, chư Phật bất khả đắc, vì rốt ráo thanh tịnh vậy. Tu đà hoàn quả đến Nhứt thiết chủng trí bất khả đắc, vì rốt ráo thanh tịnh vậy. Bất sanh bất diệt, bất cấu bất tịnh, vô khởi vô tác bất khả đắc, vì rốt ráo thanh tịnh vậy. Quá khứ thế, vị lai thế, hiện tại thế, sanh trụ diệt bất khả đắc, vì rốt ráo thanh tịnh vậy. Tăng giảm bất khả đắc, vì rốt ráo thanh tịnh vậy.

Vì những pháp gì bất khả đắc nên là bất khả đắc?

Này Tu Bồ Đề! Vì pháp tánh bất khả đắc nên là bất khả đắc. Vì Như, thiết tế, bất khả tư nghì tánh, pháp tướng, pháp vị, bất khả đắc nên là bất khả đắc. Vì Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật bất khả đắc nên là bất khả đắc. Vì nội Không đến vô pháp hữu pháp Không bất khả đắc nên là bất khả đắc. Vì tứ niệm xứ đến bất cộng pháp bất khả đắc nên là bất khả đắc. Vì Tu đà hoàn, Tu đà hàm, A na hàm, A la hán, Bích chi Phật, chư Phật bất khả đắc nên là bất khả đắc. Vì Tu đà hoàn quả, Tu đà hàm quả, A na hàm quả, A la hán quả, Bích chi Phật đạo, Phật đạo bất khả đắc nên là bất

khả đặc. Vì bất sanh bất diệt đến vô khởi, vô tác bất khả đặc nên là bất khả đặc.

Lại vì Sơ địa đến Thập địa bất khả đặc nên là bất khả đặc, vì rốt ráo thanh tịnh vậy. Thế nào là Sơ địa đến Thập địa? Chánh là Càn huệ địa, Tánh địa, Bát nhơn địa, Kiến địa, Bạc địa, Ly dục địa, Dĩ tác địa, Bích chi Phật địa, Bồ tát địa và Phật địa.

Trong nội Không đến vô pháp hữu pháp Không chẳng có thể được Sơ địa đến Thập địa. Tại sao vậy?

Vì Sơ địa chẳng phải được chẳng phải chẳng được, nhẫn đến Thập địa chẳng phải được chẳng phải chẳng được, vì rốt ráo thanh tịnh vậy. Trong nội Không đến vô pháp hữu pháp Không, thành tựu chúng sanh bất khả đặc, tịnh Phật quốc độ bất khả đặc, vì rốt ráo thanh tịnh vậy. Trong nội Không đến vô pháp hữu pháp Không, ngũ nhãn bất khả đặc, vì rốt ráo thanh tịnh vậy.

Này Tu Bồ Đề! Vì thế nên đại Bồ tát do nơi tất cả pháp bất khả đặc mà ngồi Đại thừa này từ tam giới phát xuất an trụ trong Nhứt thiết trí.



KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

PHẨM THẮNG XUẤT
THỨ HAI MƯỜI HAI

* Ngài Huệ Mạng Tu Bồ Đề thưa:

Bạch đức Thế Tôn! Đại thừa và người Đại thừa vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la. Bạch đức Thế Tôn! Đại thừa này đồng đẳng với hư không. Như hư không dung thọ vô lượng vô biên a tăng kỳ chúng sanh. Cũng vậy, Đại thừa này dung thọ vô lượng vô biên a tăng kỳ chúng sanh. Đại thừa này chẳng thấy chỗ đến, chẳng thấy chỗ đi, chẳng thấy chỗ dừng ở. Đại thừa này chẳng thể được quá khứ, chẳng thể được

* Hán bộ quyển thứ 7.

vị lai, chẳng thể được hiện tại. Ba đời bình đẳng là Đại thừa này. Do duyên có trên đây nên gọi là Đại thừa.

Đức Phật nói:

Đúng như vậy. Nay Tu Bồ Đề! Đại Bồ tát Đại thừa là sáu ba la mật: Đàn na ba la mật, Thi la ba la mật, Sằn đề ba la mật, Tỳ lê gia ba la mật, Thiên na ba la mật, Bát nhã ba la mật. Lại có đại Bồ tát Đại thừa là tất cả đà la ni môn, tất cả tam muội môn. Như là Thủ Lăng Nghiêm tam muội đến Ly trước như hư không bất nhiễm tam muội. Lại có đại Bồ tát Đại thừa là nội Không đến vô pháp hữu pháp Không. Lại có đại Bồ tát Đại thừa là tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng.

Nay Tu Bồ Đề! Như lời ông nói, Đại thừa này vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la.

Nay Tu Bồ Đề! Nếu Dục giới là có chơn thiệt chẳng hư vọng, là đế lý chẳng điên đảo, thường hằng chẳng hư hoại chẳng phải pháp không có, thì Đại thừa này không thể vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la. Bởi Dục giới hư vọng nhớ tưởng phân biệt hòa hiệp danh tự, v.v... có tất cả tướng vô thường phá hoại là pháp không có. Thế nên Đại thừa này vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la.

Này Tu Bồ Đề! Nếu Sắc giới và Vô Sắc giới là có chơn thiết chẳng hư vọng, là đế lý chẳng điên đảo thường hằng chẳng hư hoại, chẳng phải pháp không có, thì Đại thừa này không thể vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la. Bởi Sắc giới và Vô Sắc giới hư vọng nhớ tưởng phân biệt hòa hiệp danh tự, v.v... có tất cả tướng vô thường phá hoại là pháp không có. Thế nên Đại thừa này vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la.

Này Tu Bồ Đề! Nếu sắc uẩn đến ý xúc như duyên sanh thọ là có chơn thiết chẳng hư vọng, là đế lý chẳng điên đảo thường hằng chẳng hư hoại chẳng phải pháp không có, thì Đại thừa này không thể vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la. Bởi sắc uẩn đến ý xúc như duyên sanh thọ hư vọng nhớ tưởng, phân biệt hòa hiệp danh tự, v.v... có tất cả tướng vô thường phá hoại là pháp không có, nên Đại thừa này vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la.

Này Tu Bồ Đề! Nếu pháp tánh, như, thiết tế, bất khả tư nghì tánh là pháp có mà chẳng phải là pháp không có, thì Đại thừa này không thể vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la. Bởi pháp tánh đến bất tư nghì tánh không có pháp

chẳng phải pháp, nên Đại thừa này vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la.

Này Tu Bồ Đề! Nếu Đản na ba la mật đến Bát nhã ba la mật là pháp có mà chẳng phải là pháp không có, thì Đại thừa này không thể vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la. Bởi Đản na ba la mật đến Bát nhã ba la mật không có pháp chẳng phải pháp, nên Đại thừa này vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la.

Này Tu Bồ Đề! Nếu nội Không đến vô pháp hữu pháp Không là pháp có mà chẳng phải là pháp không có, thì Đại thừa này không thể vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la. Bởi nội Không đến vô pháp hữu pháp Không không có pháp chẳng phải pháp, nên Đại thừa này vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la.

Này Tu Bồ Đề! Nếu tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng là pháp có mà chẳng phải là pháp không có, thì Đại thừa này không thể vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la. Bởi tứ niệm xứ đến bất cộng pháp không có pháp chẳng phải pháp, nên Đại thừa này vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la.

Này Tu Bồ Đề! Nếu tánh nhơn pháp, bất nhơn pháp, Tu đà hoàn pháp, Tư đà hàm pháp, A na

hàm pháp, A la hán pháp, Bích chi Phật pháp và Phật pháp là pháp có mà chẳng phải là pháp không có, thì Đại thừa này không thể vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la. Bởi tánh nhơn pháp đến Phật pháp không có pháp chẳng phải pháp, nên Đại thừa này vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la.

Này Tu Bồ Đề! Nếu bực Tánh địa, bực Bát nhơn, bực Tu đà hoàn nhĩn đến Phật là pháp có mà chẳng phải là pháp không có, thì Đại thừa này không thể vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la. Bởi Tánh địa đến chư Phật không có pháp chẳng phải pháp, nên Đại thừa này vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la.

Này Tu Bồ Đề! Nếu tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la là pháp có mà chẳng phải là pháp không có, thì Đại thừa này không thể vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la. Bởi tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la không có pháp chẳng phải pháp, nên Đại thừa này vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la.

Này Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ tát từ lúc mới phát tâm đến lúc ngồi đạo tràng, những tâm trong khoảng trung gian đó là pháp có mà chẳng phải là

pháp không có, thì Đại thừa này không thể vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la. Bởi những tâm trong khoảng trung gian từ lúc phát tâm đến lúc ngồi đạo tràng của đại Bồ tát không có pháp, chẳng phải pháp, nên Đại thừa này vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la.

Này Tu Bồ Đề! Nếu như kim cang huệ của đại Bồ tát là pháp có mà chẳng phải là pháp không có, thì đại Bồ tát này không thể biết được tất cả kiết sử và tập khí không có pháp chẳng phải pháp để được Nhứt thiết chủng trí. Bởi như kim cang huệ không có pháp, chẳng phải pháp, nên đại Bồ tát biết được tất cả kiết sử và tập khí không có pháp chẳng phải pháp được Nhứt thiết chủng trí. Thế nên Đại thừa này vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la.

Này Tu Bồ Đề! Nếu ba mươi hai tướng của chư Phật là pháp có mà chẳng phải là pháp không có, thì oai đức của chư Phật chẳng thể chiếu sáng vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la. Bởi ba mươi hai tướng không có pháp, chẳng phải pháp, nên oai đức của chư Phật chiếu sáng vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la.

Này Tu Bồ Đề! Nếu quang minh của chư Phật là pháp có mà chẳng phải là pháp không có, thì chẳng thể chiếu khắp hằng sa quốc độ. Bởi quang minh của chư Phật không có pháp, chẳng phải pháp, nên có thể chiếu khắp hằng sa quốc độ.

Này Tu Bồ Đề! Nếu sáu mươi thứ âm thanh trang nghiêm của chư Phật là pháp có mà chẳng phải là pháp không có, thì chư Phật chẳng thể dùng sáu mươi thứ âm thanh trang nghiêm ấy thấu đến khắp vô lượng a tăng kỳ quốc độ mười phương. Bởi sáu mươi thứ âm thanh trang nghiêm của chư Phật không có pháp, chẳng phải pháp, nên chư Phật có thể dùng âm thanh trang nghiêm ấy thấu đến khắp vô lượng a tăng kỳ quốc độ mười phương.

Này Tu Bồ Đề! Nếu pháp luân của chư Phật là pháp có mà chẳng phải là pháp không có, thì chư Phật không thể chuyển pháp luân mà tất cả Sa môn, Bà la môn hoặc chư Thiên vương, Ma vương, Phạm vương và tất cả thế gian chúng sanh đều chẳng chuyển được. Bởi pháp luân của chư Phật không có pháp, chẳng phải pháp, nên chư Phật có thể chuyển pháp luân mà tất cả Sa môn, Bà la môn hoặc trời, người và tất cả chúng khác trong thế gian đều chẳng chuyển được.

Này Tu Bồ Đề! Chư Phật vì chúng sanh chuyển pháp luân. Nếu chúng sanh ấy là pháp thiệt có mà chẳng phải là pháp không có, thì không thể làm cho chúng sanh ấy ở nơi Vô dư y Niết bàn mà nhập Niết bàn. Bởi chư Phật vì chúng sanh chuyển pháp luân, chúng sanh ấy không có pháp, chẳng phải pháp, nên có thể làm cho chúng sanh ấy ở trong Vô dư y Niết bàn đã diệt độ, nay diệt độ, sẽ diệt độ.

*



KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

PHẨM ĐĂNG KHÔNG
THỨ HAI MƯỜI BA

Này Tu Bồ Đề! Ông nói Đại thừa đồng đẳng với hư không. Đúng như vậy, Đại thừa đồng đẳng với hư không.

Này Tu Bồ Đề! Như hư không không có Đông, Tây... mười phương, Đại thừa cũng không có mười phương. Như hư không chẳng phải dài, ngắn, vuông, tròn; Đại thừa cũng chẳng phải dài, ngắn, vuông, tròn. Như hư không chẳng phải xanh, vàng, đỏ, trắng, đen; Đại thừa cũng chẳng phải xanh, vàng, đỏ, trắng, đen. Thế nên nói rằng Đại thừa đồng đẳng với hư không.

Này Tu Bồ Đề! Như hư không chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại. Cũng vậy, Đại thừa chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại. Như hư không chẳng tăng chẳng giảm. Cũng vậy, Đại thừa chẳng tăng chẳng giảm. Như hư không chẳng cấu chẳng tịnh. Cũng vậy, Đại thừa chẳng cấu chẳng tịnh. Như hư không chẳng sanh chẳng diệt, không dùng không đổi. Cũng vậy, Đại thừa chẳng sanh chẳng diệt, không dùng không đổi. Như hư không chẳng phải thiện bất thiện, chẳng phải ký vô ký. Cũng vậy, Đại thừa chẳng phải thiện bất thiện, chẳng phải ký vô ký. Như hư không chẳng thấy nghe, chẳng hay biết. Cũng vậy, Đại thừa không thấy nghe hay biết. Như hư không chẳng thể biết được, chẳng thể hay được, chẳng thể thấy được, chẳng thể dứt được, chẳng thể chứng được, chẳng thể tu được. Cũng vậy, Đại thừa chẳng thể biết được, hay được, thấy được, dứt được, cũng chẳng thể chứng được, tu được. Thế nên nói rằng Đại thừa đồng đẳng với hư không.

Này Tu Bồ Đề! Hư không chẳng phải tướng nhiễm tướng ly. Cũng vậy, Đại thừa chẳng phải tướng nhiễm chẳng phải tướng ly. Như hư không chẳng hệ thuộc Dục giới, Sắc giới, Vô Sắc giới. Cũng vậy, Đại thừa chẳng hệ thuộc Dục giới, Sắc giới, Vô Sắc giới. Như hư không chẳng có sơ phát

tâm nhãn đến đệ thập tâm. Cũng vậy, Đại thừa không có sơ pháp tâm nhãn đến đệ thập tâm. Như hư không chẳng có Càn huệ địa, Tánh nhơn địa, Bát nhơn địa, Kiến địa, Bạc địa, Ly dục địa, Dĩ tác địa. Cũng vậy, Đại thừa không có Càn Huệ địa đến Dĩ Tác địa. Như hư không chẳng có quả Tu đà hoàn, quả Tư đà hàm, quả A na hàm, quả A la hán. Cũng vậy, Đại thừa không có quả Tu đà hoàn đến quả A la hán. Như hư không chẳng có Thanh văn địa, Bích chi Phật địa. Cũng vậy, Đại thừa không có Thanh văn địa đến Phật địa. Thế nên nói rằng Đại thừa đồng đẳng với hư không.

Này Tu Bồ Đề! Như hư không chẳng phải sắc, vô sắc; chẳng phải khả kiến, bất khả kiến; chẳng phải hữu đối, vô đối; chẳng phải hiệp, chẳng phải tán. Cũng vậy, Đại thừa chẳng phải sắc nhãn đến chẳng phải tán. Như hư không chẳng phải thường vô thường; chẳng phải lạc, khổ; chẳng phải ngã vô ngã. Cũng vậy, Đại thừa chẳng phải thường vô thường, lạc khổ, ngã vô ngã. Như hư không chẳng phải không bất không, chẳng phải tướng vô tướng, chẳng phải tác vô tác. Cũng vậy, Đại thừa chẳng phải không đến chẳng phải vô tác. Như hư không chẳng phải tịch diệt chẳng tịch diệt, chẳng phải ly chẳng ly. Cũng vậy, Đại thừa chẳng phải tịch diệt đến chẳng phải

ly. Như hư không chẳng phải tối sáng. Cũng vậy, Đại thừa chẳng phải tối sáng. Như hư không chẳng phải khả đắc bất khả đắc. Cũng vậy, Đại thừa chẳng phải khả đắc, chẳng phải bất khả đắc. Như hư không chẳng phải khả thuyết bất khả thuyết. Cũng vậy, Đại thừa chẳng phải khả thuyết, chẳng phải bất khả thuyết. Thế nên nói rằng Đại thừa đồng đẳng với hư không.

Này Tu Bồ Đề! Như lời ông nói, như hư không dung thọ vô lượng vô biên vô số chúng sanh, Đại thừa cũng dung thọ vô lượng vô biên vô số chúng sanh.

Đúng như vậy. Vì chúng sanh vô sở hữu, nên biết rằng hư không vô sở hữu. Vì hư không vô sở hữu, nên biết rằng Đại thừa cũng vô sở hữu. Do đây nên Đại thừa dung thọ vô lượng vô biên vô số chúng sanh. Tại sao vậy? Vì chúng sanh, hư không và Đại thừa đều bất khả đắc vậy.

Lại này Tu Bồ Đề! Vì Đại thừa vô sở hữu nên biết rằng vô số vô sở hữu. Vì vô số vô sở hữu nên biết rằng vô lượng vô sở hữu. Vì vô lượng vô sở hữu nên biết rằng vô biên vô sở hữu. Vì vô biên vô sở hữu nên biết rằng tất cả các pháp vô sở hữu. Do đây nên Đại thừa dung thọ vô lượng vô biên vô số chúng sanh. Tại sao vậy? Vì chúng sanh, hư

không, Đại thừa vô số vô lượng vô biên tất cả các pháp đều bất khả đắc vậy.

Lại này Tu Bồ Đề! Vì ngã nhãn đến tri giả, kiến giả đều vô sở hữu, nên biết rằng pháp như, pháp tánh, thiết tế vô sở hữu. Vì pháp như, pháp tánh, thiết tế vô sở hữu, nên biết nhãn đến vô số vô lượng vô biên đều vô sở hữu. Vì vô số vô lượng vô biên vô sở hữu nên biết tất cả pháp vô sở hữu. Do nhơn duyên này nên Đại thừa dung thọ vô lượng vô biên vô số chúng sanh. Tại sao vậy? Vì chúng sanh, ngã nhãn đến tri giả, kiến giả cùng thiết tế đến vô biên và tất cả pháp đều bất khả đắc vậy.

Lại này Tu Bồ Đề! Vì ngã đến tri giả, kiến giả đều vô sở hữu nên biết rằng bất khả tư nghì tánh vô sở hữu. Vì bất khả tư nghì tánh vô sở hữu nên biết sắc, thọ, tưởng, hành, thức vô sở hữu. Vì sắc, thọ, tưởng, hành, thức vô sở hữu nên biết hư không vô sở hữu. Vì hư không vô sở hữu nên biết Đại thừa vô sở hữu. Vì Đại thừa vô sở hữu nên biết vô số vô lượng vô biên đều vô sở hữu. Vì vô biên vô sở hữu nên biết tất cả các pháp vô sở hữu. Do nhơn duyên này nên Đại thừa dung thọ vô lượng vô biên vô số chúng sanh. Vì ngã nhãn đến tri giả, kiến giả, tất cả các pháp đều bất khả đắc vậy.

Lại này Tu Bồ Đề! Vì ngã vô sở hữu nhãn đến tri giả, kiến giả vô sở hữu nên biết nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý vô sở hữu. Vì nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý vô sở hữu nên biết hư không vô sở hữu. Vì hư không vô sở hữu nên biết Đại thừa vô sở hữu. Vì Đại thừa vô sở hữu nên biết vô số vô lượng vô biên và tất cả các pháp vô sở hữu. Do nhơn duyên này nên Đại thừa dung thọ vô lượng vô biên vô số chúng sanh. Vì ngã đến tất cả các pháp đều bất khả đắc vậy.

Lại này Tu Bồ Đề! Vì ngã nhãn đến tri giả, kiến giả đều vô sở hữu nên Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật đều vô sở hữu. Vì Bát nhã ba la mật vô sở hữu nên biết hư không vô sở hữu. Vì hư không vô sở hữu nên biết Đại thừa vô sở hữu. Vì Đại thừa vô sở hữu nên biết vô số vô lượng vô biên vô sở hữu. Vì vô số vô lượng vô biên vô sở hữu nên biết tất cả các pháp vô sở hữu. Do nhơn duyên này nên Đại thừa dung thọ vô lượng vô biên vô số chúng sanh. Tại sao vậy? Vì ngã, chúng sanh đến tất cả các pháp đều bất khả đắc vậy.

Lại này Tu Bồ Đề! Vì ngã đến tri giả, kiến giả đều vô sở hữu nên biết nội Không đến vô pháp hữu pháp Không đều vô sở hữu. Vì vô pháp hữu pháp Không vô sở hữu nên biết hư không vô sở hữu. Vì hư không vô sở hữu nên biết Đại thừa vô

sở hữu. Vì Đại thừa vô sở hữu nên biết vô số vô lượng vô biên vô sở hữu. Vì vô biên vô sở hữu nên biết tất cả các pháp vô sở hữu. Do nhơn duyên này nên Đại thừa dung thọ vô lượng vô biên vô số chúng sanh. Tại sao vậy? Vì ngã, chúng sanh đến tất cả các pháp đều bất khả đắc vậy.

Lại này Tu Bồ Đề! Vì ngã, chúng sanh đến tri giả, kiến giả vô sở hữu nên biết tứ niệm xứ đến bất cộng pháp vô sở hữu. Vì bất cộng pháp vô sở hữu nên biết hư không vô sở hữu. Vì hư không vô sở hữu nên biết Đại thừa vô sở hữu. Vì Đại thừa vô sở hữu nên biết vô số vô lượng vô biên vô sở hữu. Vì vô biên vô sở hữu nên biết tất cả các pháp vô sở hữu. Do nhơn duyên này nên Đại thừa dung thọ vô lượng vô biên vô số chúng sanh. Tại sao vậy? Vì ngã, chúng sanh đến tất cả các pháp đều bất khả đắc vậy.

Lại này Tu Bồ Đề! Vì ngã, chúng sanh đến tri giả, kiến giả vô sở hữu nên biết Tánh địa đến Dĩ tác địa vô sở hữu. Vì Dĩ tác địa vô sở hữu nên biết hư không vô sở hữu. Vì hư không vô sở hữu nên biết Đại thừa vô sở hữu. Vì Đại thừa vô sở hữu nên biết vô số vô lượng vô biên vô sở hữu. Vì vô biên vô sở hữu nên biết tất cả các pháp vô sở hữu. Do nhơn duyên này nên Đại thừa dung thọ vô lượng vô biên vô số chúng sanh. Tại sao

vậy? Vì ngã, chúng sanh đến tất cả các pháp đều bất khả đắc vậy.

Lại này Tu Bồ Đề! Vì ngã đến tri giả, kiến giả vô sở hữu nên biết Tu đà hoàn đến A la hán vô sở hữu. Vì A la hán vô sở hữu nên biết tất cả các pháp vô sở hữu. Do nhơn duyên này nên Đại thừa dung thọ vô lượng vô biên vô số chúng sanh. Tại sao vậy? Vì bất khả đắc vậy.

Lại này Tu Bồ Đề! Vì ngã đến tri giả, kiến giả vô sở hữu nên biết Thanh văn thừa vô sở hữu. Vì Thanh văn thừa vô sở hữu nên biết Bích chi Phật thừa vô sở hữu. Vì Bích chi Phật thừa vô sở hữu nên biết Phật thừa vô sở hữu. Vì Phật thừa vô sở hữu nên biết người Thanh văn vô sở hữu. Vì người Thanh văn vô sở hữu nên biết Tu đà hoàn vô sở hữu nhĩ đến Phật vô sở hữu. Vì Phật vô sở hữu nên biết Nhứt thiết chủng trí vô sở hữu. Vì Nhứt thiết chủng trí vô sở hữu nên biết hư không vô sở hữu. Vì hư không vô sở hữu nên biết Đại thừa vô sở hữu. Vì Đại thừa vô sở hữu nên vô số đến tất cả các pháp vô sở hữu. Do nhơn duyên này nên Đại thừa dung thọ vô lượng vô biên vô số chúng sanh. Tại sao vậy? Vì bất khả đắc vậy.

Này Tu Bồ Đề! Như trong tánh Niết bàn dung thọ vô lượng vô biên vô số chúng sanh, Đại thừa này cũng dung thọ vô lượng vô biên vô số chúng

sanh. Do như duyên này nên nói rằng Đại thừa đồng đẳng với hư không cũng dung thọ vô lượng vô biên vô số chúng sanh.

Này Tu Bồ Đề! Như lời ông nói Đại thừa này chẳng thấy chỗ đến, chẳng thấy chỗ đi, chẳng thấy chỗ ở.

Đúng như vậy. Đại thừa này chẳng thấy chỗ đến, chỗ đi, chỗ ở. Tại sao vậy? Vì tất cả các pháp tướng chẳng lay động vậy nên các pháp chẳng có chỗ đến, chỗ đi, chỗ ở.

Tại sao vậy? Này Tu Bồ Đề! Sắc không từ đâu đến, cũng chẳng đi đâu, cũng không chỗ ở. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Sắc pháp, thọ pháp, tưởng pháp, hành pháp, thức pháp không từ đâu đến, cũng chẳng đi đâu, cũng không chỗ ở. Sắc như, thọ như, tưởng như, hành như, thức như, không từ đâu đến, cũng chẳng đi đâu, cũng không chỗ ở. Sắc tánh đến thức tánh không từ đâu đến, cũng chẳng đi đâu, cũng không chỗ ở. Sắc tướng đến thức tướng không từ đâu đến, cũng chẳng đi đâu, cũng không chỗ ở.

Như ngũ uẩn, thập nhị nhập, thập bát giới, lục đại chủng cũng vậy. Nhãn, nhãn pháp, nhãn như, nhãn tánh, nhãn tướng, đến thức chủng, thức chủng pháp, thức chủng như, thức chủng tánh,

thức chủng tướng không từ đâu đến, cũng chẳng đi đâu, cũng không chỗ ở.

Này Tu Bồ Đề! Như, như pháp, như như, như tánh, như tướng; thiết tế, thiết tế pháp, thiết tế như, thiết tế tánh, thiết tế tướng; bất khả tư nghì, bất khả tư nghì pháp, bất khả tư nghì như, bất khả tư nghì tánh, bất khả tư nghì tướng, đều không từ đâu đến, cũng chẳng đi đâu, cũng không chỗ ở.

Này Tu Bồ Đề! Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật, ba la mật, ba la mật pháp, ba la mật như, ba la mật tánh, ba la mật tướng, không từ đâu đến, cũng chẳng đi đâu, cũng không chỗ ở. Tứ niệm xứ, tứ niệm xứ pháp, tứ niệm xứ như, tứ niệm xứ tánh, tứ niệm xứ tướng, không từ đâu đến, cũng chẳng đi đâu, cũng không chỗ ở. Nhân đến mười tám pháp bất cộng cũng vậy.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát, Bồ tát pháp, Bồ tát như, Bồ tát tánh, Bồ tát tướng, không từ đâu đến, cũng chẳng đi đâu, cũng không chỗ ở. Phật, Phật pháp, Phật như, Phật tánh, Phật tướng không từ đâu đến, cũng chẳng đi đâu, cũng không chỗ ở. Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Chánh giác pháp, Chánh giác như, Chánh giác tánh, Chánh giác tướng không từ đâu đến, cũng chẳng đi đâu, cũng không chỗ ở.

Này Tu Bồ Đề! Hữu vi, hữu vi pháp, hữu vi như, hữu vi tánh, hữu vi tướng không từ đâu đến, cũng chẳng đi đâu, cũng không chỗ ở. Vô vi, vô vi pháp, vô vi như, vô vi tánh, vô vi tướng, không từ đâu đến, cũng chẳng đi đâu, cũng không chỗ ở.

Do nhơn duyên này nên Đại thừa đây chẳng thấy chỗ đến, chẳng thấy chỗ đi, chẳng thấy chỗ ở.

Này Tu Bồ Đề! Như lời ông nói Đại thừa đây tiền tế, hậu tế, trung tế đều bất khả đắc, Đại thừa đây gọi là ba đời bình đẳng nên gọi là Đại thừa.

Đúng như vậy. Này Tu Bồ Đề! Đại thừa đây tiền tế bất khả đắc, hậu tế bất khả đắc, trung tế bất khả đắc, ba đời bình đẳng nên gọi là Đại thừa.

Tại sao vậy? Vì đời quá khứ thì đời quá khứ rộng không, đời vị lai thì đời vị lai rộng không, đời hiện tại thì đời hiện tại rộng không, ba đời bình đẳng thì ba đời bình đẳng rộng không, Đại thừa thì Đại thừa rộng không, Bồ tát thì Bồ tát rộng không. Tại sao vậy? Tánh Không này chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải khác, thế nên gọi là ba đời bình đẳng là đại Bồ tát Đại thừa.

Trong Đại thừa này, bình đẳng cùng chẳng bình đẳng đều bất khả đắc, niễm cùng chẳng niễm, sân cùng chẳng sân, si cùng chẳng si, mạn cùng chẳng mạn đều bất khả đắc, nhãn đến tất cả

pháp thiện cùng pháp bất thiện đều bất khả đắc. Trong Đại thừa này, thường cùng vô thường, lạc cùng khổ, thiệt cùng không, ngã cùng vô ngã đều bất khả đắc. Trong Đại thừa này, Dục giới, Sắc giới, Vô Sắc giới đều bất khả đắc. Vượt qua Dục giới, vượt qua Sắc giới, vượt qua Vô Sắc giới đều bất khả đắc. Tại sao vậy? Vì Đại thừa này, tự pháp bất khả đắc vậy.

Này Tu Bồ Đề! Quá khứ sắc thọ tướng hành thức, quá khứ sắc thọ tướng hành thức rỗng không. Vị lai sắc thọ tướng hành thức, vị lai sắc thọ tướng hành thức rỗng không. Hiện tại sắc thọ tướng hành thức, hiện tại sắc thọ tướng hành thức rỗng không.

Trong tánh Không, quá khứ vị lai hiện tại, sắc thọ tướng hành thức đều bất khả đắc. Tại sao vậy? Vì trong tánh Không, Không đó còn là bất khả đắc huống là trong tánh Không mà có được những tam thế ngũ uẩn.

Này Tu Bồ Đề! Quá khứ, vị lai, hiện tại, lục ba la mật đều bất khả đắc. Trong ba đời bình đẳng, lục ba la mật cũng bất khả đắc. Tại sao vậy? Vì trong bình đẳng, quá khứ, vị lai, hiện tại đều bất khả đắc. Trong bình đẳng, bình đẳng cũng còn là bất khả đắc, huống là trong bình đẳng mà có được quá khứ, hiện tại, vị lai.

Như lục ba la mật, tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng cũng vậy.

Này Tu Bồ Đề! Trong quá khứ vị lai hiện tại, người phàm phu bất khả đắc. Trong ba đời bình đẳng, người phàm phu cũng bất khả đắc. Tại sao vậy? Vì chúng sanh đến tri giả, kiến giả đều bất khả đắc vậy.

Này Tu Bồ Đề! Trong quá khứ vị lai hiện tại, Thanh văn, Bích chi Phật, Bồ tát và Phật đều bất khả đắc. Trong ba đời bình đẳng, Thanh văn, Bích chi Phật, Bồ tát và Phật cũng đều bất khả đắc. Tại sao vậy? Vì chúng sanh đến tri giả, kiến giả đều bất khả đắc vậy.

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ tát an trụ trong Bát nhã ba la mật học tướng ba đời bình đẳng sẽ được đầy đủ Nhứt thiết chủng trí. Đây gọi là đại Bồ tát Đại thừa, cũng chánh là tướng ba đời bình đẳng.

Đại Bồ tát an trụ trong đây thì hơn tất cả thế gian, hàng trời, người, A tu la thành tựu Nhứt thiết trí.

Bấy giờ ngài Tu Bồ Đề thưa:

Bạch đức Thế Tôn! Lành thay, lành thay! Đại Bồ tát Đại thừa này, quá khứ chư đại Bồ tát học trong đây đã được Nhứt thiết chủng trí. Vị lai chư đại Bồ tát học trong đây sẽ được Nhứt thiết

chủng trí. Hiện tại chư đại Bồ tát trong vô lượng vô số quốc độ mười phương cũng học trong đây mà được Nhứt thiết chủng trí. Bạch đức Thế Tôn! Do đây nên Đại thừa này thiệt là đại Bồ tát Đại thừa vậy.

Đức Phật nói:

Đúng như vậy. Quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật học trong Đại thừa này nên đã được, sẽ được và hiện được Nhứt thiết chủng trí.

*



KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

PHẨM HỘI TÔNG THỨ HAI MƯỜI BỐN

Bấy giờ ngài Phú Lô Na Di Đa La Ni Tử thưa:
Bạch đức Thế Tôn! Đức Phật sai ngài Tu Bồ
Đề vì chư đại Bồ tát giải thuyết Bát nhã ba la mật.
Nay sao lại nói Đại thừa làm chi?

Ngài Tu Bồ Đề thưa:

Bạch đức Thế Tôn! Con nói Đại thừa có rời
Bát nhã ba la mật chăng?

Đức Phật nói:

Tu Bồ Đề nói Đại thừa không rời Bát nhã ba
la mật. Tại sao vậy? Vì tất cả pháp thiện, pháp trợ

đạo, hoặc Thanh văn pháp, hoặc Bích chi Phật pháp, hoặc Bồ tát pháp, hoặc Phật pháp đều nhiếp vào trong Bát nhã ba la mật.

Ngài Tu Bồ Đề thưa:

Bạch đức Thế Tôn! Những thiện pháp, trợ đạo pháp, Thanh văn pháp, Bích chi Phật pháp, Bồ tát pháp, Phật pháp nào đều nhiếp vào trong Bát nhã ba la mật?

Đức Phật nói:

Những lục ba la mật, tứ niệm xứ, tứ chánh cần, tứ như ý túc, ngũ căn, ngũ lực, thất giác phần, bát Thánh đạo phần, ba giải thoát môn, thập lực, tứ vô sở úy, tứ vô ngại trí, đại từ, đại bi, mười tám pháp bất cộng đây và những thiện pháp, trợ đạo pháp khác, hoặc Thanh văn pháp, hoặc Bích chi Phật pháp, hoặc Bồ tát pháp, hoặc Phật pháp đều nhiếp vào trong Bát nhã ba la mật.

Này Tu Bồ Đề! Hoặc đại Bồ tát Đại thừa, hoặc sáu môn ba la mật, hoặc ngũ âm, đến ý xúc như duyên sanh thọ, hoặc sáu đại chủng, hoặc tứ niệm xứ đến bát Thánh đạo phần, ba môn giải thoát và những thiện pháp, hoặc hữu lậu vô lậu, hoặc hữu vi vô vi, hoặc tứ đế, hoặc tam giới, hoặc thập bát Không, hoặc các môn tam muội, các môn đà la ni đến mười tám pháp bất cộng, hoặc Phật,

Phật pháp, Phật tánh, Phật như, thiết tế, bất khả tư nghĩ tánh, Niết bàn, tất cả những pháp này đều chẳng hiệp, chẳng tan, không sắc, không hình, không đối, không ngại, không đặng, một tướng, chánh là vô tướng.

Này Tu Bồ Đề! Do nhơn duyên đây nên Đại thừa của ông nói tùy thuận với Bát nhã ba la mật. Tại sao vậy? Vì Đại thừa chẳng khác Bát nhã ba la mật, Bát nhã ba la mật chẳng khác Đại thừa, Bát nhã ba la mật cùng Đại thừa không hai không khác. Năm ba la mật kia cũng như vậy.

Này Tu Bồ Đề! Tứ niệm xứ chẳng khác Đại thừa, Đại thừa chẳng khác tứ niệm xứ, tứ niệm xứ cùng Đại thừa không hai không khác. Tứ chánh cần đến mười tám pháp bất cộng cũng như vậy.

Do nhơn duyên đây nên Tu Bồ Đề nói Đại thừa chánh là nói Bát nhã ba la mật.

*



KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

PHẨM THẬP VÔ
THỨ HAI MƯỜI LĂM

Ngài Tu Bồ Đề thưa:

Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ tát, tiền tế bất khả đắc, hậu tế bất khả đắc, trung tế bất khả đắc.

Vì sắc, thọ, tưởng, hành, thức vô biên nên đại Bồ tát cũng vô biên.

Sắc, thọ, tưởng, hành, thức là đại Bồ tát, đây cũng là bất khả đắc.

Nơi tất cả thứ, tất cả chỗ cầu tìm đại Bồ tát đều bất khả đắc.

Bạch đức Thế Tôn! Con sẽ dạy cho những đại Bồ tát nào về Bát nhã ba la mật?

Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ tát chỉ có danh tự. Như nói danh tự ngã, ngã rốt ráo chẳng sanh. Như ngã, các pháp cũng không tự tánh như vậy.

Những sắc gì rốt ráo chẳng sanh? Những thọ, tưởng, hành, thức gì rốt ráo chẳng sanh?

Bạch đức Thế Tôn! Rốt ráo chẳng sanh thì chẳng gọi là sắc. Rốt ráo chẳng sanh thì chẳng gọi là thọ tưởng hành thức.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu pháp rốt ráo chẳng sanh sẽ dạy Bát nhã ba la mật này chăng? Rồi pháp rốt ráo chẳng sanh cũng không có Bồ tát thực hành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Nếu Bồ tát nghe lời nói này mà tâm chẳng trầm một, chẳng ăn năn, chẳng kinh hãi, chẳng sợ sệt, phải biết rằng đây là bực đại Bồ tát có thể thực hành Bát nhã ba la mật.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi ngài Tu Bồ Đề:

Nhơn duyên gì mà nói rằng đại Bồ tát, tiền tế bất khả đắc, hậu tế bất khả đắc, trung tế bất khả đắc?

Nhơn duyên gì mà nói rằng vì sắc vô biên nên biết Bồ tát cũng vô biên. Vì thọ, tưởng, hành, thức vô biên nên biết Bồ tát cũng vô biên?

Nhơn duyên gì mà nói rằng sắc là Bồ tát đây

cũng bất khả đắc; thọ, tưởng, hành, thức là Bồ tát đây cũng bất khả đắc?

Nhơn duyên gì mà nói rằng nơi tất cả thứ tất cả chỗ, Bồ tát đều bất khả đắc, thì sẽ dạy những Bồ tát nào về Bát nhã ba la mật?

Nhơn duyên gì mà nói rằng Bồ tát chỉ có danh tự?

Nhơn duyên gì mà nói rằng: “Như nói danh tự ngã, ngã rốt ráo chẳng sanh. Như ngã, các pháp cũng không tự tánh như vậy. Những sắc gì rốt ráo chẳng sanh, những thọ tưởng hành thức gì rốt ráo chẳng sanh?”.

Nhơn duyên gì mà nói rằng rốt ráo chẳng sanh chẳng gọi là sắc, rốt ráo chẳng sanh chẳng gọi là thọ tưởng hành thức?

Nhơn duyên gì mà nói rằng nếu pháp rốt ráo chẳng sanh sẽ dạy Bát nhã ba la mật này chăng?

Nhơn duyên gì mà nói rằng rời pháp rốt ráo chẳng sanh cũng không có Bồ tát thực hành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Nhơn duyên gì mà nói rằng: “Nếu Bồ tát nghe lời nói này mà tâm chẳng trầm một, chẳng ăn năn, chẳng kinh hãi, chẳng sợ sệt thì gọi là bậc đại Bồ tát thực hành Bát nhã ba la mật?”.

Ngài Tu Bồ Đề trả lời ngài Xá Lợi Phất:

Vì chúng sanh vô sở hữu, nên Bồ tát tiền tế bất khả đắc, hậu tế bất khả đắc, trung tế bất khả đắc. Vì chúng sanh Không, vì chúng sanh ly nên Bồ tát tiền tế bất khả đắc.

Vì sắc vô sở hữu, vì thọ tướng hành thức vô sở hữu nên Bồ tát tiền tế bất khả đắc. Vì sắc thọ tướng hành thức Không, vì sắc thọ tướng hành thức ly nên Bồ tát tiền tế bất khả đắc.

Vì ngũ ấm tánh vô sở hữu nên Bồ tát tiền tế bất khả đắc. Vì lục ba la mật vô sở hữu nên Bồ tát tiền tế bất khả đắc.

Tại sao vậy? Vì trong tánh Không, tiền tế bất khả đắc, hậu tế bất khả đắc, trung tế bất khả đắc. Tánh Không chẳng khác Bồ tát. Bồ tát chẳng khác tiền tế. Tánh Không cùng Bồ tát và tiền tế, ba pháp ấy không hai không khác. Vì như duyên này mà Bồ tát tiền tế bất khả đắc.

Này ngài Xá Lợi Phất! Vì sáu ba la mật rộng không, vì sáu ba la mật rời lìa, vì sáu ba la mật tánh không có nên Bồ tát tiền tế bất khả đắc.

Tại sao vậy? Vì trong tánh Không, tiền tế bất khả đắc, hậu tế bất khả đắc, trung tế bất khả đắc. Tánh Không chẳng khác Bồ tát. Bồ tát chẳng khác tiền tế. Tánh không cùng Bồ tát và tiền tế,

ba pháp này không hai không khác. Do đây nên Bồ tát tiên tế bất khả đắc.

Này ngài Xá Lợi Phất! Vì nội Không đến vô pháp hữu pháp Không là vô sở hữu, là rỗng không, là rời lìa, là tánh không có nên Bồ tát tiên tế bất khả đắc.

Vì tứ niệm xứ đến bất cộng pháp là vô sở hữu, là rỗng không, là rời lìa, là tánh không có nên Bồ tát tiên tế bất khả đắc.

Tại sao vậy? Vì trong tánh Không tiên tế hậu tế và trung tế đều bất khả đắc. Tánh Không cùng Bồ tát và tiên tế không hai không khác. Do đây nên Bồ tát tiên tế bất khả đắc.

Này ngài Xá Lợi Phất! Vì tất cả tam muội môn tất cả đà la ni môn là vô sở hữu, là rỗng không, là rời lìa, là tánh không có nên Bồ tát tiên tế bất khả đắc.

Vì pháp tánh, pháp như, thiết tế, bất khả tư nghì tánh là vô sở hữu, rỗng không, rời lìa, tánh không có nên Bồ tát tiên tế bất khả đắc.

Này ngài Xá Lợi Phất! Vì Thanh văn, Bích chi Phật, Phật Đà là vô sở hữu rỗng không, rời lìa, tánh không có nên Bồ tát tiên tế bất khả đắc.

Vì Vô thượng Bồ đề, Nhứt thiết chủng trí là

vô sở hữu, rỗng không, rời lìa, tánh không có nên Bồ tát tiền tế bất khả đắc.

Tại sao vậy? Vì trong tánh Không, tiền tế hậu tế trung tế đều bất khả đắc, Bồ tát cũng bất khả đắc.

Không chẳng khác Bồ tát, cũng chẳng khác tiền tế. Không cùng Bồ tát và tiền tế, các pháp này không hai không khác. Do đây nên Bồ tát tiền tế bất khả đắc.

Như tiền tế, hậu tế và trung tế cũng vậy.

Lại này ngài Xá Lợi Phất! Sắc như hư không, thọ tướng hành thức như hư không.

Tại sao vậy? Như hư không, biên bờ và trung gian đều bất khả đắc. Vì không có biên và trung nên chỉ gọi tên là hư không.

Cũng vậy, sắc, thọ, tướng, hành, thức, biên bờ và trung gian đều bất khả đắc. Vì sắc rỗng không. Trong rỗng không cũng không có biên bờ, không có trung gian. Thọ, tướng, hành, thức cũng vậy.

Do nhơn duyên này nên vì sắc vô biên mà biết Bồ tát cũng vô biên. Vì thọ, tướng, hành, thức vô biên nên biết Bồ tát cũng vô biên. Nhãn đến bất cộng pháp cũng luận thuyết như vậy.

Lại này ngài Xá Lợi Phất! Sắc sắc tướng rỗng không, nhãn đến thức thức tướng rỗng không.

Đàn na ba la mật Đàn na ba la mật tướng rỗng không, nhãn đến Bát nhã ba la mật Bát nhã ba la mật tướng rỗng không.

Nội không nội Không tướng rỗng không, nhãn đến vô pháp hữu pháp Không vô pháp hữu pháp Không tướng rỗng không.

Tứ niệm xứ tứ niệm xứ tướng rỗng không, nhãn đến bất cộng pháp bất cộng pháp tướng rỗng không.

Pháp như pháp như tướng rỗng không, nhãn đến bất khả tư nghì tánh bất khả tư nghì tánh tướng rỗng không.

Tam muội môn tam muội môn tướng rỗng không, nhãn đến Nhứt thiết chủng trí Nhứt thiết chủng trí tánh rỗng không.

Thanh văn thừa Thanh văn thừa tướng rỗng không, nhãn đến Phật thừa Phật thừa tướng rỗng không.

Thanh văn nhơn Thanh văn nhơn tướng rỗng không, nhãn đến Phật tướng tánh rỗng không.

Trong rỗng không đó, sắc bất khả đắc, thọ tướng hành thức cũng bất khả đắc. Do đây nên sắc là Bồ tát đây cũng bất khả đắc. Thọ, tướng, hành, thức là Bồ tát đây cũng bất khả đắc.

Lại này ngài Xá Lợi Phất! Trong sắc, Sắc bất khả đắc; trong thọ, Thọ bất khả đắc. Trong thọ, Thọ bất khả đắc; trong sắc, Thọ bất khả đắc; trong tưởng, Thọ bất khả đắc. Trong tưởng, Tưởng bất khả đắc; trong sắc thọ, Tưởng bất khả đắc; trong hành, Tưởng bất khả đắc. Trong hành, Hành bất khả đắc; trong sắc thọ tưởng, Hành bất khả đắc; trong thức, Hành bất khả đắc. Trong thức, Thức bất khả đắc. Trong sắc thọ tưởng hành, Thức bất khả đắc.

Này ngài Xá Lợi Phất! Trong nhãn, Nhãn bất khả đắc; trong nhĩ, Nhãn bất khả đắc. Trong nhĩ, Nhĩ bất khả đắc; trong nhãn, Nhĩ bất khả đắc; trong tỷ, Nhĩ bất khả đắc. Trong tỷ, Tỷ bất khả đắc; trong nhãn nhĩ, Tỷ bất khả đắc; trong thiệt, Tỷ bất khả đắc. Trong thiệt, Thiệt bất khả đắc; trong nhãn nhĩ tỷ, Thiệt bất khả đắc; trong thân, Thiệt bất khả đắc. Trong thân, Thân bất khả đắc; trong nhãn nhĩ tỷ thiệt, Thân bất khả đắc; trong ý, Thân bất khả đắc. Trong ý, Ý bất khả đắc; trong nhãn nhĩ tỷ thiệt thân, Ý bất khả đắc.

Như ngũ âm và sáu căn, sáu trần sáu thức và sáu xúc cùng sáu xúc như duyên sanh thọ cũng vậy. Đản na ba la mật đến Bát nhã ba la mật, nội Không đến vô pháp hữu pháp Không, tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng, tất cả tam muội

môn đến tất cả đà la ni môn, tánh pháp đến Bích chi Phật pháp, Sơ địa đến Thập địa, Nhứt thiết trí, Đạo chủng trí và Nhứt thiết chủng trí cũng như vậy. Tu đà hoàn đến Phật cũng như vậy.

Này ngài Xá Lợi Phất! Trong Bồ tát, Bồ tát bất khả đắc; trong Bát nhã ba la mật, Bồ tát bất khả đắc. Trong Bát nhã ba la mật, Bát nhã ba la mật bất khả đắc; trong Bồ tát, Bát nhã ba la mật bất khả đắc; trong Bát nhã ba la mật, giáo hóa vô sở hữu bất khả đắc. Trong giáo hóa, giáo hóa vô sở hữu bất khả đắc; trong giáo hóa, Bồ tát và Bát nhã ba la mật vô sở hữu bất khả đắc.

Tất cả pháp vô sở hữu bất khả đắc như vậy. Do nhơn duyên này nên trong tất cả thứ, tất cả chỗ, Bồ tát bất khả đắc. Thì sẽ dạy những Bồ tát nào về Bát nhã ba la mật?

Lại này ngài Xá Lợi Phất! Sắc là giả danh. Thọ, tưởng, hành, thức là giả danh. Sắc gọi là chẳng phải sắc, nhãn đến thức gọi là chẳng phải thức. Tại sao vậy? Vì danh danh tướng rỗng không. Nếu rỗng không thì chẳng phải Bồ tát. Do nhơn duyên này nên Bồ tát chỉ có giả danh.

Này ngài Xá Lợi Phất! Đàn na ba la mật chỉ có danh tự. Trong danh tự chẳng phải có Đàn na ba la mật. Trong Đàn na ba la mật chẳng phải có

đanh tỵ. Do nhơn duyên này nên Bồ tát chỉ có giả danh.

Như Đàn na ba la mật, năm ba la mật kia cũng vậy. Như Lục ba la mật, nội Không đến vô pháp hữu pháp Không, tứ niệm xứ đến bất cộng pháp, tam muội môn, đà la ni môn, đến Nhứt thiết chủng trí cũng vậy. Do đây nên Bồ tát chỉ có giả danh.

Lại này ngài Xá Lợi Phất! Ngã rốt ráo bất khả đắc thì thế nào có sanh. Nhãn đến tri giả, kiến giả rốt ráo bất khả đắc thì thế nào có sanh?

Sắc đến thức rốt ráo bất khả đắc thì thế nào có sanh? Nhãn đến ý xúc nhơn duyên sanh thọ rốt ráo bất khả đắc thì thế nào có sanh? Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật rốt ráo bất khả đắc thì thế nào có sanh? Nội Không đến vô pháp hữu pháp Không rốt ráo bất khả đắc thì thế nào có sanh? Tứ niệm xứ đến bất cộng pháp rốt ráo bất khả đắc thì thế nào có sanh? Tam muội môn đến Nhứt thiết chủng trí rốt ráo bất khả đắc thì thế nào có sanh? Thanh văn đến Phật rốt ráo bất khả đắc thì thế nào có sanh?

Do nhơn duyên này nên nói rằng như ngã, danh tỵ ngã cũng rốt ráo chẳng sanh.

Lại này ngài Xá Lợi Phất! Vì các pháp hòa hiệp sanh nên không có tự tánh. Những gì hòa hiệp sanh nên không tự tánh?

Sắc hòa hiệp sanh nên không tự tánh. Thọ tướng hành thức hòa hiệp sanh nên không tự tánh. Nhãn đến ý xúc nhơn duyên sanh thọ hòa hiệp sanh nên không tự tánh. Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật hòa hiệp sanh nên không tự tánh. Tứ niệm xứ đến bất cộng pháp hòa hiệp sanh nên không tự tánh.

Lại này ngài Xá Lợi Phất! Tất cả pháp vô thường cũng không mất.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi:

Những pháp nào vô thường cũng không mất?

Ngài Tu Bồ Đề nói:

Sắc vô thường cũng không mất. Thọ tướng hành thức vô thường cũng không mất. Tại sao vậy? Vì nếu pháp vô thường thì là tướng lay động, tướng rỗng không. Do đây nên tất cả pháp hữu vi vô thường cũng không mất.

Lại này ngài Xá Lợi Phất! Hoặc pháp hữu lậu hoặc pháp vô lậu, hoặc pháp hữu ký hoặc pháp vô ký, là pháp vô thường cũng không mất. Tại sao vậy? Vì nếu pháp vô thường thì là tướng lay

động, là tướng rỗng không. Do đây nên tất cả pháp có tạo tác vô thường cũng không mất.

Lại này ngài Xá Lợi Phất! Tất cả pháp chẳng phải thường chẳng phải diệt.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi:

Những pháp nào chẳng phải thường chẳng phải diệt?

Ngài Tu Bồ Đề nói:

Sắc chẳng phải thường chẳng phải diệt, thọ tướng hành thức chẳng phải thường chẳng phải diệt. Tại sao vậy? Vì tánh tự như vậy. Nhãn đến ý xúc nhơn duyên sanh thọ, chẳng phải thường chẳng phải diệt. Tại sao vậy? Vì tánh tự như vậy. Do những nhơn duyên trên đây, nên các pháp hòa hiệp sanh không có tự tánh.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi:

Do duyên có gì mà sắc đến thức rốt ráo chẳng sanh?

Ngài Tu Bồ Đề nói:

Sắc đến thức chẳng phải pháp tạo tác. Vì tác giả bất khả đắc. Nhãn đến ý xúc nhơn duyên sanh thọ chẳng phải pháp tạo tác, vì tác giả bất khả đắc. Tất cả pháp đều chẳng phải khởi, chẳng phải

tác, vì tác giả bất khả đắc. Do đây nên sắc đến thức rốt ráo bất sanh.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi:

Do nhơn duyên gì mà rốt ráo chẳng sanh chẳng gọi là sắc? Chẳng gọi là thọ, tưởng, hành, thức?

Ngài Tu Bồ Đề nói:

Sắc tánh rỗng không. Rỗng không này không có sanh, không có diệt, không có trụ, không có dị. Thọ tưởng hành thức cũng như vậy. Nhân đến ý xúc nhơn duyên sanh thọ cùng tất cả pháp hữu vi tánh rỗng không. Rỗng không này không có sanh diệt, trụ, dị. Do đây nên rốt ráo chẳng sanh chẳng gọi là sắc. Rốt ráo chẳng sanh chẳng gọi là thọ, tưởng, hành, thức.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi:

Pháp rốt ráo chẳng sanh, nên dạy Bát nhã ba la mật này chăng?

Ngài Tu Bồ Đề nói:

Rốt ráo chẳng sanh chánh là Bát nhã ba la mật. Bát nhã ba la mật chánh là rốt ráo chẳng sanh. Bát nhã ba la mật cùng rốt ráo chẳng sanh không hai không khác. Do đây nên nói rằng rốt ráo chẳng sanh, nên dạy Bát nhã ba la mật này chăng?

Ngài Xá Lợi Phát hỏi:

Do nhơn duyên gì mà rời lìa rốt ráo chẳng sanh thì không có Bồ tát thực hành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Ngài Tu Bồ Đề nói:

Đại Bồ tát lúc thực hành Bát nhã ba la mật, chẳng thấy rốt ráo chẳng sanh khác với Bát nhã ba la mật, cũng chẳng thấy rốt ráo chẳng sanh khác với Bồ tát. Rốt ráo chẳng sanh với Bồ tát không hai, không khác. Chẳng thấy rốt ráo chẳng sanh khác với sắc, vì rốt ráo chẳng sanh với sắc không hai không khác. Chẳng thấy rốt ráo chẳng sanh khác với thọ tướng hành thức, vì rốt ráo chẳng sanh với thọ tướng hành thức không hai không khác. Nhân đến Nhứt thiết chủng trí cũng như vậy. Do đây nên rời lìa rốt ráo chẳng sanh không có Bồ tát thực hành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Ngài Xá Lợi Phát hỏi:

Do nhơn duyên gì mà Bồ tát nghe thuyết trên đây tâm chẳng trầm một, chẳng ăn năn, chẳng kinh hãi, chẳng sợ sệt, thì gọi là Bồ tát thực hành Bát nhã ba la mật?

Ngài Tu Bồ Đề nói:

Đại Bồ tát chẳng thấy các pháp có giác tri tướng. Đại Bồ tát thấy tất cả các pháp như mộng, như hường, như ảnh, như ảo, như diệm, như hóa. Do đây nên nghe thuyết trên đây, Bồ tát tâm chẳng trầm một, chẳng ăn năn, chẳng kinh hãi, chẳng sợ sệt.

Bấy giờ ngài Tu Bồ Đề bạch Phật:

Thế Tôn! Đại Bồ tát thực hành Bát nhã ba la mật quán sát các pháp như vậy. Lúc ấy đại Bồ tát chẳng lãnh thọ sắc, chẳng hiển thị sắc, chẳng an trụ sắc, chẳng chấp trước sắc, cũng chẳng nói là sắc. Với thọ tướng hành thức cũng như vậy.

Với nhãn nhĩ tỷ thiệt thân ý chẳng thọ, chẳng thị, chẳng trụ, chẳng trước, cũng chẳng nói là nhãn đến ý.

Với Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật, chẳng lãnh thọ chẳng hiển thị chẳng an trụ chẳng chấp trước, cũng chẳng nói là Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật.

Với nội Không đến vô pháp hữu pháp Không, chẳng lãnh thọ chẳng hiển thị chẳng an trụ chẳng chấp trước, cũng chẳng nói là nội Không đến vô pháp hữu pháp Không.

Lúc thực hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ tát đối với tứ niệm xứ đến bất cộng pháp nhãn đến

Nhứt thiết chủng trí, chẳng lãnh thọ chẳng hiện thị chẳng an trụ chẳng chấp trước.

Bạch đức Thế Tôn! Lúc thực hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ tát chẳng thấy sắc nhãn đến chẳng thấy Nhứt thiết chủng trí. Tại sao vậy? Sắc chẳng sanh thì chẳng phải sắc. Thọ, tưởng, hành, thức chẳng sanh thì chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức. Nhãn chẳng sanh thì chẳng phải nhãn. Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý chẳng sanh thì chẳng phải nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý. Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật chẳng sanh thì chẳng phải Đàn na ba la mật đến chẳng phải Bát nhã ba la mật. Nội không đến vô pháp hữu pháp Không chẳng sanh thì chẳng phải nội Không đến chẳng phải vô pháp hữu pháp Không. Tại sao vậy? Sắc chẳng sanh thì chẳng hai chẳng khác. Nhãn đến vô pháp hữu pháp Không chẳng sanh thì chẳng hai chẳng khác.

Bạch đức Thế Tôn! Tứ niệm xứ chẳng sanh thì chẳng phải tứ niệm xứ. Nhãn đến bất cộng pháp chẳng sanh thì chẳng phải bất cộng pháp. Pháp như, pháp tánh đến bất khả tư nghì tánh chẳng sanh thì chẳng phải pháp như đến chẳng phải bất khả tư nghì tánh. Nhãn đến Nhứt thiết chủng trí chẳng sanh thì chẳng phải Nhứt thiết chủng trí. Tại sao vậy? Tứ niệm xứ đến Nhứt thiết chủng trí chẳng sanh thì chẳng hai chẳng khác.

Bất sanh đây chẳng phải một, chẳng phải hai ba, chẳng phải sai khác. Thế nên pháp ấy chẳng sanh thì chẳng phải pháp ấy.

Bạch đức Thế Tôn! Sắc tướng chẳng diệt thì chẳng phải sắc. Tại sao vậy? Sắc và tướng chẳng diệt chẳng hai chẳng khác. Vì pháp chẳng diệt này chẳng phải một, chẳng phải hai ba, chẳng phải sai khác. Thế nên sắc tướng chẳng diệt thì chẳng phải sắc.

Như sắc thọ tướng hành thức nhãn đến bất cộng pháp cũng vậy. Do đây nên sắc vào trong pháp số vô nhị, thọ tướng hành thức vào trong pháp số vô nhị, nhãn đến Nhứt thiết chủng trí vào trong pháp số vô nhị.

*



KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

PHẨM VÔ SANH
THỨ HAI MƯỜI SÁU

* Bấy giờ ngài Xá Lợi Phất hỏi ngài Tu Bồ Đề:

Đại Bồ tát thực hành Bát nhã ba la mật quán các pháp. Những gì là Bồ tát? Những gì là Bát nhã ba la mật? Những gì là quán?

Ngài Tu Bồ Đề nói:

Vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác phát đại tâm, người này gọi là Bồ tát. Người này cũng biết tất cả pháp tất cả tướng mà cũng chẳng chấp trước, biết tướng của sắc nhãn đến biết tướng của bất cộng pháp cũng chẳng chấp trước.

* Hán bộ quyển thứ 8.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: “Những gì là tất cả pháp tướng?”.

Ngài Tu Bồ Đề nói:

Nếu dùng danh tự như duyên hòa hiệp v.v... để biết các pháp, đây là sắc, đây là thanh hương vị xúc pháp, là pháp hữu vi, là pháp vô vi. Dùng tướng danh tự ngữ ngôn để biết các pháp thì gọi là biết các pháp tướng.

Như lời Xá Lợi Phất hỏi: Những gì là Bát nhã ba la mật? Vì viễn ly nên gọi là Bát nhã ba la mật.

Những pháp gì viễn ly? Viễn lý âm giới nhập. Viễn ly ba la mật. Viễn ly không. Do đây nên viễn ly gọi là Bát nhã ba la mật. Lại viễn ly tứ niệm xứ đến viễn ly mười tám pháp bất cộng, viễn ly Nhứt thiết trí. Do đây nên viễn ly gọi là Bát nhã ba la mật.

Những gì là quán? Lúc thực hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ tát quán sắc chẳng phải thường chẳng phải vô thường, chẳng phải lạc chẳng phải khổ, chẳng phải ngã chẳng phải vô ngã, chẳng phải không chẳng phải bất không, chẳng phải tướng chẳng phải vô tướng, chẳng phải tác chẳng phải vô tác, chẳng phải tịch diệt chẳng phải chẳng tịch diệt, chẳng phải ly chẳng phải chẳng ly. Thọ tướng hành thức cũng như vậy. Đàn na ba la mật

đến Bát nhã ba la mật, nội Không đến vô pháp hữu pháp Không, tứ niệm xứ đến bát cộng pháp, tất cả môn tam muội đến Nhứt thiết chủng trí cũng như vậy. Đây gọi là đại Bồ tát lúc thực hành Bát nhã ba la mật quán các pháp.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi:

Do nhơn duyên gì mà sắc chẳng sanh là chẳng phải sắc; nhãn đến Nhứt thiết chủng trí chẳng sanh là chẳng phải Nhứt thiết chủng trí?

Ngài Tu Bồ Đề nói:

Sắc sắc tướng rỗng không. Trong sắc Không ấy không có sắc cũng không có sanh, nhãn đến Nhứt thiết chủng trí cũng như vậy. Do đây nên sắc chẳng sanh là chẳng phải sắc, nhãn đến Nhứt thiết chủng trí chẳng sanh là chẳng phải Nhứt thiết chủng trí”.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi:

Do nhơn duyên gì mà nói rằng sắc chẳng hai là chẳng phải sắc, nhãn đến Nhứt thiết chủng trí chẳng hai là chẳng phải Nhứt thiết chủng trí?

Ngài Tu Bồ Đề nói:

Có sắc là có chẳng hai nhãn đến có Nhứt thiết chủng trí là có chẳng hai. Tất cả những pháp này đều chẳng hiệp, chẳng tan, không sắc, không

hình, không đối, một tướng tức là không có tướng. Do đây nên sắc chẳng hai là chẳng phải sắc, nhãn đến Nhứt thiết chủng trí chẳng hai là chẳng phải Nhứt thiết chủng trí.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi:

Do nhơn duyên gì mà nói rằng sắc này vào trong pháp số vô nhị, nhãn đến Nhứt thiết chủng trí vào trong pháp số vô nhị?

Ngài Tu Bồ Đề nói:

Sắc chẳng khác vô sanh, vô sanh chẳng khác sắc. Sắc tức là vô sanh, vô sanh tức là sắc. Do đây nên sắc vào trong pháp số vô nhị. Nhãn đến Nhứt thiết chủng trí cũng như vậy.

Bấy giờ ngài Tu Bồ Đề bạch Phật:

Thế Tôn! Nếu đại Bồ tát thực hành Bát nhã ba la mật quán các pháp như vậy thì thấy sắc vô sanh, vì rốt ráo tịnh vậy. Thấy thọ tướng hành thức vô sanh vì rốt ráo tịnh vậy. Nhãn đến thấy Phật và Phật pháp vô sanh vì rốt ráo tịnh vậy.

Ngài Xá Lợi Phất nói:

Cứ theo nghĩa của Tu Bồ Đề nói mà tôi được nghe thì sắc là chẳng sanh, thọ tướng hành thức là chẳng sanh, nhãn đến Phật và Phật pháp cũng chẳng sanh. Nếu như vậy thì lẽ ra nay chẳng nên

được Tu đà hoàn Tu đà hoàn quả, Tư đà hàm Tư đà hàm quả, A na hàm A na hàm quả, A la hán A la hán quả, Bích chi Phật Bích chi Phật đạo, chẳng nên được đại Bồ tát Nhất thiết chủng trí, cũng không có lục đạo chúng sanh sai khác, cũng chẳng nên được đại Bồ tát năm thứ bồ đề.

Này Tu Bồ Đề! Nếu tất cả pháp là tướng chẳng sanh, có chi Tu đà hoàn tu đạo để để dứt ba kiết sử? Tư đà hàm tu đạo để để làm mỏng tham, sân, si? A na hàm tu đạo để để dứt năm hạ phần kiết sử? A la hán tu đạo để để dứt năm thượng phần kiết sử? Bích chi Phật vì pháp Bích chi Phật mà tu đạo để? Có chi đại Bồ tát vì thọ khổ thay chúng sanh mà làm những việc khó làm? Có chi Phật chứng Vô thượng Bồ đề? Có chi Phật chuyển pháp luân?

Ngài Tu Bồ Đề nói:

Tôi chẳng muốn cho pháp vô sanh có sở đắc. Tôi cũng chẳng muốn cho trong pháp vô sanh có được Tu đà hoàn và Tu đà hoàn quả, nhĩn đến có được Bích chi Phật và Bích chi Phật đạo. Tôi cũng chẳng muốn trong pháp vô sanh có Bồ tát làm việc khó làm để thay khổ cho chúng sanh, Bồ tát cũng chẳng dùng tâm khó làm để hành đạo. Tại sao vậy? Vì nếu sanh tâm khó, tâm khổ thì chẳng thể lợi ích cho vô lượng vô số chúng sanh.

Này Xá Lợi Phát! Nay đây Bồ tát thương xót chúng sanh. Với chúng sanh, Bồ tát tưởng như cha mẹ anh em con cháu, cũng tưởng như thân mình. Thế nên Bồ tát có thể lợi ích cho vô lượng vô số chúng sanh, vì pháp dụng vô sở đắc vậy.

Bồ tát nên sanh tâm như thế này: Như ngã bất khả đắc, nơi tất cả thứ tất cả chỗ, nội pháp, ngoại pháp cũng vậy, đều bất khả đắc. Nếu sanh tâm như trên đây thì Bồ tát không có tâm khó tâm khổ. Tại sao vậy? Vì Bồ tát này nơi tất cả thứ, tất cả chỗ, tất cả pháp đều chẳng lãnh thọ.

Này Xá Lợi Phát! Tôi cũng chẳng muốn cho trong vô sanh có Phật chứng Vô thượng Bồ đề, trong vô sanh có chuyển pháp luân, tôi cũng chẳng muốn dùng pháp vô sanh để đắc đạo.

Ngài Xá Lợi Phát nói: “Nay Tu Bồ Đề muốn khiến dùng pháp sanh đắc đạo hay là dùng pháp vô sanh đắc đạo?”.

Ngài Tu Bồ Đề nói: “Tôi chẳng muốn khiến dùng pháp sanh đắc đạo”.

Ngài Xá Lợi Phát nói: “Vậy thì Tu Bồ Đề muốn khiến dùng pháp vô sanh đắc đạo?”.

Ngài Tu Bồ Đề nói: “Tôi cũng chẳng muốn khiến dùng pháp vô sanh đắc đạo”.

Ngài Xá Lợi Phất nói: “Nhu lời Tu Bồ Đề nói thì là vô tri vô đắc”.

Ngài Tu Bồ Đề nói: “Có tri có đắc không phải hai pháp. Nay theo danh tự thế gian nên có tri có đắc. Theo danh tự thế gian nên có Tu đà hoàn đến có chư Phật. Trong đệ nhứt nghĩa đế thì vô tri vô đắc, cũng không Tu đà hoàn đến không chư Phật.

Ngài Xá Lợi Phất nói: “Nếu theo danh tự thế gian nên có tri có đắc, thì sáu loài sai khác cũng do danh tự thế gian mà có, chẳng phải là đệ nhứt nghĩa đế”.

Ngài Tu Bồ Đề nói: “Đúng như vậy. Theo danh tự thế gian nên có tri có đắc. Sáu loài sai khác cũng do danh tự thế gian mà có, chẳng phải là đệ nhứt nghĩa đế. Tại sao vậy? Vì trong đệ nhứt nghĩa đế không có nghiệp, không có báo, không có sanh, không có diệt, không có tịnh, không có cấu”.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: “Pháp chẳng sanh sanh chẳng? Pháp sanh sanh chẳng?”.

Ngài Tu Bồ Đề nói: “Tôi chẳng muốn khiến pháp chẳng sanh sanh, cũng chẳng muốn khiến pháp sanh sanh”.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: “Pháp chẳng sanh nào không muốn khiến sanh?”.

Ngài Tu Bồ Đề nói: “Sắc là pháp chẳng sanh, tự tánh nó rỗng không chẳng muốn khiến sanh. Nhân đến Vô thượng Bồ đề là pháp chẳng sanh, tự tánh nó rỗng không chẳng muốn khiến sanh”.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: “Sanh sanh hay chẳng sanh?”.

Ngài Tu Bồ Đề nói:

Chẳng phải sanh sanh, cũng chẳng phải chẳng sanh sanh. Tại sao vậy? Vì sanh và chẳng sanh là hai pháp chẳng hiệp chẳng tan, không sắc, không hình, không đối, một tướng, tức là không có tướng. Do đây nên chẳng phải sanh sanh cũng chẳng phải chẳng sanh sanh.

Ngài Xá Lợi Phất nói: “Tu Bồ Đề khéo thích nói pháp vô sanh và tướng vô sanh”.

Ngài Tu Bồ Đề nói:

Tôi thích nói pháp vô sanh và tướng vô sanh. Tại sao vậy? Vì những pháp vô sanh, tướng vô sanh và những lời thích nói đều chẳng hiệp chẳng tan, không sắc, không hình, không đối, một tướng, tức là không có tướng.

Ngài Xá Lợi Phất nói: “Tu Bồ Đề thích nói pháp chẳng sanh cũng thích nói tướng chẳng sanh, những lời thích nói này cũng chẳng sanh”.

Ngài Tu Bồ Đề nói:

Đúng như vậy. Vì sắc chẳng sanh nhãn đến Nhứt thiết chủng trí chẳng sanh. Do đây nên tôi thích nói pháp chẳng sanh cũng thích nói tướng chẳng sanh, lời thích nói này cũng chẳng sanh.

Ngài Xá Lợi Phất nói: “Trong những người thuyết pháp, Tu Bồ Đề đáng là người trên hết. Vì có hỏi điều chi, Tu Bồ Đề đều đáp được cả”.

Ngài Tu Bồ Đề nói: “Vì các pháp không có sở y vậy”.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: “Thế nào là các pháp không có sở y?”.

Ngài Tu Bồ Đề nói:

Sắc tánh thường Không, chẳng y tựa trong chẳng y tựa ngoài, chẳng y tựa trung gian. Nhãn đến Nhứt thiết chủng trí tánh thường Không, chẳng y tựa trong chẳng y tựa ngoài, chẳng y tựa trung gian. Do đây nên tất cả pháp không chỗ y tựa, vì tánh thường không vậy.

Này Xá Lợi Phất! Thế nên đại Bồ tát lúc thực hành sáu môn ba la mật phải tịnh sắc thọ tướng hành thức, nhãn đến phải tịnh Nhứt thiết chủng trí.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: “Thế nào là đại Bồ tát lúc thực hành sáu môn ba la mật tịnh Bồ tát đạo?”.

Ngài Tu Bồ Đề nói: “Có thể gian Đản na ba la mật. Có xuất thế gian Đản na ba la mật. Năm ba la mật kia cũng đều có thể gian và có xuất thế gian”.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: “Thế nào là thế gian Đản na ba la mật? Thế nào là xuất thế gian Đản na ba la mật?”.

Ngài Tu Bồ Đề nói:

Nếu đại Bồ tát làm thí chủ có thể bố thí cho Sa môn, Bà la môn và người nghèo cùng đi xin: cần ăn cho ăn, cần uống cho uống, cần mặc cho mặc, cần chỗ ở cho chỗ ở, cần tiền bạc châu báu hoa hương cho tiền bạc châu báu hoa hương, cần thuốc men cho thuốc men, tất cả thứ cần dùng đều cấp cho.

Lúc bố thí, Bồ tát nghĩ rằng: Tôi cho họ nhận, tôi chẳng bòn xén tham lam, tôi là thí chủ, tôi có thể thí xả tất cả, tôi y theo lời Phật dạy mà thực hành Đản na ba la mật.

Bố thí xong, Bồ tát lúc dùng pháp đã được cùng chung với tất cả chúng sanh hồi hướng Vô thượng Bồ đề mà nghĩ rằng như duyên bố thí này khiến chúng sanh được sự an lạc đời nay, về sau khiến họ được sự an lạc nhập Niết bàn.

Này Xá Lợi Phất! Bồ Tát này bồ thí có ba điều chương ngại: một là ngã tướng, hai là tha tướng, ba là thí tướng. Vì bồ thí mà có ba tướng này nên gọi là thế gian Đàn na ba la mật. Tại sao gọi là thế gian? Vì ở trong thế gian chẳng động dờn chẳng siêu xuất vậy.

Này Xá Lợi Phất! Thế nào gọi là xuất thế gian Đàn na ba la mật? Chánh là ba phần thanh tịnh vậy.

Những gì là ba? Lúc bồ thí, đại Bồ tát chẳng thấy có mình, chẳng thấy có người nhận, chẳng có thấy vật bồ thí, cũng chẳng trông mong báo đáp. Đây gọi là đại Bồ tát ba phần thanh tịnh Đàn na ba la mật.

Lại lúc bồ thí, đại Bồ tát bồ thí cho tất cả chúng sanh mà không thấy có chúng sanh, đem sự bồ thí này hồi hướng Vô thượng Bồ đề nhẫn đến không thấy có pháp tướng vi tế.

Đây gọi là xuất thế gian Đàn na ba la mật.

Tại sao gọi là xuất thế gian? Vì ở trong thế gian có thể động dờn có thể siêu xuất vậy.

Năm môn ba la mật kia nếu có sở y thì gọi là thế gian, nếu không sở y thì gọi là xuất thế gian, ngoài ra như đã giải nói về Đàn na ba la mật. Lúc

thực hành sáu môn ba la mật, đại Bồ tát tịnh Bồ tát đạo như vậy.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: “Thế nào là đại Bồ tát vì đạo Vô thượng Bồ đề?”.

Ngài Tu Bồ Đề nói: “Tứ niệm xứ là đại Bồ tát vì đạo Vô thượng Bồ đề, nhẫn đến Bát thánh đạo phần, giải thoát môn, nội Không đến vô pháp hữu pháp Không, tất cả tam muội môn và đà la ni môn, thập lực, tứ vô sở úy, tứ vô ngại trí, mười tám pháp bất cộng, đại từ đại bi, đây gọi là đại Bồ tát vì đạo Vô thượng Bồ đề.

Ngài Xá Lợi Phất khen: “Lành thay, lành thay! Này Tu Bồ Đề! Gì là ba la mật lực?”.

Ngài Tu Bồ Đề nói:

Là Bát nhã ba la mật lực. Vì Bát nhã ba la mật hay sanh tất cả pháp lành của Thanh văn, Bích chi Phật, Bồ tát và Phật. Bát nhã ba la mật hay nạp thọ tất cả pháp lành, hoặc pháp Thanh văn, pháp Bích chi Phật, hoặc pháp Bồ tát và Phật pháp.

Này Xá Lợi Phất! Quá khứ chư Phật thực hành Bát nhã ba la mật được Vô thượng Bồ đề. Vị lai chư Phật cũng thực hành Bát nhã ba la mật sẽ được Vô thượng Bồ đề. Hiện tại nay, chư Phật trong các quốc độ mười phương cũng thực hành Bát nhã ba la mật được Vô thượng Bồ đề.

Nếu lúc nghe nói Bát nhã ba la mật, đại Bồ tát chẳng nghi ngờ, chẳng cho là khó, thì nên biết đại Bồ tát này thực hành Bồ tát đạo.

Người thực hành Bồ tát đạo vì cứu tất cả chúng sanh nên tâm chẳng rời bỏ tất cả chúng sanh, bởi vô sở đắc vậy. Bồ tát phải thường chẳng rời niệm này: Chánh là đại bi niệm.

Ngài Xá Lợi Phất lại hỏi: “Muốn khiến đại Bồ tát thường chẳng rời niệm này: chánh là đại bi niệm. Nếu đại Bồ tát thường chẳng rời đại bi niệm, thì nay đây tất cả chúng sanh sẽ làm Bồ tát. Vì tất cả chúng sanh cũng chẳng rời các niệm vậy”.

Ngài Tu Bồ Đề nói:

Lành thay, lành thay! Xá Lợi Phất muốn chất vấn tôi mà trở thành nghĩa của tôi. Tại sao vậy? Vì chúng sanh không có nên niệm cũng không. Vì chúng sanh tánh không có nên niệm tánh cũng không. Vì chúng sanh pháp không có nên niệm pháp cũng không. Vì chúng sanh ly nên niệm cũng ly. Vì chúng sanh rỗng không nên niệm cũng rỗng không. Vì chúng sanh bất khả tri nên niệm cũng bất khả tri.

Này ngài Xá Lợi Phất! Vì sắc không có nên niệm cũng không. Vì sắc tánh không có nên niệm

tánh cũng không. Vì sắc pháp không có nên niệm pháp cũng không. Vì sắc ly nên niệm cũng ly. Vì sắc rỗng không nên niệm cũng rỗng không. Vì sắc bất khả tri nên niệm cũng bất khả tri. Nhân đến Vô thượng Bồ đề cũng như vậy.

Này Xá Lợi Phất! Đại Bồ tát thực hành Bồ tát đạo, tôi muốn khiến chẳng rời niệm này: chánh là đại bi niệm.

Bấy giờ đức Phật khen: “Lành thay, lành thay! Đây chánh là Bát nhã ba la mật của đại Bồ tát. Ai muốn nói thì phải nói như vậy. Tu Bồ Đề nói về Bát nhã ba la mật đều là tuân thừa ý của Phật. Đại Bồ tát học Bát nhã ba la mật phải học như lời của Tu Bồ Đề nói”.

Lúc Ngài Tu Bồ Đề nói phẩm Bát nhã ba la mật, cõi Đại thiên chấn động sáu cách. Bấy giờ đức Phật mỉm cười. Ngài Tu Bồ Đề bạch hỏi duyên do. Đức Phật nói:

Này Tu Bồ Đề! Như Ta nói Bát nhã ba la mật tại quốc độ này, mười phương trong vô lượng vô số quốc độ, chư Phật cũng nói Bát nhã ba la mật như vậy.

Lúc đức Phật nói phẩm Bát nhã ba la mật, có mười hai na do tha Nhơn, Thiên được Vô sanh pháp nhẫn. Lúc mười phương chư Phật nói Bát

nhã ba la mật cũng có vô lượng vô số chúng sanh
phát tâm Vô thượng Bồ đề.

*



KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

PHẨM THIÊN VƯƠNG
THỨ HAI MƯỜI BẢY

Bấy giờ trong Đại thiên thế giới, chư vị Tứ Thiên Thiên Vương cùng vô số trăm ngàn ức chư Thiên đồng đến pháp hội. Chư vị Đao Lợi Thiên Vương cùng vô số trăm ngàn ức chư Thiên, chư vị Dạ Ma Thiên Vương cùng vô số trăm ngàn ức chư Thiên, chư vị Đâu Suất Thiên Vương cùng vô số trăm ngàn ức chư Thiên, chư vị Hóa Lạc Thiên Vương cùng vô số trăm ngàn ức chư Thiên, chư vị Tụ Tại Thiên Vương cùng vô số trăm ngàn ức chư Thiên, chư vị Phạm Thiên Vương nhân đến Đại Tụ Tại Thiên Vương cùng vô số trăm ngàn ức chư Thiên đồng đến pháp hội.

Thân quang minh do nghiệp báo sanh của chư vị Tứ Thiên Vương nhân đến chư vị Đại Tự Tại Thiên so với thường quang của đức Phật không bằng một phần muôn ức, ở bên Phật khác nào cột cháy nám sánh với đồng vàng diêm phù đàn.

Thích Đề Hoàn Nhơn, vị Thiên vương cõi trời Đao Lợi bạch ngài Tu Bồ Đề:

Chư vị Thiên vương đây cùng hòa hiệp đều muốn nghe Đại đức Tu Bồ Đề nói Bát nhã ba la mật. Bạch ngài Tu Bồ Đề! Đại Bồ tát nên an trụ trong Bát nhã ba la mật thế nào? Những gì là Bát nhã ba la mật của đại Bồ tát? Thế nào đại Bồ tát thực hành Bát nhã ba la mật?

Ngài Tu Bồ Đề nói:

Này Kiều Thi Ca! Tôi sẽ thừa thuận ý của đức Phật và nương thần lực của Phật mà nói Bát nhã ba la mật của đại Bồ tát, như chỗ chư đại Bồ tát phải an trụ trong Bát nhã ba la mật. Nay chư Thiên tử nào chưa phát tâm Vô thượng Bồ đề thì nên phát tâm. Người nào nhập chánh vị Thanh văn thì chẳng thể phát tâm Vô thượng Bồ đề. Tại sao vậy? Vì chướng cách với sanh tử vậy. Người này nếu phát Bồ đề tâm, tôi cũng tùy hỷ. Vì bực thượng nhơn phải nên lại cầu thượng pháp. Tôi trọn không dứt tuyệt công đức của họ.

Này Kiều Thi Ca! Gì là Bát nhã ba la mật?

Đại Bồ tát đúng với tâm Nhứt thiết trí để tư niệm sắc là vô thường là khổ là Không là vô ngã. Tư niệm sắc như bệnh, như mụn nhọt vỡ bể, như mũi tên ghim vào thân, làm cho đau đớn suy hoại lo sợ chẳng an, vì vô sở đắc vậy. Tư niệm thọ tướng hành thức đến địa thủy hỏa phong không thức sáu đại chúng cũng như vậy, vì đều vô sở đắc cả.

Bồ tát lại quán sắc đến thức chúng là tịch diệt là ly là bất sanh là bất diệt là bất cấu là bất tịnh, vì vô sở đắc vậy.

Lại này Kiều Thi Ca! Đại Bồ tát đúng với tâm thứ Nhứt thiết trí quán vô minh duyên ra các hành nhân đến lão tử như duyên tụ tập những sự khổ lớn, vì cũng vô sở đắc vậy.

Đại Bồ tát quán vì vô minh diệt nên các hành diệt, nhân đến vì sanh diệt nên lão tử diệt. Vì lão tử diệt nên nhóm khổ lớn ưu bi khổ não cũng diệt, vì vô sở đắc vậy.

Lại này Kiều Thi Ca! Đại Bồ tát đúng với tâm Nhứt thiết trí tu tứ niệm xứ, vì vô sở đắc vậy. Nhân đến tu mười tám pháp bất cộng, vì vô sở đắc vậy.

Lại này Kiều Thi Ca! Đại Bồ tát đúng với tâm Nhứt thiết trí thực hành Đản na ba la mật đến Thiên na ba la mật, vì vô sở đắc vậy.

Lại này Kiều Thi Ca! Lúc thực hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ tát quán như vậy: Chỉ có các pháp và các pháp làm nhơn duyên cho nhau mà có nhuận ích tăng trưởng phân biệt so tính, trong đây không có ngã và ngã sở.

Tâm hồi hướng của Bồ tát chẳng ở trong tâm Vô thượng Bồ đề, tâm bồ đề chẳng ở trong tâm hồi hướng. Ở trong tâm Vô thượng Bồ đề, tâm hồi hướng bất khả đắc. Ở trong tâm hồi hướng, tâm Vô thượng Bồ đề bất khả đắc.

Đại Bồ tát dầu quán tất cả pháp, nhưng cũng không có pháp khả đắc. Đây gọi là Bát nhã ba la mật của đại Bồ tát.

Thích Đề Hoàn Nhơn hỏi ngài Tu Bồ Đề:

Thế nào là tâm hồi hướng của Bồ tát chẳng ở trong tâm Vô thượng Bồ đề, hẳn đến ở trong tâm hồi hướng, tâm Vô thượng Bồ đề bất khả đắc.

Ngài Tu Bồ Đề nói:

Này Kiều Thi Ca! Tâm hồi hướng và tâm Vô thượng Bồ đề chẳng phải tâm là chẳng phải tâm tướng. Trong chẳng phải tâm tướng chẳng hồi

hướng được. Chẳng phải tâm tướng này thường chẳng phải tâm tướng. Bất khả tư nghi tướng thường bất khả tư nghi tướng. Đây gọi là Bát nhã ba la mật của đại Bồ tát.

Đức Phật khen:

Lành thay, lành thay! Tu Bồ Đề vì chur đại Bồ tát mà nói Bát nhã ba la mật, an ổn tâm của đại Bồ tát.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật:

Thế Tôn! Con phải báo ân. Thuở quá khứ chur Phật và các đệ tử vì hàng đại Bồ tát nói sáu ba la mật dạy bảo lợi ích vui mừng. Lúc ấy đức Thế Tôn cũng ở nơi đó học được Vô thượng Bồ đề. Hôm nay con cũng phải vì hàng Bồ tát nói sáu ba la mật dạy bảo lợi ích vui mừng cho họ được Vô thượng Bồ đề.

Ngài Tu Bồ Đề nói với Thích Đề Hoàn Nhơn:

Này Kiều Thi Ca! Nay Ngài nên nghe chỗ nên an trụ cùng chỗ chẳng nên an trụ trong Bát nhã ba la mật của đại Bồ tát.

Này Kiều Thi Ca! Sắc sắc rỗng không, đến thức thức rỗng không, Bồ tát Bồ tát rỗng không.

Sắc Không và Bồ tát Không này chẳng hai chẳng khác, đến thức không và Bồ tát không chẳng hai chẳng khác.

Này Kiều Thi Ca! Trong Bát nhã ba la mật của đại Bồ tát nên an trụ như vậy.

Lại nhãn nhãn rỗng không, đến ý ý rỗng không, Bồ tát Bồ tát rỗng không. Nhãn Không nhãn đến Bồ tát Không chẳng hai chẳng khác.

Lục trần sắc đến pháp, lục đại địa đại đến thức đại thức đại rỗng không, Bồ tát Bồ tát rỗng không.

Thức đại Không và Bồ tát Không chẳng hai chẳng khác.

Vô minh vô minh rỗng không đến lão tử lão tử rỗng không. Vô minh diệt vô minh diệt rỗng không đến lão tử diệt lão tử diệt rỗng không, Bồ tát Bồ tát rỗng không.

Vô minh Không đến lão tử diệt Không và Bồ tát Không chẳng hai chẳng khác.

Này Kiều Thi Ca! Trong Bát nhã ba la mật của đại Bồ tát phải an trụ như vậy.

Lại Đàn na ba la mật đến Nhứt thiết chủng trí Nhứt thiết chủng trí rỗng không, Bồ tát Bồ tát rỗng không.

Nhứt thiết chủng trí Không và Bồ tát Không chẳng hai chẳng khác.

Này Kiều Thi Ca! Trong Bát nhã ba la mật của đại Bồ tát phải an trụ như vậy.

Thế nào trong Bát nhã ba la mật chỗ chẳng nên an trụ?

Này Kiều Thi Ca! Đại Bồ tát chẳng nên an trụ trong sắc thọ tướng hành thức, vì có sở đắc vậy. Chẳng nên an trụ trong nhãn đến ý. Chẳng nên an trụ trong sắc đến pháp. Chẳng nên an trụ trong nhãn thức đến ý thức. Chẳng nên an trụ trong nhãn xúc như duyên sanh thọ đến ý xúc như duyên sanh thọ, vì có sở đắc vậy.

Chẳng nên an trụ trong Đàn na ba la mật đến nhưt thiết chủng trí, vì có sở đắc vậy.

Lại này Kiều Thi Ca! Đại Bồ tát đối với sắc là thường sắc là vô thường, sắc là lạc sắc là khổ, sắc là tịnh sắc là bất tịnh, sắc là ngã sắc là vô ngã, sắc là không sắc là bất không, sắc là tịch diệt sắc là chẳng tịch diệt, sắc là ly sắc là chẳng ly, đều chẳng nên an trụ, vì có sở đắc vậy. Như với sắc, với thọ tướng hành thức cũng vậy.

Lại này Kiều Thi Ca! Đại Bồ tát đối với vô vi tướng và phước điền của quả Tu đà hoàn nhãn đến của Phật đều chẳng nên an trụ, vì có sở đắc vậy.

Đại Bồ Tát ở trong sơ địa đến trong thập địa đều chẳng nên an trụ, vì có sở đắc vậy.

Ở trong sơ phát tâm: Tôi phải đầy đủ sáu môn ba la mật, sẽ nhập Bồ tát vị, sẽ ở bậc bất thối chuyển, có đủ năm thần thông, đại Bồ tát đều chẳng nên an trụ, vì có sở đắc vậy.

Có đủ năm thần thông rồi tôi sẽ đến vô lượng vô số cõi Phật để lễ kính cúng dường nghe Phật thuyết pháp, nghe xong nói lại cho người khác. Tất cả như vậy, đại Bồ tát đều chẳng nên an trụ, vì có sở đắc vậy.

Như quốc độ nghiêm tịnh của chư Phật, tôi cũng sẽ nghiêm tịnh quốc độ như vậy, sẽ thành tựu chúng sanh khiến họ nhập Phật đạo, sẽ đến chỗ của vô lượng vô số chư Phật để tán thán kính trọng cúng dường, sẽ làm cho vô lượng vô số chúng sanh phát tâm Vô thượng Bồ đề. Tất cả như vậy, đại Bồ tát đều chẳng nên an trụ, vì có sở đắc vậy.

Tôi sẽ sanh ngũ nhãn, sẽ sanh tất cả tam muội, tất cả đà la ni, sẽ được thập lực, tứ vô úy tứ vô ngại trí, mười tám pháp bất cộng, sẽ đầy đủ đại từ đại bi ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình. Tất cả như vậy, đại Bồ tát đều chẳng nên an trụ, vì có sở đắc vậy.

Đây là Bát nhơn, là Tín hành nhơn, là pháp hành nhơn, Tu đà hoàn tột bảy đời, Tu đà hoàn mạng chung sạch phiền não, Tu đà hoàn trung gian nhập Niết bàn, người này hưởng Tu đà hàm quả chứng Tu đà hàm nhứt lai nhập niết bàn, người này hưởng A na hàm quả chứng A na hàm nơi kia nhập Niết bàn, người này hưởng A la hán quả chứng A la hán đời nay nhập vô dư Niết bàn, người này là Bích chi Phật, trụ Bồ tát địa vượt hơn Thanh văn, Bích chi Phật, được đạo chủng trí, Nhứt thiết chủng trí, đắc Vô thượng Bồ đề, sẽ chuyển pháp luân, làm Phật sự độ vô lượng chúng sanh nhập Niết bàn. Tất cả như vậy, đại Bồ tát đều chẳng nên an trụ, vì có sở đắc vậy.

Được tứ như ý túc, trụ trong tam muội này sẽ trụ thọ số kiếp như số cát sông Hằng, sẽ được ba mươi hai tướng, mỗi mỗi tướng có trăm phước trang nghiêm, thế giới của ta như hằng sa thế giới mười phương, Đại thiên thế giới của ta thuần kim cang, cây Bồ đề của ta sẽ phát ra mùi thơm làm cho chúng sanh dứt sạch thân bệnh và tâm bệnh, chúng sanh nghe mùi thơm này sẽ sạch tham sân si, cũng không có tâm Thanh văn, Bích chi Phật, tất cả sẽ được Vô thượng Bồ đề. Tất cả như vậy, đại Bồ tát đều chẳng nên an trụ, vì có sở đắc vậy.

Sẽ khiến trong thế giới của tôi không có danh tự sắc thọ tướng hành thức, không có danh tự Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật, không có danh tự tứ niệm xứ đến bất cộng pháp, cũng không có danh tự Tu đà hoàn đến Phật. Tất cả như vậy, đại Bồ tát đều chẳng nên an trụ, vì có sở đắc vậy.

Tại sao vậy? Vì chư Phật lúc đắc Vô thượng Bồ đề, tất cả pháp đều vô sở đắc vậy.

Này Kiều Thi Ca! Thế nên ở trong Bát nhã ba la mật, Bồ tát chẳng nên an trụ, vì có sở đắc vậy.

Ngài Xá Lợi Phất nghĩ rằng nay đây Bồ tát phải an trụ trong Bát nhã ba la mật như thế nào?

Biết tâm niệm của Ngài Xá Lợi Phất, ngài Tu Bồ Đề nói: “Này Xá Lợi Phất! Cứ theo ý Ngài thì chư Phật an trụ chỗ nào?”

Ngài Xá Lợi Phất nói:

Chư Phật không có chỗ an trụ. Chư Phật chẳng an trụ trong sắc, chẳng an trụ trong thọ tướng hành thức, chẳng an trụ trong tánh hữu vi trong tánh vô vi, chẳng an trụ trong tứ niệm xứ đến bất cộng pháp, chẳng an trụ trong Nhứt thiết chủng trí.

Trong Bát nhã ba la mật, đại Bồ tát phải an trụ

như chư Phật an trụ. Nơi tất cả pháp chẳng phải an trụ chẳng phải chẳng an trụ.

Trong Bát nhã ba la mật, đại Bồ tát phải học như vậy, phải an trụ nơi pháp chẳng trụ.

Bấy giờ trong pháp hội có chư Thiên tử nghĩ rằng: Lời nói câu chữ của hàng Dạ xoa còn có thể rõ biết được, đại đức Tu Bồ Đề luận nói, giải thích Bát nhã ba la mật, chúng tôi trọn chẳng biết chi cả.

Ngài Tu Bồ Đề biết tâm niệm của chư Thiên tử nên hỏi rằng: “Các Ngài chẳng hiểu, chẳng biết ư?”.

Chư Thiên tử nói: “Bạch Đại đức! Chúng tôi chẳng hiểu, chẳng biết”.

Ngài Tu Bồ Đề nói:

Đúng ra thì các Ngài phải nên chẳng biết, còn tôi thì không có luận nói, nhẫm đến tôi không nói đến một chữ, cũng không có người nghe. Tại sao vậy? Vì những chữ chẳng phải Bát nhã ba la mật. Trong Bát nhã ba la mật không có thính giả. Vô thượng Bồ đề của chư Phật không có chữ, không có lời.

Này các Ngài! Như đức Phật biến hóa thành hóa nhơn. Hoá nhơn này lại biến hóa bốn bộ

chúng Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc và Ưu bà di. Ở giữa bốn bộ chúng này, hóa nhơn thuyết pháp. Ý các Ngài nghĩ thế nào, trong đó có thuyết giả, có thính giả, có trí giả chăng?

Chư thiên Tử nói: “Bạch Đại đức! Không có”.

Ngài Tu Bồ Đề nói:

Này các Ngài! Tất cả pháp đều như biến hóa, trong đó không có thuyết giả, không có thính giả cũng không có trí giả.

Này các Ngài! Ví như có người chiêm bao thấy Phật thuyết pháp, ý các Ngài nghĩ thế nào, trong đó có thuyết giả, thính giả và trí giả chăng?

Chư Thiên Tử nói: “Bạch Đại đức! Không có”.

Ngài Tu Bồ Đề nói:

Này các Ngài! Tất cả các pháp đều như chiêm bao, không có người nói, không có người nghe, không có người biết.

Này các Ngài! Ví như có hai người, mỗi người ở một bên bờ khe sâu lên tiếng ca ngợi Phật, Pháp và Tăng phát ra hai vang. Ý các Ngài nghĩ thế nào, hai vang ấy có hiểu lẫn nhau chăng?

Chư Thiên Tử nói: “Bạch Đại đức! Không”.

Ngài Tu Bồ Đề nói:

Này các Ngài! Tất cả pháp cũng như vang, không thuyết giả, không thính giả, không tri giả.

Này các Ngài! Như nhà ảo thuật giỏi ở giữa ngã tư đường hóa làm Phật và bốn bộ chúng rồi thuyết pháp. Ý các Ngài nghĩ thế nào, trong đó có người nói, người nghe, người biết không?

Chư Thiên Tử nói: “Bạch Đại đức! Không có”.

Ngài Tu Bồ Đề nói: “Này các Ngài! Tất cả pháp như ảo huyền, trong đó không có thuyết giả, thính giả cũng không có tri giả”.

Bấy giờ chư Thiên Tử nghĩ rằng: Đại đức Tu Bồ Đề giải nói muốn cho dễ hiểu mà trở lại càng thâm càng diệu.

Ngài Tu Bồ Đề biết tâm niệm của chư Thiên Tử nên nói rằng:

Này các Ngài! Sắc chẳng phải thâm chẳng phải diệu, thọ tướng hành thức chẳng phải thâm chẳng phải diệu. Sắc tánh đến thức tánh chẳng phải thâm chẳng phải diệu. Nhãn tánh đến ý tánh, sắc tánh đến pháp tánh, nhãn giới tánh đến ý thức giới tánh, nhãn xúc đến ý xúc, nhãn xúc hơn duyên sanh thọ đến ý xúc hơn duyên sanh thọ đều chẳng phải thâm, chẳng phải diệu.

Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật, nội Không đến vô pháp hữu pháp Không, tứ niệm xứ

đến bất cộng pháp, tất cả tam muội đến tất cả đà la ni, Nhứt thiết chủng trí và Nhứt thiết chủng trí tánh đều chẳng phải thâm chẳng phải diệu.

Chư Thiên Tử nghĩ rằng: Trong thuyết pháp ấy chẳng phải nói sắc đến chẳng nói Nhứt thiết chủng trí, chẳng nói Tu đà hoàn quả đến A la hán quả, chẳng nói Bích chi Phật đạo, chẳng nói Vô thượng Bồ đề đạo, trong những pháp ấy chẳng nói danh tự ngữ ngôn.

Ngài Tu Bồ Đề biết tâm niệm của chư Thiên tử nên nói rằng:

Này các Ngài! Đúng như vậy, trong pháp ấy, Vô thượng Bồ đề của chư Phật không có tướng nói được, trong ấy không có thuyết giả, không có thính giả, không có tri giả.

Này các Ngài! Do đây nên thiện nam tử thiện nữ nơn, người muốn an trụ Tu đà hoàn quả, muốn y chứng Tu đà hoàn quả, người này chẳng rời lìa trí nhẫn trên đây. Người muốn an trụ muốn chứng Tư đà hàm quả, A na hàm quả, A la hán quả, Bích chi Phật đạo và Phật đạo, người này chẳng rời lìa trí nhẫn trên đây.

Này các Ngài! Đại Bồ tát từ sơ phát tâm, ở trong Bát nhã ba la mật, phải an trụ như vậy. Vì không có nói không có nghe vậy.



KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

PHẨM ẢO NHƠN THÍNH PHÁP
THỨ HAI MƯỜI TÁM

* Bảy giờ chư Thiên tử nghĩ rằng nên dùng những người nào để nghe Đại đức Tu Bồ Đề thuyết pháp?

Biết tâm niệm của chư Thiên tử, ngài Tu Bồ Đề nói: “Này các Ngài! Như người ảo hóa nghe pháp, tôi phải dùng người như vậy. Vì người như vậy không có nghe không có biết không có chứng”.

Chư Thiên tử hỏi: “Bạch Đại đức! Chúng sanh như ảo, người nghe pháp cũng như ảo chăng?”

* Hán bộ quyển thứ 9.

Chúng sanh như hóa, người nghe pháp cũng như hóa chăng?”.

Ngài Tu Bồ Đề nói:

Đúng như vậy. Nay các Ngài! Chúng sanh như ảo, người nghe pháp cũng như ảo. Chúng sanh như hóa, người nghe pháp cũng như hóa.

Nay các Ngài! Ngã như ảo như mộng, chúng sanh đến tri giả kiến giả cũng như ảo như mộng. Sắc đến thức, nhãn đến ý, sắc đến pháp, nhãn thức đến ý thức, nhãn xúc đến ý xúc, nhãn xúc như duyên sanh thọ đến ý xúc như duyên sanh thọ cũng như ảo như mộng. Nội Không đến vô pháp hữu pháp Không, Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật, tứ niệm xứ đến bát cộng pháp cũng đều như ảo, như mộng. Tu đà hoàn quả đến Phật đạo cũng như ảo như mộng.

Chư Thiên tử hỏi: “Đại đức nói Phật đạo như ảo như mộng. Niết bàn, Đại đức cũng nói như ảo như mộng chăng?”

Ngài Tu Bồ Đề nói: “Tôi nói Phật đạo như ảo như mộng. Tôi nói Niết bàn cũng như ảo như mộng. Nếu còn có pháp nào hơn Niết bàn tôi nói cũng như ảo như mộng. Tại sao vậy? Vì ảo mộng và Niết bàn không hai không khác.

Bấy giờ các ngài Xá Lợi Phất, Đại Mục Kiền Liên, Ma ha Câu Si La, Ma ha Ca Chiên Diên, Phú Lô Na Di Đa La Ni Tử, Ma ha Ca Diếp và vô số Bồ tát hỏi ngài Tu Bồ Đề: “Bát nhã ba la mật như vậy rất là sâu xa khó thấy khó hiểu khó biết tịch diệt vi diệu. Ai sẽ là người lãnh thọ được?”.

Ngài A Nan nói với chư đại đệ tử và chư Bồ tát: “Chư đại Bồ tát bất thối chuyển có thể lãnh thọ Bát nhã ba la mật rất sâu khó thấy khó hiểu khó biết tịch diệt vi diệu này.

Những người thành tựu chánh kiến, những bậc lậu tận A la hán sở nguyện đã mãn cũng có thể tin thọ.

Lại những thiện nam tử thiện nữ nhơn đã thấy nhiều Phật, ở chỗ chư Phật đã nhiều cúng dường trông căn lành, thường gần thiện tri thức, có căn tánh lành lợi, những người này có thể lãnh thọ chẳng nói là phải hay chẳng phải.

Ngài Tu Bồ Đề nói: “Chẳng dùng Không để phân biệt sắc, chẳng dùng sắc để phân biệt Không, chẳng dùng vô tướng vô tác để phân biệt sắc, chẳng dùng sắc để phân biệt vô tướng vô tác, chẳng dùng vô sanh vô diệt tịch diệt và ly để phân biệt sắc, chẳng dùng sắc để phân biệt vô sanh vô diệt tịch diệt và ly. Như sắc, thọ tướng hành thức

cũng vậy, nhấn đến ý xúc nhọn duyên sanh thọ cũng vậy, Đản na ba la mật đến Nhứt thiết chủng trí cũng vậy. Chẳng dùng không đến ly để phân biệt Nhứt thiết chủng trí, chẳng dùng Nhứt thiết chủng trí để phân biệt không”.

Ngài Tu Bồ Đề lại nói với chư Thiên Tử:

Bát nhã ba la mật rất sâu này ai có thể lãnh thọ ư?

Này các Ngài! Trong Bát nhã ba la mật này không có pháp chỉ bày được, không có pháp nói luận được. Nếu đã không có pháp chỉ được không có pháp nói được, thì người lãnh thọ cũng là bất khả đắc.

Ngài Xá Lợi Phất nói với ngài Tu Bồ Đề:

Trong Bát nhã ba la mật nói rộng giáo pháp Tam thừa và giáo pháp nhiếp thủ Bồ tát, từ bực Sơ phát ý đến bực Thập địa, từ Đản na ba la mật đến Bát nhã ba la mật, từ tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng.

Đại Bồ tát thực hành Bát nhã ba la mật như vậy, thường hóa sanh chẳng mất thân thông đầy đủ thiện căn đi đến các cõi Phật, muốn có phẩm vật để cúng dường thì liền được như nguyện. Ở chỗ chư Phật nghe lãnh giáo pháp mãi đến Nhứt thiết trí không đoạn tuyệt, chưa từng rời chánh

định, sẽ được biện tài mau chóng, biện tài lanh lẹ, biện tài bất tận, biện tài bất đoạn, biện tài đúng cơ, biện tài đúng nghĩa, biện tài hơn tất cả thế gian.

Ngài Tu Bồ Đề nói:

Đúng như vậy. Như lời Xá Lợi Phất nói Bát nhã ba la mật nói rộng giáo pháp Tam thừa và giáo pháp hộ trì Bồ tát, nhân đến đại Bồ tát được tối thượng biện tài của tất cả thế gian, vì bất khả đắc vậy.

Ngã nhân đến tri giả kiến giả bất khả đắc. Sắc thọ tưởng hành thức, Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật bất khả đắc. Nội không đến vô pháp hữu pháp không bất khả đắc. Tứ niệm xứ đến Nhứt thiết chủng trí bất khả đắc.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi:

Nhơn duyên gì mà trong Bát nhã ba la mật nói rộng về giáo pháp Tam thừa vì bất khả đắc?

Nhơn duyên gì mà trong Bát nhã ba la mật hộ trì Bồ tát, vì bất khả đắc?

Nhơn duyên gì đại Bồ tát được biện tài mau lẹ đến tối thượng biện tài trong tất cả thế gian vì bất khả đắc?

Ngài Tu Bồ Đề nói:

Vì nội không nên Bát nhã ba la mật nói rộng giáo pháp Tam thừa bất khả đắc. Vì ngoại không đến vô pháp hữu pháp Không nên nói rộng giáo pháp Tam thừa bất khả đắc vậy.

Vì nội không nên hộ trì Bồ tát đến được tối thượng biện tài trong tất cả thế gian bất khả đắc. Vì ngoại không đến vô pháp hữu pháp không nên Bát nhã ba la mật hộ trì Bồ tát đến được tối thượng biện tài trong tất cả thế gian bất khả đắc vậy.

*



KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

PHẨM TÁN HOA
THỨ HAI MƯỜI CHÍN

Bấy giờ Thiên Đế Thích Đề Hoàn Nhơn và chư Thiên Vương trong Đại thiên thế giới nghĩ rằng: Đại đức Tu Bồ Đề vì chúng ta mà ban pháp vũ. Chúng ta nên hóa hiện hoa đẹp để rải trên đức Phật, chư đại Bồ tát, chư Tỳ kheo Tăng, Đại đức Tu Bồ Đề và Bát nhã ba la mật.

Liền đó chư Thiên vương hóa hiện hoa đẹp rải trên đức Phật, chư đại Bồ tát, chư Tỳ kheo Tăng cùng Đại đức Tu Bồ Đề và cũng cúng dường Bát nhã ba la mật. Khắp Đại thiên thế giới lúc bấy giờ đầy những hoa trong không gian. Những hoa này hóa thành những hoa đài đóa nghiêm vi diệu.

Ngài Tu Bồ Đề nghĩ rằng: Những hoa trên hư không do chư Thiên tử rải, từ nào chưa từng thấy. Đây là hóa hoa chẳng phải hoa từ cây sanh ra. Đây là hoa từ tâm thọ sanh chẳng phải từ cây sanh.

Biết tâm niệm của ngài Tu Bồ Đề, Thiên Đế Thích Đê Hoàn Nhơn nói: “Bạch Đại đức! Hoa này chẳng phải sanh hoa cũng chẳng từ tâm thọ sanh”.

Ngài Tu Bồ Đề nói: “Này Kiều Thi Ca! Ngài nói hoa này chẳng phải sanh hoa cũng phải từ tâm thọ sanh. Hoa này nếu chẳng phải là sanh pháp thì chẳng gọi là hoa”.

Thiên Đế Thích Đê Hoàn Nhơn nói: “Bạch Đại đức! Chỉ có hoa này là chẳng sanh, hay là sắc và thọ tướng hành thức cũng chẳng sanh?”.

Ngài Tu Bồ Đề nói: “Này Kiều Thi Ca! Chẳng phải chỉ có hoa này là chẳng sanh, mà sắc cũng chẳng sanh. Nếu đã chẳng sanh thì chẳng gọi là sắc. Thọ, tướng, hành, thức cũng chẳng sanh. Nếu chẳng sanh thì chẳng gọi là thọ, tướng, hành, thức.

Như ngũ âm, lục nhập, lục thức, lục xúc và lục xúc như duyên sanh thọ cũng vậy.

Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật chẳng sanh, nếu chẳng sanh thì chẳng gọi là Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật. Nội không đến vô pháp hữu pháp không cũng như vậy. Tứ niệm xứ

đến bất cộng pháp chẳng sanh, Nhứt thiết chủng trí cũng chẳng sanh. Nếu chẳng sanh thì chẳng gọi là tứ niệm xứ đến Nhứt thiết chủng trí.

Thiên Đế nghĩ rằng: Đại đức Tu Bồ Đề có trí huệ rất sâu, chẳng hoại giả danh mà nói các pháp tướng.

Đức Phật biết tâm niệm của Thiên Đế nên nói rằng: “Đúng như vậy. Này Kiều Thi Ca! Tu Bồ Đề có trí huệ rất sâu, chẳng hoại giả danh mà nói các pháp tướng”.

Thiên Đế thưa: “Bạch Thế Tôn! Đại đức Tu Bồ Đề chẳng hoại giả danh mà nói các pháp tướng như thế nào?”.

Đức Phật nói:

Sắc chỉ là giả danh, Tu Bồ Đề chẳng hoại giả danh mà nói các pháp tướng. Thọ, tưởng, hành, thức cũng chỉ là giả danh, Tu Bồ Đề cũng chẳng hoại giả danh mà nói các pháp tướng.

Tại sao vậy? Vì các pháp tướng không có hoại và chẳng hoại, chỗ nói của Tu Bồ Đề cũng không có hoại và chẳng hoại vậy.

Như ngũ ấm, lục nhập đến lục xúc như duyên sanh thọ, đàn na ba la mật đến vô pháp hữu pháp Không, tứ niệm xứ đến bất cộng pháp, Tu

đà hoàn quả đến Phật đạo, Nhứt thiết trí đến Nhứt thiết chủng trí, Tu đà hoàn đến Phật, tất cả chỉ là giả danh, Tu Bồ Đề cũng chẳng hoại giả danh mà nói các pháp tướng.

Tại sao vậy? Vì các pháp tướng không có hoại và chẳng hoại, chỗ nói của Tu Bồ Đề cũng không có hoại và chẳng hoại vậy.

Này Kiều Thi Ca! đúng như vậy, Tu Bồ Đề chẳng hoại giả danh mà nói các pháp tướng.

Ngài Tu Bồ Đề nói với Thiên Đế:

Đúng như vậy. Này Kiều Thi Ca! Như lời đức Phật nói các pháp chỉ là giả danh. Đại Bồ tát phải biết các pháp chỉ là giả danh như vậy. Phải học Bát nhã ba la mật như vậy.

Đại Bồ tát học như vậy là chẳng học sắc, chẳng học thọ tướng hành thức. Tại sao vậy? Vì chẳng thấy có sắc để học, cũng chẳng thấy có thọ tướng hành thức để học.

Đại Bồ tát học như vậy là chẳng học Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật. Tại sao vậy? Vì chẳng thấy có Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật để học.

Đại Bồ tát học như vậy là chẳng học nội Không đến vô pháp hữu pháp Không, là chẳng

học tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng. Tại sao vậy? Vì chẳng thấy có nội Không đến pháp bất cộng để học.

Đại Bồ tát học như vậy là chẳng học Tu đà hoàn quả đến Nhứt thiết chủng trí. Tại sao vậy? Vì chẳng thấy có quả Tu đà hoàn đến Nhứt thiết chủng trí để học.

Thiên Đế hỏi: “Bạch Đại đức! Do nhơn duyên gì mà chẳng thấy sắc đến chẳng thấy Nhứt thiết chủng trí?”.

Ngài Tu Bồ Đề nói:

Sắc sắc không nhận đến Nhứt thiết chủng trí Nhứt thiết chủng trí Không.

Này Kiều Thi Ca! Sắc Không chẳng học sắc Không nhận đến Nhứt thiết chủng trí Không chẳng học Nhứt thiết chủng trí Không.

Này Kiều Thi Ca! Nếu chẳng học Không như vậy thì gọi là học Không, vì chẳng hai vậy.

Đại Bồ tát này học sắc Không nhận đến học Nhứt thiết chủng trí Không, vì chẳng hai vậy.

Nếu học sắc Không vì chẳng hai, nhận đến học Nhứt thiết chủng trí Không vì chẳng hai, đại Bồ tát này có thể học Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật vì chẳng hai vậy. Có thể học tứ

niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng vì chẳng hai vậy. Có thể học quả Tu đà hoàn đến Nhứt thiết chủng trí vì chẳng hai vậy.

Đại Bồ tát này có thể học vô lượng vô biên a tăng kỳ pháp.

Nếu có thể học vô lượng vô biên vô số pháp, thì đại Bồ tát này chẳng vì sắc tăng mà học, chẳng vì sắc giảm mà học. Nhẫn đến chẳng vì Nhứt thiết chủng trí tăng mà học, cũng chẳng vì Nhứt thiết chủng trí giảm mà học.

Nếu chẳng vì sắc tăng giảm mà học, nhẫn đến nếu chẳng vì Nhứt thiết chủng trí tăng giảm mà học, thì đại Bồ tát này chẳng vì sắc thọ mà học, cũng chẳng vì sắc diệt mà học. Nhẫn đến chẳng vì Nhứt thiết chủng trí thọ và diệt mà học.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi ngài Tu Bồ Đề: “Học như vậy, đại Bồ tát này chẳng vì thọ sắc mà học, chẳng vì diệt sắc mà học. Nhẫn đến Nhứt thiết chủng trí cũng chẳng vì thọ và diệt mà học?”.

Ngài Tu Bồ Đề nói: “Đại Bồ tát nếu học như vậy thì chẳng vì thọ sắc mà học, chẳng vì diệt sắc mà học, nhẫn đến Nhứt thiết chủng trí cũng chẳng vì thọ và diệt mà học”.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: “Do nhơn duyên gì mà đại Bồ tát chẳng vì thọ sắc mà học, chẳng vì diệt

sắc mà học, nhãn đến Nhứt thiết chủng trí cũng chẳng vì thọ và diệt mà học?”.

Ngài Tu Bồ Đề nói: “Sắc này chẳng thọ được cũng không có ai thọ sắc, nhãn đến Nhứt thiết chủng trí chẳng thọ được cũng không ai thọ, vì nội ngoại rỗng không vậy. Vì chẳng thọ tất cả pháp nên Đại Bồ tát có thể đến Nhứt thiết chủng trí”.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: “Đại Bồ tát học Bát nhã ba la mật như vậy có thể đến Nhứt thiết chủng trí chăng?”.

Ngài Tu Bồ Đề nói: “Đại Bồ tát học Bát nhã ba la mật như vậy có thể đến Nhứt thiết chủng trí, vì chẳng thọ tất cả pháp vậy”.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: “Nếu Đại Bồ tát đối với tất cả pháp chẳng thọ chẳng diệt mà học, thì làm sao đến được Nhứt thiết chủng trí?”

Ngài Tu Bồ Đề nói:

Đại Bồ tát thực hành Bát nhã ba la mật, chẳng thấy sắc sanh, chẳng thấy sắc diệt, chẳng thấy sắc thọ, chẳng thấy sắc chẳng thọ, chẳng thấy sắc cấu, chẳng thấy sắc tịnh, chẳng thấy sắc tăng, chẳng thấy sắc giảm. Tại sao vậy? Vì sắc sắc tánh rỗng không vậy.

Nhãn đến Nhứt thiết chủng trí, cũng chẳng thấy sanh, chẳng thấy diệt, chẳng thấy thọ, chẳng

thấy chẳng thọ, chẳng thấy cấu, chẳng thấy tịnh, chẳng thấy tăng, chẳng thấy giảm. Tại sao vậy? Vì Nhứt thiết chủng trí Nhứt thiết chủng trí tánh rỗng không vậy.

Đại Bồ tát vì tất cả pháp chẳng sanh chẳng diệt, chẳng thọ chẳng xả, chẳng cấu chẳng tịnh, chẳng hiệp chẳng tan, chẳng tăng chẳng giảm, nên học Bát nhã ba la mật có thể đến Nhứt thiết chủng trí. Vì không chỗ học, không chỗ đến vậy.

Bấy giờ Thiên Đế Thích Đề Hoàn Nhơn hỏi ngài Xá Lợi Phất: “Đại Bồ tát Bát nhã ba la mật nên cầu tại chỗ nào?”.

Ngài Xá Lợi Phất nói: “Đại Bồ tát Bát nhã ba la mật nên cầu ở trong phẩm Tu Bồ Đề”.

Thiên Đế hỏi ngài Tu Bồ Đề: “Có phải thần lực của Đại đức khiến Xá Lợi Phất nói đại Bồ tát Bát nhã ba la mật nên cầu ở trong phẩm Tu Bồ Đề chăng?”.

Ngài Tu Bồ Đề nói: “ Chẳng phải thần lực của tôi”.

Thiên Đế hỏi: “Thần lực của ai vậy?”.

Ngài Tu Bồ Đề nói: “Đó là thần lực của đức Phật”.

Thiên Đế nói: “Tất cả pháp đều không thọ xứ. Tại sao vậy? Nói là thần lực của đức Phật, rồi

tướng không thọ xứ thì Như Lai bất khả đắc, rời pháp như thì Như Lai cũng bất khả đắc”.

Ngài Tu Bồ Đề nói:

Đúng như vậy. Này Kiều Thi Ca! Rời tướng không thọ xứ thì Như Lai bất khả đắc, rời pháp như thì Như Lai cũng bất khả đắc. Trong tướng không thọ xứ, Như Lai bất khả đắc. Trong pháp như, Như Lai bất khả đắc.

Trong sắc như, Như Lai như bất khả đắc. Trong Như Lai như, sắc như bất khả đắc.

Trong sắc pháp tướng, Như Lai pháp tướng bất khả đắc. Trong Như Lai pháp tướng, sắc pháp tướng bất khả đắc. Nhân đến Nhứt thiết chủng trí cũng như vậy.

Này Kiều Thi Ca! Như Lai trong sắc như chẳng hiệp chẳng tan, Như Lai trong thọ tướng hành thức Như chẳng hiệp chẳng tan.

Như Lai rời sắc như chẳng hiệp chẳng tan, Như Lai rời thọ tướng hành thức như chẳng hiệp chẳng tan.

Nhân đến Nhứt thiết chủng trí cũng như vậy.

Như Lai trong sắc pháp tướng chẳng hiệp chẳng tan, Như Lai trong thọ tướng hành thức pháp tướng chẳng hiệp chẳng tan.

Như Lai rời sắc pháp tướng chẳng hiệp chẳng tan, Như Lai rời thọ tướng hành thức pháp tướng chẳng hiệp chẳng tan.

Nhẫn đến Nhứt thiết chủng trí cũng như vậy.

Này Kiều Thi Ca! Trong tất cả pháp chẳng hiệp chẳng tan là thân lực của Như Lai, vì dùng pháp vô sở thọ vậy.

Như lời Kiều Thi Ca nói đại Bồ tát Bát nhã ba la mật nên cầu ở chỗ nào?

Này Kiều Thi Ca! Chẳng nên ở trong sắc hay rời ngoài sắc mà cầu Bát nhã ba la mật. Chẳng nên ở trong thọ tướng hành thức hay rời ngoài thọ tướng hành thức mà cầu Bát nhã ba la mật.

Tại sao vậy? Bát nhã ba la mật này và sắc thọ tướng hành thức, tất cả pháp đây đều chẳng hiệp chẳng tan, không sắc không hình, không đối, một tướng duy nhứt tức là vô tướng.

Nhẫn đến chẳng nên ở trong Nhứt thiết chủng trí mà cầu Bát nhã ba la mật, cũng chẳng nên rời ngoài Nhứt thiết chủng trí mà cầu Bát nhã ba la mật.

Tại sao vậy? Bát nhã ba la mật đây và Nhứt thiết chủng trí, tất cả pháp này đều chẳng hiệp, chẳng tan, không sắc, không hình, không đối, một tướng duy nhứt tức là vô tướng.

Tại sao vậy? Bát nhã ba la mật chẳng phải sắc thọ tướng hành thức, cũng chẳng phải rời ngoài sắc thọ tướng hành thức. Nhẫn đến chẳng phải Nhứt thiết chủng trí, cũng chẳng phải rời ngoài Nhứt thiết chủng trí.

Bát nhã ba la mật chẳng phải sắc như, cũng chẳng phải rời ngoài sắc như. Nhẫn đến chẳng phải Nhứt thiết chủng trí như, cũng chẳng phải rời ngoài Nhứt thiết chủng trí như.

Bát nhã ba la mật chẳng phải sắc pháp, cũng chẳng phải rời ngoài sắc pháp. Nhẫn đến chẳng phải Nhứt thiết chủng trí pháp, cũng chẳng phải rời ngoài Nhứt thiết chủng trí pháp.

Tại sao vậy? Này Kiều Thi Ca! Tất cả pháp này đều vô sở hữu bất khả đắc.

Vì vô sở hữu bất khả đắc, nên Bát nhã ba la mật chẳng phải sắc cũng chẳng phải rời sắc, nhẫn đến cũng chẳng phải Nhứt thiết chủng trí cũng chẳng phải rời Nhứt thiết chủng trí. Chẳng phải sắc Như cũng chẳng phải rời sắc Như, nhẫn đến cũng chẳng phải Nhứt thiết chủng trí Như cũng chẳng phải rời Nhứt thiết chủng trí Như. Chẳng phải sắc pháp cũng chẳng phải rời sắc pháp, nhẫn đến chẳng phải Nhứt thiết chủng trí pháp cũng chẳng phải rời Nhứt thiết chủng trí pháp.

Thiên Đế nói:

Ma ha ba la mật này là đại Bồ tát Bát nhã ba la mật. Vô lượng ba la mật, vô biên ba la mật là đại Bồ tát Bát nhã ba la mật.

Chư Tu đà hoàn và quả Tu đà hoàn nhẫn đến chư A la hán và quả A la hán, chư Bích chi Phật và đạo Bích chi Phật, chư đại Bồ tát đều từ trong Bát nhã ba la mật này mà học thành.

Có thể thành tựu chúng sanh thanh tịnh Phật độ chúng Vô thượng Bồ đề đều từ trong Bát nhã ba la mật này mà học thành.

Ngài Tu Bồ Đề nói:

Đúng như vậy. Nay Kiều Thi Ca! Ma ha ba la mật này là đại Bồ tát Bát nhã ba la mật. Vô lượng ba la mật, vô biên ba la mật là đại Bồ tát Bát nhã ba la mật. Cũng từ trong Bát nhã ba la mật này mà học thành quả Tu đà hoàn đến thành Vô thượng Bồ đề.

Nay Kiều Thi Ca! Vì sắc rộng lớn nên Bát nhã ba la mật cũng rộng lớn. Tại sao vậy? Sắc tiền tế, hậu tế và trung tế đều bất khả đắc. Thọ tướng hành thức rộng lớn nên Bát nhã ba la mật cũng rộng lớn, vì thọ tướng hành thức tiền tế hậu tế và trung tế đều bất khả đắc. Nhẫn đến Nhứt thiết chủng trí cũng như vậy. Do nhơn duyên này

nên Ma ha ba la mật này là đại Bồ tát Bát nhã ba la mật.

Này Kiều Thi Ca! Vì sắc vô lượng nên Bát nhã ba la mật vô lượng, vì sắc lượng bất khả đắc vậy.

Như hư không lượng bất khả đắc, cũng vậy sắc lượng bất khả đắc. Hư không vô lượng nên sắc vô lượng. Vì sắc vô lượng nên Bát nhã ba la mật vô lượng. Nhân đến vì Nhứt thiết chủng trí vô lượng nên Bát nhã ba la mật vô lượng. Tại sao vậy? Vì Nhứt thiết chủng trí lượng bất khả đắc.

Như hư không lượng bất khả đắc, cũng vậy Nhứt thiết chủng trí lượng bất khả đắc. Hư không vô lượng nên Nhứt thiết chủng trí cũng vô lượng. Nhứt thiết chủng trí vô lượng nên Bát nhã ba la mật cũng vô lượng. Do như duyên này nên đại Bồ tát Bát nhã ba la mật vô lượng.

Này Kiều Thi Ca! Sắc vô biên nên đại Bồ tát Bát nhã ba la mật vô biên. Tại sao vậy? Sắc tiền tế hậu tế trung tế đều bất khả đắc. Nhân đến Nhứt thiết chủng trí vô biên nên Bát nhã ba la mật vô biên. Vì Nhứt thiết chủng trí tiền tế hậu tế trung tế đều bất khả đắc vậy. Do như duyên này nên Bát nhã ba la mật vô biên.

Lại này Kiều Thi Ca! Vì duyên nơi vô biên

nên Bát nhã ba la mật vô biên.

Thiên Đế hỏi: “Thế nào là duyên nơi vô biên nên Bát nhã ba la mật vô biên?”.

Ngài Tu Bồ Đề nói: “Vì duyên tất cả pháp vô biên nên Bát nhã ba la mật vô biên”.

Thiên Đế hỏi: “Thế nào duyên tất cả pháp vô biên nên Bát nhã ba la mật vô biên?”.

Ngài Tu Bồ Đề nói:

Vì duyên vô biên pháp tánh nên Bát nhã ba la mật vô biên.

Lại này Kiều Thi Ca! Vì duyên vô biên pháp như, nên Bát nhã ba la mật vô biên”.

Thiên Đế hỏi: “Thế nào duyên vô biên pháp như, nên Bát nhã ba la mật vô biên?”.

Ngài Tu Bồ Đề nói:

Vì pháp như vô biên nên duyên cũng vô biên. Vì duyên vô biên nên pháp như cũng vô biên. Do như duyên này nên đại Bồ tát Bát nhã ba la mật cũng vô biên.

Lại này Kiều Thi Ca! Vì chúng sanh vô biên nên Bát nhã ba la mật vô biên.

Thiên Đế hỏi: “Thế nào chúng sanh vô biên nên Bát nhã ba la mật vô biên?”.

Ngài Tu Bồ Đề nói: “Này Kiều Thi Ca! Theo ý Ngài thì những pháp gì gọi là chúng sanh?”.

Thiên Đế nói: “Không có pháp gì gọi là chúng sanh. Vì giả danh nên gọi là chúng sanh. Danh tự ấy vốn không có pháp cũng không có chỗ đến. Chỉ gượng đặt tên thôi”.

Ngài Tu Bồ Đề nói: “Ý Ngài nghĩ thế nào? Trong Bát nhã ba la mật này nói chúng sanh có thiệt chăng?”.

Thiên Đế nói: “Không có thiệt”.

Ngài Tu Bồ Đề nói:

Nếu trong Bát nhã ba la mật chẳng nói thiệt có, thì chúng sanh vô biên cũng bất khả đắc.

Này Kiều Thi Ca! Ý Ngài nghĩ thế nào? Chư Phật trong hằng sa kiếp nói chúng sanh và danh tự chúng sanh. Và có pháp chúng sanh có sanh có diệt chăng?”.

Thiên Đế nói: “Không có. Vì bản lai chúng sanh thường thanh tịnh vậy”.

Ngài Tu Bồ Đề nói: “Này Kiều Thi Ca! Do nhơn duyên này, vì chúng sanh vô biên nên biết Bát nhã ba la mật cũng vô biên”.



KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

PHẨM TAM THÁN
THỨ BA MƯỜI

Bấy giờ chư Thiên Vương và chư Thiên, chư Phạm Vương và chư Phạm Thiên, chư Thần Tiên và chư Thiên nữ đồng thời ba phen ca ngợi rằng:

Hay thay! Hay thay! Pháp của Đại đức Tu Bồ Đề tuyên thuyết đều do ân lực hơn duyên của đức Phật xuất thế ban bố giáo pháp này. Nếu có đại Bồ tát nào thực hành Bát nhã ba la mật này mà chẳng xa rời, thì chúng tôi xem vị đó như đức Phật. Tại sao vậy? Vì trong Bát nhã ba la mật này dầu không có pháp nào được có, từ sắc đến Nhứt thiết chủng trí; nhưng có giáo pháp Tam

thừa, tức là Thanh văn thừa, Bích chi Phật thừa và Phật thừa.

Đức Phật nói:

Đúng như vậy. Này chư Thiên Tử! Như lời của các Ngài nói: Trong Bát nhã ba la mật này dầu không có pháp nào được có, từ sắc đến Nhứt thiết chủng trí, nhưng có giáo pháp Tam thừa: Thanh văn thừa, Bích Chi Phật thừa và Phật thừa.

Này chư Thiên Tử! Nếu có đại Bồ tát thực hành Bát nhã ba la mật này mà chẳng xa rời, thì nên xem như đức Phật, vì vô sở đắc vậy. Tại sao vậy? Trong Bát nhã ba la mật nói rộng về giáo pháp Tam thừa: Thanh văn thừa, Bích chi Phật thừa và Phật thừa. Trong Đàn na ba la mật, Phật bất khả đắc. Rời Đàn na ba la mật, Phật cũng bất khả đắc. Nhẫn đến trong Nhứt thiết chủng trí, Phật bất khả đắc. Rời Nhứt thiết chủng trí, Phật cũng bất khả đắc.

Này chư Thiên Tử! Đại Bồ tát nếu có thể học tất cả pháp này, từ Đàn na ba la mật đến Nhứt thiết chủng trí, vì có sự trên đây nên xem vị ấy như đức Phật.

Này chư Thiên Tử! Thuở xưa, thời kỳ Phật Nhiên Đăng, nơi đầu ngã tư đường trong thành Hoa Nghiêm, ta được thấy Phật và nghe pháp,

liền chẳng rời công hạnh Đản na ba la mật nhẫn đến chẳng rời công hạnh Bát nhã ba la mật; chẳng rời nội không đến vô pháp hữu pháp không; chẳng rời tứ niệm xứ đến bát Thánh đạo phần; chẳng rời tứ thiên, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định; chẳng rời tất cả tam muội môn, tất cả đà la ni môn; chẳng rời tứ vô sở úy, thập lực, tứ vô ngại trí, thập bát bất cộng pháp; chẳng rời đại từ đại bi và vô lượng Phật pháp khác, vì vô sở đắc vậy. Bảy giờ đức Phật Nhiên Đăng thọ ký cho Ta, qua khỏi một a tăng kỳ kiếp vị lai, sẽ thành Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn.

Chư Thiên Tử thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Rất là hy hữu, Bát nhã ba la mật này có thể làm cho chư đại Bồ tát được Nhứt thiết trí, vì nơi sắc đến Nhứt thiết chủng trí chẳng thủ chẳng xả vậy”.

Bảy giờ đức Phật nhìn khắp hội chúng: Chư Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di, chư đại Bồ tát, chư Thiên vương, chư Phạm vương và chư Thiên tử, Thiên nữ. Nhìn khắp hội chúng xong, đức Phật nói với Thiên Đế Thích Đề Hoàn Nhơn:

Này Kiều Thi Ca! Hoặc đại Bồ tát, hoặc hàng tứ chúng, hoặc chư Thiên tử Thiên nữ, nếu ai

nghe thọ trì đọc tụng thân cận giảng thuyết chánh ức niệm Bát nhã ba la mật này chẳng rời tâm Nhứt thiết trí, thì các loài ma chẳng phá hoại được. Tại sao vậy? Vì thiện nam thiện nữ này biết rõ chắc sắc Không nhân đến Nhứt thiết chủng trí Không. Không chẳng thể phá hoại Không, vô tướng chẳng thể phá hoại vô tướng, vô tác chẳng thể phá hoại vô tác. Tại sao vậy? Vì các pháp này tự tánh tự tướng bất khả đắc nên không có sự gì phá hoại được thì đâu có ai chịu lấy nỗi hại.

Lại này Kiều Thi Ca! Thiện nam và thiện nữ này, hàng Nhơn, Phi nhơn không thể hại được. Tại sao vậy? Vì thiện nam và thiện nữ này, ở trong tất cả chúng sanh khéo tu tâm từ bi hỷ xả, vì vô sở đắc vậy.

Lại này Kiều Thi Ca! Thiện nam và thiện nữ này trọn không bị hoạnh tử. Tại sao vậy? Vì thiện nam và thiện nữ này thực hành Đàn na ba la mật, với tất cả chúng sanh đều dùng tâm bình đẳng mà cung cấp vậy.

Lại này Kiều Thi Ca! Trong Đại thiên thế giới, chư Thiên vương, chư Phạm vương và chư Thiên tử, chư Thiên nữ, có ai phát tâm Vô thượng Bồ đề mà chưa nghe Bát nhã ba la mật này và chưa thọ trì thân cận, thì vị Trời ấy nay đây phải

nghe thọ trì thân cận đọc tụng chánh ức niệm chẳng rời tâm Nhứt thiết trí.

Lại này Kiều Thi Ca! Các thiện nam và thiện nữ nghe Bát nhã ba la mật này rồi thọ trì thân cận đọc tụng chánh ức niệm chẳng rời tâm Nhứt thiết trí, thì hoặc ở nhà vắng, hoặc ở núi rừng, hoặc ở chỗ đông người trọn không có sự kinh sợ. Tại sao vậy? Vì các thiện nam và thiện nữ này biết rõ nội Không, biết rõ ngoại không, nhãn đến biết rõ vô pháp hữu pháp Không, vì vô sở đắc vậy.

Chư Thiên Tử thưa:

Bạch đức Thế Tôn! Các thiện nam và thiện nữ có thể thọ trì Bát nhã ba la mật và thân cận đọc tụng chánh ức niệm chẳng rời tâm Nhứt thiết trí, thì chư Thiên chúng tôi phải thường thủ hộ người đó. Tại sao vậy?

Bạch đức Thế Tôn! Vì do đại Bồ tát nơn duyên nên dứt được ba ác đạo, dứt được sự nghèo cùng của trời người, dứt được những tai hoạn tật bệnh đói khát.

Vì do đại Bồ tát nơn duyên nên có mười nghiệp đạo lành xuất hiện thế gian và cũng xuất hiện tứ thiên đến Nhứt thiết chủng trí.

Vì do đại Bồ tát nơn duyên nên thế gian bèn có những nhà đại tộc, những dòng tôn quý và

Chuyển Luân Thánh Vương cùng chư Thiên từ Tứ Vương Thiên đến Sắc Cứu Cánh Thiên.

Vì do đại Bồ tát nhơn duyên nên có quả xuất thế Tu đà hoàn đến Bích chi Phật đạo.

Vì do đại Bồ tát nhơn duyên nên có thành tựu chúng sanh tịnh Phật quốc độ mà có chư Phật xuất hiện thế gian, mà có chuyển pháp luân, mà biết có Phật bảo Pháp bảo và Tỳ kheo Tăng bảo.

Bạch đức Thế Tôn! Do nhơn duyên trên đây nên tất cả thế gian chư Thiên và mọi người cùng A tu la phải thủ hộ đại Bồ tát này.

Đức Phật nói:

Đúng như vậy! Đây chư Thiên Tử! Do đại Bồ tát nhơn duyên mà dứt ba ác đạo nhĩn đến có Tam Bảo xuất hiện thế gian. Vì thế nên chư Thiên và mọi người cùng A tu la phải thường thủ hộ cúng dường cung kính tôn trọng tán thán đại Bồ tát này. Đây chư Thiên Tử! Cúng dường kính trọng đại Bồ tát này thì là cúng dường đức Phật.

Này chư Thiên Tử! Ví như trong cõi Đại thiên, hàng Thanh văn và Bích chi Phật đông nhiều như rừng rậm lúa mè tre lau, có thiện nam thiện nữ cúng dường kính trọng khắp tất cả cũng không bằng phước đức cúng dường kính

trọng bực đại Bồ tát sơ phát tâm chẳng rời sáu ba la mật.

Tại sao vậy? Vì chẳng do nơi Thanh văn và Bích chi Phật nhơn duyên nên có đại Bồ tát và chư Phật xuất thế. Mà do đại Bồ tát nhơn duyên nên có Thanh văn và Bích chi Phật cùng chư Phật xuất hiện thế gian.

Vì thế nên, này Kiều Thi Ca! Tất cả thế gian chư Thiên và mọi người cùng A tu la phải thường thủ hộ cúng dường cung kính, tôn trọng tán thán đại Bồ tát này”.

*



KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

PHẨM DIỆT TRÁNH
THỨ BA MƯƠI MỘT

Thiên Đế Thích Đề Hoàn Nhơn thưa:

Bạch đức Thế Tôn! Rất lạ lòng hy hữu, đại Bồ tát Bát nhã ba la mật! Nếu ai được nghe thọ trì thân cận đọc tụng giảng thuyết chánh ức niệm được công đức trong hiện đời như vậy, cũng thành tựu chúng sanh trang nghiêm thành tịnh cõi Phật, từ một Phật quốc đến một Phật quốc cúng dường chư Phật, muốn có đồ cúng dường liền tùy ý liền được, theo chư Phật nghe pháp đến được Vô thượng Bồ đề trọn không giữa chừng quên sót. Đại Bồ tát này cũng được gia thành tựu, mẫu

thành tựu, sanh thành tựu, quyền thuộc thành tựu, tướng thành tựu, quang minh thành tựu, nhãn thành tựu, nhĩ thành tựu, tam muội thành tựu, đà la ni thành tựu.

Đại Bồ tát này dùng phương tiện lực biến thân như Phật, đến các quốc độ không Phật để tán dương lục ba la mật, tứ niệm xứ đến thập bát bất cộng pháp, dùng sức phương tiện mà thuyết pháp, dùng pháp Tam thừa để độ thoát chúng sanh, chánh là Thanh văn thừa Bích chi Phật thừa và Phật thừa.

Bạch đức Thế Tôn! Rất hy hữu! Thọ trì Bát nhã ba la mật là đã tổng nhiếp năm ba la mật đến mười tám pháp bất cộng, cũng là tổng nhiếp quả Tu đà hoàn đến Phật đạo và Nhứt thiết chủng trí.

Đức Phật nói:

Đúng như vậy. Nay Kiều Thi Ca! Thọ trì Bát nhã ba la mật là đã tổng nhiếp năm ba la mật đến Nhứt thiết chủng trí.

Lại này Kiều Thi Ca! Thiện nam thiện nữ thọ trì thân cận đọc tụng giảng thuyết chánh ức niệm Bát nhã ba la mật này hiện đời được công đức, nên nhứt tâm nghe kỹ.

Thiên Đế thưa: “ Bạch đức Thế Tôn! Chúng tôi kính xin thọ giáo”.

Đức Phật nói:

Này Kiều Thi Ca! Nếu có các ngoại đạo Phạm chí, hoặc ma vương ma dân, hoặc kẻ tăng thượng mạn muốn chống trái phá hoại tâm Bát nhã ba la mật của Bồ tát, những kẻ ấy vừa sanh lòng ác thì liền diệt mất trọn chẳng được như ý muốn. Tại sao vậy? Vì đại Bồ tát thường thực hành sáu ba la mật.

Do các chúng sanh mãi mãi tham tranh nên đại Bồ tát xả tất cả những nội vật ngoại vật để an lập chúng sanh trong Đàn na ba la mật.

Do các chúng sanh mãi mãi phá giới nên đại Bồ Tát xả tất cả những nội vật ngoại vật để an lập chúng sanh trong Giới na ba la mật.

Do các chúng sanh mãi mãi đấu tranh nên đại Bồ tát xả tất cả nội pháp, ngoại pháp để an lập chúng sanh nơi Nhân nhục ba la mật.

Do các chúng sanh mãi mãi giải đãi nên đại Bồ tát xả tất cả nội pháp, ngoại pháp để an lập chúng sanh nơi Tinh tấn ba la mật.

Do các chúng sanh mãi mãi loại tâm nên đại Bồ tát xả tất cả nội pháp, ngoại pháp để an lập chúng sanh nơi Thiền na ba la mật.

Do các chúng sanh mãi mãi ngu si nên đại Bồ

tát xả tất cả nội pháp, ngoại pháp để an lập chúng sanh nơi Bát nhã ba la mật.

Do chúng sanh mãi mãi vì ái kiết mà luân chuyển sanh tử, nên đại Bồ tát này dùng sức phương tiện dứt ái kiết của chúng sanh, để an lập chúng sanh nơi tứ thiên, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, tứ niệm xứ đến Phật đạo.

Trên đây là đại Bồ tát thực hành Bát nhã ba la mật được công đức trong đời hiện tại. Công đức đời sau được Vô thượng Bồ đề, chuyển pháp luân, đầy đủ hạnh nguyện, nhập Vô dư Niết bàn.

Lại này Kiều Thi Ca! Nếu thiện nam tử thiện nữ như nghe thọ trì thân cận đọc tụng giảng thuyết chánh ức niệm Bát nhã ba la mật này, thì chỗ của người này ở, các hàng ngoại đạo, ma vương ma dân, kẻ tăng thượng mạn muốn khinh hủy vãn nạn phá hoại Bát nhã ba la mật trọn chẳng thành được. Ác tâm của người này lần giảm diệt mà công đức lần thêm lớn. Nhờ nghe Bát nhã ba la mật này nên lần lần do đạo Tam thừa đặng hết những sự khổ.

Này Kiều Thi Ca! Ví như có vị thuốc tên Ma kỳ. Có rắn đói đi kiếm ăn thấy mỗi muốn mổ ăn, con mỗi chạy đến chỗ vị thuốc Ma kỳ. Do sức của hơi thuốc nên rắn không dám tiến lại mà phải trở lui. Vì sức thuốc có thể thắng sức độc vậy.

Này Kiều Thi Ca! Thiện nam thiện nữ này nghe thọ trì thân cận đọc tụng giảng thuyết chánh ức niệm Bát nhã ba la mật này, nếu có những sự đấu tranh muốn đến phá hoại, do oai lực của Bát nhã ba la mật, ác sự liền mau tiêu diệt, người này liền sanh thiện tâm thêm nhiều công đức. Tại sao vậy? Vì Bát nhã ba la mật này có thể diệt những sự đấu tranh.

Những gì là sự đấu tranh? Chánh là tham, sân, si, vô minh dẫn đến những cái, kiết, sử, triền, nhóm khổ lớn, ngã kiến, nhơn kiến, chúng sanh kiến, đoạn kiến, thường kiến, cấu kiến, tịnh kiến, hữu kiến, vô kiến, xan tham, phạm giới, sân khuê, giải đãi, loạn ý, vô trí, thường tướng, lạc tướng, tịnh tướng, ngã tướng, chấp sắc, chấp thọ tướng hành thức, chấp Đàn na ba la mật dẫn đến chấp Nhứt thiết chủng trí, chấp Niết bàn, những sự đấu tranh này đều có thể tiêu diệt không cho tăng trưởng.

Lại này Kiều Thi Ca! Trong Đại thiên thế giới chư Thiên vương đến Sắc Cứu Cánh Thiên thường thủ hộ thiện nam thiện nữ nào có thể nghe thọ trì Bát nhã ba la mật, cúng dường người đọc tụng giảng thuyết chánh ức niệm Bát nhã ba la mật. Hiện tại chư Phật mười phương cũng đồng ủng hộ thiện nam thiện nữ này.

Các thiện nam thiện nữ này dứt pháp ác, thêm lớn pháp lành, như là Đàn na ba la mật càng tăng đến Nhứt thiết chủng trí, càng tăng vì vô sở đắc vậy. Các thiện nam thiện nữ này có lời nói ra đều được người tín thọ, hàng thân hữu bền chặt. Thiện nam thiện nữ này không nói lời vô ích, chẳng bị sân khúe che đậy, chẳng bị kiêu mạn xan tham tật đố che đậy. Người này tự mình chẳng sát sanh, dạy người chẳng sát sanh, tán thán pháp chẳng sát sanh, cũng hoan hỷ tán thán người chẳng sát sanh. Người này tự mình xa lìa trộm cắp, dạy người chẳng trộm cắp, tán thán pháp chẳng trộm cắp, cũng hoan hỷ tán thán người chẳng trộm cắp. Người này tự mình chẳng tà dâm, dạy người chẳng tà dâm, tán thán pháp chẳng tà dâm, cũng hoan hỷ tán thán người chẳng tà dâm. Người này tự mình chẳng vọng ngữ, dạy người chẳng vọng ngữ, tán thán pháp chẳng vọng ngữ, cũng hoan hỷ tán thán người chẳng vọng ngữ. Nơi chẳng lưỡng thiệt, chẳng ác khẩu và chẳng vô ích ngữ cũng như vậy.

Người này tự mình chẳng tham, dạy người chẳng tham, tán thán pháp chẳng tham, cũng hoan hỷ tán thán người chẳng tham. Nơi chẳng sân não và chẳng tà kiến cũng như vậy.

Người này tự thực hành Đản na ba la mật, dạy người thực hành Đản na ba la mật, tán thán pháp Đản na ba la mật, cũng hoan hỷ tán thán người thực hành Đản na ba la mật. Nhân đến tự được Nhứt thiết chủng trí, dạy người được Nhứt thiết chủng trí, tán thán pháp Nhứt thiết chủng trí, cũng hoan hỷ tán thán người được Nhứt thiết chủng trí.

Đại Bồ tát này lúc thực hành sáu ba la mật, có bố thí bao nhiêu đều cùng chúng sanh hồi hướng Vô thượng Bồ đề, vì vô sở đắc vậy. Lúc thực hành lục ba la mật như vậy, thiện nam thiện nữ này nghĩ rằng:

Nếu không bố thí, tôi sẽ sanh nhà bần cùng, chẳng có thể thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, cũng chẳng có thể được Nhứt thiết chủng trí.

Nếu không giữ giới, tôi sẽ sanh trong ba ác đạo, còn chẳng được thân người hướng là có thể thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ được Vô thượng Bồ đề.

Nếu không tu nhẫn nhục, thân tôi sẽ hủy hoại, các căn sắc lực sẽ không đầy đủ, chẳng thể được sắc thân toàn vẹn của Bồ tát mà chúng sanh ngó thấy ắt thêm lớn căn lành mãi đến Vô thượng Bồ đề, cũng không thể thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, được Nhứt thiết chủng trí.

Nếu giải đãi, tôi chẳng thể được Bồ tát đạo, thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, được Nhứt thiết chủng trí.

Nếu loạn tâm, tôi sẽ chẳng sanh được các thiên định, cũng chẳng thể thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, được Nhứt thiết chủng trí.

Nếu tôi vô trí không được phương tiện trí thì không thể vượt hơn bực Thanh văn, Bích chi Phật để thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, được Nhứt thiết chủng trí.

Đại Bồ tát này lại nghĩ rằng: Tôi chẳng nên vì tùy xan tham mà chẳng đầy đủ Đàn na ba la mật, chẳng nên vì tùy phạm giới mà chẳng đầy đủ Thi la ba la mật, chẳng nên vì tùy sân khuê mà chẳng đầy đủ Nhân nhục ba la mật, chẳng nên vì tùy giải đãi mà chẳng đầy đủ Tinh tấn ba la mật, chẳng nên vì tùy loạn ý mà chẳng đầy đủ Thiên na ba la mật, chẳng nên vì tùy si tâm mà chẳng đầy đủ Bát nhã ba la mật. Nếu chẳng đầy đủ sáu ba la mật, thì tôi trọn chẳng thể thành tựu Nhứt thiết chủng trí.

Thiện nam thiện nữ này thọ trì thân cận đọc tụng giảng thuyết chánh ức niệm Bát nhã ba la mật như vậy cũng chẳng rời tâm Nhứt thiết chủng trí, được những công đức đời này và đời sau.

Thiên Đế thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Hy hữu thay đại Bồ tát Bát nhã ba la mật, vì hồi hướng tâm Nhứt thiết chủng trí, cũng vì chẳng cao tâm”.

Đức Phật nói: “Này Kiều Thi Ca! Thế nào là đại Bồ tát Bát nhã ba la mật vì hồi hướng tâm Nhứt thiết trí, cũng vì chẳng cao tâm?”.

Thiên Đế thưa:

Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ tát nếu thực hành thế gian Đản na ba la mật bồ thí cho chư Phật, Bích chi Phật, Thanh văn và người nghèo cùng khốn khổ, vì không phương tiện nên sanh cao tâm. Nếu thực hành thế gian Thi la ba la mật, nghĩ rằng tôi thực hành trì giới, tôi có thể đầy đủ giới ba la mật, vì không phương tiện nên sanh cao tâm. Nhân đến thực hành thế gian Bát nhã ba la mật, nghĩ rằng tôi thực hành Bát nhã ba la mật, tôi tu Bát nhã ba la mật, vì không phương tiện nên sanh cao tâm.

Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ tát lúc tu thế gian tứ niệm xứ, tự nghĩ rằng tôi tu tứ niệm xứ, tôi đầy đủ tứ niệm xứ, vì không phương tiện nên sanh cao tâm. Nhân đến mười tám pháp bất cộng đến Nhứt thiết chủng trí, nghĩ rằng tôi tu pháp bất cộng, tôi sẽ thành tựu chúng sanh, tôi sẽ thanh tịnh Phật độ, tôi sẽ được Nhứt thiết chủng trí. Vì còn có ngã ngữ không phương tiện nên sanh cao tâm.

Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ tát thực hành thế gian thiện pháp như vậy, vì thấy có ngô ngã nên sanh cao tâm.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu đại Bồ tát thực hành xuất thế gian Đàn na ba la mật chẳng thấy có người thí, chẳng thấy có kẻ nhận, chẳng thấy có vật bố thí. Thực hành xuất thế gian Đàn na ba la mật như vậy vì hồi hướng Nhứt thiết chủng trí cũng chẳng sanh cao tâm.

Thực hành Thi la ba la mật, Thi la ba la mật bất khả đắc. Thực hành Nhẫn nhục Ba la mật, Nhẫn nhục ba la mật bất khả đắc. Thực hành Tinh tấn ba la mật, Tinh tấn ba la mật bất khả đắc. Thực hành Thiên na ba la mật, Thiên na ba la mật bất khả đắc. Thực hành Bát nhã ba la mật, Bát nhã ba la mật bất khả đắc. Tu tứ niệm xứ, tứ niệm xứ bất khả đắc. Nhẫn đến tu Nhứt thiết chủng trí, Nhứt thiết chủng trí bất khả đắc.

Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ tát Bát nhã ba la mật như vậy, vì hồi hướng Nhứt thiết chủng trí, vì chẳng sanh cao tâm.

*



KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

PHẨM BŨU PHÁP ĐẠI MINH
THỨ BA MƯƠI HAI

* Đức Phật nói với Thiên Đế:

Này Kiều Thi Ca! Nếu có thiện nam thiện nữ nghe Bát nhã ba la mật này rồi thọ trì thân cận đọc tụng giảng thuyết chánh ức niệm chẳng rời tâm Nhứt thiết trí, lúc lâm trận, do tụng Bát nhã ba la mật nên vào trong quân trận trọn chẳng mất mạng, đao tên không hại. Tại sao vậy? Thiện nam thiện nữ này mãi mãi thực hành sáu ba la mật, tự trừ đao tên dâm dục của mình cũng trừ đao tên dâm dục của người khác, tự trừ đao tên sân khuể

* Hán bộ quyển thứ 10.

của mình cũng trừ đao tên sân khuể của người khác, tự trừ đao tên ngu si của mình cũng trừ đao tên ngu si của người khác, tự trừ đao tên tà kiến cũng trừ đao tên tà kiến của người, tự trừ đao tên triền cấu cũng trừ đao tên triền cấu của người, tự trừ đao tên kiết sử cũng trừ đao tên kiết sử của người. Nay Kiều Thi Ca! Do nhơn duyên này nên thiện nam thiện nữ này chẳng bị đao tên làm hại.

Lại này Kiều Thi Ca! Thiện nam thiện nữ nghe Bát nhã ba la mật này thọ trì thân cận đọc tụng giảng thuyết chánh ức niệm chẳng rời tâm Nhứt thiết trí, tất cả những độc như ác như thuốc độc, cỏ độc, hàm lửa, nước sâu, dao chém đều không làm hại được.

Tại sao vậy? Vì Bát nhã ba la mật này là đại minh chú, là vô thượng chú. Nếu thiện nam thiện nữ học đại minh chú này thì chẳng tự nào hại lấy thân mình, cũng chẳng nào hại người khác, cũng chẳng nào hại cả mình lẫn người.

Tại sao vậy? Vì thiện nam thiện nữ này chẳng thấy có ngã, chẳng thấy có chúng sanh, nhãn đến tri giả kiến giả đều bất khả đắc. Chẳng thấy có sắc, nhãn đến chẳng thấy có Nhứt thiết chủng trí. Vì chẳng thấy có, nên chẳng tự nào hại thân mình, chẳng nào hại người khác, cũng chẳng nào hại cả mình lẫn người.

Vì học đại minh chú này nên được Vô thượng Bồ đề, quán tâm của tất cả chúng sanh mà tùy ý thuyết pháp. Tại sao vậy? Vì quá khứ chư Phật học đại minh chú này đã được Vô thượng Bồ đề, vị lai chư Phật học đại minh chú này sẽ được Vô thượng Bồ đề, hiện tại chư Phật học đại minh chú này được Vô thượng Bồ đề.

Lại này Kiều Thi Ca! Nếu có người chỉ biên chép quyển kinh Bát nhã ba la mật này mà thờ nơi nhà, chớ không thọ trì không đọc tụng, chẳng giảng thuyết, chẳng chánh ức niệm, tất cả hàng Nhơn Phi nhơn không thể phá hoại chỗ đó được. Tại sao vậy? Vì Bát nhã ba la mật này được tất cả chư Thiên Vương, chư Phạm Vương cùng chư Thiên trong Đại Thiên thế giới và trong vô số vô lượng thế giới mười phương đồng ủng hộ. Chỗ thờ Bát nhã ba la mật này, chư Thiên đều đến cúng dường kính trọng tán thán lễ lạy rồi đi. Chỉ có biên chép Bát nhã ba la mật để thờ tại nhà, mà thiện nam thiện nữ ấy còn được công đức hiện đời như vậy.

Ví như hoặc có người hoặc có súc vật đến dưới cây bồ đề, thì hàng Nhơn, Phi nhơn mang ác ý đến không làm hại được. Tại sao vậy? Vì chỗ cây Bồ đề này là nơi mà quá khứ chư Phật được Vô thượng Bồ đề, vị lai chư Phật và hiện tại chư

Phật cũng ở nơi đó được Vô thượng Bồ đề. Khi được thành Phật rồi, đều bố thí sự không kinh sợ cho tất cả chúng sanh, làm cho vô lượng vô số chúng sanh được phước lạc trong người trên trời, cũng làm cho vô lượng vô số chúng sanh được quả Tu đà hoàn đến quả Vô thượng Bồ đề. Do oai lực của Bát nhã ba la mật, nên chỗ ấy được sự cung kính lễ bái cúng dường.

Thiên Đế thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Nếu có thiện nam thiện nữ biên chép cúng dường Bát nhã ba la mật, hoặc có thiện nam thiện nữ sau khi đức Phật nhập diệt xây tháp cúng dường xá lợi, hai người này ai được phước nhiều?”.

Đức Phật nói:

Này Kiều Thi Ca! Ta hỏi lại Ngài tùy ý Ngài đáp. Do học đạo gì mà Phật được Vô thượng Bồ đề cùng thân tướng hảo này?

Thiên Đế thưa:

Bạch đức Thế Tôn! Do học trong Bát nhã ba la mật mà đức Phật được Vô thượng Bồ đề cùng thân tướng hảo đoan nghiêm.

Đức Phật nói:

Đúng như vậy! Này Kiều Thi Ca! Đức Phật từ trong Bát nhã ba la mật mà học được Nhứt thiết chủng trí.

Này Kiều Thi Ca! Chẳng phải do thân tướng hảo mà gọi là Phật. Chánh là do được Nhứt thiết chủng trí nên gọi là Phật.

Này Kiều Thi Ca! Nhứt thiết chủng trí của Phật sanh từ trong Bát nhã ba la mật.

Này Kiều Thi Ca! Thân của Phật đây là chỗ sở y của Nhứt thiết chủng trí. Như nơi thân này mà Phật được Nhứt thiết chủng trí nên nghĩ rằng thân của đức Phật đây là chỗ sở y của Nhứt thiết chủng trí. Vì thế nên sau khi Phật nhập Niết bàn, xá lợi sẽ được cúng dường.

Lại này Kiều Thi Ca! Nếu thiện nam thiện nữ nghe Bát nhã ba la mật này rồi biên chép, thọ trì, thân cận, đọc tụng, chánh ức niệm, cung kính cúng dường, tôn trọng tán thán, thì tức là cúng dường Nhứt thiết chủng trí.

Do có này nên thiện nam thiện nữ nên biên chép Bát nhã ba la mật này, rồi hoặc thọ trì, thân cận, đọc tụng, chánh ức niệm, kính trọng cúng dường, tán thán.

Sau khi đức Phật nhập Niết bàn, nếu có thiện nam thiện nữ xây tháp cúng dường xá lợi kính lễ tán thán. Lại có thiện nam thiện nữ biên chép thọ trì Bát nhã ba la mật này và kính trọng cúng dường tán thán, thì được phước rất nhiều.

Tại sao vậy? Vì trong Bát nhã ba la mật này xuất sanh nội Không đến vô pháp hữu pháp Không, xuất sanh tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng, xuất sanh tất cả tam muội tất cả thiên định tất cả đà la ni. Thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ đều xuất sanh từ trong Bát nhã ba la mật này. Bồ tát thành tựu tất cả công hạnh cũng từ trong Bát nhã ba la mật này. Tất cả phước quả của loài người cùng cõi trời đến Sắc Cứu Cánh Thiên đều từ Bát nhã ba la mật này sanh. Những Thánh quả từ Tu đà hoàn đến chư Phật và Nhưэт thiết chủng trí của chư Phật đều từ trong Bát nhã ba la mật này xuất sanh.

Thiên Đế thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Người Diêm Phù Đề chẳng cúng dường, kính trọng, tán thán Bát nhã ba la mật, phải chăng vì họ chẳng biết cúng dường thời được nhiều lợi ích?”

Đức Phật nói: “Này Kiều Thi Ca! Trong Diêm Phù Đề, đối với Phật, Pháp và Tăng có bao nhiêu người có lòng tin bất hoại? Có bao nhiêu người không nghi? Có bao nhiêu người quyết liễu?”

Thiên Đế thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Đối với Phật, Pháp và Tăng, trong Diêm Phù Đề ít người có lòng tin bất hoại, cũng ít người không nghi và quyết liễu”.

Đức Phật nói: “Này Kiều Thi Ca! Trong Diêm Phù Đề, có bao nhiêu người được ba mươi bảy phẩm trợ đạo, ba môn giải thoát, tám bội xả, chín thứ đệ định, bốn trí vô ngại, sáu thần thông?”

Trong Diêm Phù Đề có bao nhiêu người dứt ba kiết sử được đạo Tu đà hoàn? Bao nhiêu người dứt ba kiết sử cũng mong tham sân si được đạo Tư đà hàm? Bao nhiêu người dứt năm hạ phần kiết được đạo A na hàm? Bao nhiêu người dứt năm thượng phần kiết được đạo A la hán? Bao nhiêu người cầu đạo Bích chi Phật? Bao nhiêu người phát tâm Vô thượng Bồ đề?”

Thiên Đế thưa: “Trong Diêm Phù Đề ít người được ba mươi bảy phẩm trợ đạo, nhân đến ít người phát tâm Vô thượng Bồ đề”.

Đức Phật nói: “Đúng như vậy. Này Kiều Thi Ca! Trong Diêm Phù Đề ít người đối với Phật, Pháp, Tăng có lòng tin bất hoại không nghi và quyết liễm. Cũng ít người được ba mươi bảy phẩm trợ đạo, nhân đến ít người phát tâm Vô thượng Bồ đề. Trong những người phát tâm này lại ít người thực hành Bồ tát hạnh.

Tại sao vậy? Vì những chúng sanh trong Diêm Phù Đề, đời trước của họ chẳng thấy Phật, chẳng nghe Pháp, chẳng cúng dường Tỳ kheo Tăng,

chẳng bố thí, chẳng trì giới, chẳng nhẫn nhục, chẳng tinh tấn, chẳng thiền định, chẳng trí huệ, chẳng nghe nội Không đến vô pháp hữu pháp Không, chẳng nghe chẳng tu tứ niệm xứ đến bất cộng pháp, chẳng nghe chẳng tu những môn tam muội những môn đà la ni, cũng chẳng tu Nhứt thiết trí và Nhứt thiết chủng trí.

Do có trên đây nên ít chúng sanh tin bất hoại nơi Tam Bảo, nhân đến ít người phát tâm Vô thượng Bồ đề. Trong những người phát tâm lại ít người thực hành Bồ tát đạo. Trong những người thực hành Bồ tát đạo lại ít người được Vô thượng Bồ đề.

Này Kiều Thi Ca! Ta dùng Phật nhãn thấy trong những thế giới phương Đông có vô lượng vô số chúng sanh phát tâm Vô thượng Bồ đề thực hành Bồ tát đạo, nhưng vì xa lìa sức phương tiện Bát nhã ba la mật nên có rất ít người được an trụ bực bất thối chuyển, còn phần nhiều thì sa vào hàng Thanh văn Bích chi Phật. Trong chín phương kia cũng như vậy.

Vì thế nên thiện nam thiện nữ phát tâm cầu Vô thượng Bồ đề phải nghe Bát nhã ba la mật và phải thọ trì thân cận đọc tụng giảng thuyết chánh ức niệm. Xong rồi lại phải biên chép cung

kính tôn trọng tán thán và cúng dường Bát nhã ba la mật.

Những thiện pháp khác vào trong Bát nhã ba la mật cũng phải nghe thọ trì nhẫn đến cúng dường. Những gì là thiện pháp khác? Chánh là Đàn na ba la mật đến Thiền na ba la mật, nội Không đến vô pháp hữu pháp Không, những tam muội môn, đà la ni môn, tứ niệm xứ đến bất cộng pháp, đại từ đại bi. Vô lượng thiện pháp như vậy đều vào trong Bát nhã ba la mật cũng phải nghe thọ trì nhẫn đến chánh ức niệm và tán thán cúng dường.

Thiện nam thiện nữ phải nghĩ rằng lúc làm Bồ tát, đức Phật học và thực hành Bát nhã ba la mật cùng vô lượng thiện pháp như vậy. Chúng tôi cũng phải tùy học như vậy.

Tại sao vậy? Vì Bát nhã ba la mật cùng vô lượng thiện pháp là chỗ tôn quý của tôi, là pháp ấn của chư Phật, cũng là pháp ấn của Thanh văn, Bích chi Phật. Chư Phật do học Bát nhã ba la mật nhẫn đến Nhứt thiết chủng trí mà được đến bỉ ngạn. Chư Bích chi Phật và Thanh văn cũng do học Bát nhã ba la mật nhẫn đến Nhứt thiết trí mà được đến bỉ ngạn.

Này Kiều Thi Ca! Thế nên thiện nam thiện nữ, lúc Phật còn tại thế hoặc sau khi Phật nhập Niết

bàn, phải y chỉ Bát nhã ba la mật, Thiên na ba la mật, Tinh tấn ba la mật, Nhẫn nhục ba la mật, Thi la ba la mật, Đàn na ba la mật, nhẫn đến phải y chỉ Nhứt thiết chủng trí. Tại sao vậy? Vì Bát nhã ba la mật nhẫn đến Nhứt thiết chủng trí là chỗ mà chư Thanh văn, Bích chi Phật, Bồ tát, chư Phật và tất cả thế gian Trời, Người, A tu la đều đáng y chỉ nơi đó.

Sau khi Phật nhập Niết bàn, nếu thiện nam thiện nữ, vì cúng dường Phật mà xây tháp bảy báu cao một do tuần, dùng hoa hương anh lạc phan cái kỹ nhạc cõi Trời để cúng dường cung kính tôn trọng, tán thán. Nay Kiều Thi Ca! Do ơn duyên này thiện nam thiện nữ ấy được phước nhiều chăng?

Thiên Đế nói: “Bạch đức Thế Tôn! Rất nhiều rất nhiều!”.

Đức Phật nói:

Nhưng vẫn không bằng phước của thiện nam thiện nữ nghe Bát nhã ba la mật này và biên chép thọ trì thân cận đọc tụng chánh ức niệm chẳng rời tâm Tát bà nhã, cùng cung kính tôn trọng tán thán cúng dường.

Nay Kiều Thi Ca! Chẳng luận một tháp bảy báu. Sau khi Phật nhập Niết bàn, vì cúng dường

Phật nên thiện nam thiện nữ xây tháp bảy báu khắp Diêm Phù Đề cũng đều cao một do tuần, dùng hoa hương anh lạc phan cái kỹ nhạc cõi Trời để cúng dường cung kính tôn trọng tán thán. Thiện nam thiện nữ ấy được phước nhiều chăng?

Thiên Đế thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Phước của thiện nam thiện nữ ấy rất nhiều”.

Đức Phật nói:

Nhưng vẫn chẳng bằng phước của thiện nam thiện nữ nghe Bát nhã ba la mật nhân đến cúng dường kính trọng tán thán.

Này Kiều Thi Ca! Chẳng luận xây tháp khắp một Diêm Phù Đề. Sau khi Phật nhập Niết bàn, thiện nam thiện nữ vì cúng dường Phật nên xây tháp bảy báu đều cao một do tuần khắp bốn châu thiên hạ. Thiện nam thiện nữ này được phước nhiều chăng?

Thiên Đế thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Rất nhiều”.

Đức Phật nói:

Nhưng vẫn chẳng bằng phước của thiện nam thiện nữ biên chép đến cúng dường Bát nhã ba la mật.

Này Kiều Thi Ca! Lại chẳng luận xây tháp bảy báu khắp bốn châu thiên hạ. Sau khi Phật

nhập Niết bàn, thiện nam thiện nữ vì cúng dường Phật nên xây tháp bảy báu đều cao một do tuần khắp Tiểu thiên thế giới. Thiện nam thiện nữ này được phước nhiều chăng?

Thiên Đế thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Rất nhiều”.

Đức Phật nói:

Nhưng vẫn chẳng bằng phước của thiện nam thiện nữ biên chép đến cúng dường Bát nhã ba la mật.

Này Kiều Thi Ca! Lại chẳng luận xây tháp bảy báu khắp Tiểu thiên thế giới. Sau khi Phật nhập Niết bàn, thiện nam thiện nữ vì cúng dường Phật nên xây tháp bảy báu đều cao một do tuần khắp Trung thiên thế giới. Thiện nam thiện nữ này được phước nhiều chăng?

Thiên Đế thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Rất nhiều”.

Đức Phật nói:

Nhưng vẫn chẳng bằng phước của thiện nam thiện nữ cúng dường Bát nhã ba la mật.

Này Kiều Thi Ca! Lại chẳng luận xây tháp bảy báu đầy Trung thiên thế giới. Sau khi Phật nhập Niết bàn, thiện nam thiện nữ vì cúng dường Phật nên xây tháp bảy báu đều cao một do tuần khắp Đại thiên thế giới, rồi cúng dường trọn đời. Thiện nam thiện nữ này phước nhiều chăng?

Thiên Đế thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Rất nhiều rất nhiều”.

Đức Phật nói:

Nhưng vẫn chẳng bằng phước của thiện nam thiện nữ biên chép Bát nhã ba la mật này, rồi thọ trì cung kính tôn trọng tán thán cúng dường.

Này Kiều Thi Ca! Lại chẳng luận xây tháp bảy báu đầy Đại thiên thế giới. Sau khi Phật nhập Niết bàn, vì cúng dường Phật nên mỗi mỗi chúng sanh trong Đại thiên thế giới đều xây tháp bảy báu và đều cúng dường trọn đời, vẫn chẳng bằng phước của thiện nam thiện nữ biên chép thọ trì Bát nhã ba la mật nhân đến chánh ức niệm chẳng rời tâm Nhứt thiết trí, và cũng cung kính tôn trọng tán thán cúng dường.

Thích Đề Hoàn Nhơn thưa:

Bạch đức Thế Tôn! Đúng như vậy. Nếu có ai cúng dường tôn trọng tán thán Bát nhã ba la mật này, thì là cúng dường chư Phật quá khứ vị lai hiện tại.

Bạch đức Thế Tôn! Sau khi đức Phật nhập Niết bàn, nếu mỗi mỗi chúng sanh trong hằng sa quốc độ mười phương, vì cúng dường đức Phật nên xây tháp bảy báu cao một do tuần, rồi cúng dường bửu tháp hoặc một kiếp hoặc dưới một

kiếp. Bạch đức Thế Tôn! Những người cúng dường như vậy, có được phước nhiều chăng?

Đức Phật nói: “Rất nhiều”.

Thiên Đế thưa:

Nếu có thiện nam thiện nữ biên chép Bát nhã ba la mật này nhĩn đến chánh ức niệm cung kính tôn trọng tán thán và cúng dường, thì được phước lại nhiều lớn hơn. Tại sao vậy? Vì tất cả pháp lành đều nhập vào trong Bát nhã ba la mật. Như là những pháp lành thập thiện đạo, tứ thiên, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, ba mươi bảy phẩm trợ đạo, ba môn giải thoát, tứ đế, sáu thần thông, tám bội xả, chín thứ đệ định, sáu ba la mật, mười tám không, những tam muội môn, những đà la ni môn, mười trí lực, bốn vô sở úy, bốn vô ngại trí, đại từ đại bi, mười tám pháp bất cộng, Nhứt thiết trí, Đạo chủng trí, Nhứt thiết chủng trí.

Bạch đức Thế Tôn! Đây gọi là pháp ấn của tất cả chư Phật. Trong pháp này, tất cả Thanh văn, Bích chi Phật và tam thế chư Phật do học pháp này mà được đến bỉ ngạn”.

*



KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

PHẨM THUẬT THÀNH
THỨ BA MƯỜI BA

Bấy giờ đức Phật bảo Thiên Đế Thích Đề Hoàn Nhơn:

Đúng như vậy. Này Kiều Thi Ca! Các thiện nam thiện nữ ấy biên chép Bát nhã ba la mật này và học tập thọ trì đọc tụng thân cận giảng thuyết chánh ức niệm, lại thêm dùng hoa hương, chuỗi ngọc, phan cái, kỹ nhạc cúng dường, sẽ được vô số vô lượng bất khả tư nghì bất khả xưng lượng vô biên phước đức. Tại sao vậy?

Vì Nhứt thiết trí và Nhứt thiết chủng trí của chư Phật đều từ trong Bát nhã ba la mật mà sanh.

Vì Thiên na ba la mật đến Đản na ba la mật của chư Bồ tát đều từ trong Bát Nhã ba la mật mà sanh.

Vì nội Không đến vô pháp hữu pháp Không đều từ trong Bát nhã ba la mật mà sanh.

Vì tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng và ngũ nhãn của Phật đều từ trong Bát nhã ba la mật mà sanh.

Vì thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, Đạo chủng trí, Nhứt thiết chủng trí, tất cả Phật pháp, Thanh văn thừa, Bích chi Phật thừa và Phật thừa đều từ trong Bát nhã ba la mật mà sanh.

Này Kiều Thi Ca! Thế nên phước đức biên chép đến cúng dường Bát nhã ba la mật này hơn phước đức cúng dường bửu tháp trước kia, trăm ngàn muôn phần chẳng bằng một phần, nhân đến toán số thí dụ đều chẳng bằng được. Tại sao vậy?

Vì nếu Bát nhã ba la mật tồn tại thế gian, thì Phật bảo, Pháp bảo và Tỳ kheo Tăng bảo trọn chẳng đoạn tuyệt.

Vì nếu Bát nhã ba la mật tồn tại thế gian, thì thập thiện đạo, tứ thiên, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, lục ba la mật, tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng, Nhứt thiết trí, Nhứt thiết chủng trí đều hiện ra nơi đời.

Vì nếu Bát nhã ba la mật tồn tại thế gian, thì có những đại tộc, trưởng giả, cư sĩ, trời Tứ Thiên Vương đến trời Sắc Cứu Cánh, quả Tu đà hoàn đến quả A la hán, đạo Bích chi Phật, đạo Bồ tát, đạo Phật vô thượng, chuyên pháp luân, thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ.

*



KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

PHẨM KHUYẾN TRÌ
THỨ BA MƯƠI BỐN

Bấy giờ cả Đại thiên thế giới có bao nhiêu hàng Tứ Vương Thiên đến Sắc Cứu Cánh Thiên bảo Thiên Đế Thích Đề Hoàn Nhơn và chư Thiên rằng:

Các Ngài phải thọ, phải trì, phải thân cận, phải đọc tụng, phải giảng thuyết, phải chánh ức niệm Bát nhã ba la mật này. Tại sao vậy?

Vì thọ trì đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật này, thì tất cả pháp lành tu tập sẽ được đầy đủ. Hàng Thiên chúng thêm đông, hàng A tu la giảm bớt.

Vì thọ trì đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật này, thì Phật chủng chẳng dứt, Pháp chủng chẳng dứt, Tăng chủng chẳng dứt.

Vì Phật chủng Pháp chủng và Tăng chủng chẳng dứt, nên có lục ba la mật tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng xuất hiện nơi đời, nên có quả Tu đà hoàn đến quả Phật xuất hiện nơi đời.

Đức Phật bảo Thiên Đế:

Này Kiều Thi Ca! Ngài nên thọ trì đọc tụng chánh ức niệm Bát nhã ba la mật này. Tại sao vậy?

Nếu A tu la sanh tâm muốn chiến đấu với chư Thiên cõi Đao Lợi, Ngài nên tụng niệm Bát nhã ba la mật, tâm ác của A tu la liền tiêu diệt, chẳng còn muốn đấu chiến.

Nếu có Thiên tử hay Thiên nữ hiện năm tướng chết và sẽ sa vào loài chẳng vừa ý, Ngài nên ở trước mặt họ mà đọc tụng Bát nhã ba la mật. Nhờ nghe Bát nhã ba la mật, các Thiên tử Thiên nữ ấy tăng trưởng công đức nên được sanh trở lại bốn xứ. Vì nghe Bát nhã ba la mật thì được lợi ích lớn.

Này Kiều Thi Ca! Nếu có thiện nam thiện nữ hay là Thiên tử Thiên nữ nghe Bát nhã ba la mật này, vì được công đức nên lần lần sẽ được Vô thượng Chánh giác. Tại sao vậy?

Vì quá khứ chư Phật và hàng đệ tử đều học Bát nhã ba la mật này mà được Vô thượng Bồ đề nhập Vô dư y Niết bàn. Vị lai và hiện tại chư Phật cùng hàng đệ tử cũng đều học Bát nhã ba la mật này mà được Vô thượng Bồ đề nhập vô dư y Niết bàn.

Này Kiều Thi Ca! Bát nhã ba la mật này nhiếp tất cả pháp lành như là pháp Thanh văn, pháp Bích chi Phật, pháp Bồ tát và Phật pháp.

Thiên Đế thưa:

Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật là đại minh chú, là vô thượng minh chú, là vô đẳng đẳng minh chú. Tại sao vậy?

Vì Bát nhã ba la mật này hay trừ tất cả pháp bất thiện, hay cho tất cả pháp thiện.

Đức Phật nói:

Đúng như vậy. Này Kiều Thi Ca! Bát nhã ba la mật là đại minh chú, là vô thượng minh chú, là vô đẳng đẳng minh chú. Tại sao vậy?

Vì quá khứ vị lai hiện tại chư Phật đều hơn minh chú này mà được Vô thượng Bồ đề. Hơn minh chú này nên thế gian có mười nghiệp đạo lành, có tứ thiên, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, có Đàn na ba la mật đến pháp bất cộng, có pháp

tánh, pháp Như, pháp tướng, pháp trụ, pháp vị, thiết tế, có ngũ nhãn, quả Tu đà hoàn đến Nhứt thiết trí và Nhứt thiết chủng trí.

Này Kiều Thi Ca! Do nơi đại Bồ tát nên thế gian xuất hiện thập thiện, tứ thiên, nhẫn đến Nhứt thiết chủng trí, Tu đà hoàn nhẫn đến Phật.

Ví như trăng tròn chiếu sáng, các tinh tú cũng có thể chiếu sáng. Tất cả thiện pháp đến Nhứt thiết chủng trí tại thế gian, nếu thời kỳ không có Phật xuất thế, thì đều phát sanh từ chư Bồ tát. Phương tiện lực của đại Bồ tát này đều sanh từ Bát nhã ba la mật. Đại Bồ tát dùng phương tiện lực này để thực hành Đản na ba la mật đến Thiên na ba la mật, để thực hành nội Không đến vô pháp hữu pháp Không, để thực hành tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng, chẳng chứng bực Thanh văn Bích chi Phật, cũng có thể thành tựu chúng sanh thanh tịnh Phật độ, có thể thành tựu thọ mạng, thành tựu quốc độ, thành tựu quyền thuộc Bồ tát, được Nhứt thiết chủng trí. Tất cả như thế đều từ Bát nhã ba la mật phát sanh.

Lại này Kiều Thi Ca! Nếu thiện nam thiện nữ nghe Bát nhã ba la mật thọ trì thân cận nhẫn đến chánh ức niệm thì sẽ được thành tựu công đức đời này đời sau.

Thiên Đế thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Thiện nam thiện nữ thọ trì nhẫn đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật được công đức đời hiện tại như thế nào?”.

Đức Phật nói:

Này Kiều Thi Ca! Nếu thiện nam thiện nữ thọ trì Bát nhã ba la mật nhẫn đến chánh ức niệm thì trọn chẳng bị trúng độc mà chết, đao thương chẳng hại được, nước lửa cũng chẳng chìm đốt được, nhẫn đến bốn trăm lẻ bốn thứ bệnh chẳng xâm được, trừ nghiệp báo đời trước của người ấy.

Nếu có quan sự phát khởi, thiện nam thiện nữ này đến trước mặt quan không ai khiển trách được. Tại sao vậy? Vì oai lực của Bát nhã ba la mật vậy. Nếu thiện nam thiện nữ đọc tụng Bát nhã ba la mật đến trước mặt vua chúa đại thần, thì vua chúa đại thần đều hoan hỷ đón tiếp chuyện trò niềm nở. Tại sao vậy? Vì thiện nam thiện nữ này thường có tâm từ bi hỷ xả đối với chúng sanh vậy.

Này Kiều Thi Ca! Đó là thiện nam thiện nữ thọ trì đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật được công đức trong đời hiện tại. Những gì là công đức ở đời vị lai?

Thiện nam thiện nữ thọ trì đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật thì trọn chẳng rời thập thiện

đạo, tứ thiên, tứ vô lượng tâm, tứ không định, lục ba la mật, tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng. Người này trọn chẳng sa vào ba ác đạo. Thân mạo hoàn cụ. Trọn chẳng sanh vào nhà nghèo hèn hạ tiện. Thường được ba mươi hai tướng. Thường được hóa sanh trong nước hiện có Phật. Trọn chẳng rời lìa Bồ tát thần thông. Nếu muốn từ một Phật quốc đến một Phật quốc để cúng dường chư Phật và nghe Phật pháp thì được như ý. Những nước đã được đến người này đều có thể thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ lần lần được Vô thượng Bồ đề.

Này Kiều Thi Ca! Đó là công đức ở đời sau. Vì thế nên thiện nam thiện nữ phải thọ trì thân cận đọc tụng chánh ức niệm Bát nhã ba la mật này dùng hoa hương phan cái kỹ nhạc cúng dường, thường chẳng rời tâm Nhứt thiết trí. Thiện nam thiện nữ này được thành tựu công đức đời này đời sau nhân đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

*



KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

PHẨM KHIÊN TRỪ MA NGOẠI
THỨ BA MƯƠI LĂM

Bấy giờ chư ngoại đạo Phạm chí muốn đến tìm chỗ sở đoản của đức Phật. Thiên Đế nghĩ rằng: Như ngoại đạo Phạm chí này muốn đến tìm chỗ sở đoản của đức Phật, ta nên tụng niệm Bát nhã ba la mật của đức Phật vừa giáo thọ, tất chư ngoại đạo Phạm chí này trọn không thể làm trở ngại công việc giảng thuyết Bát nhã ba la mật. Nghĩ xong, Thiên Đế liền tụng Bát nhã ba la mật. Lúc đó chư ngoại đạo Phạm chí ở xa nhiều quanh đức Phật rồi đi trở về.

Ngài Xá Lợi Phất tâm niệm có chi mà chư

ngoại đạo Phạm chí ở xa nhiều quanh đức Phật rồi đi trở về?

Đức Phật bảo ngài Xá Lợi Phất:

Vì Thích Đề Hoàn Nhơn tụng niệm Bát nhã ba la mật, nên chư ngoại đạo Phạm chí xa nhiều quanh đức Phật rồi đi trở về.

Này Xá Lợi Phất! Ta chẳng thấy chư ngoại đạo Phạm chí ấy có chút thiện tâm, họ mang ác ý đến muốn tìm chỗ sở đoản của đức Phật.

Này Xá Lợi Phất! Lúc thuyết Bát nhã ba la mật, ta chẳng thấy tất cả thế gian hoặc chư Thiên, chư Ma, chư Phạm, hoặc trong chúng Sa môn, trong chúng Bà la môn, có ai mang ác ý mà có thể đến phá hoại được.

Tại sao vậy? Vì trong Đại thiên quốc độ này chư Tứ Thiên Vương đến Đại Tự Tại Thiên, chư Thanh văn, chư Bích chi Phật, chư Bồ tát và chư Phật đồng thủ hộ Bát nhã ba la mật này. Tại sao vậy? Vì chư Thiên đến chư Phật đều xuất sanh từ trong Bát nhã ba la mật.

Lại này Xá Lợi Phất! Trong hằng sa quốc độ mười phương, chư Thiên đến chư Phật cũng đồng thủ hộ Bát nhã ba la mật. Tại sao vậy? Vì chư Thiên đến chư Phật mười phương cũng đều xuất sanh từ trong Bát nhã ba la mật.

Bấy giờ có ác ma nghĩ rằng: Nay đây Phật cùng Tứ chúng hội họp với chư Thiên cõi Dục cõi Sắc, trong đó tất có bực đại Bồ tát được thọ ký sẽ thành Vô thượng Bồ đề. Ta phải đến đó để phá hoại đạo tâm của họ. Nghĩ xong, ác ma liền hóa hiện bốn bộ binh kéo đến chỗ đức Phật.

Thiên Đế biết là không phải binh chủng của vua Tần Bà La hay vua Ba Tư Nặc, cũng không phải của dòng Thích Ca và dòng Lê Xa. Đây tất là binh của ác ma hóa hiện. Ác ma này mãi tìm dịp hại chúng sanh, ta phải tụng niệm Bát nhã ba la mật. Thiên Đế liền tụng niệm Bát nhã ba la mật. Ác ma nghe tiếng tụng niệm, lần lần tan rã trở về.

Chư Thiên cõi Tứ Vương đến cõi Sắc Cứu Cánh ở cõi này và hằng sa cõi ở mười phương đồng hóa hiện những Thiên hoa từ trên không rải trên đức Phật và đồng xưng rằng:

Câu nguyện Bát nhã ba la mật ở lâu nơi Diêm Phù Đề. Tại sao vậy? Vì người Diêm Phù Đề thọ trì Bát nhã ba la mật thì Bát nhã ba la mật được trụ nơi thế gian. Tùy thời gian Bát nhã ba la mật an trụ, thì ở Diêm Phù Đề Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo cũng an trụ chẳng diệt. Cũng phân biệt biết rõ đạo đại Bồ tát. Và lại chỗ nào có thiện nam thiện nữ biên chép quyển Bát nhã ba la mật, thì chỗ đó tất chói sáng rời xa sự tối tăm.

Đức Phật bảo Thiên Đế và tất cả chư Thiên:

Đúng như vậy. Này Kiều Thi Ca và chư Thiên tử! Người Diêm Phù Đề thọ trì Bát nhã ba la mật, theo thời gian mà sự thọ trì này còn tồn tại thì cũng là thời gian mà Tam Bảo tồn tại. Nhân đến chỗ nào có thiện nam thiện nữ biên chép quyển kinh Bát nhã ba la mật, thì chỗ ấy tất chói sáng rời xa sự tối tăm.

Chư Thiên tử hóa hiện Thiên hoa rải trên đức Phật mà thưa rằng:

Bạch đức Thế Tôn! Nếu có thiện nam thiện nữ thọ trì Bát nhã ba la mật nhân đến chánh ức niệm thì ma chúa ma dân không làm hại được.

Bạch đức Thế Tôn! Chúng tôi cũng phải ủng hộ những người này, vì chúng tôi xem những người này như đức Phật hoặc kế đức Phật.

Thiên Đế thưa:

Bạch đức Thế Tôn! Thiện nam thiện nữ thọ trì Bát nhã ba la mật nhân đến chánh ức niệm, phải biết những người này đời trước đã làm công đức nhiều ở chỗ đức Phật, đã thân cận cúng dường chư Phật, được bực thiện tri thức hộ niệm.

Bạch đức Thế Tôn! Nhứt thiết trí của chư Phật phải tìm cầu trong Bát nhã ba la mật. Bát nhã ba

la mật cũng phải tìm cầu trong Nhứt thiết trí. Tại sao vậy?

Vì Bát nhã ba la mật chẳng khác Nhứt thiết trí. Nhứt thiết trí chẳng khác Bát nhã ba la mật. Bát nhã ba la mật cùng Nhứt thiết trí chẳng phải hai chẳng phải khác. Do đây nên hàng chư Thiên chúng tôi xem những người này như đức Phật hoặc kế đức Phật.

Đức Phật nói:

Đúng như vậy! Này Kiều Thi Ca! Nhứt thiết trí của chư Phật tức là Bát nhã ba la mật. Bát nhã ba la mật tức là Nhứt thiết trí. Tại sao vậy?

Này Kiều Thi Ca! Nhứt thiết trí của chư Phật đều xuất sanh từ trong Bát nhã ba la mật. Bát nhã ba la mật chẳng khác Nhứt thiết trí. Nhứt thiết trí chẳng khác Bát nhã ba la mật. Bát nhã ba la mật cùng Nhứt thiết trí chẳng phải hai chẳng phải khác”.

*



KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

PHẨM TÔN ĐẠO
THỨ BA MƯƠI SÁU

Ngài A Nan thưa:

Bạch đức Thế Tôn! Có sao chẳng ca ngợi Đàn na ba la mật đến mười tám pháp bất cộng, mà chỉ ca ngợi Bát nhã ba la mật?

Đức Phật nói:

Đối với năm môn ba la mật đến mười tám pháp bất cộng thì Bát nhã ba la mật là tôn đạo của tất cả. Nay A Nan! Bồ thí mà chẳng hỏi hướng Nhứt thiết trí thì có được gọi là Đàn na ba la mật chẳng? Trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí huệ mà chẳng hỏi hướng Nhứt thiết trí

thì có được gọi là thi la ba la mật đến Bát nhã ba la mật chăng?

Ngài A Nan thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Không”.

Đức Phật nói: “Do đó mà biết rằng Bát nhã ba la mật là tôn đạo đối với năm ba la mật đến mười tám pháp bất cộng, nên phải ca ngợi”.

Ngài A Nan thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là bố thí đến trí huệ hồi hướng Nhứt thiết trí được thành Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật?”.

Đức Phật nói:

Dùng bố thí không có hai pháp mà hồi hướng Nhứt thiết trí, thì gọi là Đàn na ba la mật, vì bất sanh bất khả đắc nên bố thí hồi hướng Nhứt thiết trí thì gọi là Đàn na ba la mật. Nhẫn đến dùng trí huệ không có hai pháp hồi hướng Nhứt thiết trí thì gọi là Bát nhã ba la mật, vì bất sanh bất khả đắc nên trí huệ hồi hướng Nhứt thiết trí thì gọi là Bát nhã ba la mật.

Ngài A Nan thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Thế nào dùng pháp không hai mà bố thí nhẫn đến dùng pháp không hai mà trí huệ hồi hướng Nhứt thiết trí, thì gọi là Đàn na ba la mật đến gọi là Bát nhã ba la mật?”.

Đức Phật nói:

Này A Nan! Vì sắc không hai pháp, vì thọ tướng hành thức không hai pháp, nhân đến vì Vô thượng Bồ đề không hai pháp. Tại sao vậy?

Vì sắc sắc tướng rỗng không. Đàn na ba la mật và sắc không hai không khác, nhân đến Vô thượng Bồ đề và Đàn na ba la mật không hai không khác. Năm ba la mật kia cũng như vậy. Vì thế nên, này A Nan! Chỉ ca ngợi Bát nhã ba la mật là tôn đạo của năm ba la mật đến Nhứt thiết chủng trí.

Này A Nan! Ví như mặt đất, đem hạt giống rải lên trên, đủ nhờ duyên hòa hiệp bèn mọc lên. Các hạt giống ấy nương nơi đất mà mọc lên. Cũng vậy, năm ba la mật nương Bát nhã ba la mật mà sanh. Tứ niệm xứ đến Nhứt thiết chủng trí đều nương Bát nhã ba la mật mà sanh. Thế nên Bát nhã ba la mật là tôn đạo của năm ba la mật đến mười tám pháp bất cộng.

Thiên Đế thưa:

Bạch đức Thế Tôn! Đức Phật nói chưa hết công đức của người thọ trì đến chánh ức niệm của Bát nhã ba la mật. Tại sao vậy?

Vì người thọ trì đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật thì thọ lấy đạo Vô thượng của tam thế chư Phật. Vì muốn được Nhứt thiết trí phải tìm cầu

trong Bát nhã ba la mật. Muốn được Bát nhã ba la mật phải tìm cầu trong Nhứt thiết trí.

Bạch đức Thế Tôn! Do thọ trì đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật mà thế gian xuất hiện thập thiện đạo, tứ thiên, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định nhĩ đến mười tám pháp bất cộng. Do thọ trì đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật mà thế gian bèn có những danh nhơn vọng tộc, trời Tứ Vương đến trời Sắc Cứu Cánh. Do thọ trì đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật mà thế gian bèn có Tu đà hoàn, Tư đà hàm, A na hàm, A la hán, Bích chi Phật, đại Bồ tát. Do thọ trì đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật mà có chư Phật Thế Tôn xuất hiện thế gian.

Đức Phật nói:

Này Kiều Thi Ca! Người thọ trì đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật, ta chẳng nói họ chỉ được ngàn ấy công đức.

Này Kiều Thi Ca! Thiện nam thiện nữ thọ trì đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật chẳng rời tâm Nhứt thiết trí thì thành tựu vô lượng giới phẩm, thành tựu vô lượng định phẩm, huệ phẩm, giải thoát phẩm, giải thoát tri kiến phẩm. Phải biết người này như Phật. Tất cả giới phẩm, định phẩm, huệ phẩm, giải thoát phẩm, giải thoát tri

kiến phẩm của hàng Thanh văn Bích chi Phật đối với người này không bằng một phần trăm ngàn muôn ức nhân đến toán số thí dụ đều không bằng.

Này Kiều Thi Ca! Nếu có thiện nam thiện nữ biên chép thọ trì quyển kinh Bát nhã ba la mật rồi cúng dường tôn kính tôn trọng cũng được công đức trong đời này và đời sau.

Thiên Đế thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Tôi phải thường thủ hộ những thiện nam thiện nữ thọ trì đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật chẳng rời tâm Nhứt thiết trí cúng dường cung kính tôn trọng Bát nhã ba la mật”.

Đức Phật nói:

Này Kiều Thi Ca! Lúc thiện nam thiện nữ muốn đọc tụng giảng thuyết Bát nhã ba la mật, thì vô lượng trăm ngàn chư Thiên đều đến nghe pháp. Thiện nam thiện nữ giảng thuyết pháp Bát nhã ba la mật, thì chư Thiên giúp thêm đờm lực cho những người ấy. Các pháp sư ấy nếu mỗi một, nhờ chư Thiên giúp thêm đờm lực nên lại có thể giảng thuyết nữa. Thiện nam thiện nữ thọ trì đến chánh ức niệm cúng dường Bát nhã ba la mật, cũng được công đức hiện đời này.

Lại này Kiều Thi Ca! Thiện nam thiện nữ ấy ở giữa bốn bộ chúng, lúc giảng thuyết Bát nhã ba la

mật, lòng không khiếp nhược. Lúc bị luận nạn cũng không sợ sệt. Tại sao vậy? Vì thiện nam và thiện nữ ấy được sự hộ trì của Bát nhã ba la mật.

Trong Bát nhã ba la mật cũng phân biệt tất cả pháp, hoặc thế gian hay xuất thế gian, hoặc hữu lậu hay vô lậu, hoặc thiện hay bất thiện, hoặc hữu vi hay vô vi, hoặc pháp Thanh văn, pháp Bích chi Phật, pháp Bồ tát hay Phật pháp. Vì thiện nam thiện nữ ấy an trụ trong nội Không đến vô pháp hữu pháp Không, nên chẳng thấy có ai chướng nạn được Bát nhã ba la mật, cũng chẳng thấy người bị luận nạn, cũng chẳng thấy Bát nhã ba la mật. Thiện nam thiện nữ ấy được Bát nhã ba la mật ủng hộ, nên không ai nạn hoại được. Lúc thọ trì đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật, thiện nam thiện nữ ấy chẳng mất chẳng kinh chẳng sợ. Tại sao vậy? Vì thiện nam thiện nữ ấy chẳng thấy có pháp mất, chẳng thấy có pháp kinh sợ.

Này Kiều Thi Ca! Thiện nam thiện nữ thọ trì đến chánh ức niệm cúng dường Bát nhã ba la mật, lại được công đức đời hiện tại này.

Lại này Kiều Thi Ca! Thiện nam thiện nữ thọ trì đến chánh ức niệm biên chép cúng dường quyển kinh Bát nhã ba la mật, người này được cha mẹ yêu thương, thân tộc bạn bè kính mến,

được Sa môn Bà la môn kính nể, được chư Phật chư đại Bồ tát, chư Bích Chi Phật, chư A la hán đến chư Tu đà hoàn ái kính, tất cả thế gian chư Thiên, Ma, Phạm, A tu la cũng ái kính người này.

Người này thực hành Đàn na ba la mật, Đàn na ba la mật không lúc nào đoạn tuyệt. Thi la ba la mật đến Bát nhã ba la mật cũng như vậy, không lúc nào đoạn tuyệt.

Người này tu nội Không chẳng dứt, đến tu vô pháp hữu pháp Không chẳng dứt, tu tứ niệm xứ đến bát cộng pháp chẳng dứt, tu các môn tam muội chẳng dứt, tu các môn đà la ni chẳng dứt, tu những Bồ tát thần thông chẳng dứt, thành tựu chúng sanh thanh tịnh Phật độ chẳng dứt, nhân đến tu Nhứt thiết chủng trí chẳng dứt. Người này cũng có thể hàng phục kẻ luận nạn hủy báng.

Này Kiều Thi Ca! Thiện nam thiện nữ thọ trì đến cúng dường Bát nhã ba la mật cũng được công đức đời này đời sau như vậy.

Lại này Kiều Thi Ca! Tại chỗ ở của thiện nam thiện nữ biên chép quyển kinh, chư Thiên cõi trời Tứ Vương, Đạo Lợi nhân đến cõi trời Sắc Cứu Cánh, toàn thể chư Thiên trong cõi Đại thiên này và trong thế giới mười phương, những vị đã phát tâm Vô thượng Bồ đề, đều đến chỗ ấy để ra mắt

quyển Bát nhã ba la mật và thọ trì, đọc tụng, giảng thuyết, cúng dường, lễ lạy rồi trở về.

Ngoài ra những hàng Thiên, Long, Bát bộ trong cõi này và trong những thế giới mười phương cũng đều đến chỗ ấy để ra mắt quyển Bát nhã ba la mật và thọ trì, đọc tụng, giảng thuyết, cúng dường, lễ lạy rồi trở về.

Thiện nam thiện nữ này nghĩ rằng: Chư Thiên cùng Bát bộ thần trong cõi này và trong những thế giới mười phương đều đến ra mắt quyển Bát nhã ba la mật và thọ trì, đọc tụng, giảng thuyết, cúng dường, lễ bái, như thế thì tôi đã ban bố pháp thí rồi.

Này Kiều Thi Ca! Chư Thiên trong cõi Đại thiên cùng chư Thiên trong những thế giới mười phương, từ trời Tứ Vương đến trời Sắc Cứu Cánh, những vị đã phát tâm Vô thượng Bồ đề, đều ủng hộ các thiện nam thiện nữ này, làm cho những kẻ ác những việc ác không xâm hại được. Ngoại trừ đời trước của người ấy có trọng tội.

Này Kiều Thi Ca! Các thiện nam thiện nữ này cũng được công đức đời hiện tại. Những Thiên tử đã phát tâm Vô thượng Bồ đề đều đến chỗ ở của người này. Tại sao vậy? Vì những Thiên tử đã phát tâm Vô thượng Bồ đề đều muốn cứu hộ tất

cả chúng sanh, chẳng bỏ tất cả chúng sanh, muốn an lạc tất cả chúng sanh vậy.

Thiên Đế thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Các thiện nam thiện nữ này làm sao biết được chư Thiên trong thế giới này cùng chư Thiên trong những thế giới ở mười phương đều ra mắt Bát Nhã ba la mật để thọ trì, đọc tụng, giảng nói, cúng dường, lễ lạy?”.

Đức Phật nói:

Này Kiều Thi Ca! Nếu có thiện nam thiện nữ thấy quang minh thanh tịnh lớn, thì biết chắc là lúc có chư Thiên đến ra mắt Bát Nhã ba la mật để thọ trì, đọc tụng, giảng thuyết, cúng dường, lễ lạy. Lại nếu các thiện nam thiện nữ nghe mùi hương lạ vi diệu, cũng biết chắc là lúc có chư Thiên đến ra mắt Bát Nhã ba la mật để thọ trì, đọc tụng, giảng thuyết, cúng dường, lễ lạy.

Lại này Kiều Thi Ca! Vì các thiện nam thiện nữ công hạnh tịnh khiết, nên chư Thiên đến ra mắt Bát Nhã ba la mật để thọ trì, đọc tụng, giảng thuyết, cúng dường, hoan hỷ lễ lạy. Trong chỗ đó nếu có hàng tiểu quý liền tức thì đi ra, vì họ chẳng kham nổi oai đức lớn của chư Thiên.

Do hàng Đại đức chư Thiên đến, nên thiện nam thiện nữ này phát đại tâm. Vì thế nên chỗ

nào có Bát nhã ba la mật, thì bốn phía phải sạch sẽ. Phải thắp đèn đốt hương thơm, rải những hoa đẹp, dầu thơm rưới đất, nghiêm sức với những bửu cái tràng phan.

Lúc thuyết pháp, các thiện nam thiện nữ này trọn không mỏi mệt, tự cảm thấy thân thể tho thới, tâm thần an vui. Đứng pháp nằm nghỉ, an ổn không ác mộng. Trong giấc mơ thấy Phật ba mươi hai tướng tốt, tám mươi tùy hình hảo. Chúng Tỳ kheo cung kính vây quanh. Đức Phật vì chư Tăng mà thuyết pháp.

Các thiện nam thiện nữ này nghe và lãnh thọ giáo pháp. Những là lục ba la mật, tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng. Cũng phân biệt nghĩa của lục ba la mật đến nghĩa của pháp bất cộng.

Trong giấc mơ, các thiện nam thiện nữ này cũng thấy cây Bồ đề trang nghiêm rất đẹp. Thấy chư Bồ tát đến cội cây Bồ đề thành Đẳng Chánh Giác, chuyển pháp luân. Cũng thấy trăm ngàn muôn Bồ tát đồng kết tập chánh pháp, luận nghị rằng: Phải cầu Như thị thiết trí như vậy, phải thành tựu chúng sanh như vậy, phải tịnh Phật quốc độ như vậy. Cũng thấy mười phương vô số trăm ngàn muôn ức chư Phật. Cũng nghe danh hiệu của chư Phật ấy ở phương nào nước nào, hiệu là

gì, có bao nhiêu Bồ tát, có bao nhiêu Thanh văn vây quanh cung kính đức Phật ấy vì đại chúng mà thuyết pháp. Lại thấy mười phương vô số trăm ngàn muôn ức chư Phật nhập Niết bàn. Lại thấy vô số trăm ngàn muôn ức tháp thất bửu của chư Phật. Lại thấy cúng dường bửu tháp với những hương hoa nhĩn đến phan lọng cung kính tôn trọng tán thán.

Này Kiều Thi Ca! Các thiện nam thiện nữ này chiêm bao thấy những cảnh lành như vậy, nên lúc ngủ yên lúc thức cũng yên. Chư Thiên giúp thêm khí lực, nên người này tự cảm thấy thân thể nhẹ nhàng, chẳng quá ham những đồ uống ăn, y phục, đồ nằm, thuốc men. Đối với tứ sự cúng dường, lòng người này phớt nhẹ. Như Tỳ kheo tọa thiền, sau khi xuất thiền định, tâm hiệp với thiền định, chẳng ham uống ăn, tâm họ phớt nhẹ. Tại sao vậy? Vì chư Thiên tự nhiên dùng tinh chất của món ăn để thêm khí lực cho người này. Mười phương chư Phật và hàng Thiên, Long, Quỷ thần, A tu la, Càn thát bà, Ca lâu na, Khẩn na la, Ma hầu la già cũng giúp thêm khí lực cho người này.

Này Kiều Thi Ca! Vì thế nên các thiện nam thiện nữ muốn được công đức đời hiện tại như vậy, thì phải thọ trì, thân cận, đọc tụng, giảng thuyết, chánh ức niệm Bát nhã ba la mật, cũng

chẳng rời tâm Nhứt thiết trí. Nếu không thể thọ trì đến chánh ức niệm, các thiện nam thiện nữ phải biên chép quyển kinh rồi cung kính tôn trọng tán thán cúng dường hoa hương anh lạc tràng phan bửu cái.

Này Kiều Thi Ca! Nếu các thiện nam thiện nữ nghe Bát nhã ba la mật này rồi thọ trì, đọc tụng, giảng thuyết, chánh ức niệm, biên chép quyển kinh, cung kính tôn trọng tán thán, cúng dường hoa hương anh lạc, phan cái, thì công đức rất nhiều, hơn công đức tứ sự cúng dường mười phương chư Phật và hàng đệ tử, cùng xây tháp bảy báu sau khi chư Phật và đệ tử nhập Niết bàn.

*

MỤC LỤC

<i>Ban chứng minh</i>	5
<i>Ban cố vấn</i>	7
<i>Ban biên tập - Ban thực hiện</i>	9
<i>Tán dương công đức</i>	11
<i>Lời khai bạch</i>	13
<i>Tiểu sử HT. Thích Trí Tịnh</i>	17
▪ PHẨM TỰ - THỨ NHỨT	31
▪ PHẨM PHỤNG BÁT - THỨ HAI	53
▪ PHẨM TU TẬP ĐÚNG - THỨ BA	57
▪ PHẨM VĨNG SANH - THỨ TƯ	75
▪ PHẨM TÁN THÁN BA-LA-MẬT - THỨ NĂM	101
▪ PHẨM TƯỚNG LƯỖI - THỨ SÁU	105
▪ PHẨM TAM GIẢ - THỨ BẢY	109
▪ PHẨM KHUYẾN HỌC - THỨ TÁM	121
▪ PHẨM TẬP TÁN - THỨ CHÍN	131
▪ PHẨM HÀNH TƯỚNG - THỨ MƯỜI	145
▪ PHẨM ẢO HỌC - THỨ MƯỜI MỘT	159
▪ PHẨM CÚ NGHĨA - THỨ MƯỜI HAI	169
▪ PHẨM KIM CANG - THỨ MƯỜI BA	177
▪ PHẨM ĐOẠN CHƯ KIẾN - THỨ MƯỜI BỐN	183
▪ PHẨM PHÚ-LÂU-NA - THỨ MƯỜI LĂM	189
▪ PHẨM THỪA ĐẠI THỪA - THỨ MƯỜI SÁU	203
▪ PHẨM TRANG NGHIÊM - THỨ MƯỜI BẢY	207
▪ PHẨM VẤN THỪA - THỨ MƯỜI TÁM	219
▪ PHẨM QUẢNG THỪA - THỨ MƯỜI CHÍN	249
▪ PHẨM PHÁT THỨ - THỨ HAI MƯỜI	267
▪ PHẨM XUẤT ĐÁO - THỨ HAI MƯỜI MỘT	285

▪ PHÂM THẮNG XUẤT - THỨ HAI MƯƠI HAI.....	293
▪ PHÂM ĐĂNG KHÔNG - THỨ HAI MƯƠI BA	301
▪ PHÂM HỘI TÔNG - THỨ HAI MƯƠI BỐN.....	315
▪ PHÂM THẬP VÔ - THỨ HAI MƯƠI LĂM.....	319
▪ PHÂM VÔ SANH - THỨ HAI MƯƠI SÁU	337
▪ PHÂM THIÊN VƯƠNG - THỨ HAI MƯƠI BẢY.....	353
▪ PHÂM ẢO NHƠN THÍNH PHÁP - THỨ HAI MƯƠI TÁM.....	367
▪ PHÂM TÁN HOA - THỨ HAI MƯƠI CHÍN	373
▪ PHÂM TAM THÁN - THỨ BA MƯƠI	389
▪ PHÂM DIỆT TRÁNH - THỨ BA MƯƠI MỐT	397
▪ PHÂM BỬU PHÁP ĐẠI MINH - THỨ BA MƯƠI HAI	407
▪ PHÂM THUẬT THÀNH - THỨ BA MƯƠI BA.....	421
▪ PHÂM KHUYẾN TRÌ - THỨ BA MƯƠI BỐN.....	425
▪ PHÂM KHIỂN TRỪ MA NGOẠI - THỨ BA MƯƠI LĂM	431
▪ PHÂM TÔN ĐẠO - THỨ BA MƯƠI SÁU.....	437

*



TRÍ TỊNH TOÀN TẬP

KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

Hán dịch: **Pháp sư Cưu-ma-la-thập**

Việt dịch: **HT. Thích Trí Tịnh**

(Trọn bộ 3 quyển – Quyển 1)

Chịu trách nhiệm xuất bản:

VŨ VĂN HỢP

Biên tập:

Hồ Minh Trí

Trình bày:

Ban Văn hóa chùa Hoàng Pháp

Đơn vị liên kết:

Chùa Hoàng Pháp, Hóc Môn, Tp. HCM

In 1000 quyển, khổ 19x26cm, tại Xí nghiệp in Fahasa, 774 Trường Chinh, Q. Tân Bình, Tp. HCM. Giấy đăng ký KHXB số: 130-2012/CXB/05/01-08/TĐ. Quyết định XB số: 166/QĐ-NXBTĐ/CN88 cấp ngày 28-12-2012. In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2013.